

## **NHÂN HOÀ**

### **● TRUNG-TÂY HỢP BÍCH:**

#### **MÔ THỨC NHU CẦU NGŨ HÀNH**

- **NHÂN HOÀ: ĐIỀU TIẾT NHU CẦU CỦA CON NGƯỜI**
  - ▲ Môn học chung cho toàn cầu
  - ▲ Định nghĩa của hành vi
  - ▲ Quy luật hành vi cá thể
  - ▲ Ý nghĩa của quy luật hành vi cá thể đối với nhân hoà
  - ▲ Nhân hoà là sự điều tiết nhu cầu của con người
- **MÔ THỨC NHU CẦU NGŨ HÀNH**
  - ▲ Thuyết của Maslow: Người ta cần...
  - ▲ Gợi ý của Trung y học
  - ▲ Ý tưởng về kết cấu nhu cầu ngũ hành

### **● XƯA DÙNG CHO NAY :**

#### **NGUYÊN LÝ NGŨ HÀNH VỚI NHÂN HOÀ**

- **NGUYÊN LÝ TƯƠNG SINH**
  - ▲ Thổ sinh kim. Ở đây không có ba trăm lạng bạc
  - ▲ Kim sinh thủy, liên ngô kháng tào
  - ▲ Thủy sinh mộc. Khẩu chiến đánh bại các nho sĩ
  - ▲ Mộc sinh hỏa. Napoleon giáng thế
  - ▲ Hỏa sinh thổ. Hình tượng Trụ vương
- **NGUYÊN LÝ TƯƠNG KHẮC**
  - ▲ Thổ khắc thủy. Mạnh Thường Quân nuôi kẻ sĩ
  - ▲ Thủy khắc hỏa, Anh hùng không qua nổi cửa ải mỹ nhân
  - ▲ Hỏa khắc kim. Những người tự sát để thành nhân
  - ▲ Kim khắc mộc. Kẻ phản bội bị đánh đổ
  - ▲ Mộc khắc thổ. Quân tử không ăn của bố thí
- **NGUYÊN LÝ CHẾ HOÁ**
  - ▲ Mộc khắc thổ - Thổ sinh kim - Kim khắc mộc
  - ▲ Hỏa khắc kim - Kim sinh thủy - Thủy khắc hỏa
  - ▲ Thổ khắc thủy - Thủy sinh mộc - Mộc khắc thổ
  - ▲ Kim khắc mộc - Mộc sinh hỏa - Hỏa khắc kim
  - ▲ Thủy khắc hỏa - Hỏa sinh thổ - Thổ khắc thủy
- **NGUYÊN LÝ THỪA THẮNG VÀ HẠ NHỤC**
- **NGUYÊN LÝ BỔ TÁ**

### **● AM HIỂU ÂM DƯƠNG:**

#### **ĐIỀU HÒA TỨC LÀ NHÂN HOÀ**

- **HỌC THUYẾT ÂM DƯƠNG**
  - ▲ Một âm, một dương gọi là đạo
  - ▲ Sự đối lập lẫn nhau của âm dương
  - ▲ Sự nương tựa lẫn nhau của hai mặt âm dương
  - ▲ Sự tiêu giảm, tăng trưởng lẫn nhau của âm dương
  - ▲ Sự chuyển hoá lẫn nhau của âm dương
  - ▲ Sự cân bằng âm dương
  - ▲ Ý nghĩa ứng dụng lý luận âm dương

- NGUYÊN TẮC ĐIỀU HOÀ
  - ▲ Nguyên tắc tìm gốc chữa bệnh
  - ▲ Nguyên tắc tiêu, bản của sự hoãn, cấp
  - ▲ Nguyên tắc chính trị, phản trị
  - ▲ Nguyên tắc cân bằng
  - ▲ Nguyên tắc tùy cơ

## ● THẨM BIỆN NGŨ HÀNH:

### SỰ NẮM VỮNG MÔ THỨC

- THỔ THÌ PHẢI BIỆN LUẬN THỔ CHẤT DÀY HAY MỎNG
  - ▲ Thổ nặng, thủy ít thì thổ dày
  - ▲ Thổ nhẹ, mộc nặng là thổ mỏng manh
  - ▲ Hỏa nhiều thì thổ bị đốt cháy
  - ▲ Kim nhiều thì thổ yếu
- KIM THÌ PHẢI BÀN ĐẾN CHẤT KIM GIÀ HAY NON
  - ▲ Kim nhiều, thổ dày là kim già
  - ▲ Mộc nặng, kim nhẹ là chất kim non
  - ▲ Thổ nhiều thì kim bị vùi lấp
  - ▲ Thủy nhiều thì kim chìm
  - ▲ Hỏa mạnh kim bị tổn thương
- THỦY THÌ PHẢI PHÂN BIỆT THỂ THỦY MẠNH HAY YẾU
  - ▲ Thủy nhiều, kim nặng là thể thủy mạnh
  - ▲ Thủy ít, thổ nhiều là thể thủy yếu
  - ▲ Kim nhiều thì thủy đục
  - ▲ Hỏa nhiều thì thủy bị đốt khô
  - ▲ Mộc nhiều, thủy bị co lại
- MỘC THÌ PHẢI XEM THỂ MỘC THỊNH HAY SUY
  - ▲ Mộc nặng, thủy nhiều là mộc thịnh
  - ▲ Mộc gãy, kim cứng là mộc suy
  - ▲ Thủy thịnh thì mộc bị trôi dạt
  - ▲ Thổ nặng thì mộc yếu
  - ▲ Hỏa nhiều thì mộc bị đốt cháy
- HỎA THÌ PHẢI XEM HỎA LỰC THỪA HAY THIẾU
  - ▲ Hỏa mạnh, mộc nhiều là hỏa thừa
  - ▲ Hỏa yếu, thủy vượng là hỏa không đủ
  - ▲ Mộc nhiều thì hỏa mạnh
  - ▲ Kim nhiều thì hỏa bị tắt
  - ▲ Thổ nhiều thì hỏa tối

## ● VẬN TRỪ THẦN CƠ:

### THU ĐƯỢC NHÂN HOÀ

- GIÁNG NHÂN THUẬT
  - ▲ Kế bắt, thả của Khổng Minh
  - ▲ Kế Trương Phi thả Nghiêm Nhan
  - ▲ Kế hậu đãi Trương Tùng của Lưu Bị
  - ▲ Kế vỗ về an dân của Cung Toại
  - ▲ Kế làm cho cha cảm phục của Tào Duệ
  - ▲ Kế thành tâm cảm kích của Quách Tử Nghĩa
  - ▲ Kế dốc túi của Lã Bất Vi
  - ▲ Kế an lòng của Tần Doanh Chính
  - ▲ Kế rút binh quyền của Tống Thái Tổ
  - ▲ Kế tử tiết của Văn Thiên Tường

- ▲ Kể chứng tỏ thể diện của Triệu Khuông Dẫn
- ▲ Kể tự biện của Phùng Sứ Phụ
- ▲ Kể Trương Lương đập tắt làm phản
- TRỪNG NHÂN THUẬT
  - ▲ Kể Hoa Nguyên bức hoà
  - ▲ Kể Triệu Khuông dẫn chặt mũ
  - ▲ Kể Vương An Thạch bắt trả giường
  - ▲ Kể hỏi về hình phạt của Lai Tuấn Thần
  - ▲ Kể cứu đói của Quản Trọng
  - ▲ Kể Ngô Khởi ôm thi hài
  - ▲ Kể dùng bài ca cảm hoá của Ưu Mạnh
  - ▲ Kể trộn mực của Lý Dịch
  - ▲ Kể hiến bảo vật của Chu Văn vương
  - ▲ Kể chúc mừng của Cam Mậu
  - ▲ Kể bịt mũi của Trịnh Tự
  - ▲ Kể thi lễ của Trương Phi
- CHẾ NHÂN THUẬT
  - ▲ Kể dời đô của Hiếu Văn đế
  - ▲ Kể đánh cờ của tuyển thủ nhỏ tuổi
  - ▲ Kể mỹ nhân của Vương Doãn
  - ▲ Kể Tào Tháo rút quân
  - ▲ Kể trả thi hài của Ninh Việt
  - ▲ Kể ly gián của Điền Đan
  - ▲ Kể bỏ trống thành của Trương Thủ Quế
  - ▲ Kể tương kế tựu kế của Giả Hủ
  - ▲ Kể đi cửa sau của Gia Cát Lượng
- PHỤNG NHÂN THUẬT
  - ▲ Kể dâng cơm của Hi Phụ Kì
  - ▲ Kể luộc thóc của Văn Chung
  - ▲ Kể tích trữ thóc của Quản Trọng
  - ▲ Kể giam lỏng của Chu Du
  - ▲ Kể dùng thư để vổ về của Trương Lương
  - ▲ Kể đòi nợ của Lâm Tắc Từ
  - ▲ Kể cung kính của Từ Bì
  - ▲ Kể đi săn của Đường Kiệt
  - ▲ Kể thoát y của Ngô Húc
  - ▲ Kể tùy tùng của Vương Đạo
  - ▲ Kể chúc mừng đài của Khổng Tử
  - ▲ Kể hỏi chuyện về con chim của Thân Vô Úy
  - ▲ Kể từ chức của Phạm Lãi
  - ▲ Kể Gia Cát Lượng mượn Kinh Châu
- KÍCH NHÂN THUẬT
  - ▲ Kể Khổng Minh kích Chu Du
  - ▲ Kể giúp phục chức của Bằng Hoan
  - ▲ Kể đốt thuyền của Mạnh Minh
  - ▲ Kể kích tướng của Khổng Minh
  - ▲ Kể say rượu của Trương Phi
  - ▲ Kể khích đánh của Tôn Khoái
  - ▲ Kể cung kính con cóc của Câu Tiễn
  - ▲ Kể tạo uy của Cung Tha
  - ▲ Kể cắt cơn khát của Tào Tháo
  - ▲ Kể sau lưng là sông nước của Hàn Tín

## • NÉM GẠCH DẪN NGỌC

## **MÔ THỨC THAM KHẢO**

### **□ NHU CẦU NGŨ HÀNH SINH LÝ**

- ▲ Nhu cầu ngũ hành tạng phủ
- ▲ Nhu cầu ngũ hành với âm thanh, màu sắc, mạch, khí, lao
- ▲ Nhu cầu ngũ hành và tính tình
- ▲ Vượng, tướng, hưu, tù, tử với nhu cầu ngũ hành
- ▲ Tứ thời với nhu cầu ngũ hành

# NHÂN HÒA

## ● TRUNG-TÂY HỢP BÍCH:

### MÔ THỨC NHU CẦU NGŨ HÀNH

#### □ NHÂN HOÀ: ĐIỀU TIẾT NHU CẦU CỦA CON NGƯỜI

##### ▲ Môn học chung cho toàn cầu

Thông qua vô số văn tự để lại, cái mà chúng ta biết được nhiều nhất là con người đã làm những gì. Nhưng đồng thời với vấn đề đó chúng ta cũng đề ra một câu hỏi lớn là: vì sao họ lại làm như thế?

Trước khi bàn về làm thế nào để đạt được mục đích nhân hoà, chúng ta hãy làm sáng tỏ câu hỏi trên.

Năm 1949, trường Đại học Sicagô Mỹ đã tiến hành một cuộc Hội thảo khoa học. Trung tâm của cuộc Hội thảo là thảo luận dùng những kiến thức khoa học hiện có để tìm ra quy luật hành vi của con người. Hội thảo còn đi đến một quyết nghị nổi tiếng là thành lập môn khoa học có tính tổng hợp, có tên là “Khoa học hành vi”.

Bắt đầu từ đó có rất nhiều nhóm các nhà khoa học, các nhà quản lý rất nổi tiếng mà đứng đầu là những nhà tâm lý học, được thành lập và bắt tay vào một loạt công tác nghiên cứu về vấn đề trên. Cho đến nay tri thức và phương pháp của khoa học hành vi đã được ứng dụng rất rộng rãi vào những ngành khoa học và lĩnh vực chuyên môn khác nhau có liên quan đến hoạt động của con người. Ví dụ như các lĩnh vực: xí nghiệp, công tác nhà nước, pháp luật, các mối quan hệ công cộng, thi công công trình v.v...

Đặc biệt trong lĩnh vực quản lý những ứng dụng thực tế của khoa học hành vi đã làm thay đổi rất to lớn quan niệm quản lý truyền thống xưa, làm cho hạt nhân quản lý hiện đại từ chỗ là quản lý “người và sự vật” chuyển sang thành quản lý “hành vi của con người”. Lý luận quản lý hành vi do đó mà đẩy lên một luồng gió lan khắp toàn cầu.

Khoa học hành vi vận dụng lý luận cơ bản của tâm lý học, xã hội học, xã hội tâm lý học và nhân loại học, chuyên nghiên cứu về quy luật hành vi

của con người trong một tập đoàn xã hội, hoặc trong sự nghiệp bản thân người đó nhằm đạt được sự khống chế có hiệu quả và dự đoán được hành vi của con người để thực hiện một mục đích chính trị, kinh tế, văn hoá nhất định.

Do đó đối tượng của khoa học hành vi nghiên cứu là:

1. Nguyên nhân sản sinh hành vi và quy luật biến đổi phát triển động cơ hành vi của con người. Mục đích là để điều động tích cực của con người một cách có hiệu quả, thúc đẩy sự nỗ lực của con người hướng vào thực hiện mục tiêu.

2. Nghiên cứu mối quan hệ giữa con người, như mối quan hệ giữa cá nhân với cá nhân, giữa cá nhân với tập thể và giữa tập thể với tập thể. Mục đích là tạo nên một môi trường làm việc tốt đẹp.

Công tác nghiên cứu khoa học hành vi không ngừng phát triển khiến cho nó trở thành một trong những khoa học hạt nhân không thể thiếu được trong lĩnh vực quản lý ngày nay. Từ trong khoa học hành vi chúng ta có thể tìm thấy lời giải đáp cho câu hỏi: Vì sao anh ta lại làm như thế?

### ▲ Định nghĩa của hành vi

Bắt đầu từ đây chúng ta sẽ luôn sử dụng đến khái niệm “hành vi”. Trước hết chúng ta giải thích về -định nghĩa của hành vi.

Hành vi là chỉ sự hoạt động có mục đích của con người, tức hành vi là tên gọi chung cho tất cả mọi hành động biểu hiện ra trong cuộc sống thường ngày của con người.

Các nhà tâm lý học cho rằng hành vi được bắt nguồn từ sự bức xạ thần kinh não, hình thành trạng thái tinh thần gọi là ý thức. Từ ý thức biểu hiện thành động tác tức là hình thành hành vi của con người.

Hành vi của con người, do bản thân, thời gian, sự việc, sự vật thay đổi nên cũng thay đổi khác nhau. Song điều đó không có nghĩa hành vi là một cái gì không thể nắm bắt, đánh giá được. Vứt bỏ hiện tượng bề ngoài của hành vi con người, chúng ta có thể tìm được mấy đặc tính chung dưới đây:

**1) Tính tự phát:** Hành vi của con người là tự động, tự phát, chứ không phải là bị động. Sự vật ngoại giới chỉ có thể ảnh hưởng, thậm chí làm thay

đổi hành vi của con người, nhưng không thể dẫn đến hành vi của con người.

**2) Tính nguyên nhân khởi đầu:** Bất cứ một hành vi nào được sản sinh ra đều có nguyên nhân cụ thể của nó.

**3) Tính mục đích:** Hành vi của con người không phải là mù quáng. Nó không những có nguyên nhân khởi nguồn mà còn có mục tiêu nhất định. Có thể người bên cạnh thấy hành vi đó không hợp lý, nhưng bản thân người hành động lại thấy hành vi đó phù hợp với mục tiêu của mình.

**4) Tính duy trì kéo dài:** Hành vi luôn hướng đến mục tiêu, nhưng trước khi mục tiêu chưa được thực hiện thì nói chung hành vi không tự động ngừng lại, mà luôn cố gắng vươn lên để đạt được mục tiêu.

**5) Tính thay đổi:** Hành vi có thể thay đổi do sự tác động của các nhân tố hoàn cảnh hay sự thay đổi mục tiêu.

Năm đặc tính chung trên đây của hành vi chứng tỏ hành vi của con người là do nhu cầu của họ bị kích thích mà sản sinh ra. Nó biểu hiện: tư tưởng, tình cảm và bản năng của con người trong hành động thực tế. Song hành vi của con người không những liên quan với trạng thái ý muốn của cá nhân mà còn liên quan đến môi trường trong điều kiện cụ thể đó. Vì các điều kiện như thời gian, địa điểm khác nhau nên trong xã hội có những hành vi khác nhau được sản sinh ra.

Nhà tâm lý học Đức là Abraham Maslow đã đưa khái niệm “tù trường” trong vật lý vào tâm lý học, do đó ông đã rút ra lý luận sau: Tâm lý và hành vi của con người được quyết định bởi tác dụng tương hỗ giữa nhu cầu nội tại với môi trường xung quanh. Khi nhu cầu của con người chưa được thỏa mãn thì sẽ sản sinh ra sức căng trong trường lực nội tại và các nhân tố môi trường xung quanh gây tác dụng châm ngòi. Hướng hành vi của con người được quyết định bởi trường lực nội tại và sự tác dụng tương hỗ của các trường lực (nhân tố hoàn cảnh) chung quanh. Trong đó nhân tố quyết định nhất là sức căng của trường lực nội tại.

Dựa theo lý luận “trường” đó, ông Mallow đã khái quát được công thức hành vi nổi tiếng như sau:

$$B = f(PE)$$



Trong đó: B: là hành vi

P: là nhu cầu cá nhân (tức nhu cầu tâm lý nội tại).

E: là hoàn cảnh khách quan đã ảnh hưởng hoàn cảnh ngoại giới).

f: là ký hiệu hàm số.

Công thức này nói rõ hành vi B của con người là hàm số của nhu cầu P (nhân tố nội tại) và hoàn cảnh E lúc đó.

Trong thực tế, hành vi của con người luôn là tự phản ứng tổng hợp của nhân tố chủ quan và nhân tố khách quan. Tức là kết quả tác dụng tương hỗ giữa bản thân và hoàn cảnh. Do đó hành vi sản sinh ra, có cái hợp lý có cái không hợp lý, có hành vi chính xác và cũng có hành vi không chính xác. Hành vi hợp lý thì có lợi cho đạt được mục tiêu. Ngược lại là không lợi cho thành công. Vì vậy những hành vi có lợi nên được tăng cường, những hành vi không lợi nên được giảm yếu, hoặc chuyển hoá.

Chính vì lẽ đó, việc nghiên cứu hành vi của con người đối với mục đích đạt đến nhân hòa của chúng ta trở thành môn khoa học vô cùng có giá trị. Dưới đây chúng tôi sẽ bàn đến quy luật hành vi của cá thể, đồng thời từ đó mà phát hiện ra những quy luật có ích đối với chúng ta.

### **▲ Quy luật hành vi cá thể**

Định nghĩa của quy luật hành vi cá thể là: Mỗi người vốn có quy luật hành vi chung của con người.

Các nhà khoa học hành vi trên cơ sở nghiên cứu đã phát hiện thấy rằng: vì động cơ, mục tiêu và cảm nhận của mỗi người khác nhau, nên hành vi của con người cũng khác nhau. Song, trong sự khác biệt muôn màu muôn vẻ đó các nhà khoa học cũng tìm thấy một số điểm chung. Ví dụ:

1) Hành vi của con người là có mục đích, tức là có mục tiêu, có cách hiểu, có nguyện vọng, yêu cầu khác nhau.

2) Hành vi của con người là có nguyên nhân dẫn đến, tức sự kích thích của hoàn cảnh, sự thúc đẩy của động cơ chủ quan gây nên.

3) Hành vi của con người được đại não ra lệnh chi phối.

4) Hành vi của con người tùy theo sự tác dụng giữa ngoại giới và áp lực nội tại mà có sự thay đổi. Tức là do những nhân tố không tốt trong cuộc sống thường ngày như: nghịch cảnh, bệnh tật, khó khăn, trở lực, v.v... tác động vào mà thay đổi.

Các nhà khoa học nghiên cứu sâu thêm và nhận thấy rằng: nhu cầu của con người được quyết định bởi động cơ, động cơ lại chi phối hành vi, hành vi hướng tới mục tiêu bản thân đã định sẵn. Khi một mục tiêu nào đó được hoàn thành, tức là nhu cầu đó đã được thỏa mãn thì lại sản sinh ra nhu cầu mới, động cơ mới, hành vi mới để đạt được mục tiêu mới. Đó là quy luật hành vi cá thể của con người.

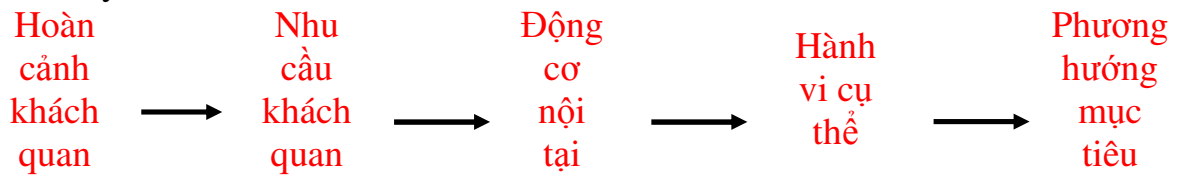
Ví dụ: Một học sinh trung học, giả thiết là học sinh lớp 9. Tất cả những hoạt động học tập ở trường của anh ta đều xuất phát từ nhu cầu được lên cấp 3. Nhu cầu lên cấp 3 này khiến anh ta sản sinh ra động cơ nội tại, ví dụ như phải thi vào trường trọng điểm. Với sự thúc đẩy của động cơ này, anh ta sẽ tự giác, tích cực tham gia những hoạt động học tập có liên quan với lên cấp 3 như tích cực tự học, học phụ đạo, mua tài liệu tham khảo... Tất cả những hành vi học tập này, những nỗ lực không mệt mỏi này đều là vì mục đích thi vào trường trọng điểm. Giả thiết anh ta học tập rất công phu, thì nguyện vọng sẽ đạt được. Lúc đó lại sản sinh ra nhu cầu mới, tức là muốn thi vào đại học. Vì thế anh ta lại bước vào một cuộc vật lộn mới.

Một học sinh phổ thông trung học là như thế, một công nhân, nông dân, cán bộ nghiên cứu, v.v... đều không ngừng cố gắng để luôn luôn nâng cao bản thân mình. Con người trong vòng liên hoàn khó nhìn rõ đó đã không ngừng phát triển, trưởng thành, hạnh phúc, đau khổ, vui mừng, lo lắng cho mãi đến khi anh ta từ biệt thế giới này.

Song ở đây có một điều cần chỉ rõ là sự phát sinh và phát triển nhu cầu và hành vi của con người luôn luôn gắn chặt với tác dụng và ảnh hưởng của môi trường xung quanh. Hoàn cảnh khách quan là nguyên nhân bên ngoài của sự phát triển sự vật, là điều kiện bên ngoài quyết định hành vi của con người. Nhưng đối với hành vi của con người, hoàn cảnh khách quan thực ra không tác dụng một cách trực tiếp mà thường tác dụng thông qua nhu cầu chủ quan của mỗi người. Nhu cầu chủ quan quyết định động cơ nội tại, tức là nói hành vi của con người là do động cơ con người quyết định.

Để miêu tả rõ vấn đề này, chúng tôi dùng sơ đồ hệ thống tuần hoàn

dưới đây để biểu thị.



### ▲ Ý nghĩa của quy luật hành vi cá thể đối với nhân hoà

Bây giờ chúng ta cần làm rõ định nghĩa và chức năng của các khâu trong sơ đồ trên, và ý nghĩa của nó đối với nhân hoà.

#### HOÀN CẢNH KHÁCH QUAN

Hoàn cảnh khách quan là thế giới bên ngoài của bản thân con người, tức là hoàn cảnh tự nhiên và xã hội.

##### A - Hoàn cảnh tự nhiên

Con người sinh tồn và phát triển dựa trên những điều kiện vật chất nhất định. Những điều kiện này là thế giới tự nhiên. Nhu cầu muôn màu, muôn vẻ của con người đều chịu ảnh hưởng và tác động của sự vận động và phát triển của tự nhiên. Vạn sự, vạn vật trong thế giới tự nhiên này đều không ngừng biến đổi và phát triển theo quy luật khách quan riêng của nó, vô cùng phức tạp, thiên biến vạn hoá. Con người sống trong thế giới tự nhiên đó sẽ nhận được ân huệ bảo hộ của tự nhiên nhưng cũng chịu sự uy hiếp, tàn phá của nó. Do đó ý chí của tự nhiên sẽ tác động, ảnh hưởng đến ý chí của mỗi con người.

Ví dụ: con người liên tục khai thác không khí, ánh sáng, nước, lương thực, v.v... trong tự nhiên để duy trì sự tồn tại và phát triển của mình. Sự khai thác này không thể chỉ được hiểu một cách đơn giản là có tính bị động, tiêu cực, cầu xin, đáng thương mà chủ yếu là chủ động, tích cực đấu tranh thậm chí phải trả giá bi tráng. Lúc gặp lũ lụt, động đất, mưa đá, gió lốc, hạn hán ập đến thì con người bắt buộc phải dùng những biện pháp cần thiết để đấu tranh với thiên tai, bảo vệ và giành lại tất cả những gì đã mất đi hoặc sắp mất đi.

##### B - Hoàn cảnh xã hội

Để sinh tồn và phát triển, con người phải cố kết với nhau thành những tập thể vững mạnh, đó là xã hội. Sự sản sinh và tồn tại của xã hội là để đáp ứng nhu cầu cải tạo tự nhiên. Do đó con người trên cơ sở nhu cầu thích ứng với tự nhiên, tất phải thích ứng với nhu cầu của xã hội. Nhu cầu của con người cũng sẽ chịu ảnh hưởng và tác động của sự vận động và phát triển của xã hội.

Ví dụ: các mối quan hệ như quan hệ sản xuất, quan hệ giao tiếp, luân lý đạo đức, pháp luật, chính trị, giai cấp, kinh tế, v.v... những mối quan hệ này từ các mặt khác nhau, các góc độ khác nhau mà quy định và khống chế nhu cầu, hành vi của con người.

Chúng sống với con người không chỉ có bản năng hành vi của bản thân mà còn có các hành vi xã hội. Xã hội cung cấp cho mỗi người môi trường sống và cố gắng đưa lại cho mỗi người cơ hội sử dụng và phát triển các mối quan hệ.

Vì trong xã hội mỗi người đều tiếp thu tất cả những gì mà xã hội đưa lại, cho nên họ cũng chịu sự ràng buộc của xã hội. Về nội dung, phương thức và phương pháp, tiêu chuẩn đánh giá, v.v... đều mang đầy dấu ấn sự ràng buộc của xã hội đối với con người.

Sự ràng buộc của xã hội về hành vi giao tiếp vừa có mặt có lợi, vừa có mặt không lợi cho con người. Mặt có lợi có thể khiến cho người giao tiếp có khả năng giao tiếp và đạt được những thành công trong giao tiếp. Mặt không lợi là con người có thể bị giết chết do những hành vi giao tiếp có giá trị. Như ta đã biết, Tỉ Can của nhà Thương chính vì khuyên Trụ vương không được làm những điều tàn bạo mà đã bị Trụ vương giết chết. Vì thế mà nói: sự nhận thức đầy đủ hoàn cảnh xã hội sẽ có ý nghĩa biết bao đối với hành vi giao tiếp. Có thể nói người biết thời thế là bậc tuấn kiệt.

## NHU CẦU CHỦ QUAN

Trong các sách tâm lý học nhu cầu được giải thích là: thực hiện sự phản ánh trong não bộ của con người, tức là con người có khát vọng và mong muốn đối với một mục tiêu nào đó.

“Lòng tham vô đáy” - câu thành ngữ đó nói ra chân tướng nhu cầu (dục vọng) của con người. Nhu cầu của con người là muôn màu, muôn vẻ. Ví dụ, người ta có những nhu cầu sinh lý như ăn mặc, đi lại, v.v...; những nhu cầu về tinh thần như văn hoá, giáo dục, âm nhạc, giao tiếp xã hội, v.v... Cáo nhà

tâm lý học quản lý thúc đẩy động cơ của con người, động cơ lại chi phối hành vi. Cho nên nhu cầu là nguồn động lực sản sinh ra hành vi của con người.

## ĐỘNG CƠ

Động cơ là nguyên nhân hoặc điều kiện dẫn đến và duy trì hành vi của con người và đưa hành vi hướng tới một mục tiêu nhất định.

Động cơ và nhu cầu có định nghĩa khác nhau. Động cơ liên hệ chặt chẽ với mục tiêu. Khi nhu cầu đã có mục tiêu rõ ràng thì sẽ chuyển hoá thành động cơ. Động cơ là nguyên nhân trực tiếp sản sinh ra các kiểu, các loại hành vi, còn nhu cầu chỉ là nguyên nhân gián tiếp:

Quá trình sản sinh ra động cơ gắn chặt với hai điều kiện sau: nhu cầu chủ quan (tức điều kiện nội tại) và sự kích thích ngoại giới (tức điều kiện bên ngoài). Nếu chủ quan không có nhu cầu thì cho dù có sự kích thích của ngoại giới cũng không bao giờ sản sinh ra động cơ. Tương tự, nếu chủ quan có nhu cầu nhưng không có sự kích thích của ngoại giới thì cũng chẳng bao giờ sản sinh ra động cơ.

Động cơ của con người là muôn màu muôn vẻ. Theo tính chất có thể chia thành động cơ có tính sinh lý, động cơ có tính phái sinh (mới nảy thêm). Theo ý nghĩa xã hội có thể chia thành động cơ cao thượng, đúng đắn và động cơ tầm thường, sai lầm. Theo tác dụng có thể chia thành động cơ có tính chủ đạo và động cơ bổ trợ. Theo thời gian có thể chia thành động cơ lâu dài và động cơ trước mắt. Động cơ có tính chất khác nhau sẽ có tác dụng và thúc đẩy khác nhau.

Nói chung động cơ có 3 loại tác dụng: tác dụng khởi phát, tác dụng chọn lựa và tác dụng tăng cường. Trong thực tế mỗi con người thường đồng thời tồn tại nhiều loại động cơ. Những động cơ này theo một quan hệ nhất định cấu thành một hệ thống động cơ. Mức độ mãnh liệt của những động cơ này lại chia động cơ thành động cơ chiếm ưu thế và động cơ bổ trợ. Động cơ chiếm ưu thế có tác dụng mãnh liệt đối với hành vi cụ thể của con người.

## HÀNH VI

Hành vi tức là hoạt động có mục đích của con người. Hành vi được sản sinh ra dưới tác động của động cơ. Song cụ thể mà nói, việc sản sinh ra hành vi là do ba nguyên nhân liên quan với nhau như sau.

1. *Quan hệ nhân quả*. Như với thời tiết lạnh nên con người phải mặc ấm, phải ở trong nhà, hoặc phải đốt lò sưởi,

2. *Mục tiêu thúc đẩy*. Ví dụ để học tốt mà học sinh phải thức khuya dậy sớm, đi sớm về muộn.

3. *Do kích thích* mà hành vi được sản sinh. Ví dụ sự biểu dương của thầy giáo khiến cho học sinh thêm cố gắng học tập,

Mối quan hệ giữa hành vi và động cơ không đơn giản và đơn điệu. Hành vi của con người rất ít khi chỉ xuất phát từ một động cơ duy nhất mà luôn luôn chịu sự thúc đẩy của nhiều động cơ bổ sung cho nhau, thậm chí có lúc mâu thuẫn với nhau. Trong một loại hành vi thường bao hàm mấy loại động cơ.

## MỤC TIÊU

Mục tiêu là mục đích của hành vi con người.

Hành vi của con người luôn luôn liên hệ chặt chẽ với một mục tiêu nhất định. Bất cứ hành vi nào cũng có mục tiêu rõ ràng. Mục tiêu tuy là một vấn đề gì đó mong muốn thực hiện, hoặc là một kết quả cố gắng để đạt được, nhưng mục tiêu khi đã đạt được thì mục tiêu mới lại sản sinh ra. Mục tiêu là cái mà chủ quan con người đặt ra, cho nên mục tiêu đạt yêu phải phù hợp với khách quan, nếu không thì mục tiêu đó sẽ không thành hiện thực.

### ▲ Nhân hòa là sự điều tiết nhu cầu của con người

Qua nghiên cứu trên nhiều phương diện của các nhà khoa học hành vi, khiến cho chúng ta tìm thấy lời giải đáp về câu hỏi: “Vì sao anh ta lại làm như thế?”.

Hành vi của con người sản sinh ra chủ yếu là từ nhu cầu chủ quan của bản thân. Dùng ngôn ngữ mà diễn đạt là: nhu cầu sản sinh ra động cơ, động cơ lại chi phối hành vi, hành vi khiến cho con người hướng tới mục tiêu. Khi mục tiêu đã được hoàn thành tức là nhu cầu đó đã được thỏa mãn thì một nhu cầu mới lại ra đời. Động cơ và hành vi lại tiếp tục hướng theo việc thực hiện mục tiêu mới đó.

Trong cuộc sống thực tế, chúng ta trong quá trình thực hiện nhu cầu của mình thường gặp phải những trở ngại. Những trở ngại này có thể do bản

thân chúng ta, cũng có thể do môi trường chung quanh gây ra. Nhưng cho dù từ đâu đến, những trở ngại này đều bắt nguồn từ trong nội tâm sâu xa của chúng ta.

Mâu thuẫn giữa con người và con người về bản chất mà nói là mâu thuẫn giữa các nhu cầu. Tức là nhu cầu của anh cản trở sự thực hiện nhu cầu của đối phương, hay nói cách khác nhu cầu của đối phương là trở lực đối với anh. Ví dụ dưới đây có thể nói rõ sự mâu thuẫn này: Ví dụ có hai ô tô đi ngược chiều nhau, gặp nhau trên một cái cầu hẹp. Hai bên đều muốn qua cầu, nhưng thực tế đó là điều không thể được. Môi trường xung quanh chỉ cung cấp cho hai lái xe một điều kiện là: chỉ có thể qua cầu bằng một chiếc xe. Hoặc là anh qua trước, hoặc là anh kia qua trước.

Phương pháp giải quyết mâu thuẫn trên chỉ có một cách duy nhất là thuyết phục một trong hai người để anh ta chịu nhường người kia đi trước, mình đi sau. Chỉ có như thế thì nhu cầu của hai người mới có thể thực hiện, vấn đề khác nhau là ở chỗ ai là người đi trước, ai là người đi sau. Ngược lại nếu không như thế thì cả hai người không bao giờ đạt được mục đích.

Mức độ thỏa mãn nhu cầu của con người không những trực tiếp ảnh hưởng đến kết quả đạt được mà còn gián tiếp tác động, ảnh hưởng đến tâm lý của con người. Tính chất tác động và ảnh hưởng này dẫn đến hai loại tính chất tâm lý khác nhau. Hai loại tâm lý này lại tác động và ảnh hưởng trở lại đến kết quả đạt được của mục tiêu, tức là có tác động thúc đẩy hay tác động gây trở ngại đối với việc thực hiện mục tiêu. Tác động thúc đẩy thực hiện mục tiêu ta gọi là tác động tâm lý tốt, còn tác động trở ngại đến thực hiện mục tiêu ta gọi là tác động tâm lý xấu.

Tác động tâm lý tốt và tác động tâm lý xấu là những loại tác động không thể coi thường trong quan hệ giao tiếp. Ví dụ chúng ta đối xử với bố mẹ hoặc lãnh đạo cấp trên là người đã đề bạt trọng dụng ta thường với một cảm tình nồng nhiệt, thân mật. Đó là vì bố mẹ hay cấp trên đã từng thỏa mãn cảm cầu của chúng ta ở một mức độ nào đó, điều đó sản sinh trong chúng ta một tâm lý tốt. Ngược lại đối với những người chúng ta không yêu thích, thậm chí có thù hận, thì thường ta không thể thân mật và nhiệt tình với họ được. Bởi vì họ đã từng đem lại sự đau khổ, bất hạnh cho ta, ngăn cản tâm lý của ta không muốn nhiệt tình với họ.

Do đó ta có thể khẳng định: cơ sở của nhân hòa không phải là cái gì khác mà là sự thỏa mãn nhu cầu của con người. Giữa hai cái đó có quan hệ

tỷ lệ thuận. Tức là mức độ nhân hòa có được tăng lên hay không được quyết định bởi mức độ thỏa mãn nhu cầu có được tăng lên hay không.

Bàn đến đây ta có thể tin tưởng mà nói rằng: chúng ta đã tìm thấy con đường để đạt được nhân hoà. Con đường đó là điều tiết nhu cầu của con người.

Muốn đạt được quan hệ giao tiếp hài hoà, phương pháp tốt nhất là bảo đảm cho nhu cầu của con người được thực hiện và phát triển bình thường. Nhà tâm lý học nổi tiếng Maslow gọi cái này là “mục tiêu cuối cùng của tất cả mọi trị liệu tâm lý”. Ông nói: một nhà trị liệu tâm lý thành công phải là người biết giúp đỡ mọi người nâng cao năng lực thỏa mãn nhu cầu cơ bản của họ, từ đó khiến cho họ đi vào con đường tự mình thực hiện.

Mục đích của cuốn sách này cũng chính là nỗ lực hướng về “Mục tiêu cuối cùng” này. Hơn nữa sự nỗ lực của chúng ta cũng đang đi trên con đường khang trang, rộng mở. Mục tiêu của chúng ta là mô thức ngũ hành xán lạn sẽ được giới thiệu dưới đây.

## □ MÔ THỨC NHU CẦU NGŨ HÀNH

### ▲ Thuyết của Maslow: Người ta cần...

Ta đã biết nhu cầu của con người đối với chúng ta quan trọng biết bao. Kết quả là chúng ta lại đứng trước một vấn đề mới, đó là: “Anh ta cần cái gì?”

Do đó ta cần phải đưa ra một định nghĩa về nhu cầu. Vì nhu cầu của con người là muôn màu muôn vẻ, theo sự phân loại khác nhau, ta có thể tìm thấy nhu cầu có những sắc thái khác nhau, ở đây chúng ta không nghiên cứu sự phân loại một cách phức tạp, mà trực tiếp đưa ra lý luận các tầng thứ nhu cầu của nhà tâm lý học Maslow có ý nghĩa phổ biến nhất đối với chúng ta. Cho đến nay ta vẫn chưa tìm thấy một phát hiện nào có giá trị hơn về định nghĩa của Maslow.

Maslow cho rằng: cái gọi là nhu cầu, tức là điều mà khiến cho con người trước sau không thay đổi, di truyền lại cái nhu cầu bản năng đó. Ông còn đưa ra các tiêu chuẩn về nhu cầu. Ông nói khi một đặc tính nếu phù hợp các trường hợp dưới đây thì được xem là nhu cầu cơ bản:

1. Thiếu nó thì sẽ dẫn đến bệnh tật.



2. Có nó thì tránh được bệnh tật.
3. Khôi phục nó để chữa bệnh tật.
4. Trong một trường hợp vô cùng phức tạp, được tự do lựa chọn thì người bị mất nó sẽ thà tìm lại nó chứ không đi tìm cái khác.
5. Với một người khoẻ mạnh thì nhu cầu đó nằm ở mức thấp nhất, đứng im hoặc không có tác dụng gì.

Như vậy Maslow đã đem các loại nhu cầu khác nhau của con người, căn cứ theo tính đòi hỏi của nó và thứ tự phát

Như vậy Maslow đã đem các loại nhu cầu khác nhau của con người, căn cứ theo tính đòi hỏi của nó và thứ tự phát sinh trước sau để quy về 5 loại, sắp xếp thành 5 tầng thứ, tạo thành một kết cấu bậc thang. Ta có thể dùng sơ đồ dưới đây để biểu thị:

- + Nhu cầu về thành tích
- + Nhu cầu được tôn trọng
- + Nhu cầu về giao tiếp
- + Nhu cầu về an toàn
- + Nhu cầu về sinh lý

Bây giờ chúng ta căn cứ vào sự nghiên cứu của Maslow, phân tích rõ hàm ý đặc tính của mỗi nhu cầu trên.

### **1. Nhu cầu sinh lý**

Đây là nhu cầu tâm lý nguyên thủy nhất, lâu dài nhất, cơ bản nhất, sơ cấp nhất và cũng là rộng rãi nhất của con người. Nó bao gồm nhu cầu về các mặt như: sinh lý, vật chất cần thiết để duy trì sự tồn tại của chúng ta. Ví dụ: ăn, mặc, ở, đi lại, suy nghĩ, v.v...

Hành vi của con người đầu tiên là để thích nghi với sự sinh tồn ban đầu, vì vậy nhu cầu sinh lý cũng là nhu cầu cơ bản nhất và là động cơ, hành vi lâu

dài nhất của con người.

Khi con người đã bước vào một địa vị kinh tế xã hội và trình độ tư tưởng cao, thậm chí sau khi đã thực hiện được những nhu cầu cao cấp thì vẫn tồn tại vấn đề làm sao thỏa mãn và thỏa mãn như thế nào về nhu cầu sinh tồn. Trong cả quá trình sống, những nhu cầu khác, những hành vi khác và những bảo đảm khác cũng tất yếu phải xây dựng trên cơ sở này.

## **2. Nhu cầu an toàn**

Đây cũng là nhu cầu sinh lý và tâm lý khá cơ bản, khá sơ cấp và khá phổ biến của con người. Để sinh tồn, hành vi của con người tất yếu phải xây dựng trên cơ sở nhu cầu an toàn.

Nội dung nhu cầu an toàn bao gồm các mặt sau: cơ bản nhất là an toàn sinh mệnh. Nó là tiền đề của các nội dung khác. Những nội dung còn lại là an toàn lao động, an toàn môi trường, an toàn kinh tế, an toàn nghề nghiệp, an toàn ở và đi lại, an toàn nhân sự, an toàn sức khỏe và an toàn tâm lý.

Xây dựng các loại pháp luật, quy tắc, chế độ thực chất là để bảo đảm nhu cầu an toàn chung cho mọi người. Do đó chúng ta có thể hiểu vì sao những người phạm pháp và vi phạm các quy chế bị mọi người căm ghét. Vì người có hành vi phạm tội đã xâm phạm vào nhu cầu an toàn của người khác. Nhu cầu an toàn nếu không được bảo đảm thì công việc của mọi người sẽ không được tiến hành bình thường và các nhu cầu khác sẽ không được thực hiện.

## **3. Nhu cầu giao tiếp**

So với nhu cầu sinh lý và nhu cầu an toàn thì thời gian xuất hiện nhu cầu giao tiếp ra đời muộn hơn. Nhưng nội dung của nó phong phú, tế nhị, kỳ diệu và phức tạp hơn hai nhu cầu trước. Nó thường tùy theo tính cách, cảnh ngộ, sự lịch duyệt, trình độ văn hoá, đặc điểm dân tộc, đặc điểm khu vực, chính trị, tín ngưỡng và các quốc gia khác nhau mà có đủ các loại hình thái, muôn màu muôn vẻ.

Nhu cầu giao tiếp gồm có: các vấn đề tâm lý như: được dư luận xã hội thừa nhận, sự gần gũi thân cận, tán thưởng, ủng hộ, v.v... Nhu cầu đó được bắt nguồn từ những tình cảm của con người đối với sự lo sợ bị cô độc, bị xem thường, bị buồn rầu, mong muốn được hòa nhập, khát khao tình hữu nghị, lòng tin cậy và lòng trung thành giữa con người với nhau.

Yêu là nội dung cao nhất của nhu cầu này. Lòng thương, tình yêu, tình bạn, tình thân ái là nội dung lý tưởng mà nhu cầu giao tiếp luôn theo đuổi. Nó thể hiện tầm quan trọng của tình cảm con người trong quá trình phát triển của nhân loại.

Con người không những là động vật ham sống, sợ chết mà còn là động vật có tình cảm phong phú. Hình thái biểu hiện trực tiếp nhất của tình cảm là sự giao tiếp xã hội.

#### **4. Nhu cầu được tôn trọng**

Nhu cầu được tôn trọng chia làm hai loại: lòng tự trọng và được người khác tôn trọng.

Lòng tự trọng bao gồm nguyện vọng: mong giành được lòng tin, có năng lực, có bản lĩnh, có thành tích, độc lập, hiểu biết, tự tin, tự do, tự trưởng thành, tự biểu hiện và tự hoàn thiện, về bản chất mà nói đó là sự tìm kiếm tình cảm tự an ủi hoặc tự bảo vệ mình.

Nhu cầu được người khác tôn trọng bao gồm: khát vọng giành được uy tín, được thừa nhận, được tiếp nhận, được quan tâm, có địa vị, có danh dự, được biết đến, v.v...

Uy tín là một loại sức mạnh vô hình được người khác thừa nhận. Vinh dự là sự đánh giá khá cao của xã hội đối với mình. Tôn trọng là được người khác coi trọng, ngưỡng mộ.

Con người ai cũng mong được người khác kính trọng. Khi anh ta có lòng tự trọng thì mới có đầy đủ lòng tin đối với việc mình làm. Sau khi được người khác tôn trọng, anh ta sẽ tìm trăm phương ngàn kế để làm tốt công việc. Do đó nhu cầu được tôn trọng là điều không thể thiếu đối với mỗi con người.

#### **5. Nhu cầu về thành tích**

Đây là nhu cầu tâm lý ở tầng thứ cao nhất của con người. Nội dung cơ bản nhất của nhu cầu thành tích là tự mình thực hiện.

Người ta ai cũng muốn làm một việc gì đó để chứng tỏ giá trị của mình, đó chính là sự ham muốn về thành tích. Mong muốn, tự hào, thậm chí cả cảm giác mặc cảm đều sản sinh trên cơ sở nhu cầu về thành tích. Maslow gọi

đó là “lòng ham muốn thể hiện toàn bộ tiềm lực của con người”.

### **▲ Gợi ý của Trung y học**

Phần trên chúng tôi đã giới thiệu học thuyết tầng thứ nhu cầu của Maslow. Từ đó mà chúng ta biết được “Anh ta cần gì”?

Vậy làm thế nào mới điều tiết được nhu cầu của con người để đạt được mục đích nhân hoà?

Maslow nói: nhu cầu của con người là có tầng thứ, tùy theo mức độ quan trọng và thứ tự phát sinh trước sau của chúng mà phát triển từ cấp thấp đến cấp cao. Sau khi nhu cầu cấp thấp được thỏa mãn thì nảy sinh đòi hỏi thỏa mãn nhu cầu cấp cao hơn.

Nhưng như chúng ta biết: trong thực tế cuộc sống, nhu cầu của con người rất phức tạp chứ không giống như cầu thang, bậc này nối tiếp bậc khác. Vì vậy lý luận của Maslow thường bị coi là có màu sắc máy móc và thiếu quan niệm chỉnh thể.

Do đó, khi chúng ta điều tiết nhu cầu của con người nhất thiết phải chú ý đến điểm này để tránh được tính hạn chế. Muốn giải quyết khó khăn này ta phải tìm ra lý luận mới để xây dựng mô thức của chúng ta.

Ta hãy chuyển hướng nhìn từ phương Tây trở về các nước phương Đông. Kết quả ta tìm thấy lý luận ngũ hành của Trung Quốc.

Học thuyết âm dương, ngũ hành của Trung Quốc là một tư tưởng triết học. Đó là phương pháp nghiên cứu quy luật biến hoá, phát triển của mọi vật trong vũ trụ. Nó được nhiều tiên triết Trung Quốc ứng dụng vào các lĩnh vực và đã giành được những kỳ tích rực rỡ trong xây dựng nên nền văn hoá Trung Quốc sâu sắc và vĩ đại.

Trung y học chính là một trong những điển hình của sự thành công đó. Lý luận học thuyết âm dương, ngũ hành xuyên suốt toàn bộ tư tưởng và các phương pháp của trung y học. Trên các mặt giải phẫu sinh lý nhân thể, phân tích bệnh lý, phòng và chữa bệnh, học thuyết âm dương, ngũ hành đã thể hiện được sự thần diệu khiến người ta kinh ngạc. Ngày nay khi mà tây y đã phát triển ở trình độ cao thì người phương tây càng hiểu được một cách sâu sắc sự kỳ diệu của trung y. Họ gọi trung y là khoa học tiền duyên của thế kỷ tới.

Sự sáng tạo thiên tài của các tiên triết Trung Quốc đã đem lại cho ta một gợi ý to lớn. Chúng ta hy vọng sẽ đưa ra được sự kết hợp mới mẻ giữa triết học phương Đông và lý luận phương Tây.

Sách “Nội kinh” - tác phẩm kinh điển của y học cổ đại Trung Quốc đã từng lấy mô hình một triều đình nhỏ cổ đại để đưa ra giả thuyết “tâm chủ thần minh”. Giả thuyết đó cho rằng: tâm là quân chủ, tất cả mọi hiện tượng của thân thể đều do “tâm” thống soái.

Sách “Tổ vấn, Linh lan bí điển” đã miêu tả triều đình nhỏ đó như sau: dưới tâm là phế, can, đờm, trung thiện, tỳ vị, đại trường, tiểu trường, thận, tam tiêu, bàng quang tổ chức thành. Những cơ quan, đó lần lượt được gọi theo các tên quan là: tướng quân, trung chính, thần sứ, kho lâm, dẫn đường, tác chiến, châu đô quận, v.v... Giả thiết này không những rất thú vị mà còn rất có ích. Thực tiễn lâm sàng chứng tỏ rằng rất nhiều bệnh tâm thần và một số bệnh khác đều điều trị theo “tâm quân luận” và đạt hiệu quả rất cao.

Do đó chúng ta xây dựng được ý tưởng về kết cấu ngũ hành. Ý tưởng này lấy “mô thức ngũ hành” làm giả thiết cho nhu cầu con người.

### **▲ Ý tưởng về kết cấu nhu cầu ngũ hành**

Học thuyết ngũ hành trong phần Thiên thời của bộ sách này đã giới thiệu rất tỉ mỉ và được dùng để nói rõ mối quan hệ giữa thiên thời và tính cách. Ở đây chúng ta một lần nữa lại dùng lý luận học thuyết này để nói rõ các tầng thứ nhu cầu và mối quan hệ giữa các tầng thứ đó, từ đó mà có được phương pháp điều tiết nhu cầu.

Lý luận các tầng thứ nhu cầu của Maslow ở phần trên đem lại cho ta nhận thức về sự sản sinh hành vi của con người và đã đặt cho ta một nền móng cần thiết. Nhưng đi vào bậc thang của các tầng thứ này ta lại bị hạn chế bởi tính máy móc của nó, không thể nói rõ mối quan hệ giữa các nhu cầu một cách sinh động.

Học thuyết ngũ hành là sự sáng tạo độc đáo của các tiên triết Trung Quốc. Tư tưởng triết học đúng đắn của nó đối với sự phát triển sự nghiệp khoa học của Trung Quốc có một vai trò vô cùng to lớn. Thực chất của học thuyết này cho rằng năm loại nguyên tố: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ là các nguyên tố cơ bản nhất cấu tạo thành thế giới. Sự biến hoá và phát triển của mọi sự vật và hiện tượng trong vũ trụ (kể cả con người) đều do sự vận động không ngừng và kết quả tác dụng lẫn nhau của năm loại vật chất có thuộc

tính khác nhau này. Sự phát hiện đó đã tìm ra quy luật và nguyên nhân của sự ra đời, phát triển và diệt vong của vạn sự vạn vật trong vũ trụ. Chúng ta ứng dụng học thuyết ngũ hành vào nghiên cứu lý luận nhu cầu của con người cũng là vì thế.

Ta đem năm loại nhu cầu của con người ra để phân tích tính chất, phân loại, quan hệ biến hoá của chúng và dùng phương pháp so sánh theo hình tượng để lần lượt quy chúng theo thuộc tính về các ngũ hành: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ, mượn đó để miêu tả một cách toàn diện và sinh động mối quan hệ giữa các nhu cầu.

Ở đây cần nói rõ: ngũ hành mà ta sử dụng vào đây không còn giữ nguyên bản thân nó nữa mà nội hàm và ý nghĩa tượng trưng của nó đã được trừu tượng hoá.

Trong sách “Thượng thư. Hồng phạm” đã ghi lại tính chất của ngũ hành như sau: một là thủy, hai là hỏa, ba là mộc, bốn là kim, năm là thổ. Thủy làm nhuận dưới, hỏa đốt nóng trên, mộc là cong thẳng, kim là tòng cách, thổ là gia tường.

Thổ có đặc tính sinh dưỡng hoá dục. Vạn vật không vật nào là không sinh từ đất rồi lại trở về đất. Nhu cầu sinh lý là gốc mọi nhu cầu của con người. Bốn loại nhu cầu khác đều sản sinh từ đó Vì vậy ta dùng “thổ” để đại biểu cho “nhu cầu sinh lý”.

Kim có đặc tính thanh tịnh, thu sát. Thời cổ thường liên hệ kim với chiến tranh khiến cho con người cảm thấy sinh mệnh bị nguy hiểm. Do đó ta lấy “kim” đại biểu cho “nhu cầu an toàn”.

Thủy có tính chất hàn lạnh hướng xuống. Các tiên triết xưa rất sớm đã phát hiện hiện tượng địa lý trăm sông quy về một biển. Biển cả là nơi quy về của sông ngòi. Đặc tính hướng xuống biểu hiện sự quy thuộc này. Nhu cầu giao tiếp cũng là một loại nhu cầu quy thuộc. Thuộc tính của thủy đại biểu tốt nhất cho tính chất “nhu cầu giao tiếp”.

Mộc có đặc tính sinh trưởng, phát triển, vươn ra. Thân cây thẳng, cành cây cong thể hiện một cách hình tượng sự không cam chịu, hy vọng được bên ngoài thừa nhận. Sự tôn kính của con người cũng bắt nguồn từ khát vọng này. Do đó chúng ta dùng “mộc” để đại biểu cho “nhu cầu được tôn trọng”.

Hỏa có đặc tính đốt nóng, hướng lên. Ham muốn thành tích của con người là sức mạnh muốn thể hiện bản thân dưới sự kích thích của sức sống cường thịnh mà sản sinh ra. Chúng ta thường đem nhiệt tình của một người ví như ngọn lửa, đem sự nghiệp ví như đồng cỏ được ngọn lửa đốt cháy. Thuộc tính của hỏa có thể tượng trưng cho mức độ hoặc phương thức thực hiện “nhu cầu về thành tích” của con người.

Ở Maslow, nhu cầu luôn luôn được thực hiện từ thấp đến cao. Mặc dù ông cũng đã nhắc nhở chúng ta không nên hiểu một cách máy móc thứ tự của các nhu cầu. Nhưng cuối cùng ông vẫn nói: một khi một loại nhu cầu nào đó đã được thỏa mãn thì nó sẽ không còn là nhu cầu nữa. Rất may là tư tưởng của ông còn có điểm linh hoạt để khắc phục sự máy móc này. Đó là ông đã chỉ rõ: hành vi con người thường không do một nhu cầu nào đó thúc đẩy mà là kết quả của rất nhiều yếu tố tác động. Nó có thể là sự tác động tổng hợp mấy loại nhu cầu, cũng có thể là kết quả tác động của tập quán, sự từng trải và năng lực của con người hoặc do hoàn cảnh bên ngoài dẫn đến. Nhưng ông vẫn không nói rõ được những cái đó đã tác động tổng hợp như thế nào đối với hành vi con người.

Chú trọng phân tích và quan sát tỉ mỉ là sở trường nghiên cứu khoa học và văn hoá của phương Tây, nhưng cũng là sự hạn chế của họ. Maslow đã không vượt ra khỏi sự hạn chế đó của văn hoá phương Tây. Còn văn hoá phương Đông lại chú trọng về tính tổng thể. Học thuyết ngũ hành của Trung Quốc và tư tưởng luân hồi của Phật giáo sở dĩ xán lạn chính là ở tư tưởng chỉnh thể hữu cơ này. Ta dùng học thuyết ngũ hành để làm lộ rõ sự bí ảo trong phương thức tác động của nhu cầu con người, khám phá phương pháp điều tiết trong một giới hạn nhất định, hay nói một cách khác là cải tạo, làm thăng hoa một lần nữa học thuyết tầng thứ nhu cầu của Maslow.

Theo chúng tôi, năm loại nhu cầu của con người không chỉ là sự thăng cấp từng bậc thang, cũng không chỉ là sự tác động tổng hợp, mà là một động thái phát triển chứa đầy sự sinh sinh khắc khắc, ràng buộc lẫn nhau, bổ sung cho nhau, tiến lên theo đường tròn xoắn ốc.

Dưới đây căn cứ theo nguyên lý ngũ hành, ta sẽ nói rõ mô thức mới này của chúng ta có quy luật biến hoá, tác dụng ra sao.

## ● XUA DÙNG CHO NAY :

### NGUYÊN LÝ NGŨ HÀNH VỚI NHÂN HOÀ

#### □ NGUYÊN LÝ TƯƠNG SINH

Tương sinh tức là một hành trong ngũ hành có tác dụng sinh ra, xúc tiến, thúc đẩy đối với hành khác.

Ngũ hành do có tương sinh nên tuần hoàn vô tận. Trong ngũ hành bất cứ một hành nào cũng đều có quan hệ hai mặt là “sinh ra tôi” và “tôi sinh ra”. Lý luận ngũ hành ví cái “sinh ra tôi” là mẹ, ví cái “tôi sinh ra” là con. Vì vậy quan hệ tương sinh còn gọi là quan hệ mẹ con.

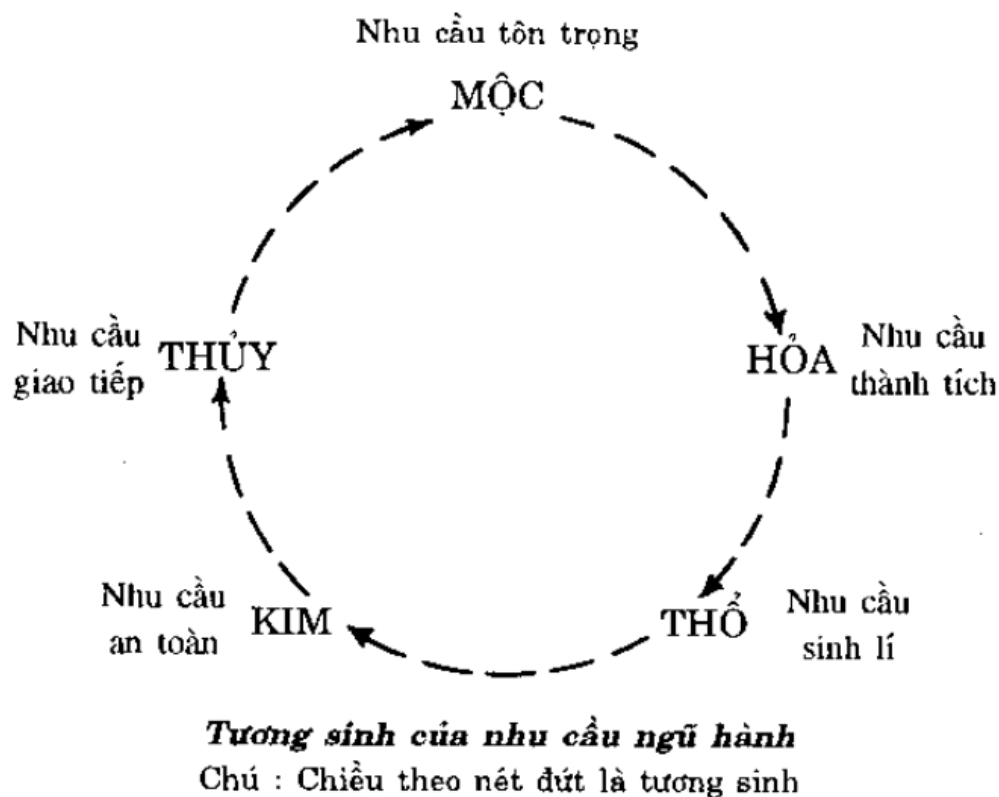
Nói một cách cụ thể: mộc sinh hỏa, hỏa sinh thổ, thổ sinh kim, kim sinh thủy, thủy sinh mộc. Vì sao lại tương sinh theo thứ tự? Sách “Mệnh lý thám nguyên” giải thích rằng: mộc sinh hỏa vì tính mộc ôn ấm, hỏa phục trong đó, nên gọi là mộc sinh hỏa. Hỏa sinh thổ là vì hỏa có thể đốt cháy mộc thành tro, tro tức là thổ. Thổ sinh kim vì kim ở trong đá của núi, do các chất dịch tích tụ mà sinh ra, đất tụ vì thành núi, thổ sinh thạch nên nói thổ sinh kim. Kim sinh thủy tức khí thiếu âm ôn nhuận chảy ra, kim loại chảy thành nước nên nói kim sinh thủy. Thủy sinh mộc là vì nước nhuận nuôi dưỡng cây cỏ nên nói thủy sinh mộc.

Quan hệ tương sinh là do các tiên triết Trung Quốc nhận thức mối liên hệ giữa các sự vật. Theo triết học mà nói, mối quan hệ tương sinh là các sự vật dựa vào nhau. Không có sự nương tựa lẫn nhau này thì sẽ không có sự biến hoá, phát triển của các sự vật. Mối quan hệ này trong lý luận tầng thứ nhu cầu của Maslow rất được coi trọng. Maslow nói: sau khi một loại nhu cầu được thỏa mãn thì trên cơ sở này sẽ sản sinh ra một nhu cầu mới khác. Ông miêu tả sự phát hiện của mình thành kết cấu bậc thang, mong muốn biểu hiện một cách thích hợp mối quan hệ tiến lên từng bậc của sự tương sinh giữa các nhu cầu.

Điều cần phải nói rõ ở đây là năm loại nhu cầu của con người không phải hoàn toàn tuyệt đối tiến lên theo nguyên tắc bậc thang như Maslow miêu tả. Trong cuộc sống hàng ngày chúng ta phát hiện thấy khi một nhu cầu nào đó của con người không được thỏa mãn, anh ta vẫn có thể nảy sinh ra một nhu cầu khác. Ví dụ, khi anh cảm thấy có người uy hiếp sự an toàn



của mình, anh sẽ lập tức cảnh giác, hoặc tìm một số bạn bè giúp đỡ giải quyết. Cũng tức là nói vì để thỏa mãn nhu cầu an toàn mà anh đã nảy sinh ra nhu cầu giao tiếp. Do đó tương sinh không thể được hiểu một cách đơn thuần là sau khi một nhu cầu nào đó được thỏa mãn thì mới nảy ra nhu cầu khác mà ngay cả khi nhu cầu đó chưa được thỏa mãn cũng vẫn có thể nảy ra nhu cầu mới. Ta hãy căn cứ vào nhận thức mới đó mà cảm nhận quan hệ tương sinh của ngũ hành và miêu tả chúng bằng kết cấu luân hồi. Hơn nữa làm như thế hình như diễn đạt được tốt hơn nhận thức của chúng ta. Xin xem hình vẽ kết cấu mô thức dưới đây:



### ▲ Thổ sinh kim. Ở đây không có ba trăm lạng bạc

Chúng tôi muốn thông qua câu chuyện dưới đây để thuyết minh về mối quan hệ tương sinh giữa nhu cầu sinh lý và nhu cầu an toàn.

Đây là câu chuyện ngụ ngôn:

Ngày xưa có một người bắt được mấy chục lạng bạc. Món của này đối với anh ta là sự giàu có ngoài mơ ước, cho nên anh ta vô cùng sung sướng,

nhưng cũng rất lo sợ. Anh ta định dùng số bạc này để sống cho từ nay về sau, nhưng bạc nhiều như thế làm sao bảo quản được?!

Cuối cùng anh ta nghĩ ra một cách là đem tất cả số bạc này bỏ vào một cái chĩnh rồi chôn xuống đất. Sau khi chôn xong anh ta vẫn cảm thấy chưa thật an toàn, sợ có người phát hiện đào mất. Do đó anh ta lại nảy sinh ra ý khác là tìm một cái biển rồi viết lên đó: “Ở đây không có ba trăm lạng bạc”. Sau đó cẩn thận cắm biển lên chỗ chôn bạc rồi yên tâm mạnh dạn ra về”.

Chẳng bao lâu sau láng giềng của anh ta là Vương Nhị nhìn thấy cái biển kia. Vương Nhị vô cùng hăm hở và lập tức đào lấy bạc lên. Làm xong anh ta lại nhìn thấy một cái biển khác, anh ta nảy ra ý nghĩ rồi cầm lấy bút viết một hàng chữ lên biển: “Láng giềng Vương Nhị chưa hề ăn trộm”. Viết xong anh ta vừa ý hả hê ra về.

Đó là hai người trong câu chuyện ngụ ngôn sau khi được bạc đều nảy sinh ra một nhu cầu mới tức nhu cầu an toàn. Người thứ nhất sợ những lạng bạc có thể thỏa mãn cho nhu cầu cuộc sống này bị người khác trộm mất. Người thứ hai lại sợ hành vi đào trộm bạc của mình bị người khác phát hiện và trừng phạt.

Sợ mất là tâm lý lo lắng sản sinh ra sau khi một loại nhu cầu nào đó đã được thỏa mãn. Tâm lý lo sợ đòi hỏi cần được giảm nhẹ, do đó đã sản sinh ra nhu cầu an toàn mới.

Sợ người khác phát hiện là biểu hiện riêng tư ẩn sâu trong nội tâm đòi hỏi cần được giữ kín. Con người có tâm lý muốn che giấu một số hành vi nào đó, ví dụ như ăn cắp là hành vi vi phạm pháp luật, nếu bị người khác phát hiện có nghĩa là sẽ bị trừng phạt. Chúng ta có thể thấy được nhu cầu sinh lý đã sản sinh ra nhu cầu an toàn như thế nào. Điều đó đối với việc điều tiết nhu cầu của con người sẽ có một ý nghĩa vô cùng quan trọng.

### **▲ Kim sinh thủy, liên ngô kháng tào**

Ở đời ai gặp lúc nguy nan cũng hy vọng có người nào đó đến giúp mình, đó là bản năng cầu sống của con người.

Nghe nói các nhà khoa học đã từng tiếp thu được một loại tín hiệu thần bí từ trong vũ trụ. Sau khi các nhà khoa học nổi tiếng ngày nay liên hợp với

nhau nghiên cứu mới phát hiện được đó là tín hiệu kêu cứu của người ngoài hành tinh phát ra cho người trên quả đất. Họ bị một sự uy hiếp nào đó, hy vọng những người trên quả đất gần họ có thể đến để cứu giúp họ, vì thế ta thấy được nhu cầu giao tiếp nảy sinh ra là do nhu cầu an toàn đòi hỏi được đáp ứng.

Trận đại chiến Xích Bích nổi tiếng thời Tam quốc chính là do nhu cầu an toàn mà dẫn đến.

Theo phân tích lực lượng quân sự hồi đó, Tào Tháo binh nhiều tướng giỏi, hơn nữa lại liên tiếp đánh bại các thế lực cát cứ ở phương bắc nên sĩ khí rất cao. Lưu Bị dưới sự phò tá của Gia Cát Lượng không ngừng mở rộng thế lực nhưng cũng không thể nào kháng cự lại áp lực của đại quân Tào Tháo. Tôn Quyền dựa vào Trường giang hiểm trở, nhờ vào địa lợi mà sống một cách yên ổn.

Tào Tháo chỉ huy bốn mươi vạn quân rầm rộ tiến quân chiếm vùng Tân Dã. Lưu Bị người ít thế cô, đành bỏ thành mà chạy. Lưu Bị mất căn cứ địa vừa mới giành được trở thành kẻ lang thang trên chiến trường. Mãi đến sau khi hợp binh với Lưu Kỳ, con Lưu Biểu, mới gọi là thoát được một phần nguy hiểm.

“Tam Quốc diễn nghĩa” miêu tả Lưu Bị như sau:

Nghe nói Lưu Huyền Đức đến Giang Hạ cùng với Khổng Minh, Lưu Kỳ để bàn kế sách. Khổng Minh nói: “Thế lực Tào Tháo rất khó kháng cự, chi bằng về với Đông Ngô Tôn Quyền để nhờ ứng viện. Làm cho Nam Bắc hai bên cùng tồn tại, như thế có lợi cho ta thì có gì mà không tốt?”. Huyền Đức nói: “Giang Đông lắm cửa, đông người, tất có mưu cao, có thể nương tựa lâu dài”. Khổng Minh cười nói: “Nay Tào Tháo dẫn hàng trăm vạn binh mã áp sát bên sông, lẽ nào Giang Đông lại không cử người đến thăm dò hư thực? Nếu có người đến đây, Lượng sẽ mượn một chiếc thuyền đến thẳng Giang Đông uốn ba tấc lưỡi, khiến hai đội quân Nam Bắc thôn tính lẫn nhau. Nếu quân Nam thắng ta sẽ cùng Tào lấy đất Kinh Châu. Nếu quân Bắc thắng thì ta thừa thế lấy Giang Nam cũng được”. Huyền Đức nói: “Kế này rất hay nhưng làm sao để có người Giang Đông đến được?”.

Đang nói chuyện thì có người báo Tôn Quyền sai Lỗ Túc đến điều tang, thuyền đã cập bờ. Khổng Minh cười nói: “Đại sự xong rồi!” và hỏi Lưu Kỳ: “Hôm qua khi Tôn Sách mất, Tương Dương có phái người đi điều tang không?”. Kỳ nói: “Giang Đông với nhà tôi có thù giết bố, không có lễ điều

tang!”.

Khổng Minh nói: “Bỗng nhiên Lỗ Túc đến, nếu không phải là điều tang thì chắc là thám thính quân cơ vậy”. Bèn hỏi Huyền Đức: “Lỗ Túc đến nếu hỏi về động tĩnh của Tào Tháo thì Chúa công nên từ chối bảo không biết. Khi hỏi đến lần thứ ba Chúa công chỉ nói có thể hỏi Gia Cát Lượng”. Bèn định xong liền cho mời Lỗ Túc vào.

Khi việc tự mình không làm nổi mà lại muốn làm thì nhu cầu giao tiếp liền nảy sinh. Để an toàn được lâu dài, Khổng Minh và Lỗ Túc đều muốn thông qua thủ đoạn giao tiếp để đạt mục đích của mình. Để giao tiếp có hiệu quả, Khổng Minh và Lỗ Túc cả hai người đều trau chuốt hình thức giao tiếp, che đậy nhu cầu thực của mình. Kết quả trực tiếp là sau khi giao tiếp, hai nhà Ngô, Thục đã liên hợp với nhau để đánh Tào Tháo, đặt nền móng sau này cho thế chân vạc của Tam quốc.

### **▲ Thủy sinh mộc. Khẩu chiến đánh bại các nho sĩ**

Lỗ Túc, Khổng Minh sau khi từ biệt Huyền Đức và Lưu Kỳ liền đáp thuyền đến quận Tử Tang, hai người đều biết rõ nhu cầu giao tiếp bước đầu đã được thỏa mãn. Vấn đề tiếp theo là hai nhà sẽ liên kết ra sao để đánh lại quân Tào.

Lúc đó nội bộ Đông Ngô trước thế lực của Tào Tháo sản sinh ra hai phái: phái chủ hòa và chủ chiến. Rất nhiều người có thái độ nghi ngờ về việc liên kết với Lưu Bị là kẻ thế cô, lực yếu để chống lại quân Tào. Điều đó không có lợi cho việc liên kết, nên Gia Cát Lượng lại lập tức phải mở ra cuộc tấn công ngoại giao, đấu khẩu với các nho sĩ, nhằm đưa Lưu Bị lên vị trí và uy tín cao hơn trong lòng các nho sĩ Đông Ngô.

Gia Cát Lượng mượn tài hùng biện siêu quần của mình, mưu trí và linh hoạt đánh bại sự xem thường vô lễ của các mưu sĩ Đông Ngô. Dưới đây xin xem một đoạn ông đã khẩu chiến với các mưu sĩ bậc nhất của Đông Ngô ra sao.

Lỗ Túc dẫn Gia Cát Lượng vào dưới trướng. Hơn hai mươi quan nhất phẩm văn võ như Trương Chiêu, Cố Ung... đã áo mũ, cân đai tề chỉnh sớm ngai ở đó. Khổng Minh vừa nhìn vừa hỏi tên từng người, thi lễ xong ngồi vào chỗ khách.

Trương Chiêu và những người khác nhìn thấy Khổng Minh phong thái

ung dung, khí thể hiên ngang thì đoán rằng người này đến để thuyết khách. Đầu tiên Trương Chiêu dùng lời lẽ khiêu khích nói: “Chiêu này là kẻ sĩ hèn kém của Giang Đông, đã từ lâu nghe tiếng Ngọa Long tiên sinh tự ví mình như Quân, Nhạc. Lời đồn đó quả có không?”

Khổng Minh nói: “Lượng này bình sinh không dám ví mình như thế”.

Chiêu nói: “Gần đây nghe nói Lưu Dữ Châu ba lần đến lều cỏ của tiên sinh, may được tiên sinh ra giúp nên mừng “như cá được nước”, Nay Kinh, Tương đã thuộc Tào Tháo, vậy ngài có chủ kiến nào chăng?”.

Khổng Minh trộm nghĩ: Trương Chiêu là mưu sĩ bậc nhất dưới trướng Tôn Quyền, nếu không trước hết đánh đổ người này thì làm sao thuyết phục được Tôn Quyền, bèn đáp: “Tôi xem việc lấy lại đất nhà Hán dễ như trở bàn tay. Lưu Dữ Châu chủ tôi vốn là người nhân nghĩa, không nhẫn tâm đoạt cơ nghiệp của anh em đồng tôn nên mới từ chối đó thôi. Lưu Tông tin lời nói đó nên tự mình đầu hàng, khiến cho Tào Tháo được thể làm càn. Nay chúa công tôi đóng binh ở Giang Hạ là có ý đồ tốt, chẳng cần đợi lâu sẽ biết”.

Vừa bắt đầu giao tiếp hai bên đã triển khai thế công của mình. Trương Chiêu áp chế trước, tấn công đối phương. Đột phá khẩu của sự tiến công là hỏi về năng lực của Gia Cát Lượng. Đầu tiên ông nêu cho Gia Cát Lượng câu hỏi trong thế đang thất bại thì hành động ra sao, nhằm trước hết điệu răn ra khỏi hang, sau đó bao vây tiêu diệt.

Nhưng Gia Cát Lượng đã phá mưu kế Trương Chiêu, do đó khoa trương thanh thế, nêu cao hành động nhân nghĩa của Lưu Bị, dựng một hình tượng đoan chính, đường hoàng cho Lưu Bị. Đối với những lời châm biếm của Trương Chiêu ông chỉ nói “việc lấy lại đất nhà Hán dễ như trở bàn tay” và “việc đóng quân ở Giang Hạ là có ý đồ tốt”. Cuối cùng từ thế thủ, bị làm nhục đã chuyển thành thế công, đó là điều mà những kẻ nhàn hạ ngồi không không thể biết được.

Trong quá trình khẩu chiến, Gia Cát Lượng đều lấy thủ làm công, lần lượt đánh bại Trương Chiêu lần này đến lần khác. Cuối cùng, sau khi đánh bại Trương Chiêu lại luân phiên tấn công sang Ngô Phiên và những người khác.

Gia Cát Lượng khẩu chiến quần nho là do nhu cầu của sự liên hợp, cũng là xuất phát từ nhu cầu đòi được tôn trọng. Nhu cầu giao tiếp được thỏa mãn thì nhu cầu tôn trọng cũng nảy sinh. Vì mỗi người đều nhằm nêu cao uy

tín của mình trong giao tiếp.

### ▲ **Mộc sinh hỏa. Napoleon giáng thế**

Có một người Pháp khoảng ba mươi tuổi vì buôn bán phá sản nên mất lòng tin vào cuộc sống. Anh ta cảm thấy vận mệnh của mình xấu quá, nước Pháp khắp nơi giàu đẹp nhưng là để dành cho người khác chứ không phải cho mình.

Một hôm anh ta đi ra phố vừa cúi đầu, vừa khóc. Một ông thầy tướng vừa nhìn thấy bỗng cao tiếng gọi: “Tiên sinh, để tôi xem tướng mặt cho ngài”.

Tướng diện phỏng có ích gì, anh ta chỉ biết cảnh ngộ thực tại của mình là một thực tế nghiệt ngã nên đã từ chối bỏ đi.

“Tiên sinh, tôi không phải xem tướng để lấy tiền của ông”. Thầy tướng to tiếng giải thích.

Người Pháp đó nhìn vào mặt thầy tướng một cách quái lạ. Không phải kiếm tiền thì vì cái gì?

Thầy tướng xúc động nói: “Tôi vừa được nhìn thấy một gương mặt thần bí. Tôi phát hiện ra ngài là Napoleon đời thứ sáu giáng thế. Điều đó đối với tôi là sự phát hiện vô cùng vinh hạnh, cho nên tôi không dám lấy tiền của ngài”.

“Ông nói gì”? Người Pháp kinh ngạc hỏi lại.

“Ngài là Napoleon đời thứ sáu giáng thế. Ngài hãy xem trán và mắt của mình, giống như đúc với Napoleon đệ nhất”. Thầy tướng vừa xem tướng vừa hết lời ca ngợi.

Người Pháp ai cũng biết Napoleon, nhưng anh người Pháp này biết về Napoleon quá ít. Song anh ta không hề chú ý về điều này. Sau khi về nhà anh ta mua rất nhiều sách về Napoleon, lấy ảnh Napoleon dán khắp nhà. Anh ta muốn mình và người khác đều tin rằng anh ta là Napoleon đệ nhất.

Có một hôm anh ta bỗng nhiên nghĩ đến nên làm một việc vĩ đại nào đó để mọi người chung quanh đều thừa nhận anh ta quả thật là Napoleon giáng thế. Như thế cũng xứng đáng với được làm Napoleon trong chốc lát.

Vì vậy anh ta lại từ cho ngã xuống trên thương trường mà đứng lên. Qua mấy chục năm gian khổ phấn đấu, cuối cùng anh ta trở thành nhà doanh nghiệp nổi tiếng của nước Pháp. Trong mười mấy năm phấn đấu, mỗi lần anh ta gặp khó khăn anh ta đều thầm nhắc nhở mình: “Tôi là Napoleon giáng thế, trước mặt tôi không có gì có thể gọi là khó khăn. Tôi là Napoleon không thể bị khó khăn đè bẹp”. Cứ thế anh ta lại phấn đấu và cuối cùng lại đạt được thành công.

Về sau anh ta gặp lại ông thầy tướng đó, bèn hỏi: “Ông dựa vào đâu mà nói tôi là Napoleon giáng thế?”

Thầy tướng nói: “Tôi cũng không biết. Chỉ biết là người chết rồi thì không chuyển thế được. Chẳng qua là vì khi đó tôi nhìn thấy dáng ngài xiêu đổ nên muốn giúp ngài lấy lại lòng tin. Xem ra ngài đã thành công”.

Sự thật đã rõ ràng, nhưng anh người Pháp đó không hề có cảm giác mình bị lừa, anh ta nói: “Tôi có phải là Napoleon hay không, điều đó đối với tôi không quan trọng. Quan trọng là ở chỗ tôi giống Napoleon đã khắc phục mọi khó khăn, trở thành người giàu có”.

Câu chuyện trên nói với chúng ta rằng: Nhu cầu về thành tích là nhu cầu ở cấp cao hơn. Nó tất yếu sẽ được nảy sinh sau khi nhu cầu lòng tự trọng đã được đáp ứng.

### **▲ Hỏa sinh thổ. Hình tượng Trụ vương**

Một người sau khi đã đạt được thành tích nhất định thì địa vị xã hội và danh tiếng cũng theo đó được đề cao tương ứng, do đó đòi hỏi điều kiện cuộc sống cũng phải tương xứng. Không thể nói mục tiêu hay bản chất cuối cùng của nhu cầu thành tích là vì nhu cầu sinh lý, nhưng con người xã hội là con người khác biệt nhau, giữa con người với nhau có sự chênh lệch rất lớn về trình độ. Nâng cao nhu cầu sinh lý chính là sự thể hiện con người phấn đấu vươn tới một trình độ cao hơn.

Trung Quốc xưa có một vị Hoàng đế luôn cảm thấy mình đáng được hưởng những thứ cao nhất trên thế gian này, ngay đến dụng cụ trong bữa ăn cũng phải được như thế. Vị vua đó không muốn những dụng cụ nấu ăn cho mình được làm bằng đất mà phải được làm từ đồ ngọc quý báu. Về sau lại thấy các đồ dùng bằng ngọc không quý bằng bạc, mãi đến khi dùng nồi nấu bằng vàng mới vừa ý, vì ông ta không thể tìm được gì quý hơn vàng. Vị vua đó chính là Trụ vương Hoàng đế cuối cùng của nhà Ân. Về sau ông xây

dựng lộc đài, phòng quỳnh, ngọc môn, bồn tắm rượu, v.v... Kết quả cuối cùng ông bị nhân dân đánh đổ.

Ở phương Tây cũng có những hiện tượng tương tự. Có một người ban đầu là một tên ăn xin, về sau khi được phong làm quý tộc, người đó cũng muốn được hưởng mọi sự đãi ngộ như giai cấp quý tộc. Ông ta cảm thấy mình tất yếu cũng phải là một nhà quý tộc, nếu không thì ông ta sẽ không được thừa nhận là người đã bước vào giai cấp quý tộc.

Trước kia long bào chỉ có hoàng đế mới được mặc. Người nào dùng y phục như thế thì sẽ bị xử chết. Địa vị khác nhau thì điều kiện mọi mặt của cuộc sống cũng phải đi theo những tiêu chuẩn khác nhau. Chúng có thể do luật pháp quy định, cũng có thể do xã hội thừa nhận. Việc nâng cao những tiêu chuẩn này là tùy thuộc vào địa vị của người đó trong xã hội cao đến đâu.

Đối với những người có công hiến xuất sắc, xã hội luôn đem lại cho họ sự thừa nhận như thưởng huân chương. Lấy đó làm tấm gương để khích lệ người khác cống hiến nhiều hơn cho sự tiến bộ chung của xã hội, góp phần thúc đẩy xã hội tiến lên.

“Mình vì mọi người, mọi người vì mình”, đó là chế độ xã hội tiên tiến cung cấp những cơ hội công bằng cho các thành viên trong xã hội. Một khi giá trị xã hội của anh được khẳng định thì xã hội sẽ đem lại cho anh những phần thưởng tương ứng.

Vì vậy sau khi nhu cầu về thành tích được thỏa mãn thì sẽ sản sinh nhu cầu sinh lý ở cấp cao hơn. Đó là kết quả của cơ chế xã hội tiến bộ, nó không ảnh hưởng đến bản chất của nhu cầu về thành tích.

## □ NGUYÊN LÝ TƯƠNG KHẮC

Tương khắc tức là một hành trong ngũ hành có tác dụng khắc phạt, không chế một hành khác, tức là tác dụng ngược với tương sinh.

Tương sinh và tương khắc trong triết học là một cặp mâu thuẫn. Mâu thuẫn là mối quan hệ vừa đối lập vừa thống nhất trong quá trình phát triển của sự vật. Tương sinh ví như mâu, tương khắc ví như thuận, có mâu thì phải có thuận, có sinh thì phải có khắc. Sự vật phát triển, biến hoá trong mâu thuẫn.



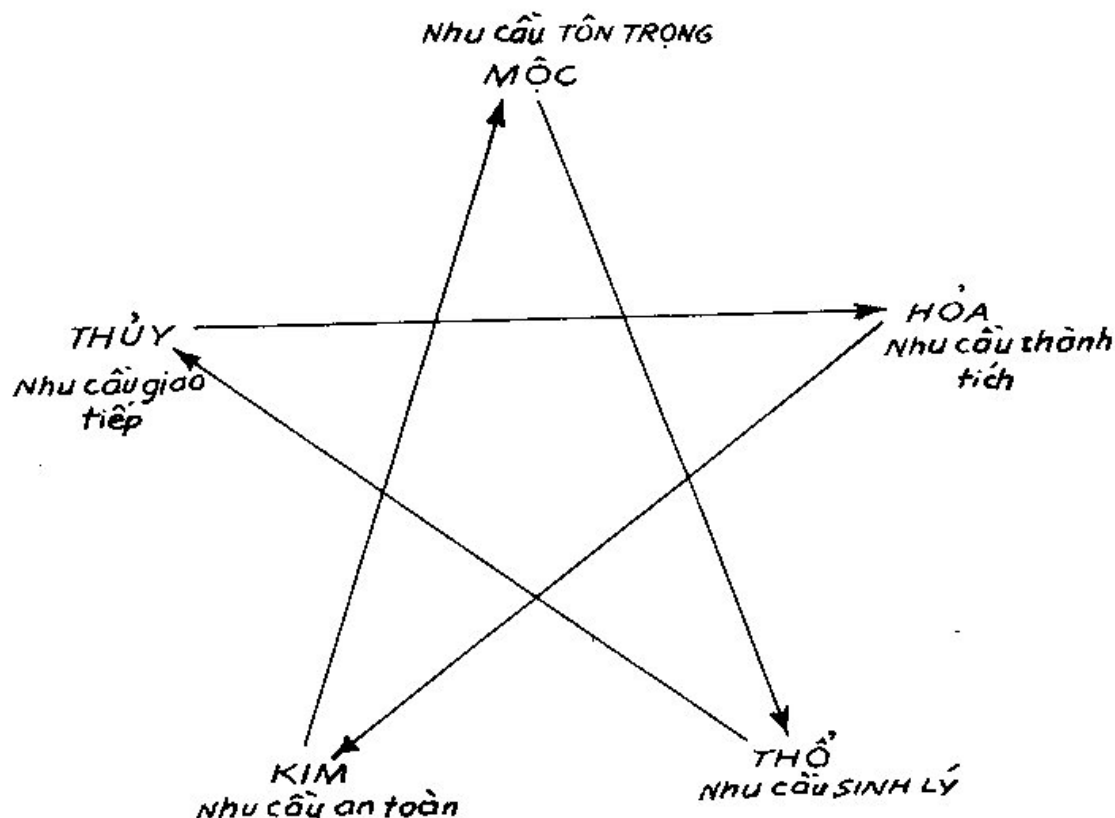
Ngũ hành tương sinh theo chiều thuận, còn tương khắc thì khắc cách nhau một hành. Vì sao lại như vậy?

Sách “Bách hồ thông nghĩa” giải thích điều này như sau: “Ngũ hành tương hại (tức tương khắc) là bản tính của trời đất. Nhiều thắng ít, cho nên nói thủy thắng (khắc) hỏa; tinh thắng cứng nên hỏa thắng kim; cương thắng nhu nên kim thắng mộc; chuyên thắng tán nên mộc thắng thổ; thực thắng hư nên thổ thắng thủy”.

Đoạn văn này đầu tiên khẳng định tương khắc của ngũ hành là do tính chất của từng hành quyết định. Do đó mối quan hệ tương khắc không phải do các tiên triết Trung Quốc thông qua thực tiễn khoa học của vật lý hay hoá học rút ra mà là trừu tượng hoá đặc điểm tính chất của ngũ hành rồi suy diễn ra.

Quan hệ tương khắc là sự biểu hiện một mặt khác về sự biến hoá phức tạp của sự vật. Theo nhu cầu mà nói, một loại nhu cầu nào đó trong quá trình thực hiện gặp trở ngại tức là loại nhu cầu đó mâu thuẫn với nhu cầu của người khác. Nhà triết học nổi tiếng người Pháp là Chatteur rất nhạy bén cảm nhận được điều này nên ông đã có câu nói nổi tiếng: “Người khác là địa ngục của mình”.

Sự đối kháng của nhu cầu tức là sự tương khắc ta vừa nói. Một loại nhu cầu nào đó vì đối kháng mà bị giảm yếu thì nó sẽ chuyển sang hướng có lợi, hoặc lùi về hướng bất lợi. Trong trường hợp này cái mà tôi khắc đã bị tôi thắng, cái khắc tôi đã bị thất bại. Cho nên mối quan hệ tương khắc còn gọi là mối quan hệ “thắng” và “không thắng”. Dưới đây chúng ta đưa mỗi quan hệ này vào trong mô thức ta vừa xây dựng và biểu thị nó theo hình vẽ sau:



**Tương khắc của nhu cầu ngũ hành**

### ▲ Thổ khắc thủy. Mạnh Thường Quân nuôi kẻ sĩ

Cuộc sống con người lấy cơ sở kinh tế làm trụ cột. Cơ sở kinh tế là kết quả thực hiện của cái mà ta gọi là nhu cầu sinh lý. Mức độ cơ sở kinh tế càng hùng hậu thì thực hiện ở cấp càng cao.

Cơ sở kinh tế lại quyết định sự thực hiện nhu cầu giao tiếp, về điểm này chúng ta sẽ được chứng minh bằng câu chuyện Mạnh Thường Quân nuôi kẻ sĩ.

Mạnh Thường Quân xuất thân từ Vương hầu nước Tề. Về sau vì ông phấn đấu không mệt mỏi nên làm quan đến cấp tướng quốc. Tuổi niên thiếu của ông rất bất hạnh. Ông có hơn bốn mươi anh em. Mẹ của ông là tỳ thiếp có thân phận thấp nhất, cho nên lúc ông vừa sinh ra đã bị phán xử tử hình. Nhưng mẹ ông đã giấu ông và nuôi trộm lớn lên.

Sau khi trưởng thành, ông không những không bị bố giết mà còn được

bổ biết đến, lập làm hậu tự. Ông trở thành một quý tộc trẻ đã có tiếng tăm. Mượn địa vị và cơ sở kinh tế của mình, ông chiêu mộ nhân tài khắp nơi và đưa về làm khách nuôi trong nhà.

Từ bọn giang hồ đến bọn tội phạm, rất nhiều người đã chạy đến lãnh địa của Mạnh Thường Quân. Do ảnh hưởng to lớn của mình mà ông đã trở thành tên gọi “Kẻ sĩ trong trời đất”. Khách nuôi trong nhà đến mấy nghìn người.

Về sau Mạnh Thường Quân bất ngờ gặp phải chuyện không may. Ông bỗng nhiên bị mất chức. Kết quả những người khách nuôi này đều lục tục ra đi.

Trong số đó chỉ có một người tên gọi là Bằng Hoan ở lại. Ông ta đã giúp Mạnh Thường Quân khôi phục lại chức cũ.

Mạnh Thường Quân đã than thở với Bằng Hoan rằng: “Tôi đã đối xử với họ rất nhiệt tình, đãi ngộ cũng không có gì sơ suất. Vì vậy tôi tin rằng nhất định họ phải trung thành với tôi. Thế mà không ngờ tôi vừa thất thế thì họ đã bỏ rơi tôi. May nhờ có ông giúp đỡ tôi mới phục được chức cũ. Còn những người kia chắc còn mặt mũi nào mà gặp lại tôi nữa?”.

Lúc đó Bằng Hoan đã nói với ông những điều thật thâm thúy, chí lý: “Khi phú quý thì mọi người đều đến nương tựa ngài; sau lúc thất thế thì bạn bè bỏ chạy hết. Đó là điều đương nhiên dễ hiểu. Nó giống như cái chợ, sáng sớm thì mọi người cần mua bán nên chợ đông hơn. Đến chiều thì chợ biến thành chỗ trống không. Đó không phải là vì người ta thích buổi sáng ghét buổi chiều, mà là vì buổi sáng người ta mua được những thứ cần thiết, còn buổi chiều thì không còn gì nữa mà mua, nên mọi người không đến chợ. Những khách nuôi kia vì ngài đã mất chức nên họ xa ngài, đạo lý cũng là như thế. Tức là những thứ mà họ cần không còn nữa nên họ phải ra đi. Xin ngài không nên vì thế mà thù ghét họ”.

Những lời nói này của Bằng Hoan đã làm rõ: cơ sở kinh tế có vai trò quan trọng đối với sự giao tiếp. Không có cơ sở kinh tế thì không thể tạo lập được cơ sở cho giao tiếp.

Những người ăn xin cùng khổ không thể nào kết bạn được với một người giàu có. Đó tuy chưa phải là chân lý, nhưng là hiện thực của cuộc sống. Mạnh Thường Quân trước đây căn bản không có cách gì giữ được ba nghìn kẻ sĩ, đó là một sự thật không cần nghĩ nhiều cũng có thể hiểu được.

### ▲ Thủy khắc hỏa, Anh hùng không qua nổi cửa ải mỹ nhân

*“Quan quan thư cưu,*

*Tại hà chi châu.*

*Yếu diệu thực nữ,*

*Quân tử hảo cầu”.*

(Tạm dịch:

“Tiếng chim cưu riu rít

Trên bãi giữa dòng sông

Cô gái hiền yếu diệu

Chàng trai bao ước mong”.)

Đó là bài thơ trong Thiên mở đầu của “Kinh thi”, được đời sau rộng rãi biết đến. Bài thơ tình cổ nổi tiếng này đã nói ra một cách tươi tắn niềm vui của nam nữ, tình yêu nam nữ.

Sự giao tiếp giữa nam nữ là sự giao tiếp bản chất nhất của loài người. Con người mượn hình thức giao tiếp này để duy trì sự sinh sôi và tiến hoá của nòi giống. Tình cảm giữa nam nữ cũng trở thành tổ hợp cơ bản nhất trong tình cảm của nhân loại.

Sự đeo đuổi, tìm kiếm khác giới thể hiện rõ sự cường thịnh của sức sống. Theo giải thích của các nhà tâm lý học phương Tây, tình yêu là biểu hiện sự đòi hỏi được thỏa mãn của nhân tính sau khi đã thành thực. Tiên triết xưa của Trung Quốc cho rằng đó là kết quả tất nhiên của sự tìm kiếm nhu cầu cân bằng giữa dương cương và âm nhu.

Chính vì vậy mà các tiên triết Trung Quốc đã có một câu nói nổi tiếng được mọi người biết đến là: “Anh hùng khó qua được cửa ải mỹ nhân”. Những bậc anh hùng thường không thoát khỏi sự mềm yếu, thất bại trước mỹ nhân. Điều đó không thể được hiểu đơn giản rằng do ý chí bạc nhược, ngược lại đó là hiện tượng luôn chứng tỏ sức sống mãnh liệt cần phải được giải toả, cân bằng.

Phù Sai đánh bại Câu Tiễn thì không thể không hiểu rằng Phù Sai là một trang nam tử cừ khôi. Nhưng Phù Sai lại bị mỹ nhân của Câu Tiễn phái sang đánh bại.

Nguyên là Câu Tiễn sau khi thoát khỏi nước Ngô, ôm ấp quyết tâm tiêu diệt Ngô, không tiếc tiền công rất nhiều vàng bạc châu báu, của quý vật lạ, mục đích là khiến cho Phù Sai giảm dần ý chí chiến đấu, làm yếu nhu cầu về thành tích của ông ta.

Ở trong nước Câu Tiễn tuyển hàng nghìn mỹ nữ, trong đó chọn ra được hai cô đẹp nhất, mà một cô được người đời sau gọi là đệ nhất mỹ nhân Trung Quốc, tức là Tây Thi. Câu Tiễn chọn thầy hàng ngày dạy cho họ hát múa, sau đó hiến tặng cho Phù Sai.

Phù Sai nhìn thấy Tây Thi lòng mừng khôn xiết. Phù Sai đã xây cho Tây Thi Quán oa cung, suốt ngày cùng múa hát, vui chơi, không để mắt đến việc triều chính. Đất nước dần dần suy bại, cuối cùng bị Câu Tiễn phá tan thành trì, tiêu diệt nước Ngô.

Những người thông hiểu lịch sử Trung Quốc đều biết rằng: mỹ nhân và sự hưng suy của triều chính có mối duyên nợ mật thiết với nhau. “Tứ đại mỹ nhân” thời xưa của Trung Quốc hầu như đều được ứng dụng một cách vô tình, tàn bạo vào quan trường và gắn liền vận mệnh cá nhân với vận mệnh quốc gia. Đến nỗi về sau có người nói: mỹ nhân làm hại đất nước.

Từ góc độ thuật quyền mưu mà nói, kẻ mỹ nhân là loại chiến thuật tinh thần. “Ba mươi sáu kế” đã từng coi mỹ nhân - những người không liên quan trực tiếp đến chiến tranh, như một vũ khí lợi hại để lợi dụng trong cuộc chiến tinh thần.

Trong gián điệp phương Tây có một loại gián điệp đặc biệt tức là gián điệp tình sắc. Khaccov của Nga gọi kẻ mỹ nhân là những “bồ câu xanh” chuyên ăn cắp các loại tin tức và tư liệu tình báo của nước khác.

Kẻ mỹ nhân được thực thi là dựa vào sự không chế nhu cầu tâm lý của đối phương, hoặc khiến cho nhu cầu của đối phương thay đổi, lấy nhu cầu giao tiếp thay thế hoặc làm yếu nhu cầu về thành tích. Không chỉ có phụ nữ đẹp mà ngay cả nam giới cũng có thể trở thành công cụ về mặt này. Lý Liên Anh nổi tiếng là nhờ đó.

Ngoài ra Trung Quốc xưa có rất nhiều gian thần như bọn Triệu Cao,

Tần Cối. Bọn chúng đã thông qua những thủ đoạn giao tiếp bí ối mà chiếm được sự tin cậy của Hoàng đế, kết quả khiến cho nhu cầu về thành tích của Hoàng đế bị đình trệ, giảm yếu. Tổng Cao Tôn vì những lời nịnh hót của Tần Cối mà đã bỏ qua những cơ hội phản công lại quân Kim, rút đội quân chiến thắng về, giết chết đại tướng, xưng thần với nước Kim. Vì Tổng Cao Tôn qua ám hiệu của Tần Cối mà hiểu rằng: nếu đánh bại quân Kim, đón cha và anh về làm tù binh thì bản thân Tổng Cao Tôn không được làm hoàng đế nữa. Tần Cối đã làm cho Triệu Cao thỏa mãn nhu cầu về thành tích cấp thấp của cá nhân mà bỏ qua nhu cầu thành tích cấp cao của Tổng Cao Tôn là sự rửa nhục.

Sự giao tiếp không đúng đắn đối với một người là vô cùng tác hại. Các tiên triết Trung Quốc đã nhắc nhở với chúng ta rằng: gần son thì đỏ, gần mực thì đen. Lấy đó để cảnh giới chúng ta đề phòng như cầu thành tích có thể bị làm yếu đi do nhu cầu giao tiếp không đúng đắn.

### **▲ Hỏa khắc kim. Những người tự sát để thành nhân**

Những người thành công được người đời tôn kính nguyên nhân không chỉ ở chỗ họ đã dành được những thành tích to lớn mà còn ở chỗ trong quá trình giành được thành công, họ đã trả giá rất nhiều tâm huyết.

“Đầu rơi máu chảy”, “coi cái chết nhẹ như lông hồng”, “trên rừng đao, dưới biển lửa”, những lời nói này đều là sự chuẩn bị cho những người muốn thành công phải sẵn sàng chịu trả bất cứ giá nào. Bất cứ thành công nào cũng phải trả giá, thậm chí phải trả bằng tính mạng. Dưới đây chúng ta nêu ra câu chuyện mấy dũng sĩ Trung Quốc, vì thành tích công danh mà đã không tiếc cống hiến sinh mệnh của mình.

Người thứ nhất tên gọi Chuyên Chư. Ông ta là người hào hiệp dũng mãnh, về sau được Ngũ Tử Tư giới thiệu cho công tử Quang của nước Ngô. Công tử Quang bèn sai ông thích sát Ngô Vương Liêu.

Ngô Vương Liêu không tuân theo di huấn của ông cha, cướp đoạt ngôi vua và giết hàng loạt công tử. Công tử Quang vì thế mà căm giận: vô cùng, muốn giết Liêu để tự lên ngôi. Nhưng Ngô Vương Liêu phòng bị rất nghiêm ngặt, không thể nào hành động được.

Chuyên Chư đã đáp ứng lời thỉnh cầu của công tử Quang. Ông được biết Ngô Vương Liêu thích ăn cá kho, nên tìm một đầu bếp nổi tiếng để học cách kho cá. Sau ba tháng ông biết cách nấu cá có mùi vị rất ngon. Một hôm

ông bảo công tử Quang mời Ngô Vương Liêu đến nhà ăn cơm khách.

Ngô Vương Liêu đến nhưng bố trí cảnh giới rất nghiêm ngặt. Lúc đầu bếp đưa thức ăn lên phải bị kiểm soát kỹ toàn thân.

Chuyên Chư giấu dao nhỏ trong bụng cá nên lọt qua sự kiểm tra của thị vệ. Khi bụng cá đến trước mặt Ngô Vương Liêu, bỗng nhiên ông lấy dao ra để giết Ngô Vương Liêu. Con dao khiến cho Ngô Vương Liêu dính chặt vào ghế. Ngô Vương Liêu mất hồn kêu cứu, Chuyên Chư bị bọn thị vệ đâm loạn giết chết.

Sau vụ Chuyên Chư thích sát Ngô Vương không lâu, ở nước Ngô lại xuất hiện vị dũng sĩ thứ hai tên là Yếu Ly. Đối tượng mà Yếu Ly thích sát là Khánh Kỵ, con trai của Ngô Vương Liêu.

Sau khi bị bắt, Yếu Ly đã thỉnh cầu Ngô Vương chặt đứt một cánh tay của anh và tự giết chết vợ con mình để mong lấy lại lòng tin của Khánh Kỵ.

Không lâu sau Yếu Ly được chuyển đến dưới trướng của Khánh Kỵ, sung vào đội quân vệ quốc, dành được lòng tin của Khánh Kỵ, được đưa vào làm kẻ tả hữu tâm phúc của Khánh Kỵ,

Khánh Kỵ vì báo thù cho cha mà mang quân từ Thủy Lạc sang đánh nước Ngô. Khi đội thuyền đi đến Giang Trung, vì chỉ huy sai nên đội hình bỗng nhiên rối loạn. Yếu Ly mời Khánh Kỵ ngồi lên đầu thuyền để chỉ huy, còn mình tự tay cầm mâu đứng bảo vệ bên cạnh. Thừa cơ Khánh Kỵ không chuẩn bị, Yếu Ly dùng một tay giơ mâu đâm, mâu xuyên qua lưng của Khánh Kỵ. Khánh Kỵ bị thương kêu to lên, thuận tay đẩy Yếu Ly ngã xuống sông, sau đó lại túm đầu Yếu Ly kéo gác lên đầu gối mình mà nói với tất cả mọi người: “Thiên hạ đã từng có một dũng sĩ không tiếc cả cánh tay mình, giết chết cả vợ con, dám đến hại tôi. Không nên giết nó, để cho tên tuổi nó được trọn vẹn!”.

Nói xong Khánh Kỵ rút mâu ra và chết. Còn Yếu Ly cũng vì xấu hổ nên tự sát dưới chân Khánh Kỵ.

Câu chuyện của hai dũng sĩ này đã chứng tỏ cho người đời sau hiểu được một loại quan niệm khác về giá trị cuộc sống, đó là: bỏ mình vì nghĩa, sát thân thành nhân. Hàng nghìn năm nay người ta luôn tôn sùng nghĩa cử anh dũng này, các nhà nho đối với loại tinh thần này lại càng sùng kính, ngưỡng mộ gấp nhiều lần. Gọi đó là phẩm hạnh của người quân tử và là giới

hạn cao cả của lý tưởng.

Trong quá trình sáng tạo sự nghiệp vô cùng gian khổ của Đảng Cộng sản Trung Quốc, tinh thần này hầu như trở thành tinh thần chủ yếu của Đảng viên cộng sản và những người lãnh đạo của Đảng. Họ đã vì mục tiêu lý tưởng của mình mà vượt qua núi cao, biển rộng, đi hơn hai vạn năm nghìn dặm đường, đấu tranh bất khuất, không mệt mỏi với thù trong giặc ngoài, cuối cùng giành được sự thống nhất đất nước. Để đạt được thành tựu đó, họ đã phải cống hiến hàng triệu liệt sĩ. Cũng vì thế mà họ được nhân dân kính trọng và ủng hộ. Trong số hàng triệu liệt sĩ đã ngã xuống, có người đã nói lên cho thế giới biết được tâm lòng của mình, biểu đạt được thế giới nội tâm mà họ truy tìm và nhận thức của họ đối với cuộc sống như sau:

*Sinh mệnh là vô giá*

*Tình bạn là quý báu*

*Vì nghĩa lớn, tự do*

*sẵn sàng hiến tất cả.*

### ▲ Kim khắc mộc. Kẻ phản bội bị đánh đổ

Ai cũng muốn được người khác tôn trọng, nhưng vì hành vi của mình không chính đáng nên mất đi sự tôn trọng.

Ngược lại với mấy hiệp sĩ vừa nói ở trên, có một số người thường vì sự uy hiếp nào đó mà đã phản bội. Tần Vũ Dương cùng với Kinh Kha thích sát Tần Vương, cũng là một tay anh hùng được mọi người tôn kính. Nhưng khi hai người cầm dao đi qua trước mặt bọn thị vệ, Tần Vũ Dương sợ phát run lên, kết quả họ bị người của Tần Vương nghi ngờ, sau đó việc thích sát bị bại lộ. Tần Vũ Dương không thực hiện được nguyện vọng ban đầu để trở thành dũng sĩ giống như Chuyên Chư, Yếu Ly, nhưng Kinh Kha thì làm được. Ngày nay khi mọi người đi qua Dịch Thủy vẫn thường tưởng nhớ lại cảnh tượng oanh liệt đó.

Nhu cầu an toàn khiến cho người ta vứt bỏ sự đeo đuổi được kính trọng. Những ví dụ như thế rất nhiều.

Thời Tam Quốc Tào Tháo luôn muốn đánh xuống phía Nam để thông đến Kinh Châu là cứ điểm quan trọng của nhà Thục. Nhưng tướng giữ Kinh



Châu là Quan Công văn võ song toàn. Tào Tháo không dám khinh suất xuất binh, về sau khi mối quan hệ giữa Quan Công và Đông Ngô đã căng thẳng, Tào Tháo mới phái hai đại tướng của mình là Bàng Đức, Vu cấm đến đánh Quan Công.

Bàng Đức muốn biểu thị quyết tâm không giết được Quan Công quyết không trở về, nên cho người khiêng quan tài đến từ biệt Tào Tháo. Tháo rất cảm động, kêu gọi các tướng học tập Bàng Đức.

Cuộc chiến đấu giữa Bàng Đức và Quan Công vô cùng ác liệt. Đó cũng là trận đánh nổi tiếng nhất của Quan Công trước lúc chết.

Quan Công lợi dụng điều kiện thiên thời, địa lợi, mùa thu mưa to, nước sông dâng lên, nên đã đào kênh xẻ núi, tháo nước ngập chìm mấy mươi vạn quân Tào đóng trong thung lũng. Bàng Đức và Vu Cấm cả hai cùng bị bắt. Trong đại bản doanh của Quan Công, tù binh Bàng Đức không khuất phục trước uy vũ, đứng hiên ngang không chịu quỳ. Quan Công rất cảm mến võ công và lòng trung hậu của Bàng Đức, nên không muốn chiêu dụ. Bàng Đức không chịu, thà chọn cái chết chứ không hủy hoại thanh danh.

Còn Vu Cấm lại lựa chọn ngược với Bàng Đức. Vu Cấm quỳ trước mặt Quan Công xin tha tội chết. Kết quả là Bàng Đức bị giết, còn Vu Cấm bị giam vào ngục. Mãi sau này khi Quan Công bị hai cánh quân Tào, Ngô kẹp chặt, thua trận và bị bắt ở Mạch Thành, cuối cùng bị quân Đông Ngô giết chết, còn Vu Cấm được thả về với Tào Tháo.

Sau khi Tào Tháo chết, con của Tào Tháo rất coi thường hành vi khuất phục này của Vu Cấm, phái Vu Cấm đi trông mộ Tào Tháo. Đầu tiên bảo người vẽ lên tường bức tranh Quan Công dìm chết bảy vạn quân Tào. Rồi bên cạnh vẽ bức tranh Bàng Đức đứng hiên ngang bất khuất, còn Vu Cấm quỳ dưới đất xin tha. Vu Cấm nhìn thấy bức tranh này xấu hổ mà chết.

Những người phản bội thường có chung tâm trạng chán chường. Tào Tháo đã từng hai lần giết chết người đầu hàng ông. Ông cho rằng người đã phản lại chủ mình thì cũng có thể phản lại ông. Tào Tháo không nói rõ vì sao họ sẽ phản bội, vì nguyên nhân nhất định rất nhiều, nhưng trong đó chắc chắn có một điều rất rõ là vì nhu cầu an toàn mà người đó đã vứt bỏ nhu cầu được tôn trọng.

### **▲ Mộc khắc thổ. Quân tử không ăn của bố thí**

Ngày xưa, có một người liên mấy ngày không ăn uống. Một hôm anh ta ra phố, gặp một người bán cháo.

Người bán cháo gõ vào bát nói: “Ê, cho anh một bát cháo đây này!”.

Người đó từ chối.

Người bán cháo không thể nào hiểu nổi, bèn hỏi: “Tại sao ông từ chối? Lẽ nào ông không đói?”

Người đó trả lời rất có cốt cách: “Quân tử không ăn đồ bố thí”.

Mãi đến lúc đói chết ông ta cũng không hề ăn một ngụm cháo của người bán cháo. Đó là điển cố về “thức ăn bố thí”. Các nhà nho rất tôn sùng tinh thần quân tử đó.

Từ xưa người quân tử thà tự sát chứ không chịu bị làm nhục, về điều này Mạnh Tử có câu nói rất nổi tiếng: “Phú quý bất năng dâm, uy vũ bất năng khuất, bần tiện bất năng di”. Đó là câu nói nhắc nhở nhân cách cần được giữ gìn nghiêm khắc.

Nhân cách là sự biểu hiện thể giới nội tâm của con người. Người không có nhân cách thì không thể gọi là người hoàn hảo. Tương tự, người nhân cách thấp cũng không thể được người khác tôn trọng.

Rất nhiều người vì theo đuổi nhu cầu tôn trọng, nên luôn luôn phải trả giá bằng cách hy sinh những nhu cầu khác, rõ ràng nhất là giảm thấp nhu cầu sinh lý. Ví dụ trên đây chứng tỏ người đó để bảo vệ danh dự của người quân tử mà thà chết đói.

Đời nhà Chu có hai đại thần của nhà Ân không chịu xưng thần trước Chu Vương, nguyên nhân vì Chu Vương dùng võ, chứ không dùng nhân nghĩa để trị thiên hạ. Hai người đó ở ẩn trong rừng sâu, sống cuộc đời cách biệt với nhà Chu.

Nhưng sau đó có một người khác lại nêu ý kiến phản đối họ, nói: “Các ông làm như thế chưa chứng tỏ được mình không cần nhà Chu. Vì dù sao, cơm các ông ăn vẫn cơm của nhà Chu. Như vậy làm sao có thể nói các ông không được hưởng cái gì của nhà Chu?”.

Hai người nghe xong rất kinh ngạc. Để triệt để quyết liệt với nhà Chu, từ đó họ từ chối lương thực của nhà Chu, suốt ngày ăn rau dại, quả rừng.

Lâu ngày rau dại, quả rừng cũng không tìm ra được, họ bị chết đói trong rừng. Người đời sau đều vô cùng kính trọng khí tiết của hai người này và hàng nghìn năm nay người ta vẫn kể chuyện về hai người đó.

Mao Trạch Đông đã từng viết bài ca ngợi ngài Chu Tự Thanh là trí thức mới của Trung Quốc rất có khí tiết dân tộc. Bởi vì Chu Tự Thanh thà nhận đói chứ không chịu nhận lương thực cứu tế của người Mỹ.

Người không có khí tiết thì chẳng có gì mà nói đến hoạn nạn. Khí tiết chính là nhân cách, là danh dự của con người. Dân gian Trung Quốc có câu: Thà để cho bụng chịu khổ chứ không để cho mặt bị nhục. Câu nói đó chứng tỏ người ta rất coi trọng nhu cầu được tôn trọng.

#### □ NGUYÊN LÝ CHẾ HOÁ

Chế hoá tức là liên kết các mối quan hệ tương sinh, tương khắc đã nói ở phần trên lại với nhau. Nghĩa là chế ước lẫn nhau, sinh hoá cho nhau.

Lý luận ngũ hành của Trung Quốc cũng có tinh tuý của tự tướng biện chứng Pháp. Nó cho rằng, bất cứ sự vật nào cũng có tương sinh và tương khắc. Nếu chỉ có tương sinh mà không có tương khắc thì không thể duy trì sự cân bằng bình thường; nếu chỉ có tương khắc mà không có tương sinh thì sự vật không sinh hoá, phát triển được. Vạn sự, vạn vật không thể chỉ có tương sinh và cũng không thể chỉ là tương khắc. Cho nên, sinh lâu phải có chế, khắc lâu phải có hoá. Không thể tách rời tương sinh và tương khắc mà nên xem mối quan hệ ngũ hành là sinh hoá lẫn nhau, chế ước lẫn nhau, trong chế có hoá, trong hoá có chế. Đó là mối quan hệ biện chứng giữa chế và hoá.

“Thiên cơ của tạo hoá không thể không có sinh, cũng không thể không có chế. Vô sinh thì không có nguyên nhân phát dục, vô chế thì tăng quá mạnh là có hại”. Câu nói này nói rõ sự quan trọng của nguyên lý chế hoá.

Ví dụ: Thổ sinh kim, nhưng thổ nhiều thì kim bị vùi lấp; hỏa sinh thổ, nhưng hỏa nhiều thì thổ bị cháy đen; mộc sinh hỏa, nhưng mộc nhiều thì hỏa mờ; thủy sinh mộc, nhưng thủy nhiều thì mộc bị trôi dạt. Điều đó chứng tỏ tương sinh quá nhiều sẽ tạo nên tổn thất. Ngược lại kim suy gặp hỏa tất sẽ cháy hết; hỏa nhược gặp thủy tất bị dập tắt; thủy nhược gặp thổ tất bị chặn lại; thổ suy gặp mộc tất bị hút cạn; mộc nhược gặp kim tất bị chặt đứt. Điều

đó chứng tỏ tương khắc quá nhiều sẽ gây ra tai hoạ.

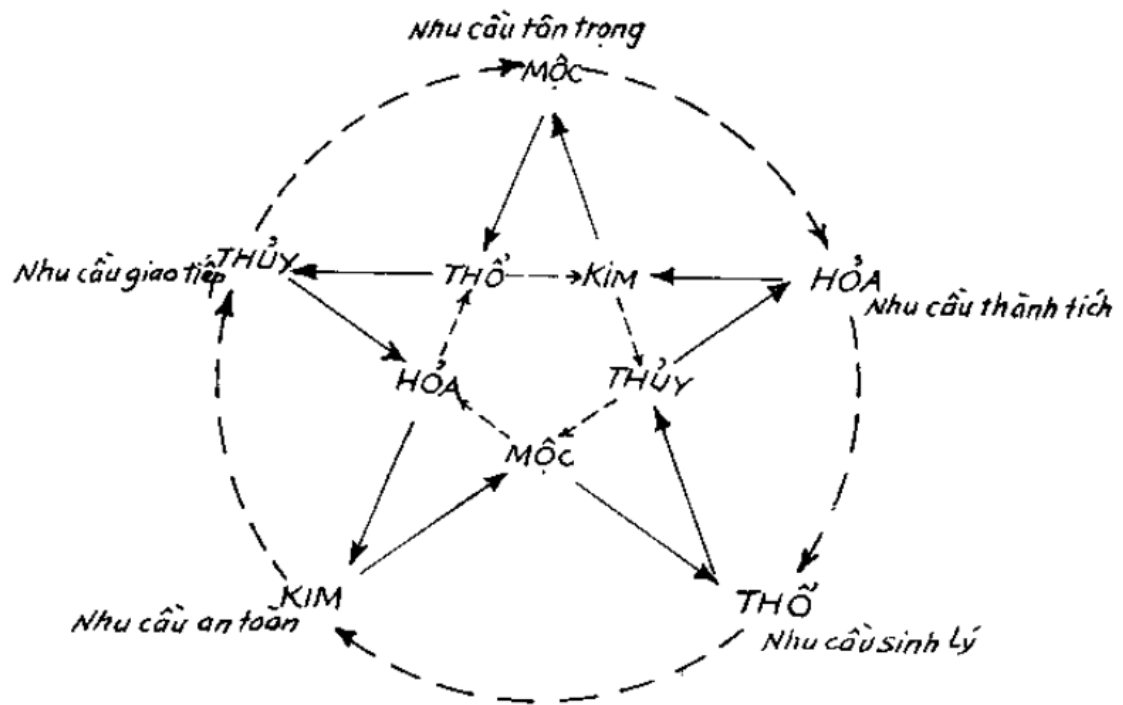
Ngũ hành trong điều kiện bình thường vừa có thể tương sinh, lại vừa tương khắc. Như thế mới có chế hoá. Cho nên trong sách “Tổ vấn, Lục vi chỉ đại vận” nói: “kháng thì hại, thừa thì chế, chế thì sinh hoá”.

Nội dung cụ thể của nguyên lý chế hoá là: mộc khắc thổ, thổ sinh kim, kim khắc mộc; hỏa khắc kim, kim sinh thủy, thủy khắc hỏa; thổ khắc thủy, thủy sinh mộc, mộc khắc thổ; kim khắc mộc, mộc sinh hỏa, hỏa khắc kim; thủy khắc hỏa, hỏa sinh thổ, thổ khắc thủy.

Trong lý luận tầng thứ nhu cầu của Maslow nguyên lý chế hoá và về tương khắc của nguyên lý đó đã không được phát hiện và phát huy. Chúng tôi cho rằng: Nhu cầu con người phải dựa vào quan hệ chế hoá mới có thể tồn tại và điều tiết được.

Trong cuộc sống hàng ngày, chúng ta thường gặp tình huống như sau: Một người có lúc định làm một việc gì đó, nhưng bỗng nhiên lại thay đổi ý nghĩ; hay lúc muốn đình chỉ phương pháp làm của một người nào đó, thường ta phải nói chuyện với họ, thuyết phục để họ vứt bỏ cách nghĩ ban đầu. Những ví dụ như thế rất nhiều. Để giải thích sự thay đổi chủ định này mà dùng lý luận tầng thứ nhu cầu của Maslow là không được. Ngược lại, dùng nguyên lý chế hoá giải thích hiện tượng này rất có hiệu quả. Bản thân mỗi hành trong nhu cầu ngũ hành đều có quan hệ chế hoá và có thể tự điều tiết. Sự chế hoá này không những nói được rõ hơn mối quan hệ phức tạp giữa các ngũ hành mà còn khiến cho mỗi hành nói được chi tiết hơn mối quan hệ giữa các nhu cầu.

Dưới đây ta dùng hình vẽ để biểu thị mối quan hệ đó.



### ***Quan hệ chế hoá của nhu cầu ngũ hành***

**Chú:** Mũi tên nét đứt là tương sinh; Mũi tên nét liền là tương khắc.

#### **▲ Mộc khắc thổ - Thổ sinh kim - Kim khắc mộc**

Có em bé đã mấy ngày không được ăn bữa cơm nào. Một hôm nó đi ra phố, đến cạnh một cửa hàng thấy trong đó bán những thứ rất ngon. Nhưng nó không có tiền mua.

Lúc đó có một khách hàng vô ý đánh rơi mẩu bánh mì dưới đất. Người đó nhìn miếng bánh rồi lắc đầu, quay người bỏ đi.

Nó nhìn rõ tất cả và cố chờ có cơ hội là sẽ đến nhặt, mặc dù cơn đói đang giày vò, hành hạ nó. Bây giờ là lúc cơ hội đến thì ngược lại nó bắt đầu do dự, vì nó cảm thấy đến nhặt mẩu bánh rơi rất là xấu hổ. Do đó nó muốn chờ đến lúc vắng người mới dám nhặt.

Đã trôi qua hồi lâu mà người vẫn còn đông.

Em bé đói đến hoa cả mắt. Đúng lúc ấy có một em ăn xin khác đi đến, vừa nhìn thấy miếng bánh mì nó liền xông lên nhặt. Nhưng rất nhanh em bé này đã nhảy ra nhặt trước. Rất nhiều người biết tên em, đó là Tam Mao.

Đối với miếng bánh mì rơi, nhu cầu tâm lý của Tam Mao đã sản sinh ra một loạt đấu tranh:

Bản thân đang đói, em rất muốn được miếng bánh mì, đó là biểu hiện nhu cầu sinh lý vốn đã có điều kiện để thỏa mãn.

Nhưng nếu nhặt trước mặt đông người thì cảm thấy rất xấu hổ. Lòng tự tôn xuất hiện cản trở sự thúc dục của cái đói, tức là một khắc thổ.

Khi phát hiện miếng bánh mì mà mình đợi mãi sắp bị người khác cướp mất, thì nó không chần chừ xông ra. Đó là kết quả của nhu cầu an toàn nảy sinh, nhu cầu đó đã khắc chế lại nhu cầu muốn được tôn trọng ở trên.

Câu chuyện nhỏ này dùng để nói rõ nguyên lý chế hoá: Mộc khắc thổ, thổ sinh kim, kim khắc mộc là vô cùng xác đáng. Nếu chúng ta công phu tìm tòi chắc sẽ dễ dàng phát hiện trong cuộc sống thường ngày còn nhiều trường hợp giống hiện tượng “tâm lý Tam Mao” như trên.

“Không sợ xấu mặt thì ăn nhiều, sợ xấu mặt thì ăn ít” câu tục ngữ này nói rõ hiện tượng tâm lý đó. Ban đầu là nhu cầu sinh lý đòi hỏi, nhưng vì nhu cầu giữ thể diện cản trở nên không dám ăn nhiều, kết quả chỉ dám ăn ít. Giả sử người này tăng thêm nhu cầu an toàn thì đã có thể giải quyết được vấn đề này.

### **▲ Hỏa khắc kim - Kim sinh thủy - Thủy khắc hỏa**

Tổng Giang là đầu đảng của khởi nghĩa nông dân thời Bắc Tống. Nhưng trong đầu ông ta chứa đầy ý thức của tầng lớp nho sĩ. Vốn định dựa vào bản lĩnh mình để giành được một chức quan, mong làm rạng rỡ cho tổ tông. Nhưng một người phụ nữ đã đánh tan giấc mộng hoàng lương của Tổng Giang. Vì tội giết người mà Tổng Giang bị đày đi xứ khác. Điều đó đối với Tổng Giang thật là một đòn chí mạng.

Có một lần sau khi uống rượu, anh ta hoa bút viết lên tường Tàn Dương lầu bài thơ tứ tuyệt:

*Thân tại Giang Đông, tâm tại Ngô*

*Phiêu bạt bốn phương cảnh giang hồ*

*Chờ ngày công danh ta thành đạt*

*Hoàng Sào đâu đã gọi là to.*

Không ngờ bức thư này bị Quan phủ phát hiện, cho là thơ phản, đồng thời cho rằng người này có liên quan với giặc cướp Lương Sơn Bạc. Tống Giang lại bị đòn thứ hai, nên bị bắt giam.

Vì sự an toàn của tính mệnh, Tống Giang đã nhờ người đưa thư đến Lương Sơn Bạc, nhờ họ xuống núi cứu vớt. Thế nên mới có chuyện hảo hán Lương Sơn Bạc cướp pháp trường, Tống Giang được đưa lên Lương Sơn.

Tư tưởng của Tống Giang lại trải qua một lần thay đổi lớn. Vốn ban đầu Tống Giang muốn đeo đuổi con đường sĩ tử công danh, rất hờ hững với con đường lạc thảo làm giặc, vì hai con đường đó mâu thuẫn với nhau như lửa với nước.

Nhưng khi hành động của ông không được nhà cai trị địa phương cho phép thì sự an toàn tính mệnh không còn bảo đảm, nên ông đành tìm đến những thế lực mới để quy phục, mong bảo toàn cuộc sống.

Tập đoàn mới phản đối những người cai trị đã áp chế Tống Giang. Tống Giang ra khỏi giấc mộng ban đầu, đối mặt với một hiện thực mới. Lúc đó ông mới được giải thoát thực sự, một sự giải thoát về tâm linh.

Ta dùng nguyên lý chế hoá nhu cầu ngũ hành để giải thích sự hài hòa nội tâm này, có thể diễn đạt như sau:

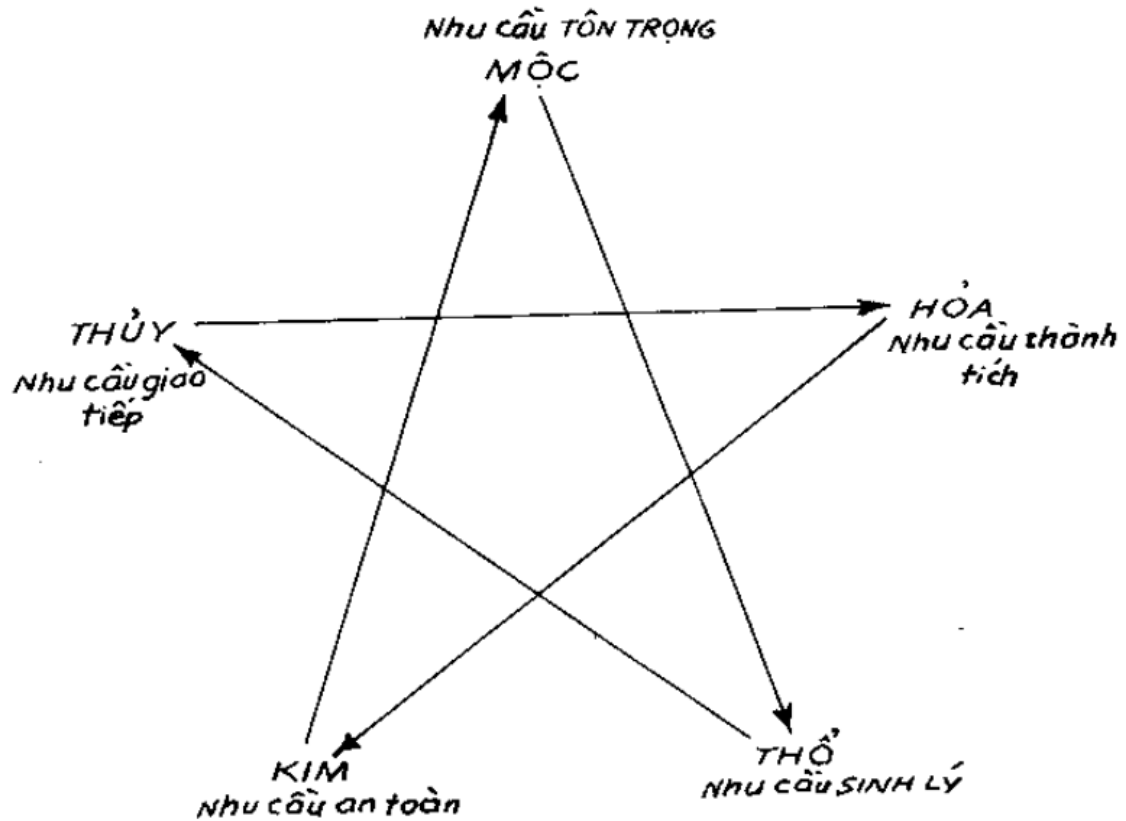
1) Tống Giang vì có liên quan với các hảo hán ở Lương Sơn nên bị phạt tử hình, tức hỏa khắc kim.

2) Trong mối liên hệ bí mật với các hảo hán ở Lương Sơn, Tống Giang nhận được sự giúp đỡ nghĩa hiệp của họ, cứu mạng sống cho Tống Giang, đó là kim sinh thủy.

3) Đi lên Lương Sơn chống lại triều đình, đoạn tuyệt với tư tưởng công danh ban đầu, tức thủy khắc hỏa.

Cái gọi là hài hòa nội tâm chính là lấy một loại nhu cầu để không chế

một loại nhu cầu khác, khiến cho các nhu cầu đạt được sự cân bằng. Đó là mục đích căn bản của chế hoá.



### ▲ Thổ khắc thủy - Thủy sinh mộc - Mộc khắc thổ

Nhạc Phi từ nhỏ rất có chí. Nhưng vì nhà nghèo, bà mẹ không có tiền cho ông ăn học.

Song nghèo khó cũng không cản trở được lòng ham học của Nhạc Phi. Ông lấy giỏ đất xúc đầy cát mang về nhà, lẫn đất và cát khóa thành nền bằng, dùng càn liêu làm bút nhờ mẹ dạy học chữ. Lúc mười mấy tuổi ông đã có thể viết được những bài văn hay.

Một lần ông gặp mấy đứa trẻ con nhà giàu được thầy dạy học, ông đứng ngoài cửa sổ nhìn trộm. Lời giảng của thầy về các đạo lý khiến ông vô cùng ngưỡng mộ, ông rất muốn làm đệ tử của các thầy. Ông thầy này vốn là người có tiếng, tên gọi Chu Đồng. Ông chính là thầy của Lâm Xung và Lư Tuấn Nghĩa, uy danh vang lừng thời ấy. Mời được thầy này tất nhiên phải rất tốn kém, Nhạc Phi căn bản không làm nổi.



Nhạc Phi tìm cách gần gũi những trẻ con nhà giàu, giúp chúng làm bài. Có một lần Nhạc Phi viết một bài thơ lên tường phòng học của thầy Chu, nói rõ khát vọng học kiến thức của mình, lòng ham muốn đi tìm công danh sự nghiệp, đồng thời cũng ngầm biểu thị nỗi khổ tâm của mình không có tiền mời thầy dạy học. Thầy Chu sau khi xem được bài thơ đầy hào khí đó vô cùng kinh ngạc, cho rằng em bé này rất có tiền đồ và đã thu nhận em làm nghĩa tử, miễn học phí cho học, còn đem hết võ công của mình ra dạy dỗ, về sau Nhạc Phi quả trở thành viên quan rường cột của nước nhà, công danh lưu thiên cổ.

Câu chuyện về lòng ham học này của Nhạc Phi đã nhắc nhở người đời sau rất nhiều. Nghèo không phải là nhân tố quyết định không thể thành tài.

Muốn thành đệ tử của Chu tiên sinh, đó là nhu cầu thiết tha của Nhạc Phi. Nhưng nhu cầu này bị nhu cầu sinh lý khống chế. Nhà Nhạc Phi nghèo quá nên không thể cùng với con nhà giàu đến học Chu Đồng. Vì mong muốn cầu thầy nên Nhạc Phi đã viết một bài thơ, hy vọng được thầy chú ý và đáp ứng. Kết quả ông đã được thỏa mãn. Những ví dụ thế này còn có thể tìm thấy trong các câu chuyện rất cảm động về tình yêu. Ví dụ có cậu em bé nhà nghèo yêu một tiểu thư. Để nhận được tình yêu này, cậu bé đó đã phải làm những việc nổi tiếng khiến cho tiểu thư phải cảm động, kính phục. Do đó một cuộc hôn nhân phá bỏ sự ràng buộc của truyền thống cũ đã được tiến hành.

Những câu chuyện này đều nảy sinh ra từ mối quan hệ chế hoá: thổ khắc thủy, thủy sinh mộc, mộc khắc thổ mà ta đã đề cập trên đây. Do đó nguyên lý chế hoá có thể đề cao lòng tự tin của một người khi gặp khó khăn. Câu nói “không có việc gì khó, chỉ sợ lòng không bền” cũng gần nghĩa với trường hợp này.

### **▲ Kim khắc mộc - Mộc sinh hỏa - Hỏa khắc kim**

Trên đây ta đã nói đến Chu Đồng, ông có một học trò giỏi là Lâm Xung, giáo đầu của tám mươi vạn cấm quân của triều đình thời đó. Lâm Xung có người vợ dung nhan rất đẹp. Vợ chồng yêu nhau thắm thiết, đó là một gia đình khiến cho mọi người mơ ước.

Không may về sau gia đình nhỏ này gặp tai hoạ. Con của Thái uý Cao Cầu thấy vợ Lâm Xung đẹp, đem lòng tưởng nhớ, tìm cách hãm hại Lâm Xung, từ đường đường là một vị Giáo đầu cấm quân, Lâm Xung bị đưa lên biên thùy trông coi kho lương thảo.

Lâm Xung khi ở quan trường, bản thân vốn cũng có đôi phần kiêu ngạo, không chịu cúi đầu trước kẻ ác, nhưng cũng đành nhẫn nhục ghim nén sống dưới sự áp chế vô lý này. Song bọn ác hiểm vẫn chưa chịu buông tha ông, chúng sai thủ hạ đốt cháy kho lương thảo, nhằm đẩy ông vào chỗ chết. Ông phát hiện được âm mưu của bọn chúng nên quyết tâm báo thù rửa nhục. Ông ra khỏi quan phủ, bước thứ nhất là giết bọn tham quan. Sau khi giết chết mấy tên ác, ông đành phải lên Lương Sơn, nhập vào lạc thảo làm giặc.

Đó là câu chuyện Lâm Xung bị bức lên Lương Sơn Bạc. Mao Trạch Đông ở Diên An đã từng ca ngợi ý nghĩa Cách mạng của câu chuyện này. “Ở đâu có áp bức thì ở đó có đấu tranh”.

Đó là sự bình phẩm câu chuyện này theo góc độ chính trị. Còn theo tâm lý học chúng ta cũng có thể phát hiện một ý nghĩa khác của câu chuyện đó.

Lòng tự trọng của Lâm Xung luôn bị sự áp chế của bọn người dưới trướng Cao Cầu. Đầu tiên chúng lừa Lâm Xung đi sai vào Bạch Hổ đường rồi ghép cho tội làm phản. Sau đó phá nhà Lâm Xung, bức tử Lâm phu nhân. Chúng sợ Lâm Xung báo thù nên đốt kho lương thảo để giá họa cho ông. Muốn làm cho Lâm Xung vào tù nhưng không được, điều đó khiến cho Lâm Xung phải chống lại, làm thay đổi cả cuộc đời mình.

Kim là nhu cầu an toàn đã áp chế mộc là nhu cầu tự trọng. Để bảo vệ nhu cầu tự trọng của mình, Lâm Xung đành chuyển sang nhu cầu thành tích đứng lên tạo phản giết chết bọn ác, như thế mới khôi phục được nhân cách của mình. Sau khi giết chết bọn ác, nhu cầu an toàn đã được giải trừ, nội tâm của Lâm Xung đã đạt đến sự cân bằng mới.

Dùng quan hệ chế hoá của nhu cầu ngũ hành để biểu thị thì ta được sơ đồ dưới đây.

1) Nguyên nhân: kim (nhu cầu an toàn) khắc mộc (nhu cầu được tôn trọng).

2) Phát triển: mộc (nhu cầu được tôn trọng) sinh hỏa (nhu cầu thành tích).

3) Kết quả: hỏa (nhu cầu thành tích) khắc kim (nhu cầu an toàn).

Qua phân tích ba nhân tố: nguyên nhân, phát triển, kết quả của mỗi một sự kiện ta có thể có được một nhận thức rõ ràng đối với sự phát triển của sự

vật. Đồng thời có thể chọn những biện pháp thích đáng khiến cho kết quả có lợi cho ta. Đó cũng là một ý nghĩa quan trọng của việc nắm vững nguyên lý chế hoá.

### **▲ Thủy khắc hỏa - Hỏa sinh thổ - Thổ khắc thủy**

Sau khi tạo phản Lâm Xung chạy đến chỗ Lỗ Trí Thâm là người đã giới thiệu Lâm Xung với Lương Sơn Bạc.

Khi đó người cầm đầu Lương Sơn Bạc là Vương Luân và một số người khác, số người khởi nghĩa còn chưa nhiều. Những hoạt động thường ngày cũng chỉ là cướp của nhà giàu để đảm bảo cuộc sống. Điều này đối với Lâm Xung mà nói là không hấp dẫn gì. Nhất là Vương Luân là kẻ bụng dạ hẹp hòi. Sau khi Vương Luân biết Lâm Xung là Giáo đầu cầm quân trong triều thì lo sợ Lâm Xung cướp mất ngôi ghế thứ nhất của mình, nên luôn luôn gây khó khăn trở ngại cho Lâm Xung. Điều đó làm cho Lâm Xung rất chán ngán, nghĩ rằng tập đoàn nhỏ Lương Sơn Bạc này không hoan nghênh ông. Ngọn lửa về thành tích vừa nhen lên nay lại gặp trắc trở.

Nhưng khi đó Lâm Xung đang bị triều đình truy lùng, không có nơi dung thân. Để có chỗ sống và ẩn nấp nên ông đã phải nhẫn nhục đối với sự đố kỵ của Vương Luân, cúi lưng làm con tốt cho Vương Luân, mong được mọi người yêu thích, tìm một chỗ đứng ở Lương Sơn Bạc.

Lâm Xung nhẫn nhục làm những việc nặng nhọc, vị trí xếp ở hạng cuối cùng.

Đến đây chúng ta cũng dễ thấy tình cảnh hiện trạng của Lâm Xung là rất bi đát. Nhưng Lâm Xung đã ngoan cường sống tiếp chờ đợi thời cơ mới. Về sau khi Triều Cái, Ngô Dụng và khoảng ba mươi sáu người nữa chạy lên Lương Sơn Bạc thì họ mới mang lại cho Lâm Xung vận hội mới.

Về mặt xử lý, khi gặp hoàn cảnh không tốt Lâm Xung đã rất sáng suốt, rất có sức chịu đựng. Khi nhu cầu giao tiếp của một người không được thỏa mãn và hạn chế sự đáp ứng của nhu cầu thành tích thì nên xuất phát từ nhu cầu sinh lý, lấy đó làm cơ sở để hạn chế những nhân tố không tốt do nhu cầu giao tiếp, gây ra. Cái gốc của nguyên lý chế hoá là trong chế có hoá, trong hoá có chế.

Nguyên lý này thích hợp với việc điều tiết nhu cầu tâm lý của bản thân cũng thích hợp cho sự điều tiết quan hệ giao tiếp.

Sau khi Lâm Xung phát hiện Vương Luân không muốn dung nạp thì tự động hạ thấp nhu cầu thành tích xuống đến tầng thứ nhu cầu sinh lý. Như vậy sự đồ kỵ của Vương Luân sẽ giảm xuống, lòng hờ vênh của Vương Luân được thỏa mãn, tự nhiên sẽ không đuổi Lâm Xung xuống núi nữa.

Còn bản thân Lâm Xung mà nói, ông lấy ý nghĩ cần phải sống để đánh tan ý muốn không dung nạp của Vương Luân, từ đó mà hạ thấp nhu cầu giao tiếp. Vương Luân không dùng thì mặc kệ, dù sao tôi chỉ cần sống là được. Trước hết trốn ở đây, sau đó mới tìm minh chủ. Nghĩ như thế nên Lâm Xung có thể chịu đựng được hoàn cảnh cuộc sống không vừa lòng.

Một người khi gặp khó khăn, hoặc gặp trở ngại về tâm lý, cần tự mình bình tĩnh lại tìm ra nguyên nhân, sau đó cố gắng hướng về phía tốt. Như thế mới có thể giải tỏa được sự đau khổ và trở ngại trong nội tâm. Thực chất của nguyên lý chế hoá là phương pháp có hiệu quả tự mình điều tiết nhu cầu tâm lý.

#### □ NGUYÊN LÝ THỪA THẮNG VÀ HẠ NHỤC

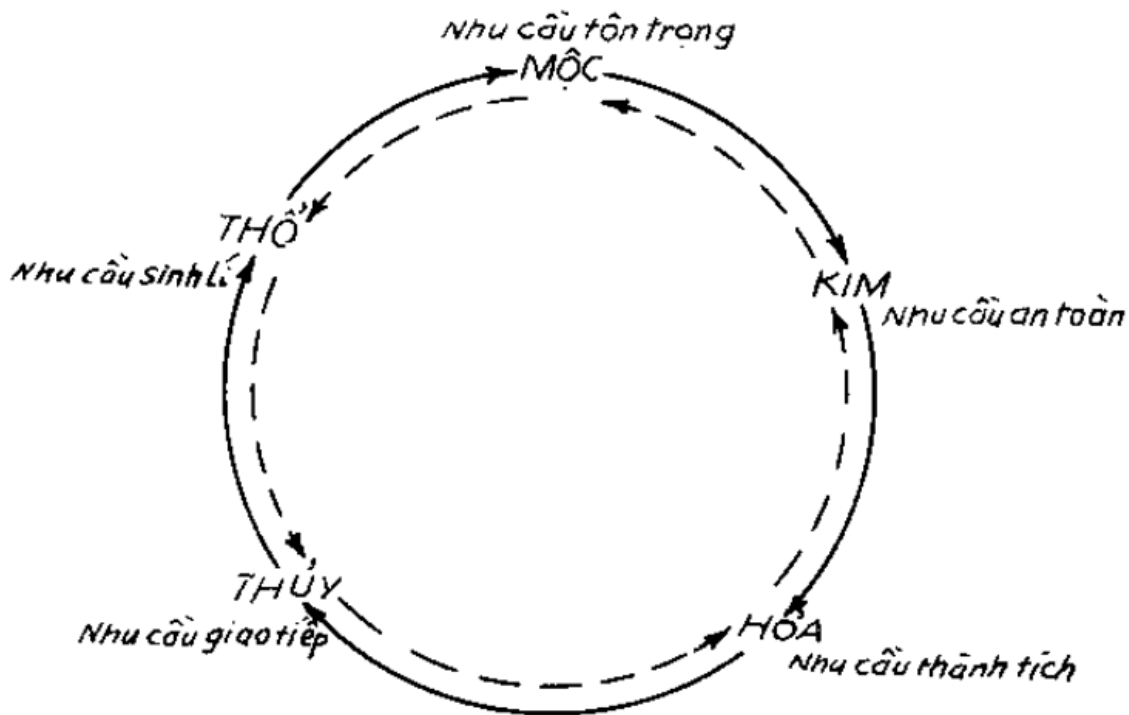
Lý luận ngũ hành ngoài những nguyên lý sinh khắc, chế hoá vừa nói ở trên còn có nguyên lý thừa thắng và hạ nhục.

Gọi là “thừa thắng” có nghĩa là nhân đà đó mà tiến lên; Gọi là “hạ nhục” có nghĩa là làm yếu đi. Ví dụ: kim vốn khắc mộc, mộc lại khắc thổ. Nhưng khi mộc khí cường thịnh, thổ khí suy, kim không thể khắc chế mộc một cách bình thường, mộc cường thịnh không những thừa thắng áp chế thổ suy mà đồng thời quay ngược lại hạ nhục kim. Ngược lại, nếu mộc khí suy nhược, kim khí cường thịnh, thế tất dẫn đến kim thừa thế thắng mộc, thổ quay lại hạ nhục mộc.

Sách “Tổ vấn - ngũ vận hành đại luận” nói: “Khí có dư thì sẽ hạ nhục cái thắng mình; khí bất cập thì sẽ bị cái thua mình hạ nhục”. Ở đây mộc khí cường thịnh cho nên khắc chế thổ là cái thua mình, đó gọi là “thừa thắng”. Đồng thời mộc khí còn quay lại khắc chế kim là cái mình thua, đó gọi là “hạ nhục”. Khi mộc khí suy nhược thì mộc bị kim thừa thắng mà khắc chế; đồng thời thổ cũng sẽ xem thường mộc mà làm nhục.

Thừa thắng và hạ nhục là hiện tượng khác thường của sự biến hoá phát triển sự vật, là biểu hiện mối quan hệ bình thường giữa các ngũ hành đã mất sự hài hoà. Chúng cũng biểu hiện sự xung đột khác thường giữa các nhu cầu tâm lý của con người.

“Thừa thắng” và “hạ nhục” đều thuộc phạm trù tương khắc, nhưng nó khác với sự tương khắc bình thường mà là sự khắc ngược. Nó biểu thị sự cố hoặc xung đột bỗng nhiên trong quá trình vận động của sự vật. Ta có thể dùng hình vẽ dưới đây để biểu thị:



### ***Quan hệ “thừa thắng”, “hạ nhục” của nhu cầu ngũ hành***

**Chú:** Mũi tên nét liền là chiều hạ nhục;

Mũi tên nét đứt là chiều thừa thắng.

Trên đây là ví dụ mối quan hệ tương khắc của kim khắc mộc, mộc khắc thổ. Mộc vừa là cái bị khắc, vừa là khắc cái khác. Đó là nói trong điều kiện bình thường, nhưng cũng có lúc hiện tượng thừa thắng và hạ nhục phát sinh một cách khác thường.

Theo ví dụ trên mà nói, nguyên nhân dẫn đến hiện tượng thừa thắng và hạ nhục có hai loại: loại thứ nhất là khi mộc cường thịnh; loại thứ hai là khi mộc suy yếu.

Loại nguyên nhân thứ nhất dẫn đến kết quả là: mộc thừa thắng thổ, mộc hạ nhục kim.

Loại nguyên nhân thứ hai dẫn đến kết quả: kim thừa thắng mộc, thổ hạ nhục mộc.

Do đó chúng ta có thể đưa ra kết luận sau: khi một hành cường thịnh thì nó sẽ làm yếu hành khắc nó và khắc chế hành bị nó khắc; khi một hành suy nhược thì hiện tượng xảy ra ngược lại.

Chúng ta có thể biểu thị mối quan hệ “thừa thắng” và “hạ nhục” khi mỗi hành thịnh hay suy đối với các hành khác theo bảng dưới đây:

Ngũ hành	Trạng thái	Khắc	Bị khắc
Kim	Thịnh	Kim thừa thắng mộc	Kim hạ nhục hỏa
	Suy	Mộc hạ nhục kim	Hỏa thừa thắng kim
Mộc	Thịnh	Mộc thừa thắng thổ	Mộc hạ nhục kim
	Suy	Thổ hạ nhục mộc	Kim thừa thắng mộc
Thổ	Thịnh	Thổ thừa thắng thủy	Thổ hạ nhục mộc
	Suy	Thủy hạ nhục thổ	Mộc thừa thắng thổ

Thủy	Thịnh	Thủy thừa thắng hoả	Thủy hạ nhục thổ
	Suy	Hỏa hạ nhục thủy	Thổ thừa thắng thủy

Nguyên lý “thừa thắng” và “hạ nhục” có rất nhiều tác dụng trong điều tiết mối quan hệ giao tiếp. Vì con người hàng ngày thường có nhiều ý nghĩ bất ngờ xuất hiện, khi những ý nghĩ đó xâm chiếm tâm linh anh ta và có thể có hại cho bản thân, hoặc sẽ làm phương hại đến lợi ích công cộng thì cần phải khắc chế, xoá bỏ nó. Phương pháp khắc chế có thể xuất phát từ nguyên lý thừa thắng hạ nhục, cũng có thể xuất phát từ nguyên lý khác. Chỉ cần tìm được phương pháp đúng thì sự khắc chế sẽ có kết quả.

## □ NGUYÊN LÝ BỔ TẢ

Nguyên lý bổ tả là các nhà trung y trong thực tiễn y học về sau này phát hiện ra và tổng kết thành kinh nghiệm quý báu.

Bổ tức là bổ ích. Trong y học có một phương pháp chữa trị gọi là phép bổ ích, tức là vận dụng những phương thuốc có tác dụng bổ dưỡng, lấy phương pháp trị liệu lớn để tiêu trừ các chứng hư nhược.

Tả tức là tiêu tả. Trong y học cũng có một phương pháp chữa trị gọi là phép tiêu tả, tức là dùng những phương thuốc giúp tiêu hoá và làm tiêu chứng ngưng trệ, lấy phép chữa trị đó để tiêu trừ sự tích trệ.

Bổ và tả trong châm cứu có “hư thì bổ, thực thì tả”. Các nhà trung y học trên cơ sở này nói rõ thêm là: hư thì bổ cho mẹ, thực thì tả con nó”.

Gọi là “mẹ” tức là chỉ hành đó có tác dụng sinh ra hành kia; gọi là “con” tức là chỉ hành này được hành khác sinh cho. Ví dụ: mộc sinh hỏa thì mộc tức là mẹ của hỏa, hỏa sinh thổ tức thổ là con của hỏa. Có nghĩa là nói bất cứ một hành nào trong ngũ hành đều có quan hệ mẹ, con với các hành khác.

Nguyên lý bổ mẹ, tả con chứng tỏ các tiên triết Trung Quốc có quan niệm triết học biện chứng đối với sự vật. Quan điểm đó không nhìn sự vật một cách cục bộ, phiến diện, yên tĩnh mà là nhìn nhận sự vật một cách chỉnh thể, toàn diện, phát triển. Không những chú trọng đến hiện trạng mâu thuẫn của sự vật mà còn coi trọng nguyên nhân và kết quả của sự sản sinh ra mâu thuẫn đó.

Theo nhu cầu tâm lý của con người mà nói, cũng có đặc điểm quan hệ tương tự. Nông dân đứng lên tạo phản chống lại sưu cao thuế nặng, đó là vì cuộc sống không thể tiếp tục được nữa mới dẫn đến sự tăng mạnh mẽ nhu cầu an toàn, từ đó sản sinh ra hành động tạo phản. Nếu không có chế độ thuế má hà khắc, cuộc sống không khó khăn thì nhu cầu an toàn sẽ không phát triển mạnh mẽ. Sự phát triển mạnh mẽ của nhu cầu an toàn nếu không có sự khắc chế thì tất nhiên sẽ dẫn đến hành động tạo phản. Tạo phản bản thân nó là một loại nhu cầu giao tiếp.

Đứng trên lập trường Nhà nước mà nói, nên dùng biện pháp bổ cho mẹ, tức là hòa hoãn sự kích hoá mâu thuẫn. Khi mà nhu cầu của những người tạo

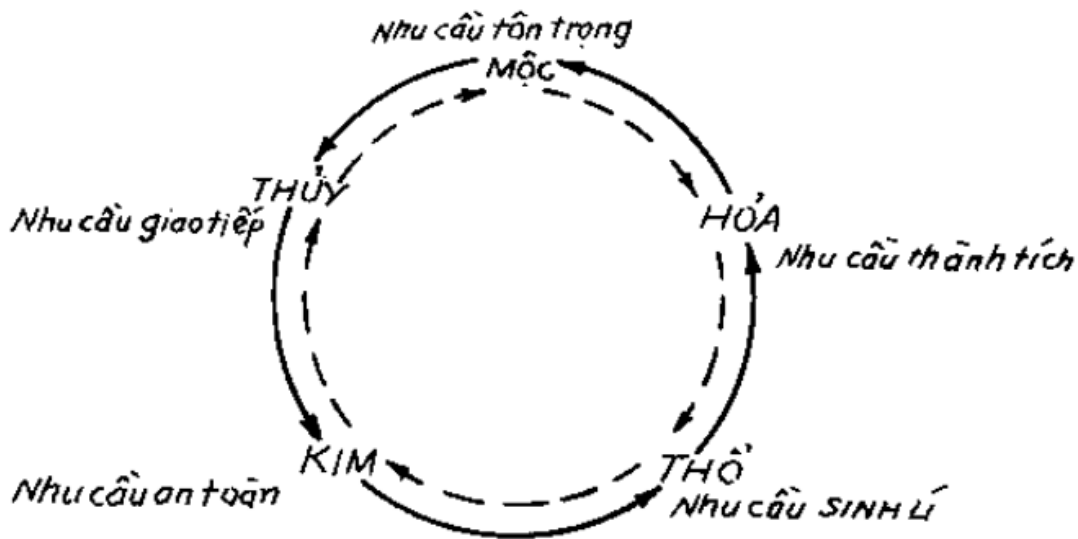


phản còn đang ở tầng thứ nhu cầu giao tiếp thì sự bổ mẹ này sẽ rất có hiệu quả. Một khi nhu cầu giao tiếp này phát triển thành nhu cầu đòi được tôn trọng và nhu cầu về thành tích thì sự bổ trợ này sẽ không còn tác dụng nữa.

Đứng trên lập trường những người đòi yêu sách với Nhà nước mà nói là nên cố gắng đấu tranh để giành lại hạnh phúc cho cuộc sống, không nên dựa vào sự ban ơn. Hơn nữa phải tích cực tuyên truyền giáo dục, dẫn dắt để cho nhu cầu mới ngày càng nâng cao. Đó là cái mà ta hay nói là cần phải giác ngộ cho quần chúng. Những điều trên đây đều là sự vận dụng cụ thể của phép bổ tả.

Dưới đây chúng ta có thể dùng hình vẽ để biểu thị nguyên lý bổ tả của nhu cầu ngũ hành.

Nhu cầu tôn trọng



### **Bổ tả nhu cầu ngũ hành**

Chú : nét liền là bổ, nét đứt là tả

Chú: nét liền là bổ, nét đứt là tả

Căn cứ hình vẽ đó ta có thể lập thành bảng dưới đây.

Trong cuộc sống thường ngày, sự vận dụng nguyên lý bổ tả có thể điều

tiết nhu cầu của con người một cách có hiệu quả. Thực chất nguyên lý bổ tả thuộc về phạm trù tương sinh, nó ngược với nguyên lý “thừa thắng” và “hạ nhục”. Vận dụng chính xác, kịp thời bổ tả có thể khiến cho bản thân có một nhân duyên tốt.

Ngũ hành	Nhu cầu	Thực, hư	Bổ	Tả
Hoả	Nhu cầu thành tích	Thực		Tả cho con thổ
		Hư	Bổ cho mẹ là mộc	
Mộc	Nhu cầu tôn trọng	Thực		Tả cho con hoả
		Hư	Bổ cho mẹ là thủy	
Thủy	Nhu cầu giao tiếp	Thực		Tả cho con Mộc
		Hư	Bổ cho mẹ kim	
Kim	Nhu cầu sinh lý	Thực		Tả cho con thủy
		Hư	Bổ cho mẹ là thổ	
Thổ	Nhu cầu an toàn	Thực		Tả cho con kim
		Hư	Bổ cho mẹ là hoả	

## ● AM HIỂU ÂM DƯƠNG:

### ĐIỀU HÒA TỨC LÀ NHÂN HOÀ

#### □ HỌC THUYẾT ÂM DƯƠNG

Phần trên chúng ta đã dùng lý luận ngũ hành để nói rõ trạng thái tĩnh của mô thức ngũ tinh của chúng ta, bởi vì nó còn thiếu nguồn năng lượng, thiếu động lực. Ví như một máy vô tuyến truyền hình, các cấu kiện đều đã lắp và chỉnh tốt, nhưng vẫn chưa thu được tín hiệu, màn hình chưa hiện ra được hình ảnh mà chúng ta mong muốn. Đó là vì chưa được nối với nguồn điện - gồm: hai dây nóng và lạnh tạo thành.

Từ xưa đến nay nói đến ngũ hành tất phải nói đến âm dương, ngược lại nói đến âm dương cũng phải nói đến ngũ hành. Học thuyết âm dương và học thuyết ngũ hành là hai bộ phận cấu thành triết học cổ đại của Trung Quốc. Chúng là phương pháp của người Trung quốc cổ nhận thức và phân tích sự vật. Trong quá trình vận dụng thực tế, hai học thuyết này thường có mối liên hệ với nhau rất chặt chẽ. Do đó ở đây cũng được chúng ta dùng để giải thích và làm sáng tỏ về mặt tâm lý và thực tiễn của mô thức ngũ hành.

Học thuyết âm dương phân tích nhu cầu dựa trên tính nguyên tắc, nói rõ mối quan hệ đối lập thống nhất giữa các nhu cầu với nhau. Còn học thuyết ngũ hành theo tính cá biệt mà quy nạp các loại nhu cầu, đồng thời còn nói rõ mối quan hệ biến hoá giữa chúng với nhau. Do đó mà nói: trong âm dương bao hàm ngũ hành, trong ngũ hành lại chia thành âm dương. Cả hai là một chỉnh thể hữu cơ. Sự kết hợp âm dương ngũ hành không những có thể nói rõ mối quan hệ chung giữa hai mặt của mâu thuẫn, mà còn nói rõ mối liên hệ tương hỗ lẫn nhau, sự chế ước lẫn nhau khá cụ thể thì phức tạp giữa các sự vật. Từ đó mà có lợi cho quá trình giải quyết những hiện tượng tâm lý phức tạp và điều hòa nhu cầu của con người.

#### ▲ Một âm, một dương gọi là đạo

Học thuyết âm dương là sự nhận thức thế giới đối với người Trung Quốc cổ. Trong “Kinh dịch” nói: “Một âm một dương gọi là đạo”. Đạo tức là đạo lý, tức là quy luật. Người Trung Quốc cổ nhận thức thế giới là bắt đầu từ âm dương.

Sự ra đời của tư tưởng âm dương bắt nguồn ở chỗ tính khác biệt của nam nữ. Sự ra đời đó là sản vật của tư tưởng nguyên thủy của loài người. Kinh dịch nói: “Vô cực sinh thái cực, thái cực sinh lưỡng nghi”. Lưỡng nghi này chính là âm và dương. Ban đầu người Trung Quốc cổ gọi bộ phận hướng về ánh sáng mặt trời là dương, gọi bộ phận trong bóng tối là âm. Về sau giải thích phát triển cho những hiện tượng khác, dần dần khiến cho âm dương trở thành khái niệm triết học dùng để giải thích hai thế lực cân bằng của động thái liên quan với nhau, đối lập lẫn nhau của thế giới tự nhiên và xã hội loài người. Do đó mà nói âm dương là sự khái quát của người Trung Quốc cổ đối với hai mặt đối lập và thống nhất của các sự vật và hiện tượng có liên quan với nhau trong vũ trụ. Khái niệm đó vừa đại biểu cho hai sự vật đối lập nhau, vừa đại biểu cho hai mặt mâu thuẫn lẫn nhau của cùng một sự vật.

Người Trung Quốc cổ cho rằng bất kỳ một sự vật nào trong vũ trụ đều bao hàm hai mặt đối kháng nhau là âm và dương. Ví dụ như ngày và đêm, lạnh và nóng, động và tĩnh, nắng và mưa, v.v... Vì hai mặt của âm dương luôn vận động biến hoá, nên tạo thành tất cả mọi sự vật, thúc đẩy sự vật vận động và phát triển.

Người Trung Quốc cổ nhận thức đối với âm dương không chỉ giới hạn bởi đặc tính của sự vật, tức là không đơn thuần xem âm dương là hai yếu tố lớn cấu thành vạn vật trong vũ trụ, mà chủ yếu hơn là dùng âm dương để nói rõ đó là thuộc tính của các hiện tượng biến hoá của mọi sự vật trong vũ trụ. Tức là trừu tượng hoá công năng, đặc tính của sự vật rồi từ đó khái quát lên. Ví dụ: trời, mặt trời, nhân, trên, trước, sáng, ngày, quý, phúc, v.v... đều là những mặt tích cực của sự vật, được xem là dương. Đất, mặt trăng, nghĩa, dưới, sau, tối, đêm, hèn, hoạ... đều là những mặt tiêu cực của sự vật, được xem là âm.

Trong “Kinh dịch” nói: “một âm một dương gọi là đạo”. Mọi hiện tượng biến hoá của sự vật trong trời đất, không hiện tượng nào là không dựa vào thời gian và vị trí không gian để biến thành hoặc là dương, hoặc là âm. Tác dụng biến hoá này của âm dương là vĩnh viễn không ngừng, vô cùng vô tận. Đó là quy luật của vũ trụ, cũng là quy luật của cuộc sống con người. Cho nên sách “Tổ vấn - âm dương ứng tượng đại luận” nói: “Âm dương là đạo của thiên địa, là kỷ cương của vạn vật, là cha mẹ của sự biến hoá, là nguồn gốc của sự sinh sát, là trung tâm của thần minh”. Có nghĩa là âm dương là quy luật phổ biến trong vũ trụ, là cương lĩnh để phân tích và quy nạp sự thiên biến vạn hoá của vạn vật, là nguồn gốc phát triển của mọi sự

vật, tức là cái gốc của sự phát sinh, phát triển và diệt vong.

Học thuyết âm dương được ứng dụng rất rộng rãi trong y học cổ đại Trung Quốc. Nó chủ yếu đối lập thống nhất làm hạt nhân, lấy hai mặt âm dương dựa vào nhau, chế ước nhau, chuyển hoá cho nhau làm nội dung cơ bản. Hơn nữa còn dùng phương pháp tượng loại hoá để nói rõ mối quan hệ giữa con người và hoàn cảnh tự nhiên và các vấn đề như sinh lý, bệnh lý, chẩn đoán, phương dược, trị liệu, dưỡng sinh của nhân thể.

Nhu cầu tâm lý của con người cũng giống với tính chất của âm và dương. Ví dụ khi chủ thể và khách thể cùng tồn tại, nhu cầu của chủ thể là dương, nhu cầu của khách thể là âm. Nhân hòa tức là điều hòa sự cân bằng giữa nhu cầu chủ thể và khách thể. Lại ví dụ, mức độ thỏa mãn của một loại nhu cầu nào đó cũng tồn tại hai loại lính chất và mức độ khác nhau. Mặt được thỏa mãn là dương, mặt chưa được thỏa mãn là âm.

Đối với nhu cầu tâm lý thì sự nhận thức sâu sắc về tính chất và tác dụng của âm dương giúp cho chúng ta trong quá trình biến hoá và phát triển sẽ nắm bắt được nhu cầu và điều tiết nhu cầu một cách chính xác.

Học thuyết âm dương với tư cách là tư tưởng triết học chính là sự nhận thức và khái quát của người Trung Quốc cổ đối với tất cả các sự vật trong vũ trụ. Điều đó chứng tỏ ý đồ người Trung Quốc cổ dùng hai phạm trù cơ bản âm dương này để nói rõ tính chất và quy luật của vũ trụ. Tư tưởng biện chứng này đã vượt rất xa với trình độ phát triển của triết học phương Tây thời đó và cho đến nay vẫn còn chói lọi phát sáng trí tuệ triết học phương Đông. Đồng thời khiến cho các nhà triết học và khoa học phương Tây ngày nay đều hướng về nó và thu hút những tinh tuý trong tư tưởng đó. Nội dung chủ yếu của học thuyết âm dương có năm vấn đề: đối lập lẫn nhau, dựa vào nhau, tăng trưởng và tiêu giảm lẫn nhau, chuyển hoá lẫn nhau và cân bằng với nhau. Dưới đây chúng ta sẽ giới thiệu và nói rõ tư tưởng của năm vấn đề này.

### **▲ Sự đối lập lẫn nhau của âm dương**

Học thuyết âm dương cho rằng vạn vật trong vũ trụ đều tồn tại phổ biến hai mặt âm dương đối lập nhau, chủ yếu biểu hiện ở sự đối kháng lẫn nhau, đấu tranh lẫn nhau giữa chúng trong sự vật. Giống như lực tác dụng và phản tác dụng trong lực học, lực hấp dẫn và lực đẩy. Lực hấp dẫn Là dương. Hai loại lực này vừa thay đổi cho nhau, vừa thống nhất với nhau. Niuton từ quả táo rơi mà phát hiện ra định luật vạn vật hấp dẫn, nhưng ông không thấy

được lực đẩy nhau. Do đó khi nói đến lực ly tâm của các ngôi sao đang vận động thì lý luận Niuton đã bộc lộ ra mặt thiếu sót cơ bản của nó. Điều đó chứng tỏ định luật Niuton còn thiếu nguyên lý đối lập của học thuyết âm dương.

Bất cứ sự vật nào mặt đối lập này vẫn phải thông qua đấu tranh với mặt đối lập kia để chế ước lại. Mặt động, tích cực lấy tĩnh để trấn áp lại, đó là mặt âm; mặt ngược lại là mặt dương. Có đấu tranh sẽ có thắng thua. Sự thắng thua này trong y học được xem là nguyên nhân gốc sản sinh ra bệnh tật. Sách “Tổ vấn - ứng tượng đại luận” nói: “Âm thắng thì dương bệnh. Dương thắng thì âm bệnh”. Trong điều kiện bình thường, hai mặt đối lập âm dương cũng không phải là yên tĩnh cùng tồn tại trong một vật thống nhất mà luôn luôn bài trừ nhau, đấu tranh lẫn nhau. Chỉ có không ngừng đấu tranh bài trừ như thế thì mới có thể thúc đẩy sự vật biến hoá và phát triển.

Sự đối lập của âm dương biểu hiện trên nhu cầu tâm lý của con người theo hai mặt sau: thứ nhất là yêu cầu của anh mâu thuẫn với yêu cầu của người khác; thứ hai là trong nhu cầu của anh vốn vẫn tồn tại mâu thuẫn giữa hai mặt cản trở và thúc đẩy.

Chúng ta đều biết câu chuyện đấu tranh giữa Tôn Tẫn và Bàng Quyên. Theo sự phân tích từ nhu cầu tâm lý thì mâu thuẫn giữa hai người đều bắt nguồn ở chỗ mỗi người đều muốn thực hiện nhu cầu thành tích của mình. Mặc dù hai người cùng học một thầy, sau đó đều làm mưu sĩ cho một chủ, nhưng vì hai người đều đeo đuổi cùng một mục đích như nhau cho nên dẫn đến sự đối lập, bài trừ lẫn nhau. Sự đeo đuổi cùng một nhu cầu là nguyên nhân căn bản phát sinh sự xung đột. Chúng ta có thể cho rằng như thế sẽ tổn thương đến tình bạn, nhưng đó lại là điều tất nhiên và rất hợp lý. Sự xung đột giữa Tôn Tẫn và Bàng Quyên ngày càng kịch liệt, đồng thời cũng dẫn đến sự thành công, công danh của từng người. Bàng Quyên trước khi bị thua tự sát nói: “Không thành công thì cũng thành danh”. Điều đó đủ chứng tỏ ông ta có đầy đủ nhận thức tinh táo trong cuộc cạnh tranh. Cả hai người trong cuộc đấu tranh đó đã đưa hết tài trí thông minh của mình ra để thực hiện nhu cầu của mình.

Đương nhiên sự xung đột về nhu cầu không những biểu hiện ở chỗ đồng tính thì bài trừ lẫn nhau mà còn biểu hiện nhu cầu của người này có thể trở thành mặt đối lập của nhu cầu người kia. Đó là sự thể hiện tính phức tạp và tính mâu thuẫn của cuộc sống.

Lấy một người mà nói, trong một thời gian nhất định nào đó, người ấy có thể có những nhu cầu ở những tầng thứ khác nhau, trong đấy có những nhu cầu có thể trở thành sự trở ngại cho việc thực hiện nhu cầu khác. Đội quân nông dân Lý Tự Thành sau khi tấn công thành Bắc Kinh thì có thể xem nhu cầu thành tích cơ bản đã được thực hiện, lúc đó nhu cầu sinh lý lại trở thành cái mà nhiều người truy tìm. Họ cảm thấy mình là người thắng lợi, cho nên không muốn sống cuộc đời gian khổ như trước đây nữa. Kết quả nhu cầu về cuộc sống mới đã cản trở việc thực hiện nhu cầu thành tích, do đó đội quân nông dân không thể đánh tan đến cùng bộ phận tàn quân của quân Minh, để lại mầm mống cho sự thảm bại về sau này.

### **▲ Sự nương tựa lẫn nhau của hai mặt âm dương**

Âm dương không những đấu tranh với nhau mà còn nương tựa lẫn nhau. Trong hai mặt âm dương, bất cứ một mặt nào đều không thể thoát khỏi mặt kia để tồn tại một cách đơn độc.

Trên là dương, dưới là âm. Không có dưới thì cũng không có trên; ngược lại, không có trên thì cũng không có dưới. Cao là dương, thấp là âm. Không có dương cao thì không có âm thấp, hay ngược lại.

Dương dựa vào âm để tồn tại, âm cũng dựa vào dương để tồn tại. Mỗi bên đều lấy bên kia làm điều kiện tồn tại. Trong sách “Loại kinh đồ dục - âm dương thể tượng” nói “Âm không có dương thì không sinh, dương không có âm thì không thành”. Nếu hai mặt âm dương mất đi điều kiện tồn tại, gọi là cô âm, cô dương thì vạn vật sẽ không thể sinh hoá và trưởng thành được.

Hoàng đế khi thảo luận âm dương với Kỳ Bá nói: “Khí của dương trong hướng lên trên, bốc lên mà thành trời. Khí của âm dục giáng xuống kết tụ mà thành đất”. Nhưng cũng còn nên biết rằng nước ở trên mặt đất vì trời nóng bốc hơi lên cũng có thể hoá thành khí, bay lên cao thành mây. Mây trên trời dưới tác dụng của sức hút quả đất cũng có thể giáng xuống thành mưa. Tức là nói mưa tuy từ trên trời rơi xuống, nhưng nguồn gốc sâu xa là do nước từ đất bốc lên. Mây tuy là hơi nước trên mặt đất bốc lên mà thành, nhưng là do sự bốc hơi của dương khí trên trời mà thành. Điều này chứng tỏ âm dương là tác dụng lẫn nhau. Âm cũng có thể bốc lên, dương cũng có thể giáng xuống, âm và dương dựa vào nhau, là điều kiện của nhau.

Theo nhu cầu tâm lý của con người mà nói, nếu không có nhu cầu của người khác thì nhu cầu của mình cũng không có ý nghĩa. Tất cả mọi người đều cố gắng thực hiện nhu cầu của mình, do đó cũng cung cấp cho người

khác cơ hội và khả năng để thực hiện nhu cầu của họ. Còn về nhu cầu cá nhân anh mà nói, nếu không có sự thực hiện nhu cầu đó thì sẽ không có sự thỏa mãn cho nhu cầu khác.

Người xưa nói: “Mọi người thành thánh thì không có học trò, nước trong tuyệt đối thì không có cá”. Trong tuyệt đối hoặc thành thánh theo góc độ âm dương mà nói đều là hiện tượng cô âm, cô dương, nên không còn tác dụng sinh hoá. Giới hạn này những kẻ phạm phu, tục tử khó mà làm được.

Chúng ta thường nói: “Tôi yêu mọi người, mọi người yêu tôi”; “Mình vì mọi người, mọi người vì mình”. Đạo đức đó thể hiện triết lý âm dương nương tựa vào nhau. Nó khiến cho chúng ta nhận thức được mình sống trong tập thể, lợi ích của tập thể cũng chính là lợi ích của mình, hay nói cách khác: lợi ích của mình chính là lợi ích của tập thể. Làm yếu hay tiêu diệt lợi ích của tập thể cũng chính là làm yếu hay đánh mất lợi ích của mình.

Đối với một người có khát vọng được tôn trọng, sự tôn trọng của anh ta thường gắn chặt với đất nước, dân tộc, gia tộc hoặc đơn vị cơ quan mà anh ta sinh sống. Sự tôn trọng đó cũng ở những mức độ khác nhau.

### **▲ Sự tiêu giảm, tăng trưởng lẫn nhau của âm dương**

Sự tiêu giảm hoặc tăng trưởng của âm dương là nói hai mặt âm dương ở trong trạng thái vận động biến hoá không ngừng. Nếu âm tiêu giảm thì dương tăng trưởng, hoặc ngược lại. Hai mặt âm dương không bao giờ ở trạng thái yên tĩnh không biến hoá mà chúng luôn luôn ở trong trạng thái vận động.

Ví dụ sự ra đời của các công năng hoạt động trong cơ thể tất nhiên đòi hỏi phải tiêu hao một lượng chất dinh dưỡng nhất định. Đó chính là quá trình âm giảm dương tăng. Mà sự đồng hoá dị hoá của các chất trong cơ thể lại đòi hỏi phải tiêu hao một năng lượng nhất định, đó chính là quá trình dương giảm âm tăng.

Trong trạng thái bình thường, âm dương tiêu, trưởng này thường ở trong trạng thái cân bằng tương đối. Nếu sự tiêu, trưởng vượt quá một giới hạn nhất định thì sự cân bằng tương đối đó sẽ bị phá hoại. Lúc đó sẽ xuất hiện một mặt nào đó thiên thịnh, còn mặt kia thiên suy.

Thiên thịnh và thiên suy trong nhân thể chính là trạng thái bệnh tật. Sách “Tổ vấn ứng tượng đại luận” tổng kết nói:



“Âm thắng thì dương bệnh, dương thắng thì âm bệnh”. Cái ở đây gọi là bệnh cũng giống như bệnh tâm lý của con người.

Khi một người để thực hiện nhu cầu thành tích của mình, anh ta luôn phải hy sinh những nhu cầu khác. Hành động khác thường đó của con người có mặt là cao cả, nhưng cũng có mặt là thấp hèn. Mặt cao cả biểu hiện ở tinh thần hy sinh của mình nhưng ngược lại mặt thấp hèn biểu hiện ở cho có tính bi kịch. Vì hy sinh mình là để chống lại hoặc để đi ngược với một mục đích bình thường, nó vốn có tính cố chấp, biết là không làm được mà vẫn cố làm. Điều đó vốn đã bao hàm tính bi kịch.

Những hành vi khác thường là việc bỗng nhiên phát sinh. Quy luật tiêu trưởng của âm dương đòi hỏi anh phải làm như thế. Ví dụ: có một hôm anh ngủ dậy muộn, để đi làm không chậm giờ anh đành phải bỏ bữa điểm tâm mà vợ đã làm sẵn. Những việc vặt như thế thường xảy ra trong cuộc sống thường ngày. Nó phá vỡ kế hoạch hoặc thói quen trong cuộc sống của anh.

Anh muốn thỏa mãn được mặt này thì phải hy sinh nhu cầu mặt khác. Thượng đế đã sắp đặt sẵn nguyên tắc công bằng như thế. Những người thành thạo trong cuộc sống đều rõ điều này cho nên họ cố gắng tránh sự lựa chọn cực đoan. Người đầu óc tỉnh táo đều biết rõ, khi gặp trường hợp như thế họ sẽ chủ động chọn cách xử lý thích hợp, tìm cách mình thoát khỏi sự cám dỗ những dục vọng làm xung động lòng mình.

### **▲ Sự chuyển hoá lẫn nhau của âm dương**

Hai mặt âm dương dưới điều kiện nhất định có thể chuyển hoá từ mặt này sang mặt kia, tức âm có thể chuyển thành dương, dương chuyển thành âm. Đêm kéo dài đến một thời gian nhất định thì chuyển thành ban ngày hoặc ngược lại, ban ngày sau một thời gian nhất định lại chuyển sang đêm. Nóng bức của mùa hạ đến một mức độ nhất định sẽ chuyển sang sự mát mẻ của mùa thu, rồi giá lạnh của mùa đông. “Kinh dịch” chỉ rõ: “Sinh ra vạn vật gọi là hoá, vật cực thì biến, sự biến hoá của âm dương gọi là thần”.

Sự chuyển hoá của âm dương theo triết học mà nói đó là sự biến đổi về chất. Còn sự tiêu giảm hay tăng trưởng của âm dương là sự biến đổi về lượng. Tiêu giảm, tăng trưởng là điều kiện tiền đề của chuyển hoá, còn chuyển hoá là kết quả tất yếu của quá trình tiêu giảm, tăng trưởng. Lượng biến tất dẫn đến chất biến, đó là quy luật khách quan. Trong cuộc sống thường ngày ta thường gọi: động cực sinh tĩnh, tĩnh cực sinh động; cùng tắc biến; khô tận cam lai, v.v... đều là theo nghĩa đó.

Theo nhu cầu con người mà nói: nếu không có sự biến hoá của âm dương thì cũng không có sự thỏa mãn hay không thỏa mãn của nhu cầu. Trong thực tiễn cuộc sống, nhu cầu thường không lập tức được thỏa mãn mà phải sau một quá trình tiêu giảm, tăng trưởng của âm dương, sự thực hiện nhu cầu được tích lũy dần, cuối cùng mới đạt được thỏa mãn, do đó nhu cầu mới lại được nảy sinh. Sự thực hiện xong nhu cầu cũ lại làm nảy sinh ra nhu cầu mới.

Nhu cầu thành tích của một học sinh phổ thông có thể là thi đỗ vào trường đại học lớn. Khoảng cách giữa cửa trường đại học và trường phổ thông là quá trình tiêu giảm, tăng trưởng nhu cầu thành tích của học sinh đó. Quá trình này có thể phải qua sáu năm mới đạt được, nhưng cũng có thể chỉ cần năm năm, bốn năm hoặc ba năm. Một khi đã vào được trường đại học là anh ta đã hoàn thành sự biến đổi về chất.

Song, nếu thi đỗ đại học thì cũng không có nghĩa là nhu cầu đó sẽ không biến đổi về chất được nữa. Nhiều thanh niên sau khi thi hỏng đã định hướng lại mục tiêu mới của mình và cố gắng phấn đấu thực hiện mục tiêu đó. Tức là nói kết quả, khả năng sự biến đổi về chất có hai loại chứ không phải chỉ có một loại duy nhất. Hoặc là kết quả tốt, hoặc là kết quả xấu. Tóm lại sau quá trình lượng biến thì nhu cầu mới sẽ được phát sinh. Đó là kết quả tất yếu của chất biến.

Đối với sự chuyển hoá âm dương của nhu cầu tâm lý ta không nên hiểu một cách giáo điều mà phải chú ý đến tính tất yếu của nó. Bất kỳ mặt nào của âm dương qua biến đổi đều hướng chuyển sang mặt kia. Nhu cầu của con người cũng sẽ phát sinh và phát triển trong quá trình hoàn thành hay thực hiện.

Bất kì sự nỗ lực nào của người ta cũng đều muốn đạt được chất biến. Sự nhận thức về chất biến ảnh hưởng rất nhiều đến sự lựa chọn. Sự lựa chọn cực đoan để thực hiện nhu cầu thường mang tính chủ quan, mù quáng. Vì để thực hiện được một nhu cầu, cái giá anh phải bỏ ra không thể dùng làm chuẩn để đo lường sự trả giá của người khác. Người khác có thể chỉ dùng hoặc hai năm để viết nên một tác phẩm nổi tiếng, còn anh có thể không cần đến thời gian dài như thế nhưng cũng có thể phải cần một thời gian dài hơn mà vẫn không làm được.

Kết quả chất biến có thể giống nhau đối với mỗi người, nhưng quá trình lượng biến là rất khác nhau. Triết lý đó có thể đã được Tônstôi nói rõ trong

lời nói đầu của một tác phẩm nổi tiếng của ông. Đó là: “Các gia đình hạnh phúc thường là giống nhau, còn các gia đình bất hạnh thì lại mỗi nhà một vẻ”.

### ▲ Sự cân bằng âm dương

Âm dương trong quá trình biến hoá phát triển, tuy sẽ mất cân bằng, nhưng kết quả của sự biến hoá phát triển đó vẫn phải khôi phục lại sự cân bằng tương đối.

Theo triết học mà nói, đối lập và đấu tranh là tuyệt đối, còn cân bằng chỉ là tương đối. Nhưng mục đích của đối lập và đấu tranh là để đạt được sự cân bằng mới. Tức: đối lập và đấu tranh là tiền đề và thủ đoạn của sự cân bằng. Do đó sự cân bằng mới sẽ không còn là sự cân bằng cũ nữa.

Học thuyết âm dương vô cùng coi trọng sự cân bằng âm dương, cho rằng đó là trạng thái tốt nhất để sự vật phát triển. Sách “Tổ vấn - sinh khí thông đại luận” nói: “Âm bình dương bí, tinh thần nãi trị, âm dương ly tuyệt, sinh khí nãi tuyệt” (nghĩa là: âm lặng dương kín, tinh thần còn tồn tại, âm dương tách rời nhau thì sinh khí cũng hết). Đó là cách nói của các tiên triết Trung Quốc về sự sống của nhân thể, nó là biểu hiện tập trung của âm dương hài hoà. Nếu sự hài hoà đó mất đi, cơ thể sẽ sinh ra bệnh tật.

Nhu cầu của con người theo nội bộ cơ thể mà nói: từ nhu cầu bị khuyết thiếu đến nhu cầu được thỏa mãn tức là quá trình mất cân bằng đạt đến cân bằng.

Trong lòng mỗi người đều mang sẵn các nhu cầu. Theo thuyết tầng thứ của Maslow và thuyết ngũ hành mà ta vừa đưa vào, ta sẽ phát hiện được: mối quan hệ giữa các nhu cầu khác nhau của con người cần đạt được sự cân bằng tương đối, tức sự thực hiện hay phát triển nhu cầu đều phải biểu hiện thành hoặc đạt đến trạng thái hài hoà. Như vậy mới khiến cho tâm trí con người được bình tĩnh, trong sáng, nếu không sẽ xuất hiện những biểu hiện không tốt như tâm trạng bất an, cuồng loạn hoặc lo lắng. Trạng thái tâm lý này vừa là một dạng bệnh tật, nếu tồn tại lâu sẽ dẫn đến các bệnh về mặt sinh lý. Ở phần sau ta sẽ giới thiệu rõ những kiến thức về mặt này.

Mối quan hệ giữa cá thể có nhiều nhu cầu khác nhau này với các cá thể khác cũng cần có sự cân bằng tương đối. Nếu không có sự cân bằng thì tức là giữa các cá nhân có sự cạnh tranh, thậm chí là sự phản đối nhau, chỉ khi có sự cân bằng thì các cá thể đó mới có sự chung sống hòa bình, thân ái với

nhau.

Giữa Liêm Pha và Lạn Tương Như có một quãng thời gian không được thoải mái. Nguyên nhân là vì Lạn Tương Như (người cao chưa đến 1m50) nhờ kiến thức hơn người mà giành được thắng lợi ngoại giao cho Quốc vương, làm cho kẻ địch không dám coi thường nước Triệu. Lạn Tương Như cũng nhờ đó mà được Quốc vương trọng dụng. Vì thế, Liêm Pha rất không vừa lòng, vì nghĩ rằng chiến công của mình là xuất chúng, đáng lẽ phải được vua ban thưởng và trọng dụng hơn Lạn Tương Như. Ông từng nói công khai: sẽ có lần cười vào mặt Lạn Tương Như trước mặt mọi người cho hả giận. Nhu cầu đòi hỏi được tôn trọng của Liêm Pha và của Lạn Tương Như đã phát sinh đối kháng. Lạn Tương Như sau khi nghe thấy đã chủ động xa cách Liêm Pha. Thủ hạ của ông không hiểu, Lạn Tương Như bèn giải thích: “Kẻ địch sợ dĩ không dám đến xâm phạm nước ta là vì vẫn có Lạn Tương Như, võ có Liêm Pha. Nếu chúng ta không đoàn kết thì kẻ địch sẽ dám đánh sang. Tôi không nên vì chút danh dự hão mà đưa lại bất hạnh cho đất nước”. Câu nói này bay đến tai Liêm Pha, khiến ông vô cùng xấu hổ, tự mình đến nhà Lạn Tương Như nhận lỗi. Từ đó nhu cầu giữa hai người được giải quyết êm đẹp, đạt được cân bằng.

Cân bằng là sự thỏa mãn cơ bản của nhu cầu, không phải là sự thỏa mãn vĩnh cửu, là sự giải quyết cơ bản của mâu thuẫn, xung đột. Nhân hòa chính là sự điều tiết một cách hòa bình nhu cầu giữa các cá nhân, khắc phục những nhân tố bất lợi, giảm bớt những trở lực không cần thiết, tranh thủ nhiều hơn sự ủng hộ của người khác.

### **▲ Ý nghĩa ứng dụng lý luận âm dương**

#### **Xây dựng một quan niệm chỉnh thể**

Xem xét động thái của vật thể sống một cách hoàn chỉnh là nhận thức cơ bản của học thuyết âm dương Trung Quốc. Sự nhận thức này dựa trên học thuyết âm dương, có thể khái quát thành “âm dương chỉnh thể luận”. Nó là tổng cương lĩnh để trung y nhận thức hiện tượng tâm lý, cũng là cương lĩnh chung giúp ta nhận thức nhu cầu của con người. Tất cả mọi nhu cầu đều được chia thành âm dương để khảo sát, rồi hợp lại để khái quát thành một chỉnh thể.

Ngài Maslow xuất phát từ nhu cầu của con người để nghiên cứu hành vi con người và chia nhu cầu của con người thành năm tầng thứ. Nhưng ông

đã không thể từ lý luận âm dương chính thể để phân tích và nghiên cứu nhu cầu của con người. Do đó, khi ta xây dựng “Mô thức ngũ hành”, sự xây dựng lý luận đầu tiên là đã dựng nên một quan niệm chính thể.

Ta đã đi theo quỹ đạo tư duy của các tiên triết Trung Quốc để nhận thức nhu cầu của con người, xem nó là một chính thể hữu cơ, xem con người và mọi sự vật của xã hội đều là hai mặt âm dương đối lập nhưng thống nhất. Cho rằng sự cạnh tranh giữa con người với nhau có hình thức đối kháng và hình thức thân ái, hữu hảo, chủ yếu là do nhu cầu của con người quyết định. Chương ngại của sự phát triển tâm lý là sự mất cân bằng giữa âm dương, là quá trình khôi phục sự bình hòa của âm dương.

Sự phát triển bình thường của con người là do kết quả điều tiết hợp lý nhu cầu của con người. Mà tính hợp lý của sự điều tiết đó lại chính là ở kết quả duy trì mối quan hệ đối lập thống nhất của hai mặt âm dương.

Bản thân nhu cầu của con người là một chính thể, giữa các bộ phận của nó đều có mối quan hệ hữu cơ. Mối quan hệ này lấy quan hệ ngũ hành làm trung tâm, thông qua tác dụng sinh khắc mà thực hiện. Nó thể thiện các mặt giữa nhu cầu với nhu cầu, giữa nhu cầu với sinh lý, tình cảm, tính cách, v.v... (ở phần sau sẽ giới thiệu kiến thức về các mặt này). Do đó khi điều hòa các nhu cầu của con người ta phải xuất phát từ chính thể để bắt tay vào giải quyết các vấn đề quan hệ của nhu cầu.

Con người cũng thống nhất với xã hội. Con người là tiểu vũ trụ, xã hội là vũ trụ lớn hơn. Vũ trụ nhỏ nằm trong vũ trụ lớn tạo thành mối quan hệ đối lập thống nhất.

Xã hội là điều kiện tất yếu để nhu cầu con người dựa vào đó mà tồn tại và thực hiện. Trong thực tiễn xã hội lâu dài, con người vừa thực hiện nhu cầu của mình, lại phải vừa thỏa mãn nhu cầu của xã hội. Vì con người sống trong xã hội nên sự biến hoá phát triển của nhu cầu xã hội sẽ trực tiếp hoặc gián tiếp ảnh hưởng đến sự thực hiện nhu cầu của con người. Ngược lại sự thực hiện nhu cầu của con người tất nhiên cũng sản sinh ra sự phản ánh tương ứng đối với ảnh hưởng này. Ở phần một của bộ sách này dưới đầu đề “Thiên thời” đã nói rõ vấn đề này. Ở đây không lặp lại nữa. Tôi chỉ muốn nhắc nhở mọi người một lần nữa là hãy coi trọng “thiên thời” - xã hội vũ trụ lớn này.

### **Biện chứng, luận trị**

Biện chứng, luận trị là biện pháp khám bệnh, chữa bệnh của Trung y. Biện pháp đó đối với việc điều hòa nhu cầu con người của chúng ta cũng có một ý nghĩa vô cùng quan trọng.

Nội dung của nó bao gồm hai vấn đề: (1) biện chứng, (2) luận trị. Biện chứng tức là tìm hiểu, phân tích, biện luận về chứng bệnh. Còn luận trị là trên cơ sở biện chứng, qua nghiên cứu, tìm tòi mà xác lập nguyên tắc chữa trị tương ứng.

Biện chứng và luận trị là hai biện pháp cần thiết của quá trình nhận biết và điều tiết nhu cầu. Nó quyết định chúng ta sẽ giải quyết vấn đề ra sao.

Biện chứng là chỗ dựa và điều kiện tiền đề để quyết định điều hoà. Luận trị là biện pháp giải quyết kết cục của vấn đề, cũng là mục đích cuối cùng. Quá trình luận trị là quá trình kiểm nghiệm biện chứng.

Ý nghĩa của biện chứng luận trị ở chỗ nó khác với “đối chứng trị liệu” nói chung, cũng khác với “luận bệnh trị liệu” của y học hiện đại.

“Đối chứng trị liệu” là đau đầu thì chữa đầu, xem xét chứng bệnh một cách cô lập; “luận bệnh trị liệu” là chỉ xét hiện thời, không xét đến quá khứ và tương lai.

Thực tế là bệnh có những giai đoạn phát triển khác nhau. Các giai đoạn khác nhau thì triệu chứng khác nhau. Bệnh khác nhau ở những giai đoạn khác nhau có thể có triệu chứng giống nhau. Do đó, phương pháp chữa triệu chứng khác nhau của cùng một bệnh cũng không giống nhau, còn chỉ căn cứ chứng bệnh giống nhau thì cho dù thuộc bệnh khác nhau vẫn có thể dùng phương pháp điều trị giống nhau.

Từ đó có thể thấy: chữ “chứng” trong biện chứng có thể biểu thị các yếu tố như nguyên nhân bệnh, bệnh vị (vị trí bị bệnh), tính chất bệnh một cách khái quát, còn luận trị là căn cứ vào sự “chứng minh” này để tiến hành chữa trị một cách tương ứng.

Do độc tố của bệnh mà dẫn đến bệnh sinh lý và từ sự ách tắc của nhu cầu mà dẫn đến các bệnh về tâm lý, về mặt hình thức và nội dung biểu hiện có sự khác nhau căn bản, song ý nghĩa về ứng dụng biện chứng và luận trị lại rất giống nhau. Do đó, đối với bệnh tâm lý, tương tự ta vẫn có thể dùng “biện chứng và luận trị”.

Biện chứng và luận trị có hàm nghĩa và tác dụng giống như thuật quyền mưu ta đã bàn đến trước đây. Biện chứng tức quyền hành, còn luận trị là mưu thuật. Do đó ta xem nó có cùng một khái niệm với thuật quyền mưu không bằng biến nó thành một quá trình, trải qua quá trình sử dụng quyền hành sát sao, dụng công tính toán cuối cùng mới tự mình chiến thắng hoặc đánh bại đối thủ.

Khi Gia Cát Lượng vượt sông sang Đông Ngô, chuẩn bị thực hiện chiến lược liên Ngô kháng Tào, ông đã hùng biện phân tích quyền hành với các tướng soái Đông Ngô và công phu định ra đối sách ứng phó nên đối với phe chủ hàng như Trương Chiêu, ông đã dùng chiến thuật khác với chiến thuật đối với Tôn Quyền, Chu Du. Khi dùng phép kích tướng đối với Tôn Quyền và Chu Du, ông lại căn cứ vào trạng thái nhu cầu tâm lý của hai người khác nhau mà dùng phương pháp khác nhau. Điều đó chứng tỏ người am hiểu sâu nguyên lý âm dương ngũ hành - Gia Cát Lượng đã rất thành thạo sử dụng phương pháp “biện chứng luận trị” và ứng dụng nguyên lý để giải quyết vấn đề nhân hoà.

## □ NGUYÊN TẮC ĐIỀU HOÀ

Ta gọi yếu tố tâm lý khi không thực hiện được nhu cầu tâm lý là trở ngại tâm lý hoặc bệnh tâm lý. Đối với việc khắc phục trở ngại tâm lý hoặc chữa trị bệnh tâm lý này là nội dung chủ yếu cần làm sáng tỏ của cuốn sách này.

Khắc phục trở ngại tâm lý hoặc chữa bệnh tâm lý ra sao là vấn đề có tính nguyên tắc. Nguyên tắc điều hòa nhu cầu tâm lý của chúng ta là dùng âm dương, ngũ hành làm phương châm chỉ đạo, nó được xây dựng trên cơ sở quan niệm chính thể và biện chứng luận trị, thông qua tư liệu khách quan thu được, căn cứ vào các trường hợp khác nhau mà định ra các nguyên tắc trị liệu khác nhau.

Căn cứ trung y học ta tổng kết ra cách chữa trị bệnh tâm lý, ứng dụng nguyên tắc khắc phục trở ngại tâm lý. Những nguyên tắc này trong thực tiễn có vai trò chỉ đạo rất quan trọng. Ví dụ: nguyên tắc tìm gốc chữa bệnh; nguyên tắc lập tiêu bản hoãn, cấp; nguyên tắc cân bằng và nguyên tắc tùy cơ theo người, theo thời gian, theo địa điểm mà định đoạt, v.v...

Dưới đây ta lần lượt phân tích những nguyên tắc này.

## ▲ Nguyên tắc tìm gốc chữa bệnh

Sách “Tổ vấn - Âm dương, ứng tượng đại luận” nói: “Trị bệnh tất cầu kỳ bản” (trị bệnh tất phải tìm gốc bệnh). Tức là nói: muốn chữa bệnh tất phải nắm vững bản chất của bệnh, đối mặt với bản chất đó mà chữa. Đó là nguyên tắc căn bản trong biện chứng luận trị.

Trung y cho rằng: trong thực tiễn lâm sàng, tuy cùng một hiện tượng, triệu chứng nào đó nhưng có thể do bản chất bệnh khác nhau mà sinh ra, còn đối với những bệnh tuy có cùng bản chất nhưng lại có thể dẫn đến những hiện tượng khác nhau. Trị bệnh tìm gốc tức là nghiên cứu tìm ra bản chất của bệnh để tiến hành chữa trị.

Ví dụ chứng đau đầu, trung y cho rằng có thể do các loại nguyên nhân như: ngoại cảm, huyết hư, đờm thấp, ứ huyết, can dương kháng gây ra. Khi chữa phải tìm ra bản chất của bệnh hoặc dùng những biện pháp chữa trị như: dưỡng huyết, tảo thấp hoá đờm, hoặc huyết hoá viêm sưng, bình can v.v... Cách chữa đi thẳng vào nguyên nhân bệnh và bản chất bệnh biến chính là cách tìm gốc chữa bệnh.

Ta chia như cầu của con người thành năm loại lớn. Mỗi loại nhu cầu đều có thể sản sinh ra bệnh tâm lý hoặc trở ngại tâm lý. Do đó tìm ra nhu cầu bản chất gây ra bệnh là quan trọng nhất.

Song chỉ có thể mà thôi thì chưa được, mà còn phải tìm ra nguyên nhân gây bệnh. Một bệnh tâm lý hay hình thức trở ngại tâm lý nào đó thường là do nhiều loại nguyên nhân gây ra. Ví dụ: mức độ thỏa mãn không đủ hoặc mức độ thỏa mãn quá nhiều, hoặc bị những nhu cầu khác khắc chế, v.v... Chỉ có tìm ra nguyên nhân căn bản mới có thể đạt được chữa trị có hiệu quả.

Khi Gia Cát Lượng lần đầu dẫn đại quân xuống chinh phục phương Nam, Mã Tốc phụng “sắc mệnh” của Lưu Thiện mang rượu và gấm vóc đến khao quân. Gia Cát Lượng giữ Mã Tốc lại trong trướng, hỏi việc này có ý nghĩa gì. Mã Tốc đã nói với Thừa tướng về kiến giải của mình như sau: “Nam man là vùng đất xa xôi, núi sông hiểm trở, khó khuất phục được bền lâu. Tuy hôm nay họ bị chinh phục, nhưng ngày mai lại nổi lên chống lại. Thừa tướng mang quân đến đó, tất phải thu phục được lòng thiên hạ. Nhưng trong đội ngũ quân sĩ của ta là quân đã từng Bắc phạt. Nếu quân Nam man biết được nội tình của quân sĩ thì sự nổi dậy chống lại của họ càng nhanh hơn. Đạo dùng binh là: “Lấy công phá vào nội tâm đi trước, phá thành đi sau. Tâm chiến là thượng sách, binh chiến là hạ sách. Mong Thừa tướng lấy



thu phục nhân tâm là chính”.

Qua phân tích trên đây của Mã Tốc, ta có thể thấy rõ sự lý giải sâu sắc và sự coi trọng đối với chinh phục nhân tâm. “Tâm” là bản chất của con người, cũng là bản chất của nhu cầu hiện có. Vì vậy Mã Tốc kiến nghị Gia Cát Lượng chinh phục người phương Nam phải lấy “Công phá nội tâm đi trước, đánh thành là bước thứ hai, tức tâm chiến là thượng sách, công thành là hạ sách”. Câu nói đó đi thẳng vào bản chất của sự vật. “Trị bệnh phải trị từ gốc, trị người phải trị từ tâm”.

Còn trị như thế nào thì Gia Cát Lượng sẽ tự mình căn cứ vào người khác nhau mà dùng cách trị khác nhau. Ví dụ đối với Mạnh Hoạch dùng biện pháp “bảy lần bắt bảy lần tha”. Mạnh Hoạch với tư cách là thủ lĩnh của bộ lạc thiểu số, có tính cách ngoan cường, tiết tháo. Ông có thiên kiến đối với người Hán, có ý thức độc lập của riêng mình. Đó là trở ngại tâm lý của ông trong việc phản đối người Hán. Cho nên Gia Cát Lượng bảy lần bắt, bảy lần tha là để vỗ về, thu phục nhân tâm, thay đổi thiên kiến của ông đối với người Hán. Cuối cùng khiến cho ông phải tự đáy lòng nói ra: “Công, thiên uy đã, nam nhân bắt phục phán hề”. (Có nghĩa là: ngài có uy trời, người miền nam không phản lại nữa).

Do đó trong điều hòa nhu cầu tâm lý, đầu tiên phải ghi nhớ ba điều:

- 1) Tìm ra nhu cầu bản chất nhất.
- 2) Tìm ra nguyên nhân cơ bản dẫn đến hiện trạng nhu cầu này.
- 3) Những tiêu bản không phải là cố định bất biến, mà dưới những điều kiện nhất định chúng có thể chuyển hoá lẫn nhau.

Vì vậy trong thực tiễn phải chú ý nắm vững quy luật biến hoá của nó để kịp thời điều chỉnh sách lược.

#### ▲ Nguyên tắc tiêu, bản của sự hoãn, cấp

Nghĩa gốc của chữ “tiêu” là ngọn cây, hiểu rộng ra là các chi tiết hoặc bề mặt của sự vật. Trong trung y “tiêu” tức là hiện tượng, “bản” tức là bản chất.

Trong trung y học hàm nghĩa của “tiêu” và “bản” có rất nhiều mặt. Theo bệnh tật mà nói, nguyên nhân bệnh là “bản”, chứng trạng của bệnh là

“tiêu”. Theo bệnh cũ hay mới phát, hoặc bệnh phát trước hay phát sau mà nói, bệnh cũ là “bản”, bệnh mới là “tiêu”; bệnh phát trước là “bản”, bệnh phát sau là “tiêu”. Trong thực tiễn lâm sàng thì tùy theo tình hình cụ thể mà xác định.

Vì sự biến hoá trong chứng bệnh rất phức tạp, nên “tiêu” và “bản” đóng vai trò chủ, thứ khác nhau, do đó trong trị liệu phải có sự phân biệt: cấp thì trị “tiêu”, hoãn thì trị “bản”. Có lúc cả “tiêu” và “bản” cùng phải trị đồng thời.

Cấp thì trị “tiêu” của nó là loại biện pháp cấp cứu. Khi “tiêu” của bệnh rất gấp, nếu không kịp thời xử lý thì có thể nguy hại đến tính mệnh, hoặc ảnh hưởng đến sự chữa trị “gốc” của bệnh sau này, lúc đó phải lấy trị “tiêu” của bệnh làm trước hết.

Hiệu theo góc độ thuật quyền mưu là “cấp” thì chữa “tiêu” của nó, đó là phương pháp ứng biến cấp tốc. Trong “Tam quốc diễn nghĩa” kể: “Mưu Mạnh Đức hiến bảo đao cho Đồng Trác chính là câu chuyện thuộc loại này”.

Khi Tào Tháo mang bảo đao đến tướng phủ, nhìn thấy Đồng Trác nằm trên giường ngoảnh mặt vào tường thì Tào Tháo cho rằng cơ hội đã đến, bèn liền rút bảo đao, không ngờ bị Đồng Trác nhìn thấy qua gương. Tào Tháo cảm thấy tình hình vô cùng bất lợi, trong cơn nguy khốn liền nảy ra ý nghĩ bèn quỳ xuống nâng đao lên mà nói: “Tháo tôi có thanh bảo đao, xin hiến dâng cho ân tướng”. Sau khi dâng đao thì mối nghi ngờ của Đồng Trác được đánh tan, Tào Tháo nhân cơ hội đó liền rút lui.

Trong giây phút Đồng Trác quay mình lại, Tào Tháo đã dùng mưu sách căn cứ vào “cấp tính” để chữa trị “tiêu” của nó. Vì lúc đó việc bảo toàn tính mệnh là vô cùng cấp bách, cho nên Tào Tháo dù mất đi cơ hội và mất cả bảo đao cũng không tiếc. Kế sách khẩn cấp luôn lấy tiền đề vứt bỏ mục tiêu cũ để tránh được cái nạn trước mắt. Đó chính là đạo lý tình thế “cấp” thì phải trị “tiêu” của nó.

Hoãn thì chữa “gốc” của nó, là trường hợp hoàn toàn ngược lại, là sách lược bắt tay vào từ gốc. Đó là kế sách phần nhiều dùng cho bệnh chóng ở tình thế hoãn hoà, chậm chạp.

Ở phần trên đã nói đến Gia Cát Lượng dùng sách lược để chinh phục Nam man cũng là thể hiện tư tưởng hoãn thì chữa gốc. Chinh phục Nam man là kế lâu dài, không phải cứ đánh chiếm được là đã giải quyết xong.

Hơn nữa người phương nam thường nổi dậy chống trả trở lại. Do đó việc chữa gốc phải được đặt lên hàng đầu. Đó cũng là vì tình thế của chiến cục phát triển chậm mà quyết định. Khi chữa gốc phải nghĩ đến vấn đề hòa hoãn hay cấp.

Khi cả “tiêu” và “bản” đều cấp thì phải dùng sách lược đồng thời trị cả hai. Vì lúc đó về thời gian và điều kiện không cho phép chữa trị riêng “gốc” hay “tiêu”. Sách lược Tề vây Ngụy cứu Triệu thời cổ chính là kế sách thuộc nguyên tắc này.

Nước Triệu bị nguy cấp, binh lính quân Tề đến cứu viện. Chiến thuật của Điền Đan là tác chiến với quân Ngụy, đó là cấp thì chữa “tiêu”. Nhưng ngược lại Tôn Tẫn đã dùng sách lược đánh vào thành Đô của nước Ngụy tức là dùng biện pháp đồng thời trị cả “tiêu” lẫn “bản”. Vì công phá Thành Đô nước Ngụy thì quân Ngụy đang bao vây quân Triệu tất phải bỏ về để phòng ngự và ứng cứu, như vậy thì sự nguy cấp của nước Triệu được giải quyết, tức vấn đề “tiêu” đã giải quyết. Trên đường quân Ngụy rút về bị quân Điền Đan mai phục, đánh tan chủ lực khiến cho quân Ngụy mấy năm về sau không đủ sức để uy hiếp nước Tề và nước Triệu. Đó chính là đồng thời trị cả “gốc” của nó.

Trong quá trình biện chứng luận trị, phải phân tích rõ đâu là “tiêu”, đâu là “bản”. Nếu không phân tích được rõ thì khi chữa trị không phân biệt được giữa chủ và thứ, giữa chính và phụ. Như thế tất khó tránh khỏi tổn công sức nhiều mà hiệu quả đưa lại ít, thậm chí có lúc còn vấp phải thất bại. Tiếp theo đó là phải phân biệt rõ “hoãn” và “cấp”. Nếu không biết rõ đâu là hoãn, đâu là cấp thì trong chữa trị sẽ không biết rõ chỗ nào cần chú trọng, chỗ nào cần xem thường, như thế cũng sẽ bỏ lỡ thời cơ, dẫn đến ảnh hưởng toàn cục hoặc các bước sau.

### **▲ Nguyên tắc chính trị, phản trị**

Phép “chính trị” trong trung y học là nói đến phép trị: giữa biểu hiện lâm sàng của bệnh phải thống nhất với bản chất của bệnh. Biện pháp dùng thuốc và phương pháp chữa cũng hoàn toàn ngược với chứng trạng của bệnh. Cho nên phép chữa này còn có tên gọi là “phép chữa ngược”. Ví dụ hàn chứng thì dùng thuốc nhiệt, nhiệt chứng thì dùng thuốc hàn, thực chứng dùng phép công, hư chứng dùng phép bổ.

Phép “phản trị” hoàn toàn ngược với phép “chính trị”, tức là phép trị các biểu hiện lâm sàng không thống nhất với bản chất của bệnh. Thuốc và

phương pháp dùng ở đây là thuận theo chứng trạng của bệnh, nên còn có tên gọi là “phép chữa thuận”. Ví dụ dùng thuốc nóng để chữa chứng nhiệt, dùng thuốc lạnh để chữa chứng hàn.

Nguyên tắc của “chính trị” và “phản trị” đều theo sự chỉ đạo của nguyên tắc “trị bệnh tìm gốc” để tiến hành chữa trị một cách linh hoạt.

Người nhiệt chữa hàn, người hàn chữa nhiệt, người hư thì bổ, bệnh thực thì tả, đó là nội dung của nguyên tắc “chính trị”. Ý nghĩa của nó trong “trị liệu tâm lý” là đối mặt với hiện tượng không tốt của một nhu cầu nào đó, ta dùng phương pháp trị liệu theo nguyên tắc cứng. Sách lược chủ yếu luận chiến của Tào Thục chính là thể hiện tư tưởng này,

Quân địch đánh trống gióng cờ, sĩ khí rất cao, thế trận như giao chiến là chiến thắng. Hiện tượng này thực tế là nhu cầu thành tích quá mạnh, là thực chứng. Cho nên Tào Thục đã dùng đối sách không phô trương thanh thế, lấy tĩnh để chế động. Mục đích khiến cho quân địch xả hết khí thế, sau đó xuống dần. Như vậy là ứng dụng thực chứng thì dùng tả để làm tiêu giảm sĩ khí của quân địch.

Phép phản trị trong y học có phương pháp: “Nhiệt thì dùng nhiệt, hàn thì dùng hàn, tắc trể thì dùng tắc trể, thông thì dùng thông”.

Nếu tìm ra nguyên nhân căn bản của triệu chứng là do nhiệt hoặc do hàn, do bế tắc, do thông tả thì khi đó có thể dùng phương pháp nhiệt, hàn hoặc bổ hoặc tả để chữa cho các chứng đó.

Trong thuật “quyền mưu”, tư tưởng này chủ yếu thể hiện ở phương thức làm cho nó thông thương. Trong thuật “phụng nhân” (tôn người) chủ yếu là dùng tư tưởng này.

Lâm Bưu sau khi lên Bộ trưởng Quốc phòng liền bắt đầu nghiên cứu mệnh vận của nhân vận quyết định mệnh vận ông và mệnh vận Trung Quốc lúc đó. Ông phát hiện Mao Trạch Đông là người thích hành động theo ý chí của mình, đó thực chất là biểu hiện lòng tự tôn cực đoan. Do đó Lâm Bưu cơ trí hành động xuất phát từ nhu cầu này của Mao Trạch Đông, nhanh chóng đẩy lên cơn sốt “sách đỏ”.

Mao Trạch Đông trở thành Lãnh tụ vĩ đại, Người cầm lái vĩ đại, Người thầy vĩ đại, Thống soái vĩ đại của nhân dân Trung Quốc. Còn bản thân Lâm Bưu nhờ đó mà trở thành người bạn chiến đấu thân cận nhất của nhân vật vĩ

đại.

Từ sau khi thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa mới, quan hệ giữa Trung quốc và Mỹ luôn luôn ở trạng thái căng thẳng. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, viện Triều khiến cho hai nước trở thành đối địch. Từ sau thập kỷ 70, việc bình thường hoá quan hệ Trung - Mỹ đối với hai nước mà nói là rất quan trọng. Nhưng làm thế nào để mở toang cánh cửa bế tắc đó, Mao Trạch Đông đã nghĩ ra một biện pháp rất hay, tức là ngoại giao đánh bóng bàn với Mỹ. Thông qua hoạt động thể thao đó để mở đầu thăm dò sự giao tiếp của hai nước. Phương pháp này về sau thành công, thậm chí khiến cho nhiều nhà quan sát và tổ chức tình báo quốc tế cũng không phát hiện được. Vì vậy, Ních-Xon trở thành vị Tổng thống đế quốc đầu tiên mở cánh cửa đi vào Trung Quốc.

Do đó ta có thể phát hiện cái gọi là phản trị cũng là chính trị, tức đều là phương pháp ứng dụng linh hoạt lấy nguyên tắc tìm gốc để chỉ đạo.

Khi thực thi nguyên tắc này phải chú ý đến bản chất của bệnh, tức là chú ý xem phương thức trị liệu có nhất trí với bản chất bệnh hay không.

### **▲ Nguyên tắc cân bằng**

Nguyên tắc cân bằng tức là khi điều trị bất cứ trở ngại tâm lý nào đều theo nguyên tắc đưa về cân bằng tâm lý mới.

Khi đem lý luận tầng thứ nhu cầu tâm lý của Maslow đưa vào hệ thống tư tưởng âm dương ngũ hành của Trung Quốc tức là chúng ta đã bắt đầu xuất phát từ chỉnh thể của yêu cầu để ứng xử với tất cả những điều chúng ta cần nghiên cứu.

Cân bằng là mục tiêu mà bất cứ kết cấu chỉnh thể nào cũng đều đòi hỏi. Các nhà khoa học qua nghiên cứu các mặt đều rút ra một quy luật chung, đó là bất cứ kết cấu vật chất nào đều có xu thế giữ nguyên không đổi. Một khi sự ổn định này bị phá vỡ hoặc tiêu diệt thì kết cấu đó không thể tồn tại nữa.

Sự đối lập thống nhất, chuyển hoá lẫn nhau, tiêu giảm và tăng trưởng lẫn nhau của âm dương đều thể hiện tư tưởng cân bằng này. Đối lập là để thống nhất, chuyển hoá, tiêu giảm tăng trưởng cũng là nhằm đạt đến sự cân bằng mới, hoặc duy trì sự cân bằng hiện có.

Tính tương sinh, tương khắc, chế ước của ngũ hành mục đích là để tìm

đến một sự cân bằng. Tác dụng của tương sinh là thúc đẩy, trợ giúp, sinh ra, tức là nói đối với một hành nào đó đang ở trạng thái suy nhược. Tác dụng của tương khắc là khống chế, chế ước, tức là nói đối với một hành nào đó đang ở trạng thái quá thịnh. Vì vậy sinh và khắc đều là những thủ đoạn để đạt được sự cân bằng.

Nhu cầu tâm lý của con người là một kết cấu hữu cơ chỉnh thể. Cho đến nay người ta vẫn chưa phát hiện được lý luận nhu cầu nào có sức thuyết phục hơn như lý luận của Maslow. Chúng ta từ góc độ âm dương ngũ hành để xem xét nhu cầu của con người cũng chỉ là một phương pháp tham khảo. Song ta tin tưởng rằng lý luận đó có thể là hoàn thiện hơn.

Nguyên tắc cân bằng tất nhiên vẫn thích dụng với kết cấu của nhu cầu, hơn nữa nó cũng là cái không thể thiếu được của “mô thức ngũ hành” của chúng ta. Ngài Maslow đã nhìn thấy ý nghĩa của sự cân bằng đối với nhu cầu, nhưng ông chưa thể từ phương diện động thái để làm rõ ý nghĩa của sự cân bằng.

Kết cấu nhu cầu của con người giống như một trận đấu bóng rổ. Năm đội viên căn cứ vào tình thế thi đấu trên sân để điều chỉnh thể trận của mình. Mỗi lần điều chỉnh đều nhằm đảm bảo lực lượng cân bằng, từ đó đột xuất phát huy ưu thế của mình.

Trong cuộc sống nhu cầu tâm lý của con người cũng không ngừng biến đổi. Nhưng để thực hiện một nhu cầu nào đó thì phải luôn luôn điều chỉnh tốt những nhu cầu khác, nếu không thì sẽ ảnh hưởng đến sự thực hiện nhu cầu này trong giai đoạn tiếp theo.

Trong ví dụ trên, mỗi vận động viên đều đại biểu cho một loại nhu cầu, mỗi một thể trận trên sân bóng đều đại biểu cho kết cấu nhu cầu sau khi được điều chỉnh. Đối phương thì đại biểu cho thể lực xung đột đối với việc thực hiện nhu cầu của bên ta. Cả sân đấu đại biểu cho môi trường hoạt động.

Nguyên tắc điều chỉnh thể trận cũng lấy sự cân bằng làm phương châm chỉ đạo. Một khi các yếu tố để giữ cho cân bằng của thể trận bị đối phương phát hiện, thì đó sẽ là điểm trở thành mục tiêu công kích của đối phương. Cái gọi là “lỗ hổng” đều là do sự mất cân bằng đó tạo nên.

Lã Bố là một chiến tướng nổi tiếng trong Tam quốc diễn nghĩa, nhưng trong kết cấu nhu cầu của ông lại bộc lộ những “lỗ hổng” rất lớn, đó là nhu cầu tôn trọng rất yếu. Là một trang nam tử, nhưng ông thiếu sự tự tôn và

nhân cách cần có. Cho nên nhược điểm này đã mấy lần bị người khác lợi dụng. Lần thứ nhất là Đồng Trác biểu một con Xích mao thiên lý tuần mã; lần thứ hai là Vương Doãn dùng Điều Thuyền làm kế mỹ nhân.

Kết cấu nhu cầu tâm lý khi tĩnh thì rất khó phát hiện “lỗ hổng”. Chỉ trong quá trình vận động mới dễ bị phát hiện. Do đó tác dụng và ý nghĩa của nguyên tắc cân bằng là vô cùng cần thiết.

### ▲ Nguyên tắc tùy cơ

Sự phát sinh và phát triển nhu cầu tâm lý của con người là do các nhân tố đủ mọi mặt quyết định. Tình thế của thời đại, hoàn cảnh xã hội và hoàn cảnh của con người đều là các nhân tố có ảnh hưởng nhất định đối với nhu cầu tâm lý. Vì vậy khi phân đấu để đạt đến sự nhân hòa cần phải xem xét đầy đủ đến các nhân tố này để sử dụng các phương pháp khác nhau cho phù hợp. Tức là nói: tùy theo thời gian, tùy theo không gian, tùy theo con người mà định đoạt phương sách.

*Tùy theo thời gian mà định đoạt* tức là nói phải căn cứ vào hình thế phát triển của xã hội và đặc điểm giai đoạn phát triển của sự vật để chọn đúng các phương pháp điều tiết khác nhau.

Lưu Bị sau khi đánh được Thành Đô, để thực hiện ổn định Tây Xuyên một cách lâu dài, đã ủy thác Gia Cát Lượng chế định ra các điều luật trị quốc. Gia Cát Lượng chọn “pháp trị” làm phương châm trị quốc, hình pháp được tăng cường và coi trọng. Pháp Chính không đồng ý phương sách này của Gia Cát Lượng, nói: “Năm xưa Lưu Bang nhờ chọn dùng phương pháp khoan hồng, giảm bớt hình pháp nên dân rất cảm kích trước ân đức của ngài”. Gia Cát Lượng nói: “Ngài biết một mà không biết hai. Nhà Tần dùng phương pháp bạo ngược nên muôn dân đều oán hận, vì vậy Cao Tổ lấy khoan hồng nhân nghĩa mới thu được lòng dân. Nay Lưu Chương yếu đuối, đức chính không dựng lên được, uy hình không nghiêm túc, đạo quân thần dần dần bị xâm phạm. Nếu rộng lượng cho việc thăng chức vị, thăng hết thì tàn; muốn thuận thì gia ân, ân kiệt thì chậm. Vì vậy muốn che chở được kín đáo thì phải lấy hình pháp làm trọng. Nay ta lấy hình pháp làm uy, ai làm theo pháp luật thì biết ơn, ai xâm phạm thì trừng phạt, phạt là để làm rõ sự quang minh. Cả ân và vinh đều có, như vậy trên dưới sẽ có trật tự, đó là đạo trị quốc”.

Gia Cát Lượng đem kinh nghiệm trị quốc của Hán Cao Tổ để phân tích hiện trạng của Tây Xuyên lúc đó chủ yếu là để làm rõ nguyên nhân của thời

đại đã thay đổi. Thiên thời khác nhau thì phương pháp phải khác nhau.

*Tùy theo không gian mà định đoạt* tức là căn cứ vào hoàn cảnh khác nhau để tìm những sách lược trị liệu khác nhau. Ví dụ vùng Tây Bắc thế đất cao, khí lạnh, bệnh nhiều phong hàn, nên đối với các vị thuốc hàn lương khi dùng phải cẩn thận, còn lượng của các thuốc ôn nhiệt thì có thể gia thêm thích đáng. Ngược lại vùng Đông Nam thế đất thấp, ôn nhiệt, nhiều mưa. Bệnh nhiều ôn nhiệt và thấp nhiệt. Vì vậy khi dùng các vị thuốc thấp nhiệt và trợ thấp phải cẩn thận, còn các vị thuốc thanh lương và hoá thấp thì nên tăng lên thích hợp.

Nhu cầu tâm lý của con người cũng là vấn đề môi trường. Môi trường có thể là chỉ một hoàn cảnh, cũng có thể là chỉ một đơn vị. Nó chủ yếu là chỉ một hoàn cảnh cụ thể mà ta rơi vào đó.

Anh là lãnh đạo, khi muốn phê bình một người hay sĩ diện, nếu phê bình người đó trước mặt công chúng cơ quan so với phê bình ở nhà anh ta thì chắc chắn hiệu quả sẽ khác nhau. Hiệu quả của trường hợp sau nhất định tốt hơn trường hợp trước.

*Tùy người mà định đoạt* cũng có nguyên lý tương tự. Phải căn cứ vào các trường hợp như: tuổi tác, tính biệt, tập quán khác nhau mà dùng phương pháp khác nhau. Nam giới khác với nữ giới, người già khác với trẻ em. Hoặc giả là cùng một loại nhu cầu, nhưng lòng ham muốn, hy vọng của mỗi người lại khác nhau, do đó phải xét đến những sự khác biệt này.

Kế bỏ trống thành của Gia Cát Lượng là đối mặt với Tư Mã Ý mà chọn dùng nước cờ hiểm này. Gia Cát Lượng biết rõ Tư Mã Ý là một người bản tính đa nghi, cho nên đã tính toán đến ông ta sẽ không tin Gia Cát Lượng dám bỏ trống thành, bởi vì Gia Cát Lượng là người mà Tư Mã Ý cho là bao giờ cũng rất cẩn thận. Nếu Tư Mã Ý không phải là người như thế thì Gia Cát Lượng nghìn vạn lần cũng không dám mạo hiểm.

Đó chính là sự kỳ diệu ở “tùy người mà định đoạt”.

Vinh Cách nói: “Nhân tâm là cái khó nắm bắt nhất. Trong bất kỳ bệnh án cụ thể nào, tôi cũng thường thoát khỏi lý luận lôgic, đưa ra những giả thiết giải thích về kết cấu các chứng bệnh tâm lý và những vấn đề có liên quan với bệnh nhân có thể làm được hoặc nên làm. Vì vậy trong phạm vi có thể, tôi đều dựa vào kinh nghiệm để xác định mục tiêu và phương pháp trị liệu”. Cho nên khi điều tiết nhu cầu tâm lý phải xem xét đến nguyên tắc tùy



cơ một cách đầy đủ, tức là tùy thời gian, không gian, tùy con người cụ thể mà định đoạt thì mới có thể nắm bắt được một cách tốt nhất nhân tâm.

## ● THẨM BIỆN NGŨ HÀNH:

### SỰ NĂM VỮNG MÔ THỨC

#### □ THỎ THÌ PHẢI BIỆN LUẬN THỎ CHẤT DÀY HAY MỎNG

Theo “mô thức ngũ hành” của chúng ta, thổ đại biểu cho nhu cầu sinh lý của con người, trong đó bao gồm nhu cầu cuộc sống về các mặt như: ăn, mặc, ở, đi lại. Nên còn gọi là cơ sở vật chất của cuộc sống.

Cơ sở vật chất của cuộc sống quá hùng hậu đối với một người chưa chắc đã là tốt. Từ xưa, con nhà giàu thường ít thành đạt. Tương tự, cơ sở vật chất không tốt chưa chắc đã là điều xấu.

Khi ta khảo sát về nhu cầu sinh lý trước hết phải xem xét mức độ nhu cầu đó được thỏa mãn ra sao. Nói chung có 5 trường hợp như sau.

#### ▲ Thổ nặng, thủy ít thì thổ dày

Thổ nặng tức là nói thổ nhiều. Thổ là do kết tụ mà thành, cô nhiều thổ tức là thổ nặng. Khi đó nếu thủy ít thì tốt. Vì thổ là cái khắc thủy, nhưng thủy cũng có thể cuốn thổ trôi đi, làm giảm độ dày của thổ. Cho nên nói thổ nặng thủy ít thì thổ dày. Thổ nặng và thủy ít là điều kiện tiền đề của thổ dày.

Nhưng thổ dày quá thì không thấu khí, mà đất không thấu khí thì không nuôi dưỡng được vạn vật. Vì vậy, khi thổ dày quá phương pháp tốt nhất là dùng mộc để làm cho thổ lỏng tơi ra. Nếu mộc không đủ mạnh thì dùng thủy để làm nhuận ướt thổ, đó cũng là biện pháp hữu hiệu để đạt được kết quả.

Trường hợp thổ nặng thủy ít này trong cuộc sống thường ngày thể hiện khá rõ ở các cụ già. Có một số cụ già về hưu tiền nhiều, những năm cuối đời của họ tiền tiêu không hết, nhưng cuộc sống của họ lại rất buồn tẻ. Mọi yêu cầu trong cuộc sống hầu như đều được thỏa mãn, nhưng các cụ đó thường cảm thấy cô đơn, buồn tẻ. Vì những niềm vui của cuộc sống không chỉ có vật chất quyết định tất cả.

Có một số con cái nhà giàu nhu cầu cuộc sống cũng rất đầy đủ. Thậm chí ngay như chúng ta là những người thường cho mình là kẻ khó nhọc vất vả, nhưng sau một bữa no say thường cũng cảm thấy lười biếng đi ít nhiều.

Đối với những cụ già cuộc sống buồn tẻ, phương pháp tốt nhất là tăng cường hoạt động, tăng thêm sự giao tiếp, gặp gỡ để làm cho cuộc sống được phong phú hơn. Qua giao tiếp làm cho người khác phát hiện được giá trị của mình, đồng thời cũng để chứng minh sức sống của mình và như thế sẽ tìm thấy niềm vui.

Những thanh niên nhu cầu cuộc sống được thỏa mãn quá nhiều thì nên đề cao nhu cầu tôn trọng để cân bằng mình. Phải xây dựng cho mình lòng tự tôn, đồng thời cũng phải biết tôn trọng người khác. Nghìn lần không được đem của cải của cha mẹ để lại cho, hoặc tự mình có được để làm cái vốn đặt mình cao hơn người khác. Hầu như phần lớn con em các gia đình giàu có đều là những công tử tiêu phí tiền như thế.

### **▲ Thổ nhẹ, mộc nặng là thổ mỏng manh**

Thổ nhẹ tức là nói thổ chất nhẹ và trôi nổi. Thổ nhẹ thì dễ bị thất tán, đó là do nguyên nhân thổ chất mỏng yếu gây nên. Còn có một nguyên nhân nữa là mộc nặng. Mộc vốn khắc thổ, rất nhiều mộc sinh trưởng trong thổ không dày, đối với thổ mà nói tuy tâm có dư nhưng lực bất túc.

Giải quyết vấn đề thổ mỏng có hai phương pháp: một là lấy kim để chế mộc, hai là lấy thổ để tương trợ thổ. Mục đích của kim chế mộc là giảm bớt áp lực của mộc đối với thổ, Như thế làm cho thổ không đến nỗi quá mệt. Nếu kim không có lực chặt phá được mộc thì đành phải dùng thổ tương trợ thổ. Thổ là do tích tụ mà thành, vì vậy tích tụ càng nhiều đối với thổ mỏng mà nói là càng tốt.

Có người nhiều khi vì sĩ diện mà tiêu tiền. Đó là ví dụ điển hình về thổ nhẹ mộc nặng. Trên báo chí ta thường bắt gặp những bài đưa tin: có công nhân sau công tác mấy năm vì cưới vợ đã tiêu mất không những khoản tiền tích lũy được, mà còn vay mượn một khoản tiền lớn khiến cho mấy năm công tác về sau mới trả được. Kết quả là sau hôn nhân phải sống mấy năm liền khó khăn vất vả.

Macsan viết một cuốn tiểu thuyết rất nổi tiếng, trong đó kể rằng hai vợ chồng Poya một lần tham gia vũ hội, người vợ đã đi mượn một dây chuyền kim loại quý của bạn để đeo. Khi người vợ đeo dây chuyền vào cũng chính là lúc dây chuyền đó đưa lại khó khăn cho họ. Bởi vì cô vợ đã đánh mất dây chuyền trong vũ hội và phải bồi thường mất một khoản tiền lớn, đưa lại khó khăn rất nhiều cho cuộc sống.

Đương nhiên đối với những người như thế, lời nhắc nhở của người khác chưa chắc đã lay chuyển được họ. Do đó còn có một biện pháp khác là lấy thổ trợ giúp thổ. Ví dụ: anh có thể tìm giúp cho người bạn một công việc nào đó để kiếm được ít tiền, tức là đã giúp bạn tạm thời vượt qua khó khăn. Mép dê ngoài bị lở thì đắp thêm mép trong, đó là biện pháp thường dùng. Đối với nhà kinh tế học mà nói, lấy tiêu phí để kích thích sản xuất cũng là việc thường xảy ra.

### ▲ Hỏa nhiều thì thổ bị đốt cháy

Hỏa vốn là mẹ của thổ, tất cả thổ đều do hỏa sinh ra. Nhưng hỏa nhiều sẽ làm tổn thương thổ, khiến cho thổ bị đốt cháy.

Phương pháp cứu thổ cháy rất đơn giản, đó là dùng thủy để chế hỏa. Kiến thức phổ thông này từ hàng nghìn năm nay nhân loại đã dùng làm biện pháp để dập tắt hỏa hoạn. Đương nhiên dùng thủy chế hỏa cũng không phải là phương pháp duy nhất. Còn có thể dùng kim. Vì sao lại dùng kim? Việc dùng kim chế hỏa không dễ giải thích như dùng thủy chế hỏa, từ quan hệ ngũ hành sinh khắc mà nói, hỏa khắc kim, kim lại sinh thủy. Cho nên kim có hai tác dụng, thứ nhất là làm giảm năng lượng của hỏa, thứ hai là kim sinh thủy.

Khi nhu cầu thành tích quá nhiều tất nhiên sẽ dẫn đến nhu cầu sinh lý không đủ. Về điểm này Trần Cảnh Nhuận là người thể hội rất sâu sắc. Rất nhiều thanh niên Trung Quốc qua ngòi bút của lão thi nhân này đều biết được: Trần Cảnh Nhuận đã phải sống một thời gian lâu trong căn phòng nhỏ chỉ sáu mét vuông. Ông đã tính toán bằng tay với số lượng bản thảo bỏ đầy bảy bao tải. Hơn nữa trong mấy năm đó ông không hề biết đến tết là gì, thậm chí không hề được ăn một quả táo.

Có nhiều cách để giúp đỡ Trần Cảnh Nhuận giải quyết nhu cầu sinh hoạt. Trong đó cách hiệu quả nhất là lấy vợ cho ông và để cho ông giao tiếp với các đồng nghiệp, Ngày nay Trần Cảnh Nhuận đã có một gia đình, hơn nữa ông đang du học ở nước ngoài. Nhưng trước đó cơ quan còn đưa ông vào bệnh viện điều trị một thời gian, vì trạng thái sức khỏe của ông không cho phép ông đủ sức để hoàn thành công việc nghiên cứu của mình. Như thế nghĩa là lấy nhu cầu an toàn để giảm thấp nhu cầu thành tích quá mạnh mẽ,

Thủy nhiều thì thổ bị trôi mất. Sông Hoàng Hà của Trung Quốc là một dòng chảy lớn màu vàng, thậm chí có thể nói trong một bát nước có đến nửa bát bùn. Đồng bằng tam giác châu ở hạ lưu Hoàng Hà, chính là đất phù sa

được cuốn từ vùng thượng lưu mà tích tụ lại. Trên thế giới cửa sông của các con sông lớn hầu như đều có tam giác châu, đó là vì thủy nhiều cuốn thổ trôi đi tích tụ lại mà thành.

Đối với một người có nhiều nhu cầu giao tiếp thì nhu cầu sinh lý sẽ bị giảm yếu đáng kể.

Mạnh Thường Quân để thu hút được nhiều kẻ sĩ có tài trong thiên hạ, nên đã tự hạ thấp mình, cùng ăn chung ở chung với họ. Có một hôm Mạnh Thường Quân ngồi ăn trong chỗ tối, có một kẻ sĩ nghi ngờ Mạnh Thường Quân nấp trong chỗ tối để ăn những thứ ngon hơn. Mạnh Thường Quân liền đưa bát cơm mình ra ngoài sáng, lúc đó mọi người mới biết được thức ăn của Mạnh Thường Quân cũng chẳng khác gì mình. Kẻ sĩ đó cảm thấy vô cùng xấu hổ liền rút dao tự sát. Sự kiện này khiến cho Mạnh Thường Quân càng được mọi người thêm tôn kính và tin cậy. Đó là ví dụ điển hình về trường hợp thủy nhiều thổ bị cuốn trôi.

Thủy nhiều thổ bị cuốn trôi, không thể nói đó là điều luôn luôn tốt. Nó chỉ là biện pháp đặc biệt trong trường hợp đặc biệt. Vậy làm thế nào để khắc phục sự mất mát do thủy nhiều thổ bị cuốn trôi này? Biện pháp đầu tiên là lấy thổ bù đắp, làm cho thổ ngày càng hùng hậu, như thế thì có thể không đến nỗi xảy ra hậu họa. Đồng thời cũng có thể hạn chế sức chảy của thủy bằng cách tăng thêm nhu cầu sinh lý để khiến cho nhu cầu giao tiếp bị eo hẹp lại.

Cách thứ hai là dùng hỏa khắc thủy. Hỏa có thể khắc thủy bằng cách thông qua nhu cầu thành tích để khiến cho nhu cầu giao tiếp giảm xuống.

Có một thanh niên công nhân bình thường rất thích giao tiếp với bạn bè, ưa quan hệ rộng rãi. Suốt ngày cứ sau tan tầm là giao du với mọi người. Ban ngày lúc vào ca có rất nhiều điện thoại gọi đến. Lãnh đạo cảm thấy không hài lòng về việc đó, đã phê bình anh ta mấy lần nhưng không có hiệu quả, thậm chí dùng cả biện pháp cắt bớt điện thoại để nhằm giảm bớt mối quan hệ của anh ta với bạn bè. Kết quả cũng chẳng ăn thua gì. Về sau có một vị lãnh đạo chuyên dùng biện pháp khác, giao cho anh ta và mấy người bạn nhiệm vụ cải tiến kỹ thuật. Từ đó về sau người thanh niên này suốt ngày lo nghiên cứu cải tiến, thậm chí điện thoại cũng không muốn nghe. Điều đó chứng tỏ vị lãnh đạo đó đã rất giỏi giải quyết vấn đề bằng cách dùng nhu cầu thành tích để khắc phục nhu cầu giao tiếp quá mạnh của người thanh niên công nhân kia.

## ▲ Kim nhiều thì thổ yếu

Kim và thổ là quan hệ mẹ con. Thổ có thể sinh kim, là mẹ của kim. Nhưng sinh con quá nhiều tất nhiên sẽ tiêu hao năng lượng của mẹ. Vì vậy mà nói kim nhiều thì thổ yếu.

Kim nhiều đại biểu cho nhu cầu an toàn sẽ ảnh hưởng đến thổ đại biểu cho nhu cầu sinh lý. Trong thời kỳ chiến tranh, quy luật cuộc sống thường bị đảo lộn. Việc thỏa mãn những nhu cầu thiết yếu của cuộc sống hầu như không thể bảo đảm bình thường cho mọi người, khiến cho nhu cầu sinh lý bị giảm rất nhiều.

Lão hồng quân tham gia trường chinh nói: trên đường trường chinh, nếu được một bữa no thì mọi người phấn khởi chẳng khác gì ngày tết. Điều đó chứng tỏ nhu cầu sinh hoạt vì nhu cầu an toàn mà đã giảm đến mức thấp nhất. Trong điều kiện đó đề cao nhu cầu thành tích là vô cùng quan trọng. Hỏa đại biểu cho nhu cầu thành tích có thể khắc chế kim đại biểu cho nhu cầu an toàn, đồng thời có thể sinh thổ. Các chiến sĩ hồng quân hầu như đều ấp ủ một tâm niệm là bắc tiến để đánh Nhật, xây dựng cho mình một lòng tin vì nước Trung Hoa mới mà sẵn sàng khắc phục mọi khó khăn trên bước đường trường chinh gian khổ.

Lâm Bưu khi vừa mới đến căn cứ địa Tĩnh Cương sơn, Mao Trạch Đông nói Lâm Bưu là một “đại đội trưởng thiếu niên”.

Lâm Bưu lần đầu tiên đề lại cho Mao Trạch Đông một ấn tượng sâu sắc đó là, trong lần nói chuyện trước các chiến sĩ hồng quân, Lâm Bưu đã nói một câu cổ vũ lòng người rất nổi tiếng: “Hồng quân có thể đánh bại mọi kẻ địch”, về sau Mao Trạch Đông đã từng viết một bài văn trong đó lấy câu nói này làm tư tưởng trung tâm. Trong hoàn cảnh thời đó, nâng cao lòng tự tôn cho các chiến sĩ hồng quân là vô cùng quan trọng. Vì mộc đại biểu cho nhu cầu tôn trọng, có thể làm tiêu giảm thế lực của kim. Thực tế cuộc sống cũng chứng minh điều này là đúng. Để đánh thắng mọi kẻ thù, những người nông dân tham gia hồng quân đã không sợ máu chảy đầu rơi, đổ mồ hôi nước mắt để chiến đấu một cách dũng cảm, bất khuất hàng chục năm liền với chính phủ phản động và bọn xâm lược Nhật.

## □ KIM THÌ PHẢI BÀN ĐẾN CHẤT KIM GIÀ HAY NON

Kim đại biểu cho nhu cầu an toàn, bao gồm các mặt an toàn tính mệnh, an toàn tâm lý và an toàn nghề nghiệp.

Chất được gọi là già, tức là chỉ mức độ thỏa mãn cao, chất gọi là non tức là nói thỏa mãn ở mức thấp.

Sự thỏa mãn và không thỏa mãn nhu cầu an toàn trực tiếp ảnh hưởng đến sự phát sinh và phát triển mấy loại nhu cầu về sau, hơn nữa nó cũng sẽ gây tổn hại đến nhu cầu sinh lý.

Khi khảo sát hiện trạng nhu cầu an toàn, thường phải xét đến năm trường hợp dưới đây:

### ▲ Kim nhiều, thổ dày là kim già

Kim già chủ yếu có hai khả năng. Thứ nhất là kim nhiều, thứ hai là thổ dày. Nó phản ánh vào nhu cầu tâm lý là nhu cầu an toàn quá nhiều là già, nhu cầu sinh lý quá nhiều cũng là kim già.

Khi một người được một vật gì đó thì đồng thời anh ta cũng sợ mất một cái gì đó. Hơn nữa càng mừng về cái được thì cũng càng lo về cái mất.

Tần Thủy Hoàng, sau khi trở thành Hoàng đế thứ nhất của Trung Quốc thì nhu cầu sinh lý của ông đã được thỏa mãn hơn bất cứ một người nào khác. Nhưng đồng thời ông cũng cảm thấy một nỗi lo sợ rất sâu xa. Ông sợ người khác giết, sợ có người thay thế ông.

Trường hợp này đó không phải là một trạng thái bình thường. Vì vậy mà cần có sự điều chỉnh thích đáng. Phương pháp điều chỉnh là lấy hỏa chế kim và lấy mộc chế thổ.

Dùng hỏa là phương pháp đối mặt với kim nhiều mà chọn, dùng mộc cũng là phương pháp đối mặt với thổ dày mà chọn. Trước trận Xích Bích, Tôn Quyền và Chu Du xem Gia Cát Lượng là người đến thuyết khách nên đã chọn thái độ không tiếp thu, mượn đủ cơ để ngăn trở. Gia Cát Lượng bèn đối diện với nhu cầu tâm lý của Tôn Quyền sợ bị đánh bại, đã chọn dùng phép “hoả” công. Gia Cát Lượng đã kích phát nhu cầu thành tích của Tôn Quyền, kết quả khiến cho Tôn Quyền chấp nhận. Đối với Chu Du là người cương cứng khí thịnh, Gia Cát Lượng chọn dùng phương pháp lấy mộc để

chế thổ. Ông nói với Chu Du: Đông Ngô cử hai người thì có thể đánh bại quân Tào. Đó là hai cô gái đẹp nổi tiếng: Đại Kiều và Tiểu Kiều của Đông Ngô (Đại Kiều được gả cho Tôn Quyền, Tiểu Kiều gả cho Chu Du), vì Tào Tháo luôn mong muốn lấy hai mỹ nữ này làm thiếp. Kết quả là sau khi Chu Du nghe nói thế thì cảm thấy lòng tự tôn bị xúc phạm, liền chỉ tay về phương Nam mà mắng: “Bọn giặc Tào khinh ta quá mức” và thề quyết không đội trời chung với Tào Tháo.

Đó là Gia Cát Lượng dùng tâm lý chiến để giải quyết nhu cầu an toàn của người Đông Ngô quá mạnh. Nguyên tắc của nó thống nhất với những điều ta đã nói trên đây.

### ▲ Mộc nặng, kim nhẹ là chất kim non

Ngược với kim già là kim non. Nguyên nhân tạo thành chất kim non là mộc nặng, kim nhẹ. Kim vốn khắc mộc, nhưng mộc nhiều thành rừng thì khiến cho kim cong tù, mất đi sự sắc bén. Nếu bản thân chất kim nhẹ và mỏng thì đó cũng là trường hợp kim non.

Mộc đại biểu cho nhu cầu tôn trọng. Khi loại nhu cầu này tăng lên có thể làm giảm yếu nhu cầu an toàn. Yếu Ly sau khi giết Khánh Ky, nghe được Khánh Ky trước khi chết căn dặn thủ hạ không được giết Yếu Ly, để cho Yếu Ly trở thành hiệp sĩ nổi tiếng. Nhưng ngược lại Yếu Ly cảm thấy vô cùng xấu hổ vì mình đã giết chết một bậc võ nghệ cao cường, đó là người anh hùng có tấm lòng khoan dung, rộng lượng và không hề thù hận gì với mình, Do đó Yếu Ly bèn tự sát.

Để biến đổi tình trạng không tốt của chất kim non, nên dùng hai sách lược. Đó là dùng thổ sinh kim, nếu thổ suy thì dùng kim trợ giúp kim cũng được.

Thổ là mẹ của kim, có thể dùng thổ để bù đắp chỗ kim còn thiếu. Đó là phương sách trị gốc. Đối với một người luôn sợ chết, cách tốt nhất là cho anh ta ăn tốt, ngủ tốt, sau đó bảo với anh ta: người mà thân thể khỏe mạnh thì sẽ sống lâu. Phương pháp này dù rất đơn giản, nhưng rất phù hợp với nguyên tắc chung của đời sống chúng ta, dễ được người khác tiếp thu.

Ví dụ, khi thổ đại biểu cho nhu cầu sinh lý bị suy nhược thì có thể dùng sách lược (cấp thì chữa “tiêu” của nó), tức trực tiếp bắt tay vào chữa cho nhu cầu an toàn. Trước vấn đề cụ thể sẽ tìm được cách giải quyết cụ thể.



Một em bé không dám bơi ra chỗ nước sâu, người lớn vớt cho em cái phao và nói với em: bám vào phao này, em có thể bơi qua bất cứ eo biển nào trên thế giới. Chỉ cần em đừng cảm là được.

Kết quả nhất định sẽ tốt đẹp, em bé sẽ không run sợ và cố vượt qua chỗ sâu đó.

### ▲ Thổ nhiều thì kim bị vùi lấp

Thổ nhiều kim bị vùi lấp là biểu hiện quan hệ mẹ con không bình thường. Thổ vốn sinh kim, nhưng thổ nhiều thì lại vùi lấp kim. Kim là do thổ sinh ra, thổ nhiều thì không thể khiến kim lộ ra được. Trong cuộc sống thường ngày, ta có thể thấy rõ vì người mẹ quá nuông chiều con mà làm cho con không có khả năng khi gặp phải những khó khăn trong cuộc sống.

Khi nhu cầu sinh hoạt quá nhiều, quá mạnh, có thể khiến cho con người vì thế mà xem thường nhu cầu an toàn, bước sang con đường mạo hiểm. Những cuộc khởi nghĩa của nông dân trước đây chủ yếu có ba nguyên nhân. Thứ nhất là do thiên tai gây ra nghèo đói, thứ hai là do áp bức xã hội nặng nề, thứ ba là do sưu thuế, tạp dịch nhiều quá. Cả ba nguyên nhân này đều có thể qui kết về sự áp chế nhu cầu cuộc sống. Vì ba nhân tố này là trở ngại cho sự thỏa mãn nhu cầu sinh lý của đa số nông dân, do đó khiến cho nông dân không sống nổi, buộc họ phải tiến hành đấu tranh cách mạng, đứng lên đấu tranh với các nhà cầm quyền là những người mà trước đây họ không dám nhìn đến. Họ gạt bỏ sợ hãi sang một bên, dấy lên một phong trào phản đối rầm rộ chưa từng thấy.

Sách lược để giải quyết thổ nhiều kim bị vùi lấp là “lấy mộc làm trước hết, thứ nữa là lấy thủy”. Mộc có thể khắc thổ, thông qua mộc để giảm yếu trạng thái thổ nhiều, hoặc dùng thủy để giảm bớt trạng thái thổ nhiều.

Những người hay đòi hỏi hưởng thụ vật chất đều thuộc loại thổ nhiều. Do đó có thể giáo dục chính diện để cho họ hiểu được ý nghĩa cuộc sống không phải ở hưởng thụ mà là ở cống hiến. Ăn ngon, mặc đẹp, chơi nhiều thực ra không được người khác tôn trọng. Sự tôn trọng chân chính là anh đã làm được cái gì cho người khác.

Anh hãy giao những việc mà anh ta có thể làm được để anh ta làm, giúp anh ta nhận biết cảm giác được người khác tôn trọng là như thế nào. Sự đẹp đẽ của phẩm chất vĩnh viễn cao hơn sắc đẹp của quần áo.

Anh có thể thỏa mãn nhu cầu giao tiếp của anh ta. Ví dụ anh có thể kết bạn với anh ta, khiến cho anh ta biết được anh là người thật lòng, vì anh ta có một điểm nào đó làm cho anh rất ngưỡng mộ mà ở người khác không có. Như vậy anh ta sẽ biết được người khác thích anh ta cái gì, từ đó anh ta sẽ tự giác thể hiện mình theo ưu điểm đó.

### ▲ Thủy nhiều thì kim chìm

Thủy là do kim sinh ra, thủy nhiều tất nhiên sẽ làm yếu sức của kim, hơn nữa còn khiến cho kim chìm vào trong thủy.

Nhu cầu giao tiếp quá nhiều có thể làm cho người đó mất đi tâm lý cảnh giác bình thường, tạo nên nhu cầu an toàn bị giảm thấp. Làm như thế có lúc rất nguy hiểm. Ở phần trên chúng ta đã nói đến cách sử dụng nữ gián điệp, tức là dùng người đẹp trong giao tiếp để khiến cho nam giới buông lỏng tính cảnh giác cần có, tiết lộ những điều cơ mật cho kẻ địch ngay bên cạnh gối trên giường.

Yêu Ly giết Khánh Kị cũng là vì tiếp xúc với Khánh Kị rất chặt chẽ, khiến cho Khánh Kị không cảnh giác anh ta.

Có một nhà triết học nói, “Bạn của anh có thể là kẻ thù nguy hiểm nhất của anh”. Câu nói đó nhắc nhở mọi người nguyên lý thủy nhiều thì kim chìm. Lúc đó sách lược tốt nhất là chọn thổ để không chế thủy, cách tốt vừa là dùng hỏa không chế. Thông qua nhu cầu sinh lý và nhu cầu thành tích để tăng cường sự cảnh giác đối với xung quanh.

Người suốt ngày tiêu tiền rất ít khi tự hỏi mình còn bao nhiêu tiền, vì hứng thú của anh ta là tiêu tiền. Cho nên ta có thể kiến nghị với anh ta mua những đồ vật để làm cho anh ta nổi bật lên trong số bạn bè, sau khi anh ta đã tìm được niềm vui thì ta bảo anh ta: “Tiền anh sắp hết rồi! Tiêu tiền như thế phỏng có nghĩa gì? Có phải anh muốn trở thành người mà bạn bè ai cũng muốn lánh xa không?”

Đương nhiên anh cũng có thể khuyên anh ta làm một việc gì đó có ích. Nói với anh ta việc đó sẽ làm cho bạn bè ngưỡng mộ anh ta như một anh hùng hoặc một nhân vật cừ khôi. Khi anh ta quyết tâm hành động thì sẽ tự mình cảm thấy những việc làm trước kia là đáng xấu hổ biết bao.

Giao tiếp là cần thiết, nhưng nó làm cho người ta hao phí nhiều thời gian, sức lực và tiền của đã dành dụm được. Vì vậy phải biết ngừng đúng

mức, nếu không anh sẽ trở thành một công tử lãng phí thời gian và của cải, hoặc là người lừa dối đáng ghét. Vì anh căn bản không thể đem lại những điều có ý nghĩa cho người khác, ngược lại chỉ làm cho người khác lãng phí thời gian quý báu.

### ▲ Hỏa mạnh kim bị tổn thương

Hỏa khắc kim. Từ quặng mỏ đến sắt, rồi từ sắt chế thành công cụ đều là do hỏa luyện thành.

Rất nhiều người dám chết là để hiến dâng cho một sự nghiệp nào đó. Từ đáy lòng của họ tiềm ẩn một nhiệt tình để chuẩn bị làm một việc gì đó. Nhiệt tình này có thể giúp họ vượt qua mọi khó khăn. Đó cũng có thể gọi là: hỏa mạnh thì kim bị tổn thương.

Con đường giải quyết vấn đề này là dùng thủy để chế hỏa, rồi dùng kim để bổ sung thêm. Dùng thủy để trị cấp, dùng kim để trị hoãn.

Thời Tam quốc, Từ Thử ở phía Lưu Bị làm quân sư, giúp Lưu Bị đánh thắng mấy trận rất đẹp. Sau khi Tào Tháo biết được liên cử người đến bắt mẹ Từ Thử. Sau đó bắt chước chữ của mẹ Từ Thử viết một bức thư, mong chiêu tập Từ Thử sang với Tào Tháo. Mục đích của cách làm này là dùng thủ đoạn uy hiếp để tiêu trừ tấm lòng vì công danh của Từ Thử, khiến cho Từ Thử không đạt được sự nghiệp.

Tôn Quyền vì để thu phục Kinh Châu nên đã gả em gái của mình cho Lưu Bị, hồng thông qua tình thông gia để giữ Lưu Bị làm con tin. Sau khi kế này bị thất bại, bèn dùng kế mỹ nhân, tức dùng vợ Lưu Bị để níu Lưu Bị lại, nhằm làm cho Lưu Bị quên công danh sự nghiệp, cách ly tình cảm thân mật của ông với Khổng Minh, Quan Vũ, Trương Phi. Đó là sự ứng dụng và phát triển lấy thủy chế hỏa.

### □ THỦY THÌ PHẢI PHÂN BIỆT THỂ THỦY MẠNH HAY YẾU

Thủy đại biểu cho nhu cầu giao tiếp. Nó bao gồm hai nguyện vọng: nguyện vọng xã giao và nguyện vọng yêu mến.

Nhu cầu giao tiếp phản ánh nhu cầu quy thuộc của một người đối với người khác hay với một tập thể. Cho dù con người ở xã hội nguyên thủy,

hay ở xã hội hiện đại ngày nay, loại nhu cầu này luôn gắn chặt với con người, dù đó là kẻ bình dân hay người quyền quý.

Nhu cầu giao tiếp của con người thay đổi tùy theo môi trường xung quanh và tình cảm mỗi người. Có lúc nhu cầu này rất mãnh liệt, có lúc lại được ghìm nén một cách có ý thức. Cho nên khi khảo sát nhu cầu giao tiếp ta phải chú ý đến các mặt sau đây.

### **▲ Thủy nhiều, kim nặng là thế thủy mạnh**

Trường hợp thế thủy lớn có thể biết được từ số lượng của nó, cũng có thể nhìn thấy từ số lượng của kim sinh thủy.

Nước biển lớn là vì dung nạp nước của hàng nghìn con sông. Thế thủy muốn lên đầu tiên phải dung nạp nước từ nhiều nguồn.

Khi ta nói một người có năng lực giao tiếp lớn, thì thực chất là giữa người đó và nhiều người khác đã phát sinh những mối quan hệ về lợi ích. Mỗi người đều có thể kiến lập các mối quan hệ có ý nghĩa khác nhau đối với những người xung quanh. Quan hệ càng nhiều càng chứng tỏ trình độ giao tiếp của người đó, đồng thời cũng phản ánh nhu cầu giao tiếp của người đó lớn.

Nhu cầu giao tiếp sản sinh ra là vì người ta sợ cô độc. Nỗi lo sợ này từ khi loài người ra đời đã xuất hiện. Con người chịu sự uy hiếp của đủ loại hiện tượng tự nhiên, do đó mà có nhu cầu tập hợp lại với nhau thành những quần thể, bộ lạc, gia đình. Vì vậy nhu cầu an toàn mạnh hay yếu sẽ quyết định nhu cầu giao tiếp nhiều hay ít.

Thực thi chính sách ngoại giao có thể gọi là ví dụ điển hình. Trong lịch sử Trung Quốc thời Xuân thu chiến quốc và thời Tam quốc, nhất là thời kỳ hỗn chiến của quân phiệt hiện đại, chiến tranh xảy ra nhiều nhất. Việc áp dụng các thủ đoạn ngoại giao được sử dụng rất nhiều và rất có hiệu quả.

Trong thời đại ngày nay công tác ngoại giao cũng là biện pháp quan trọng để mưu cầu hòa bình. Thông qua ngoại giao để điều hòa mối quan hệ giữa các nước, giữa các tập đoàn chính trị, tập đoàn quân sự và tập đoàn kinh tế.

Thực hiện nhu cầu giao tiếp chỉ có thể giành được từ điều kiện bên ngoài. Vì vậy khi nhu cầu giao tiếp quá mạnh có thể sẽ dẫn đến sự ỷ lại vào

sự viện trợ bên ngoài, hoặc sẽ mất đi lòng tự tin và tính độc lập.

Sách lược để khắc phục điều này là lấy thổ chế ngự thủy, hoặc lấy hỏa chế ngự thủy. Dùng nhu cầu sinh lý và nhu cầu thành tích để giảm yếu nhu cầu ngoại giao quá mạnh.

Đối với người không thể thực hiện được nhu cầu sinh lý thì nhu cầu giao tiếp của anh ta cũng sẽ bị trở ngại. Ví dụ, anh không có một bộ complet quý trọng, đẹp đẽ thì có thể sẽ không có dũng khí hoặc không có cơ hội để tham gia một lễ hội cao cấp. Nhu cầu sinh lý có tác dụng hạn chế trực tiếp đến nhu cầu giao tiếp. Mức độ đầy đủ của nhu cầu sinh lý sẽ phân chia con người vào những giai tầng khác nhau trong cuộc sống. Những người thuộc giai tầng thấp kém thì rất khó trong quan hệ giao tiếp.

Nhu cầu thành tích là phương thức chuyển đổi dùng để giảm yếu nhu cầu giao tiếp, đem nhiệt tình và tâm lực dùng trong giao tiếp chuyển hướng thành việc thực hiện nhu cầu thành tích, từ đó mà khiến cho nhiệt tình giao tiếp giảm thấp.

### **▲ Thủy ít, thổ nhiều là thế thủy yếu**

Những “người tự tư” phần nhiều là người “thủy ít thổ nhiều”. Trong con mắt của họ chỉ thấy mình, không thấy người khác. Đứng trước một sự việc, đầu tiên là nghĩ đến lợi ích của mình. Gặp việc gì cũng lấy sự thiệt hơn, hoặc mình lợi được bao nhiêu để nhìn nhận.

Trong số họ còn có loại người gặp việc gì cũng không muốn nhờ ai. Những người này luôn bảo thủ ý kiến, cảm thấy sinh hoạt là việc riêng của mình, không muốn để ai tham gia vào đó. Do đó họ không chịu chan hòa, hội nhập với ai.

Đối với những “người tự tư” hoặc loại “người không cộng tác với ai” như trên thì sách lược để đối xử với họ có khác nhau.

Ngày xưa có một người giàu tiêu mất rất nhiều tiền để thay mắt bị hỏng của mình bằng một mắt chó. Kỹ thuật của bác sĩ rất cao khiến cho mọi người thoát nhìn rất khó phân biệt được đâu là mắt thật, đâu là mắt giả. Người giàu đó vô cùng đắc ý. Anh ta nghĩ rằng chỉ có mình giàu mới làm được một kỳ tích như thế.

Một hôm ông ta hỏi một đại nhân: “Nghe nói ngài rất giỏi quan sát, vậy

nhờ ngài xem hai con mắt của tôi, mắt nào thật, mắt nào giả”. Đại nhân đó lập tức chỉ ra mắt giả.

Ông nhà giàu rất kinh ngạc, liền hỏi: “Xin hỏi, ngài làm sao phân biệt được?”. Đại nhân nói: “Rất đơn giản, vì con mắt thật của ông còn lưu lại một chút tính người”. Nghe xong mặt người giàu liền đỏ ửng lên.

Trong câu chuyện này đại nhân đó đã chọn sách lược “lấy mộc khắc thổ” như trên đã nói. Tức dùng nhu cầu tôn trọng để khắc chế nhu cầu sinh lý của đôi phương. Kết quả khiến cho đôi phương cảm thấy lương tâm bất ổn.

Đối với những người cô độc, sách lược tốt nhất là thân ái với họ, tiếp xúc với họ. Như thế gọi là “lấy thủy trợ giúp thủy”. Vì những người cô độc thường có tính hiền lành là cơ bản. Dùng phương pháp trên sẽ kích nổ họ, tức là lấy nhu khắc cương.

### **▲ Kim nhiều thì thủy đục**

Chỗ nào cũng đề phòng là người đa nghi quá nặng, trong thực hiện nhu cầu giao tiếp nhất định sẽ gặp mọi khó khăn. Vì giao tiếp trước hết là lấy sự thẳng thắn, thành tâm làm tiền đề. Không có thẳng thắn, thành tâm thì không có hữu nghị, tức là cũng không được người khác yêu mến thật lòng.

Có một cô gái luôn lo lắng bạn trai của mình ngoại tình, bèn ngầm theo dõi để xem anh ta hay tiếp xúc với những cô gái nào. Có một lần cô ta xem người nữ cấp trên của bạn trai là tình địch của mình, sùng sục xông vào trước cửa người nữ cấp trên đó làm ồn lên, khiến cho người bạn trai vô cùng xấu hổ, kết quả anh ta phải tuyên bố cắt đứt quan hệ với cô gái đó.

Nhu cầu an toàn quá nhiều sẽ khiến cho tính thuần khiết của nhu cầu giao tiếp bị ô nhiễm. Một khi nhu cầu giao tiếp bị ô nhiễm mà muốn giao tiếp với người khác thì dễ bị người ta chán ghét. Vì không ai thích chơi với những người bội tín, bội nghĩa.

Biện pháp để sửa chữa “kim nhiều thủy đục” là “trước hết dùng hỏa, thứ nữa là dùng mộc”.

Mục đích lấy hỏa là để khắc kim, tức là dùng nhu cầu thành tích để giảm yếu nhu cầu an toàn. Ví dụ Tào Tháo là người rất sợ chết, nhưng trên chiến trường lại luôn tỏ ra rất bình tĩnh so với người khác. Đó là vì với tư

cách một người chỉ huy thì nhu cầu thành tích đã áp chế thành công nhu cầu an toàn, tức là nhu cầu tham sống sợ chết.

Ý nghĩa của nhu cầu dùng mộc là để kích phát dũng khí và ý chí chiến đấu. Những câu danh ngôn như “Sợ chết thì đừng làm Đảng viên cộng sản”, “Nhân sinh tự cổ thủy vô tử, lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh” (đời người xưa nay ai chẳng chết, quý là để lại tấm lòng son), “Đất nước hưng hay suy là trách nhiệm ở các bậc hiền tài” thực chất là xem nhu cầu tôn trọng còn cao thượng hơn cả nhu cầu an toàn, xem sự đeo đuổi sự nghiệp, sự kiên định lòng tin, quan tâm đến vận mệnh quốc gia còn cao hơn tất cả. Điều đó làm hình thành tinh thần tự trọng vô cùng mạnh mẽ không gì bẻ gãy được. Để thỏa mãn nhu cầu tôn trọng, có lúc người ta thà hy sinh tính mệnh.

### **▲ Hỏa nhiều thì thủy bị đốt khô**

Sau khi nước sôi, nếu lửa vẫn không giảm thì nước sẽ bốc hơi, một giọt không còn. Đó chính là kết quả hỏa mạnh thì nước bị đốt khô.

Một người cứ khăng khăng thực hiện nhu cầu thành tích của mình thế tất sẽ dẫn đến nhu cầu giao tiếp bị giảm yếu. Phương pháp đọc sách truyền thống của Trung Quốc là “Hai tai không nghe thấy những việc bên ngoài, một lòng chuyên chú đọc sách thánh hiền”. Trong cách đọc đó dẫn đến kết quả là hỏa mạnh nước bị khô.

Nhiều người không có khả năng tự bảo đảm cho mình nhu cầu sinh hoạt, trừ thuộc lòng những điều giáo điều Khổng Tử viết ra, còn hầu như là nghèo sạch trơn.

Đối mặt với cách làm truyền thống này, người Trung Quốc ngày nay đã đưa ra câu nói cảnh cáo “Trí lực còn quan trọng hơn tri thức”. Ý là kêu gọi sự giáo dục xã hội phải đổi mới, trước hết phải coi trọng con người, sau đó mới đến tri thức.

Ôn Nguyên Khải trong cuốn sách “Xu thế lớn của Trung Quốc” đã nêu ra cho thanh niên Trung Quốc ngày nay một khẩu hiệu mới mẻ: “Đọc vạn cuốn sách, đi nghìn dặm đường, giao tiếp với bạn bè khắp bốn phương”. Tư tưởng chủ đạo của câu đó là đối mặt với cách làm không tốt của thanh niên Trung Quốc thường cắt đứt với truyền thống cũ mà nói.

Theo lý luận âm dương ngũ hành thì phương pháp giao tiếp với bạn bè bốn phương là sách lược “lấy thủy chế hỏa”. Còn một sách lược khác là

dùng chiến thuật “lấy kim sinh thủy” để đạt được mục đích trị hỏa.

Lưu Bị rất muốn tạo dựng sự nghiệp. Nhiều năm liền bôn ba khắp bốn phương, nhưng đến một chỗ đặt chân cũng không có. Khi ông bị đại quân Tào Tháo đuổi đến Tương Dương, mệnh treo đầu sợi tóc, do đó mới nảy ra nguyện vọng liên hiệp với Tôn Quyền. Cuối cùng nhờ du thuyết thành công của Gia Cát Lượng, liên quân Lưu - Tôn mới đánh bại được đại quân Tào Tháo, dựng nên đại nghiệp của Lưu Bị. Thế ba chân vạc Ngụy - Thục - Ngô hình thành từ đó.

### ▲ Mộc nhiều, thủy bị co lại

Mộc nhờ thủy nuôi dưỡng. Khí mộc nhiều thế tất dẫn đến thủy không đủ và bị tiêu hao.

Trong giao tiếp, người kiêu ngạo thường ít bạn bè. Trừ bản thân ra còn ai anh ta cũng xem thường, vì vậy người khác rất khó gần.

Hạng Vũ “lực bạt núi, khí lấp sông” cho rằng mình là anh hùng đệ nhất trong thiên hạ, người khác nói không bao giờ nghe, đối với kẻ đầu hàng không bao giờ dung nạp. Ngay đến bố dượng là Phạm Tăng cũng không chịu được, tức khí bỏ đi.

Ngược lại với Hạng Vũ, Lưu Bang lại lấy lòng tốt đối xử với mọi người cho nên rất nhiều người tài giỏi về làm thủ hạ cho Lưu Bang. Điều đó làm tăng sự đối kháng giữa Lưu Bang và Hạng Vũ.

Sách lược để sửa chữa “mộc nhiều thủy bị co lại” là “trước hết dùng kim để khắc mộc, sau nữa là dùng thổ”.

Sau khi trúng kế “mai phục” của Lưu Bang thì nhu cầu an toàn và nhu cầu sinh lý của Hạng Vũ tăng lên. Hạng Vũ chỉ có thể mang tàn quân phá vây. Thế nhưng ngay đến ái thiếp của mình cũng không giữ nổi. Đó quả là trò cười lớn nhất của vị anh hùng này. Lòng tự tôn của Hạng Vũ bị đá kích mạnh mẽ, cuối cùng ông nhận thức được sai lầm của mình. Chủ nghĩa anh hùng cá nhân không thay đổi được thế giới, càng không thống trị nổi thế giới.

Ngày xưa có một vị tướng bị giặc bắt. Ông thà chết chứ không đầu hàng giặc. Bọn giặc giam ông lại cho ăn sung sướng nhưng vẫn không thể làm thay đổi lòng trung thành của ông.



Thủ lĩnh của bọn giặc không tin vị tướng này không sợ chết, bèn quan sát trộm từng hành động của ông. Có một lần thủ lĩnh đó nhìn thấy một con nhện rơi trên mặt tướng quân. Tướng quân tỉnh dậy bắt lấy con nhện vừa quấy rối giấc mộng của mình. Nhưng khi ông định giết con nhện thì liền liên hệ đến mệnh vận của mình, bèn không nhẫn tâm giết chết mà lại thả nó ra. Tình tiết này bị thủ lĩnh giặc nhìn thấy, nó liền khẳng định: “Vị tướng này không muốn chết. Chúng ta còn có thể nghĩ ra cách khác”, về sau cuối cùng chúng đã tìm ra phương pháp khiến cho vị tướng quân đầu hàng.

Câu chuyện này nói lên sách lược dùng thủ để chế ngự mộc nhiều. Trong đoạn văn đã ghi lại câu chuyện phản biến, hầu như đến một nửa là xuất phát từ phương diện nhu cầu sinh hoạt của vị tướng mà tìm ra đột phá khẩu.

#### □ MỘC THÌ PHẢI XEM THỂ MỘC THỊNH HAY SUY

Mộc trong “mô thức ngũ hành” của chúng ta đại biểu cho nhu cầu tôn trọng của con người.

Mộc mọc thẳng lên trời, uy vũ bất khuất, thống nhất với tinh thần giàu nghèo không làm thay đổi được lòng người. Tinh thần này là bản chất của nguyện vọng muốn được tôn trọng của con người.

Nhu cầu tôn trọng chiếm một địa vị trọng yếu trong thế giới tinh thần của loài người. Các mặt nhu cầu khác như: đời sống, an toàn, giao tiếp và thành tích sự nghiệp đều gắn chặt với nhu cầu tôn trọng của con người, thậm chí người ta còn lấy sự thỏa mãn đến mức độ nào của nhu cầu tôn trọng để quyết định mức độ thỏa mãn của các nhu cầu khác.

Nhu cầu tôn trọng có thể kết cấu với bốn nhu cầu khác thành mấy loại quan hệ cơ bản. Cho nên chúng ta có thể từ những mối quan hệ này để thấy rõ thể mộc thịnh hay suy, từ đó mà có sự điều chỉnh thích đáng.

#### ▲ Mộc nặng, thủy nhiều là mộc thịnh

Mộc nặng là chỉ nội dung nhu cầu tôn trọng quá nhiều. Ví dụ anh ta vừa hy vọng được bạn bè, đồng nghiệp đánh giá tốt, nhưng lại muốn mỗi lần được tăng tiến thì không bao giờ bị tụt xuống, về điều kiện sống luôn muốn vượt trội hơn người khác.

Bản chất của nhu cầu tôn trọng là ở chỗ muốn giành được những tình

cảm tốt đẹp trong bạn bè. Hoặc nói cách khác, luôn muốn vượt trội hơn người khác. Không muốn người khác núm xuống cũng là một loại phiên bản của dạng “thích nổi trội hơn người khác”.

Trong cuộc sống ta luôn bắt gặp những người cái gì cũng muốn hơn người khác. Những người này sống rất mệt, nhịp điệu cuộc sống rất gò bó, giống như những người có bệnh thần kinh. Trong quan hệ giao tiếp thiếu thoải mái và ôn hoà. Bạn bè của họ không nhiều. Người khác đều kính trọng anh ta nhưng lại lánh xa. Đó là hậu quả không tốt của “mộc nặng” đem lại.

Hiện tượng này chứng tỏ: nhu cầu tôn trọng quá nhiều không phải là việc đáng mừng. Khi gặp phải trường hợp đặc biệt sẽ dễ dẫn đến hoàn cảnh bi đát.

Ngoài ra thủy - đại biểu cho như cầu giao tiếp - mà nhiều cũng có thể tạo thành “mộc thịnh”. Từ nguyên lý ngũ hành mà nói, mộc được thủy sinh nên thủy nhiều thì mộc thịnh.

Phần trên chúng ta đã phân tích: tôn trọng là mong muốn có được một sự thừa nhận nào đó. Chủ thể thừa nhận tất nhiên cũng là con người. Muốn được nhiều người thừa nhận thì phải có môi trường giao tiếp trong một phạm vi nhất định. Sau khi nhu cầu giao tiếp của anh tăng lên nhiều thì anh cũng sẽ mang yêu cầu tôn trọng của mình vào trong sự giao tiếp đó. Một người sống chỗ xa xôi, vắng vẻ so với một người sống chỗ phồn vinh, yêu cầu về tôn trọng có thể nói là không so sánh nổi.

Mộc thịnh quá lâu thì sẽ bị bẻ gãy. Trung Quốc xưa có lời dạy như sau: “Cây đẹp trong rừng gặp gió tất bị đổ”. Ý nghĩa của câu nói đó chính là điều vừa nói. Vì vậy chúng ta phải có sách lược phù hợp để giải quyết.

Nguyên lý ngũ hành mách bảo chúng ta: kim khắc mộc. Dùng nhu cầu an toàn để hạn chế mộc quá nhiều, đó là điều ta có thể thấy được qua câu chuyện Mã Siêu đánh bại Tào Tháo dưới đây. Mã Siêu sau khi liên tục đánh bại các đại tướng Vu Cấm, Trương Liêu, Lý Thông là thủ hạ của Tào Tháo, bèn xốc thẳng đến trận địa Tào Tháo. Tào Tháo trong loạn quân nghe thấy quân Tây Lương hô to: “Người mặc hồng bào là Tào Tháo”! Tháo liền vội cởi bỏ hồng bào. Lại nghe quân lính hô vang: “Râu dài là Tào Tháo”. Tào Tháo hoảng hốt dùng đao cắt đứt râu. Trong quân có người lấy chuyện Tào Tháo cắt râu mách với Mã Siêu, Siêu liền ra lệnh cho quân hô to: “Kẻ râu ngắn là Tào Tháo”. Tháo nghe thấy liền lấy cờ xéo bao lấy cầm mà chạy. Thời xưa mặc áo bào là tượng trưng cho địa vị cao quý, cấp bậc khác nhau

màu sắc quần áo có khác nhau. Đẽ râu cũng là một vẻ đẹp tượng trưng cho một nghĩa nào đấy. Vì vậy áo bào và râu dài đại biểu cho sự tôn nghiêm của nam giới ngày xưa. Trên chiến trường Tào Tháo vì nhu cầu an toàn nên đành phải bỏ qua thể diện. Quan Mã Siêu dùng liền ba cách gọi làm cho thể diện của Tào Tháo bỗng chốc bị mất sạch. Điều đó có thể thấy hiệu lực của kim khắc mộc.

Trong trường hợp kim thiếu cũng có thể dùng thổ để đạt được hiệu quả chế thủy làm hao tổn mộc.

### ▲ Mộc gây, kim cứng là mộc suy

Ngược với trạng thái mộc thịnh, nguyên nhân mộc suy có hai loại: bản thân mộc yếu là nguyên nhân bên trong; kim cứng khắc mộc là nguyên nhân bên ngoài. Cả nội họa lẫn ngoại họa tất nhiên làm cho mộc suy nhược. Sự phản bội thường sinh ra trong điều kiện mộc gây, kim cứng.

Ở Trung Quốc yêu cầu đối với con người là nhân và nghĩa. Phàm những hành vi đi ngược với nhân nghĩa đều không được kính trọng. Tình cảnh bọn phản động thường gặp là tính mệnh hoặc những cái khác bị uy hiếp, khiến cho chúng không thể không giảm thấp hoặc vứt bỏ nhu cầu tôn trọng. Những hành vi này không phù hợp với yêu cầu nhân nghĩa truyền thống cho nên bị nhiều người khinh miệt.

Sách lược để khắc phục mộc gây, kim cứng là “lấy hỏa chế kim” hoặc “lấy mộc tăng cho mộc”.

Nếu có thể kích động được nhiệt tình hiến thân của một người cho sự nghiệp thì anh ta sẽ không bao giờ trở thành kẻ phản bội. Người Đảng viên Cộng sản được khắc họa trong tiểu thuyết “Hồng diêm” (Đá đỏ) chính là người có nhiệt tình như thế. Chị Giang, Hứa Vân Phong là những người để lại những ấn tượng sáng chói trong lòng người. Chính họ là những người đã dùng nhiệt tình của mình đốt sáng lên ngọn lửa sinh mệnh. Xiềng xích của bọn Quốc Dân đảng sở dĩ không có tác dụng uy hiếp đối với những người này đủ thấy rõ “sự khắc kim của hỏa”.

Một điểm khác nữa là: nhốt những người có một lòng tin kiên cường lại với nhau như thế, chắc chắn sẽ tạo thành một thứ “mộc nặng”. Điều đó sẽ khiến cho mộc giúp mộc, vì vậy kim có hạn sẽ khó mà khắc được mộc vô hạn. Đó gọi là cách làm không hiểu được nguyên lý ngũ hành tương sinh.

### ▲ Thủy thịnh thì mộc bị trôi dạt

Thủy tư dưỡng mộc, nhưng khi thủy vượt quá một số lượng nhất định thì không những không lợi cho mộc mà còn làm cho mộc bị trôi nổi.

Nhu cầu tôn trọng được sản sinh ra trong quá trình giao tiếp. Người không giao tiếp thì không có nhu cầu tôn trọng. Ví dụ lời nói và việc làm của ta trong gia đình khác xa với những hành vi ngoại giao ngoài xã hội. Những biểu hiện tình cảm trước mặt bố mẹ cũng khác với trước mặt cấp trên. Đó không phải là chúng ta giả dối, giỏi nguy trang, mà là do yêu cầu của chúng ta khác nhau nên dẫn đến phương thức cũng khác nhau.

Nhu cầu giao tiếp quá mạnh sẽ khiến cho người ta mất đi lòng tin cần thiết trong giao tiếp. Như những nhân vật vẽ trên tường mà ta thường nhìn thấy, họ rất giỏi “gió chiều nào che chiều ấy”, giỏi nguy trang. Vì họ không thể làm cho mọi người đều thích, do đó đành phải hạ thấp mình để nịnh người khác, mong đạt được nhu cầu giao tiếp. Cho nên trong trường hợp này cái mà họ được lợi rất nhỏ, nhưng lại mất đi nhân cách của mình. Trong số những người vì xã giao mà giao tiếp, nhiều người là do mách lới, rất ít người vì sợ mất sự tôn trọng. Đó chính là biểu hiện “thủy thịnh thì mộc trôi nổi”.

Sách lược để sửa đổi là lấy thổ, hỏa để chế ngự thủy. Thổ có thể chế ngự thủy, hỏa có thể sinh thổ để chế ngự thủy.

Nhu cầu sinh hoạt có thể làm tan vỡ nhu cầu giao tiếp. Mạnh Thường Quân đã từng lấy giao tiếp mà nổi tiếng thiên hạ. Nhưng ông cũng hiểu sâu sắc rằng: nhu cầu sinh hoạt đã hạn chế nhu cầu giao tiếp. Khi Tần vương bị giam lỏng, ái thiếp của Tần vương đã xin Mạnh Thường Quân một cái áo lông chồn để ra nước ngoài, tìm cách báo thù cho Tần Vương. Nếu nhu cầu này không được đáp ứng, bà sẽ cự tuyệt sự giúp đỡ. Đó là ví dụ điển hình dùng thổ chế ngự thủy.

Mạnh Thường Quân vì thế mà lo lắng. Ông không có khả năng tìm được áo lông chồn. Nhưng yêu cầu của bà cuối cùng đã làm động lòng người tùy tùng của ông, nên anh ta đã giải quyết được khó khăn đó, thỏa mãn được nhu cầu của ái thiếp Tần vương. Nhu cầu thành tích ở những thời điểm đặc biệt có thể phát huy năng lực một cách khôn lường. Cho nên không được xem thường sức hạn chế của nó đối với thủy.

### ▲ Thổ nặng thì mộc yếu

Mộc khắc thổ, nhưng thổ nhiều thì có thể thắng mộc. Điều đó sẽ làm cho mộc bị tổn thất nhất định.

Một bảng điều tra của giám ngục đã chứng minh kết luận thổ nặng thì mộc yếu. Trại giam này có hơn 1200 người. Người phạm tội trộm cướp chiếm trên 70%. Động cơ trộm cắp có hai loại. Một là ăn trộm cái nó thích, hai là ăn trộm cái nó cần. Thích và cần đều là nhu cầu sinh lý. Khi nhu cầu sinh hoạt vượt quá phạm vi bình thường mà khả năng của mình có thể làm ra được thì sẽ sinh ra động cơ ăn trộm. Lúc đó nếu nhu cầu tôn trọng không thể khắc chế được động cơ này thì sẽ dẫn đến thổ thừa thế mà khắc lại mộc.

Cho nên biện pháp để sửa chữa có thể bắt đầu từ mộc hay thủy. Dùng mộc mạnh để trợ giúp mộc, hoặc dùng thủy để chế ngự thổ nặng.

Ở Trung Quốc phương châm của giám ngục và đội lao động cải tạo là lấy giáo dục làm đầu, sản xuất làm thứ hai. Gọi là giáo dục tức là làm cho lòng tự trọng, tự ái tăng lên. Sự giáo dục này rất có ý nghĩa đối với những phạm nhân có nhu cầu tôn trọng thấp.

Sự nảy sinh tâm lý sám hối có thể được xem là triệu chứng nhu cầu tôn trọng được lập lại. Khi một người biểu thị biết hối cải đối với hành vi sai trái trước đây của mình thì lương tâm của anh ta sẽ thức tỉnh sự tôn kính trước đây đã mất đi. Người giám ngục đặt giáo dục lên hàng đầu là phù hợp với nguyên tắc chọn mộc trước hết.

Lấy thủy để chế mộc cũng là ví dụ được chứng minh qua câu chuyện của người cai ngục. Giám ngục tức là thủ đoạn hạn chế quyền tự do của con người, khiến cho người phạm tội phải tiếp thu sự giáo dục và lao động theo một mô hình nhất định. Cách làm này là biện pháp thực thi đối mặt với sự cần thiết để hạn chế nhu cầu sinh lý của một số người. Giảm tiêu chuẩn của các mặt như ăn, mặc, ở xuống mức thấp nhất để hạn chế nhu cầu sinh lý trước đây đã vượt quá mức.

### ▲ Hỏa nhiều thì mộc bị đốt cháy

Nhu cầu thành tích quá cao, sự nguy hiểm của nó cũng khá lớn. Mấy ví dụ dưới đây có thể chứng minh điều đó.

Võ Tân để thực hiện nguyện vọng lập trường của mình, chạy khắp nơi

xin quyền góp từng đồng tiền. Lúc đó anh ta quên mất nhu cầu tôn trọng bình thường, một lòng một dạ thực hiện cho được mục tiêu đã định.

Cao Gia Lâm trong đời sống rất ghét tiếp xúc với đất đai cày cấy. Anh ta muốn sống cuộc sống thành phố, do đó anh ta nhận lời yêu một cô gái thành thị, phản lại lời hứa đối với cô gái nông thôn trước đây.

Từ ngày thực hiện chính sách học phí du học rất nhiều người có thành tích và có chí khí ở Trung Quốc xin nộp đơn đi học nước ngoài, mong được thành đạt cao hơn. Họ biết rõ trong thời gian đi học sẽ bị mất nhiều quyền lợi ở Trung Quốc, hơn nữa trong thời gian học ở nước ngoài còn phải tự lao động tạp vụ để kiếm sống.

Những ví dụ này đều nói lên: “hỏa nhiều thì mộc bị đốt cháy”. Nhu cầu thành tích quá nhiều có thể khiến cho mộc đại biểu cho nhu cầu tôn trọng bị tổn thương.

Biện pháp để giảm thấp sự tổn thương là lấy thủy chế hỏa, hoặc lấy kim sinh thủy. Kết quả của ví dụ trên đã nói rõ biện pháp này.

Sự cố gắng của Võ Tấn về sau đã làm xúc động một số người, do đó họ đã góp tiền giúp đỡ người thanh niên có chí này thực hiện mơ ước của mình. Trong cuộc sống cũng có một cụ già tên gọi Thủy Đức nói với Cao Gia Lâm rằng: đất đai là căn bản của con người. Dù bay thật cao rồi cuối cùng cũng rơi xuống đất. Điều mà những người này chú ý là lấy thủy chế hỏa. Họ đã giành được kết quả tốt đẹp, chứng tỏ biện pháp mà ta đưa ra là có thể áp dụng được.

#### □ HỎA THÌ PHẢI XEM HỎA LỰC THỪA HAY THIẾU

Hỏa đại biểu cho nhu cầu thành tích. Trong “mô thức ngũ hành” chúng ta không những xem nó có vị trí và tác dụng ngang với những nhu cầu khác mà còn coi trọng nó cao hơn các nhu cầu khác. Chỉ có như thế chúng ta mới có thể từ trong quan hệ của chúng tìm ra được phương pháp cân bằng và hài hòa.

Theo nguyên lý ngũ hành ta có thể tìm được năm loại quan hệ để phân biệt rõ trạng thái hiện thực của nhu cầu thành tích. Năm trạng thái đó là: có thừa, không đủ, sáng, tắt và âm ỉ. Dưới đây chúng ta sẽ lần lượt miêu tả

nguyên nhân sản sinh ra năm trạng thái đó và biện pháp điều chỉnh, sửa đổi.

### ▲ Hỏa mạnh, mộc nhiều là hỏa thừa

Hỏa mạnh, mộc nhiều là hai nguyên nhân hỏa lực thừa.

Cái trước là nguyên nhân bên trong, cái sau là nguyên nhân bên ngoài. Cả hai là quan hệ nhân quả của nhau.

Khi hỏa đại biểu cho nhu cầu thành tích thịnh, chúng tỏ khát vọng thành tích của người đó và nhiệt tình cống hiến cho sự nghiệp của người đó rất cao. Một khi nó được đốt cháy thì sẽ bốc lên rất mạnh, không thể cản nổi. Đó là sức mạnh của bản thân nhu cầu đó, nên gọi là nguyên nhân bên trong.

Mộc đại biểu cho nhu cầu tôn trọng, nó là nguyên liệu sinh ra hỏa. Không có mộc thì không có hỏa, mộc nhiều hỏa mới vượng. Cho nên mộc nhiều là nguyên nhân bên ngoài của hỏa thừa.

Mộc và hỏa còn là nhân quả của nhau, biểu hiện nhu cầu tôn trọng sản sinh ra nhu cầu thành tích, nhu cầu thành tích là sự thăng hoa của nhu cầu tôn trọng. Nhu cầu thành tích nằm ở tầng thứ cao nhất của nhu cầu con người.

Căn cứ nguyên lý cân bằng âm dương thì hỏa có dư không phải là trạng thái lý tưởng nhất. Hỏa của thành tích giống như hỏa của sinh mệnh, không nên đốt cháy hết trong bùng chốc, mà phải được khống chế thích đáng.

Biện pháp khống chế là lấy thủy sánh với hỏa. Thủy khắc hỏa nên lấy thủy để làm yếu hỏa. Nếu gặp trường hợp thiếu thủy thì có thể dùng kim cũng đạt được mục đích tương tự. Vì kim sinh thủy, một mặt dùng thủy đó khống chế hỏa, mặt khác kim bị hỏa khắc nên kim khiến cho hỏa vì thế mà yếu đi.

Từ đó chúng ta có thể liên tưởng đến tình hình thập kỷ 50 của nước Trung Hoa mới. Khi đó Mao Trạch Đông đã lãnh đạo nhân dân Trung Quốc giành được những thắng lợi vang dội trên thế giới. Thắng lợi trong cuộc kháng Mỹ, viện Triều, trong cuộc cải tạo giai cấp tư sản trong nước và đánh lui những cuộc tiến công của bọn Tưởng Giới Thạch, v.v... là những thắng lợi đã khiến cho nhu cầu thành tích “hỏa của Mao Trạch Đông mạnh hơn bao giờ hết. Mao Trạch Đông bắt đầu vạch ra đường lối chung của thời kỳ mới cho toàn Đảng, toàn dân, kỳ vọng hoàn thành công cuộc kiến thiết xã

hội chủ nghĩa trong một thời gian ngắn.

Lịch sử chứng minh đó là đường lối thiên về chạy theo thành tích. Lúc đó trong Đảng không người nào có thể thay đổi được quyết sách này của Mao Trạch Đông. Bành Đức Hoài và một ít người khác đã bị Mao Trạch Đông bãi chức. Từ đó không còn ai dám đứng ra ngăn trả Mao Trạch Đông, không ai dám chuốc lửa vào mình.

Cái khiến cho Mao Trạch Đông tỉnh ngộ ra, nhận thức được tình thế và phải điều chỉnh lại quyết sách của mình là nạn thiên tai ba năm liền của đầu thập kỷ 60. Nhân dân Trung Quốc vừa mới đứng lên đã bị thiên tai ập đến, nguy cơ kinh tế xuất hiện. Nhà nước thiếu tiền, không đủ sức trợ giúp cho nhân dân vượt qua nạn đói, thậm chí có người bị chết đói.

Để cho nước Trung Hoa mới không bị sụp đổ, Mao Trạch Đông và các chiến hữu của ông cuối cùng đã phải vứt bỏ đường lối đó, tập trung tâm lực vào vật lộn, chống chọi với thực tiễn. Nhu cầu an toàn đóng vai trò áp chế “hỏa của nhu cầu thành tích trong thời gian đó.

### **▲ Hỏa yếu, thủy vượng là hỏa không đủ**

Giống như hỏa thừa, hỏa không đủ cũng là do nguyên nhân bên ngoài tạo nên.

Bản thân hỏa không vượng là nguyên nhân bên trong. Thủy vượng khắc hỏa là nguyên nhân bên ngoài.

So với Lưu Bị thì Lưu Thiện là người thuộc dạng “hỏa yếu thủy vượng”. Là người nổi nghiệp của bố nhưng Lưu Thiện không có tầm nhìn rộng lớn, cũng không có tài năng về mặt này. Trong “Tam quốc diễn nghĩa” không có đoạn nào miêu tả về những tình tiết Lưu Thiện theo phụ vương ra chiến trận, cũng không có đoạn nào nói về Lưu Thiện đề ra được những sách lược đáng kể. Đó không phải là sự sơ suất của tác giả mà là sự sơ ý của Lưu Bị. Ông đã không bồi dưỡng cho con mình thành một nhân tài có ích.

Khi năm tuyên đại binh của Ngụy và Ngô áp sát biên giới Thục, Lưu Thiện không hề đề ra được một quyết sách gì mà chỉ biết cầu viện Khổng Minh, mấy lần liền phải rời khỏi tướng phủ.

Khi Ngụy binh đánh vào nước Thục, Lưu Thiện không thể tự mình tổ chức nhân dân dũng cảm chống lại, không chọn được người hiền tài làm



tướng mà chỉ biết nghe những lời gièm pha rồi qùy gối đầu hàng.

Đặc điểm “hỏa nhược, thủy vượng” của Lưu Thiện khiến cho ông thân làm Hoàng đế nhưng không thể an tọa trên ngai vàng mà cuối cùng đã bị người khác lật đổ,

Biện pháp để sửa chữa “hỏa nhược, thủy vượng” là “lấy thổ chế thủy, thủy suy gặp hỏa cũng tốt”. Vì thổ khắc thủy cho nên thổ có tác dụng như hỏa, vừa làm mạnh thể hỏa, vừa tăng thổ chế thủy. Đối với Lưu Thiện là người đứng đầu đất nước mà nói thì nhu cầu sinh hoạt chắc chắn được bảo đảm thỏa mãn. Cho nên dùng thổ khắc thủy sẽ không thể đạt được hiệu quả, chỉ có dùng hỏa để trợ giúp hỏa mới mong đạt được ý muốn.

Song bị kịch của Lưu Thiện là ở chỗ không có ai giúp đỡ ông nhận thức về mặt này. Phụ vương Lưu Bị chưa làm điều đó, Gia Cát Lượng cũng chưa hề dạy cho ông điều đó, còn bản thân ông thì lại tin vào những lời gièm pha của Hoàng Quyền, cho nên Lưu Thiện không có được ý chí muốn thống nhất Trung Quốc, chấn hưng lại Hán triều. Phương ngôn có câu: “Xưa nay những người có cuộc sống đầy đủ ít trở thành vĩ nhân”. Đó là kết luận có tính phê phán của người đời đối với những bậc con em có cuộc sống no đủ thường không có chí lớn. Rất nhiều bậc con em chỉ biết nhận tiền của do bố mẹ để lại, nhưng rất ít chú ý đến ý chí hoặc cuộc đời phấn đấu gian lao của bố mẹ.

Bất kì binh của Mãn Thanh dưới sự chỉ huy của những vị tướng anh hùng đã đánh bại Minh vương triều và Lý Tự Thành, thực hiện sự thống quản cả miền Trung nguyên mà trước đây họ chưa hề đạt được. Nhưng thế hệ sau của họ lại bị đánh bại ngay. Ngọn cờ thành tích mà ông cha họ vừa nhen nhóm lên đã bị tắt dần trong đám con em Bất kì binh.

Nhu cầu giao tiếp có lúc là tử thù của nhu cầu thành tích.

### ▲ Mộc nhiều thì hỏa mạnh

Mộc nhiều là nguyên nhân chủ yếu tạo nên hỏa mạnh. Khi nhu cầu tôn trọng quá mức có thể khiến cho hỏa của nhu cầu thành tích bốc lên biến thành hỏa mạnh, thậm chí bị đốt cháy quá sớm.

Hạng Vũ là ví dụ điển hình về trường hợp này.

Sau khi rơi vào trận địa phục kích khắp bốn mặt của Trương Lương, Hạng Vũ đã quyết định phá vây. Lần này võ công siêu quần và con ngựa quý

của ông đã phát huy hết tác dụng. Ông dẫn các bộ hạ, bản thân tiên phong đột phá ra khỏi vòng vây trùng điệp. Các tướng sĩ dưới trướng đều ca ngợi ông và biểu thị lòng trung thành quyết tử của mình. Điều đó không phải là quá đáng đối với Hạng Vũ. Song Hạng Vũ lại kiêu ngạo nói: “Ta còn có thể thoát được cờ soái của kẻ địch cho các người xem”. Nói xong ông liền dẫn binh sĩ xông vào giữa hàng vạn binh mã và chém đổ cờ soái. Ông lại một lần nữa chứng minh được lời: nói của mình, song quân lính trong tay ông lại chết thêm, chỉ còn một nửa.

Để thỏa mãn lòng tự tôn, Hạng Vũ đã chôn vùi thành tích của ông, nhất là lúc ông phá vòng vây của quân địch, chạy đến bờ sông Ô Giang, nhìn thấy mấy chữ lớn của Hoàng Phong viết trên thân cây thì lòng tự tôn của ông dâng lên cực điểm. Ông cho rằng “Trời đã cự tuyệt mình”, do đó ông liền rút gươm tự sát, vứt bỏ kế hoạch vĩ đại vượt qua sông, chiêu tập binh mã để đánh lại. Đó chính là hỏa của thành tích đã bị dập tắt.

Mao Trạch Đông từng lấy việc này nói với các chiến hữu của mình: “Không thể hám danh mà học Bá vương”.

Người háo danh là người thiên về nhu cầu đòi được tôn trọng. Loại người này có ý chí lớn lao. Họ tin rằng mình có thể lập được những kỳ tích mà người khác không làm được. Song ý chí đó lại được xây dựng trên cơ sở nhu cầu tự trọng quá cao. Một khi nhu cầu đó bị tổn thất, để bảo đảm thỏa mãn lòng tự trọng, họ sẵn sàng vứt bỏ nhu cầu thành tích, thậm chí kể cả hi sinh bản thân mình.

Hạng Vũ quá yêu danh dự của mình, cho nên ông thà chết mà vứt bỏ cả kế hoạch phục thù xây dựng lại. Biện pháp để sửa chữa trạng thái tâm lý này trước hết là lấy thủy để bổ cứu, sau đó dùng kim cũng được.

Thủy có thể khắc hỏa, kim có thể giảm yếu hỏa, cũng có thể sinh thủy để chế hỏa.

Đối với Hạng Vũ thì thủy và kim đều vô ích. Ông không tin người khác, cũng không sợ cái chết, cho nên ông đành đốt cháy hết sinh mệnh của bản thân mình,

### **▲ Kim nhiều thì hỏa bị tắt**

Đối với người trước sợ sói, sau sợ cọp thì chắc chắn sẽ không làm được việc gì lớn. Từ nguyên lý nhu cầu ngũ hành mà phân tích, kim đại biểu cho

nhu cầu an toàn đã bị hỏa của nhu cầu thành tích khắc chế. Kim nhiều sẽ làm cho hỏa tổn thất lớn, đồng thời kim nhiều có thể sinh thủy nhiều, thủy đó sẽ làm tắt hỏa. Cho nên kim nhiều là nguyên nhân chủ yếu làm cho hỏa bị tắt.

Lịch sử cận đại của Trung Quốc có Lý Hồng Chương là nhân vật rất đáng được tranh luận.

Trong nhiều sách người ta viết ông là kẻ bán nước, nhưng cũng có người gọi ông là người mở đường cho nền công nghiệp cận đại của Trung Quốc. Tất cả những điều này đối với những gì Lý Hồng Chương đã làm thì không có gì là quá đáng cả.

Chính ông là người đã ký Điều ước làm mất quốc thể của Trung Quốc với người nước ngoài. Ông cũng là người đã đề xướng phong trào học tập nước ngoài đối với Trung Quốc, đồng thời đã xây dựng nên nền công nghiệp cận đại.

Đó là hai kết luận trái ngược nhau khi bàn về Lý Hồng Chương. Về sau khi nhìn thấy Trung Quốc lạc hậu, ông sợ bị bọn phương Tây đánh bại nên đã tích cực đề xướng học tập phương Tây, tổ chức Chi đội hải quân đầu tiên của Trung Quốc. Song tư tưởng của ông lại xây dựng trên cơ sở nhu cầu an toàn, cho nên ông không thể có được tinh thần mạo hiểm lênh đênh vượt qua biển cả như người phương Tây. Cuộc hải chiến năm Giáp Ngọ đã nói lên nhược điểm này của Lý Hồng Chương. Ông luôn lo rằng nếu đánh nhau thì Trung Quốc sẽ thua, tiếp theo đó là mất nước, cho nên ông ra sức dàn hòa với phương Tây, không có được một chút ý chí anh hùng dám kiên trì, dũng cảm đấu tranh trong gian khổ để gìn giữ đất nước.

Cuộc hải chiến năm Giáp Ngọ vừa thất bại, ông liền vội vàng cầu hòa với nước ngoài, hi vọng dùng sự thiệt hại về kinh tế để làm vui lòng người Nhật. Điều ước Mã Quan đã được ký kết như thế.

Kim nhiều thì hỏa tắt là biểu hiện chủ nghĩa đầu hàng không đầu không đuôi. Sách lược để sửa chữa trạng thái này là lấy hỏa bổ cứu, sau nữa là lấy mộc.

Hỏa có thể trợ giúp khắc kim; mộc cũng có thể sinh hỏa để khắc kim, đồng thời lại có thể làm hao giảm lực của kim.

Nếu hỏi đó Lý Hồng Chương và những người khác quả thật có dũng khí và quyết tâm chống lại nước ngoài thì lịch sử Trung Quốc chắc đã rẽ

sang ngả khác. Nếu Lý Hồng Chương có lòng tự tôn dân tộc thì sẽ không ký một điều ước bất bình đẳng đến thế.

Từ Hi Thái hậu đề xướng chủ trương “lường sức của nước Trung Hoa kết hợp với lòng dân” đã chôn vùi tiền đồ của dân tộc Trung Hoa, đồng thời cũng chuốc lấy nỗi nhục không bao giờ rửa sạch được cho đất nước.

### ▲ Thổ nhiều thì hỏa tối

Hỏa tối tức là hỏa âm ỉ. Nguyên nhân chủ yếu tạo thành hỏa âm ỉ là thổ nhiều. Vì theo nguyên lý ngũ hành: thổ là do hỏa sinh ra, vì vậy thổ nhiều thì sẽ khiến cho thể hỏa yếu. Cũng tức là nói hỏa âm ỉ là do thổ quá nhiều dẫn đến sự tổn thất cho bản thân của hỏa.

Nhu cầu sinh hoạt có được thỏa mãn hay không sẽ ảnh hưởng đến sự thỏa mãn của nhu cầu thành tích.

Khi Trụ vương nhà Thương cai trị đất nước, ông bắt đầu bước vào cuộc sống hủ bại. Ông bắt đầu bếp phải làm cho ông những thức ăn xa xỉ nhất, ngay đến bữa cũng phải làm bằng ngà voi. Trụ vương đòi hỏi về đời sống rất nhiều, khiến cho thần dân khắp nơi bất mãn, sau đó nổi dậy lật đổ ông. Chính ông đã bị thiêu chết trong cung điện do ông xây nên để hưởng lạc.

Vì Trụ vương quá đeo đuổi những nhu cầu về cuộc sống, nên ông không quan tâm đến nhu cầu thành tích, biến cả triều đình to lớn trở thành trò chơi của mình.

Ngược với sự xa xỉ của Trụ vương, nếu có một người nào đó vì nhu cầu cuộc sống mà phải bôn ba vất vả thì nhu cầu thành tích của anh ta nhất định sẽ kém hơn người khác, đó là điều bình thường dễ hiểu.

Lưu Bị vốn là con cháu của Trung sơn Tịnh vương Lưu Thắng, huyền tôn của Hán Cảnh đế. Nhưng vì hồi nhỏ hoàn cảnh gia đình nghèo đói, phải làm nghề dệt chiếu mà sinh sống, trước năm 28 tuổi ông luôn vất vả bận rộn, nên mặc dù có chí lớn nhưng chưa thể thực hiện được. Mãi đến khi đầu quân dẹp giặc Hoàng Cân mới có dịp để thực hiện chí lớn của mình.

Do đó có thể thấy, nếu nhu cầu đời sống quá bức xúc thì sẽ khiến cho hỏa của nhu cầu thành tích bị mờ đi.

Biện pháp để cải tạo tình trạng này là “lấy mộc bổ sung vào, hoặc lấy

thủy”. Vì mộc có thể sinh hỏa, thủy có thể sinh mộc.

Khi Lưu Bị không bằng lòng với nghề dệt chiếu thấp kém, ông bèn bắt đầu vươn lên với nhu cầu thành tích cao hơn. Khi nhìn thấy tên mình trong bảng báo danh đầu quân đi dẹp giặc Hoàng Cân, ông vô cùng cảm kích. Cuối cùng ông đã quyết định khoác áo giáp và mang đao đứng vào hàng quân. Đó chính là ông muốn lập nên một thành tích cao hơn, đồng thời ông cũng đã tự sửa đổi mệnh vận của mình.

Nhu cầu giao tiếp cũng có một tác dụng tương tự. Lễ Đào viên kết nghĩa là ví dụ tốt về mặt này. Ba chàng thanh niên có cùng chí hướng đã đồng tâm vứt bỏ nghề dệt chiếu, nghề thợ rèn và nghề làm thịt, cùng nhau cố vũ quyết tâm chuyển qua cuộc đời mới khiến cho mọi người phải ngưỡng mộ.

## ● VẬN TRỪ THẦN CƠ:

### THU ĐƯỢC NHÂN HOÀ

#### □ GIÁNG NHÂN THUẬT

Giáng nhân thuật tức là kỹ xảo thu phục nhân tâm.

Kỹ xảo thu phục nhân tâm rất nhiều. Ngày xưa chia thành văn giáng và võ giáng. Võ giáng tức là dùng vũ lực để khuất phục, văn giáng tức là dùng tâm kế để khuất phục. Mục đích của hai cách không khác nhau, nhưng thủ đoạn thì rất khác nhau.

Giáng nhân thuật chủ yếu chỉ hai loại. Theo lý luận nhu cầu ngũ hành mà nói, giáng nhân thuật vận dụng công năng tương sinh của ngũ hành. Học thuyết ngũ hành cho rằng: khi một hành có tác dụng nuôi dưỡng hành kia thì gọi là tương sinh, cũng gọi là quan hệ mẹ con. Cái sinh là mẹ, cái được sinh là con. Con phải phục tùng mẹ. Giáng nhân thuật tức là thông qua một sự thỏa mãn nào đó cho đối phương để khiến cho người được tiếp nhận thừa nhận sự cho đó hoặc thừa nhận mối quan hệ được cho.

Giáng nhân thuật cũng có thể hiểu thành sự thương yêu. Bản chất của nó là ở chỗ cho đối phương cái gì để làm cho đối phương tỉnh ngộ, vui lòng và chân thành mến phục.

Vật cho có thể là hữu hình hoặc vô hình. Lấy tâm để thuyết phục, lấy tình để làm cảm động, lấy ân để gắn chặt vào, lấy lý để làm cho người ta hiểu, lấy lợi để làm cho người ta biết ơn. Tất cả những cái này đều thuộc phạm trù của giáng nhân thuật, mục đích đều là thu phục nhân tâm.

Giáng nhân thuật là đối mặt với nhu cầu đời sống của con người mà xây dựng nên. Do đó giáng nhân thuật trong cuộc sống hàng ngày được ứng dụng rất rộng rãi.

#### ▲ Kế bắt, thả của Khổng Minh

Trong thuật giáng nhân thuật của Khổng Minh, bảy lần bắt Mạnh Hoạch có thể gọi là ví dụ điển hình nhất. Bàn đến Tam quốc, nói đến Gia Cát Lượng thì không thể không nói đến câu chuyện này.

Bảy lần bắt Mạnh Hoạch là bước quan trọng nhất để Gia Cát Lượng mở

đường tiến về tây nam. Trước khi xuất binh, Gia Cát Lượng đã từng bàn với Mã Tốc dùng sách lược gì để tiến vào tây nam. Mã Tốc nêu lên phương châm: Lấy công phá vào nhân tâm làm thượng sách. Sách lược đó được Gia Cát Lượng vô cùng tán thưởng.

Tây nam là vùng đất hoang dã của người dân tộc thiểu số cư trú, họ có nhiều đặc tính. Phải kiên trì chính sách “võ vè” để khiến họ quy phục. Nếu đơn thuần dùng vũ lực chinh phục thì tất nhiên đánh thắng nhưng không thể khuất phục, hậu họa sẽ vô cùng. Huống hồ Khổng Minh bình định Nam man thực chất là mở rộng địa bàn để củng cố thế lực của quốc gia, mong thay đổi thế cục bất lợi do những thất bại gần đây đưa đến. Do đó phải giải quyết vấn đề ổn định để cai trị lâu dài. Đúng như Mã Tốc phân tích đã nói: “Nam man là vùng đất xa xôi hiểm trở khó khuất phục được lâu. Hôm nay tuy bị đánh bại, nhưng ngày mai lại nổi dậy. Trong đội quân của đại quân Thừa tướng hôm nay có quân binh đã tham gia bắc phạt Tào Phi. Nếu Nam man biết được nội tình đó thì sẽ đứng lên phản lại rất nhanh”. Cho nên Gia Cát Lượng trong quá trình tác chiến với thủ lĩnh Nam man đã hết sức chú trọng chiến thuật công phá nhân tâm.

Khi bắt được Mạnh Hoạch lần thứ nhất, Gia Cát Lượng đầu tiên hỏi Mạnh Hoạch phục hay không phục. Mạnh Hoạch đứng không quỳ, nói to rằng chặt đầu cũng không phục. Do đó Khổng Minh sai người thả Mạnh Hoạch và bảo quay về chinh đồn binh mà để đánh tiếp.

Kết quả Mạnh Hoạch lại bị bắt. Liên như thế bảy lần, cuối cùng khiến cho Mạnh Hoạch được thả mà không đi, và nói: “Ngài có uy trời, người Nam không bao giờ chống lại nữa”. Từ đó Mạnh Hoạch thành tâm, thành ý đầu hàng Gia Cát Lượng và trở thành loạt “cán bộ” dân tộc thiểu số đầu tiên của Gia Cát Lượng trong sự cai quản giải biên thùy Tây nam.

Có thể nói không có bảy lần bắt, bảy lần thả thì không thể có Mạnh Hoạch tâm phục. Không làm cho Mạnh Hoạch tâm phục thì không thể khiến cho vùng Tây nam ổn định lâu dài. Bảy lần bắt, bảy lần thả không những biểu hiện mưu trí siêu nhân của Gia Cát Lượng mà còn biểu hiện sự vận dụng thuật giáng nhân cao siêu của ông.

### ***Phân tích kế bắt thả***

Mục đích của Khổng Minh là khiến cho Mạnh Hoạch, vị lãnh tụ đứng đầu dải Nam man thành tâm phục tùng sự thống trị của Thục Hán.

Đối mặt với hiện trạng: nhu cầu tâm lý của Mạnh Hoạch rất mạnh, bất khuất, ngoan cường, không chịu khuất phục người Hán, biểu hiện lòng tự tôn dân tộc rất cao.

Sách lược thực thi: chọn dùng sách lược công phá nhân tâm, vận dụng thủ đoạn quân sự bất rồi lại thả, dần dần đi sâu vào để khiến cho tâm phục.

Nguyên lý sách lược: đối mặt với đặc điểm lòng tự tôn dân tộc của Mạnh Hoạch rất mạnh, Khổng Minh đã chọn dùng sách lược công tâm, tức là không lấy kim phá mộc, mà lấy thủy sinh mộc để khắc hỏa.

Đối với Mạnh Hoạch là vị thủ lĩnh dân tộc thiểu số có nhu cầu tôn trọng rất cao, nếu dùng vũ lực thô bạo để giải quyết thì không được, dễ tạo thành “Mộc cứng làm gãy kim”. Thực tế cũng chứng minh điều đó. Mạnh Hoạch sau khi bị bắt đã đứng mà không quỳ, nói với Khổng Minh: Tôi sai vì trúng nguy kế, thà chết không phục, về sau khi bắt được lần nữa vẫn biểu hiện bất khuất, không chịu đầu hàng.

Ngược lại nếu lấy thủy dưỡng mộc thì hiệu quả sẽ khác. Thông qua tác chiến khiến cho hai bên hiểu nhau, tin phục lẫn nhau, giao lưu với nhau. Như vậy nhu cầu giao tiếp được thỏa mãn, đồng thời cũng đem lại sự thỏa mãn về nhu cầu tôn trọng. Thủy đồng thời lại khắc chế thể lực của hỏa một cách hữu hiệu. Mạnh Hoạch cam tâm đầu hàng người Hán, nhận sự thống trị, không còn xung bá xung quyền, hành động tự do nữa.

Kế bắt thả cũng là xuất phát từ thủy, nhưng kết quả thì lại khác nhau, nguyên nhân là vì đối mặt với nhu cầu không giống nhau.

### ▲ Kế Trương Phi thả Nghiêm Nhan

Trương Phi vốn nổi tiếng dũng mãnh, nên người đời còn gọi là “mãnh hổ Trương Phi”. Trong cuộc đời binh mã của ông, trận cướp Ba Quận khéo léo là đẹp nhất.

Sau khi Bàng Thống chết, việc tiến vào Tây Xuyên của Lưu Bị gặp trở ngại. Khổng Minh lập tức từ Kinh Châu kéo binh đi đường thủy vào Tây Xuyên. Khổng Minh và Trương Phi cùng ước định: ai đến trước thì người đó lập công đầu.

Đại quân của Trương Phi kéo đến Ba Quận liền gặp phải sự kháng cự ngoan cường của lão tướng Nghiêm Nhan. Trương Phi đã mấy lần công



thành nhưng không phá nổi.

Để tìm kế sách phá thành, Trương Phi cưỡi ngựa trèo lên núi cao điều tra thực địa, phân tích địch tình. Ông phát hiện Ba Quận là cửa ải vô cùng hiểm trở, nếu đánh thì đánh không xong, chỉ có cách dùng mưu để cướp. Do đó Trương Phi bèn nghĩ ra kế “điệu hổ ly sơn”.

Qua mấy lần dẫn dụ, cuối cùng đã điều được Nghiêm Nhan ra khỏi thành. Nghiêm Nhan thất thế bó tay bị bắt.

Tiếp theo đó là màn kịch thu phục nhân tâm bắt đầu. Nghiêm Nhan bị trói được dẫn đến trước tướng, phần nộ chửi mắng, đứng không chịu quỳ. Thái độ bất khuất này biểu hiện lòng dũng cảm và coi cái chết nhẹ như lông hồng của vị lão tướng.

Trương Phi vốn tính nóng nảy, gặp hỏa thì cũng nóng lên, nhưng lần này ngược lại thái độ rất điềm tĩnh, kìm nén sự tức giận để thực hiện kế sách “công phá nhân tâm”.

Trương Phi bước tới “tự tay cởi trói”, rồi dìu Nghiêm Nhan đến chỗ ngồi cao chính giữa và thành khẩn nói rằng: “Tôi biết ngài là bậc hào kiệt, lão tướng”. Qua thái độ bình tĩnh và lời nói chân thành đó đã khiến vị lão tướng đầy cương trực Nghiêm Nhan cảm động và chân thành chịu quy phục trước Trương Phi.

Nhờ sự đầu hàng của Nghiêm Nhan mà binh mã của Trương Phi đi đến đâu cũng kêu gọi thuyết phục được quân địch đầu hàng. Đội quân của Trương Phi không mất một người, thuận lợi vượt qua 45 cửa ải, kịp đến dưới trướng Lưu Bị trước Khổng Minh và lập công đầu. Đó là phần thưởng cao quý nhất đối với Trương Phi vận dụng thành công giảng nhân thuật.

### ***Phân tích kế thả Nghiêm Nhan***

Mục đích của Trương Phi: thuận lợi vượt qua các cửa ải để đến với Lưu Bị, tranh lập công đầu.

Đối với hiện trạng nhu cầu tâm lý của Nghiêm Nhan: Lão tướng Nghiêm Nhan bị bắt làm cho lòng tự tôn của ông bị thương tổn, hơn nữa, tính mệnh bị uy hiếp.

Sách lược thực thi: trên đường vào Tây Xuyên, sự chống cự như

Nghiêm Nhan tất nhiên sẽ rất nhiều. Vì vậy nếu tranh thủ được sự hợp tác và ủng hộ của Nghiêm Nhan thì sẽ mở đầu rất thuận lợi. Do đó, Trương Phi đã chọn dùng sách lược thu phục nghiêm Nhan, khiến cho Nghiêm Nhan thành tâm quy thuận để có lợi cho mình. Còn đối với Nghiêm Nhan không những không bị giết mà còn được đối đãi tử tế.

Nguyên lý của sách lược: Trương Phi đã thu phục thành công Nghiêm Nhan, khiến cho người đối địch với mình trên mặt trận trở thành bộ hạ đắc lực của mình. Sự thành công là ở chỗ Trương Phi biết lấy ơn để thu phục.

Nghiêm Nhan vẫn là một bậc hào kiệt trong quân Thục, là người vô cùng coi trọng biết ân báo ân. Tướng của bại quân tất phải chết, nhưng Trương Phi không giết Nghiêm Nhan, đó là ân. Sự anh minh của Trương Phi lúc đó được mọi nhà biết đến, nhưng ngược lại đối với Nghiêm Nhan là tướng đã về già thì cũng không bị mang tiếng viên tướng bại trận bị bắt. Lấy kim sinh thủy để thủy đó sinh mộc, đó là sự thành công của Trương Phi, đã bằng thành tâm của mình để cảm hoá Nghiêm Nhan.

### **▲ Kế hậu đãi Trương Tùng của Lưu Bị**

Lưu Chương nghe nói Trung Hán Trương Lỗ muốn cướp Xuyên Thục, nên trong lòng rất lo sợ. Mưu sĩ dưới trướng đề xuất chủ trương, nói: “Kế tốt nhất của ta hiện nay là phái người sang Ngụy, khuyên Tào Tháo xuất binh cùng ta đánh Trương Lỗ”.

Đó là kế mượn dao giết người. Lưu Trương cảm thấy bằng lòng, liền phái Trương Tùng mang vàng bạc châu báu gấm vóc sang Hứa Đô. Trương Tùng đi đến Hứa Xương thì bắt gặp Tào Tháo vừa đánh bại Mã Siêu.

Tào Tháo thấy Trương Tùng là người tướng mạo bình thường nên không thêm để ý tới. Sau mấy câu nói hai người đã đổ mặt, Tào Tháo bực tức sai người đem Trương Tùng ra đánh.

Trương Tùng thấy cầu Tào Tháo không được, bèn chuyển sang Kinh châu chuẩn bị đến Lưu Hoàng Thúc là người đang nổi danh thời đó để xin gặp.

Vừa đến cửa khẩu Kinh Châu, Trương Tùng liền được đại tướng quân Triệu Vân của Lưu Bị là người danh tiếng khắp bốn phương thời đó tiếp đãi nhiệt tình. Vừa đến quán trọ Kinh Châu, Quan Vân Trường lại đem binh mã ra đón tiếp ngoài cửa. Điều này làm cho Trương Tùng rất phấn khởi.

Khi ông vừa đến thành Kinh Châu thì Lưu Bị đã dẫn Phục Long - Gia Cát Lượng, Phượng Sồ - Bàng Thống thân chinh ra thành đón tiếp. Điều này khiến cho Trương Tùng là người vừa bị làm nhục ở Hứa Xương vô cùng kinh ngạc và cảm động.

Tiếp theo những ngày Trương Tùng ở Kinh Châu luôn được chiêu đãi, ngoài lệ thường. Liên tiếp ba ngày, ngày nào cũng thết yến, Trương Tùng như được tôn lên tận mây. Khi vừa đến Trương Tùng vốn dự định giữ thái độ lãnh đạm, nhưng vì được đối đãi tử tế nên Trương Tùng bỗng sôi nổi, nhiệt tình lên và quyết định về với Lưu Bị, dâng bản đồ Tứ Xuyên cho Lưu Bị.

### ***Phân tích kế hậu đãi Trương Tùng***

Mục đích của Lưu Bị: Muốn cướp lấy Tây Xuyên, đầu tiên phải thu phục phần tử trí thức Tây Xuyên, trong đó Trương Tùng là mũi nhọn.

Đối mặt với hiện trạng nhu cầu tâm lý của Trương Tùng: Trương Tùng vừa bị đánh ở bên Tào Tháo nên nhu cầu tôn trọng bị tổn thương nặng nề.

Sách lược thực thi: phái người nổi tiếng và nhiệt tình đi đón; tự mình đứng ra chiêu đãi để thu phục nhân tâm.

Nguyên lý của sách lược: qua mâu thuẫn giữa Trương Tùng và Tào Tháo nhìn thấy được tính cách kiên cường của Trương Tùng, là người ham mềm không thích cứng. Tào Tháo lên mặt nâng cao mình làm cho Trương Tùng không muốn quy phục Tào Tháo. Nếu anh càng nêu cao giá mình thì Trương Tùng cũng sẽ tăng giá không chịu theo. Ngược lại nếu anh kính trọng ông ta một thước thì ông ta nâng anh lên một trượng. Anh càng tôn kính anh ta thì anh ta càng cảm kích anh. Kế của Lưu Bị đối với nhu cầu tâm lý bị làm nhục của Trương Tùng là sự bổ sung rất kịp thời. Đứng về phía người tiếp đãi mà nói đầu tiên dùng đại tướng Triệu Tử Vân ra biên giới đón tiếp, tiếp theo là cho Quan Công đón ở quán trạch, cuối cùng Lưu Bị và Gia Cát Lượng cùng những người khác ra tận chân thành nghênh đón, sự tiếp đãi đó cứ từng bước tăng thêm. Điều đó khiến cho nhu cầu tôn trọng của Trương Tùng được thỏa mãn đầy đủ. Dần dà trong Trương Tùng nảy sinh nhu cầu thành tích: về với Lưu Bị lập công dựng nghiệp. Khi Trương Tùng cáo biệt yến tiệc nói với Lưu Bị rằng: “Tôi không phải người bán chủ để cầu vinh, Nhưng nay gặp được minh Công, không dám không thổ lộ tâm can là: Lưu Quý Ngọc tuy đã có đất Ích Châu, nhưng bầm tính nhu nhược, không thể sử dụng các bậc hiền tài. Hơn nữa Trương Lỗ ở phía bắc luôn có ý xâm phạm.

Vì vậy nhân tâm ly tán, muốn tìm minh chủ. Nay mình Công nên trước tiên lấy Tây Xuyên làm căn cứ, sau đó tính đến Hán Trung, rồi thu phục Trung Nguyên, lập nên thiên triều, danh lưu sử sách, để công lại đời sau. Minh Công nếu quả thật có ý lấy Tây Xuyên thì Trương Tùng nguyện ra sức khuyến khích làm nội ứng”.

Sự tiếp đãi nhiệt tình mục đích là lấy thủy sinh mộc để bổ sung những chỗ còn chưa thỏa mãn cho nhu cầu tôn trọng của Trương Tùng. Sự chiêu đãi vượt thường lệ là muốn mộc sinh hỏa, mộc càng nhiều thì hỏa càng vượng.

Giáng nhân thuật tức là đúng lúc người khác cần thiết nhất thì kịp thời đưa lại cho họ cái đang cần, khiến cho họ sau khi được thỏa mãn sẽ sẵn lòng báo trả.

### ▲ Kế vố về an dân của Cung Toại

Thời Tây Hán Tuyên Đế vùng Bột Hải bị thiên tai liên miên, lương thực thiếu thốn, giặc cướp nổi lên như ong.

Để ổn định an dân vùng Bột Hải, Hán Tuyên Đế bèn mời các đại thần cử ra một vị có tài cai trị để làm Thái thú Bột Hải. Kết quả Cung Toại đã hơn 70 tuổi vẫn được mọi người tiến cử.

Tuyên Đế thấy Cung Toại người nhỏ thấp, tướng mạo tầm thường, hơn nữa tuổi đã cao nên hơi thất vọng. Tuyên Đế hỏi Cung Toại: “Nhà ngươi định dùng kế sách gì để cai trị Bột Hải”?

Cung Toại trả lời: “Bột Hải xa triều đình, hiện đang gặp thiên tai nặng, cuộc sống nhân dân nhất định rất khó khăn. Hơn nữa các quan ở đó lại không thể về về dân chúng, vì vậy mà sinh ra trộm cướp. Xin hỏi Bệ hạ phải tôi đến đó muốn tôi chiến thắng những người dân đói khát hay muốn tôi đến để ổn định an dân”.

Tuyên Đế cảm thấy lời nói của Cung Toại rất tinh túy, bèn chuyển lo thành mừng, nói: “Ta tuyển dụng hiền tài chính là để đến vố về trăm họ vùng đó”,

Cung Toại nói: “Vậy xin ngài cho phép tôi đến đó hãy tùy cơ hành sự”. Được Tuyên Đế chấp thuận, hôm sau Cung Toại lên đường.

Quan lại vùng Bột Hải nghe nói Thái thú mới đã đến nhậm chức liền cử binh sĩ ra đón tiếp. Cung Toại xua những đội quân này về. Sau đó lại gửi công bố đi các huyện trong vùng, bãi chức tất cả những viên quan trước đây phụ trách việc bắt giam bọn cướp. Đồng thời công bố những người cầm cày cuộc làm ruộng đều là lương dân, các quan lại không được quấy nhiễu họ.

Bách tính trong vùng sau khi nghe thể cảm thấy vô cùng được an ủi. Những người đã từng tham gia trộm cướp cũng lục tục bỏ về để tiếp tục làm ruộng.

Mấy ngày sau vùng Bột Hải dân sự ổn định dần.

### ***Phân tích kế võ về an dân***

Mục đích của Cung Toại: võ về an dân vùng Bột Hải, khiến cho vùng đó được ổn định.

Đối mặt với hiện trạng nhu cầu tâm lý của trăm họ vùng Bột Hải: nhân dân vì gặp thiên tai liên miên, đời sống không bảo đảm, do đó nổi lên làm phản.

Sách lược thực thi: dùng chính sách khoan dung, chọn phương pháp võ về an dân, thả những người nổi dậy bị bắt để cho nhân dân yên tâm làm ruộng.

Nguyên lý sách lược: vì nhu cầu sinh hoạt không được thỏa mãn, cuộc sống không thể tiếp tục cho nên nhu cầu an toàn cũng theo đó mà gia tăng. Vì vậy Cung Toại vừa mới đầu đã đề ra hai tư tưởng chỉ đạo: một là trấn áp những tên quan sách nhiễu nhân dân; hai là võ về an dân. Cái trước lấy nhu cầu an toàn làm chủ, dùng quyền lực để giải quyết. Cái sau là chú ý đến nhu cầu đời sống, chọn dùng phương pháp an dân. Sau khi tư tưởng chủ đạo đã xác định, liền thực thi một loạt sách lược, trong đó lấy kế an dân làm chủ, xác lập lý tưởng lớn nhất và sự ủng hộ của mọi người, để cho họ yên tâm làm ruộng.

Ông xua đuổi đội quân đến đón mình là để cho mọi người hiểu được Thái thú đến đây không phải để trấn áp nhân dân. Ông phát đi công bố về việc thả những người đã làm phản để chứng tỏ sự thông cảm với nhân dân đang gặp hoàn cảnh khó khăn và lấy đó làm sự hối cải của quan phủ đối với dân, động thái không cho phép bọn quan lại quấy nhiễu nhân dân, khích lệ nhân dân yên tâm làm ruộng. Đó là những biện pháp cần bản để bảo đảm sự

ổn định. Không giải quyết vấn đề ăn thì mâu thuẫn sẽ vẫn tồn tại như cũ.

Phương pháp làm của Cung Toại theo nguyên lý ngũ hành là phù hợp với nguyên tắc “tiêu giảm xì hơi “: Kim mạnh gặp thủy thì bị thủy dũa cùn, thổ mạnh được kim thì thổ không bị ùn đọng.

Sách lược mà ông chọn trước hết là dùng thủy làm yếu kim, sau khi kim vừa đủ thì dùng kim làm yếu thổ. Giáng nhân thuật này hoàn toàn có thể chọn làm sách lược để chủ động điều tiết. Vừa mới đến đã bắt tay giải quyết vấn đề chính, tức là giải quyết mối quan hệ giữa nhu cầu đời sống và nhu cầu tâm lý. Thổ và kim là quan hệ mẹ con, giải quyết tốt một cái trong đó thì cái khác cũng sẽ được giải quyết.

Việc nổi dậy của trăm họ thực chất là sự đối kháng đối với bọn quan lại không quan tâm đến hoàn cảnh đời sống khó khăn của dân. Họ hi vọng các quan lại hiểu được cuộc sống khó khăn của họ và giải quyết giúp họ. Đó thuộc loại nhu cầu giao tiếp, chẳng qua về hình thức hơi mãnh liệt mà thôi. Cung Toại vì thế mà bắt tay vào lấy thủy giảm yếu kim, sau khi kim được thỏa mãn lại dùng kim làm giảm yếu thổ. Cuối cùng đạt đến sự cân bằng giữa kim và thổ.

### ▲ Kế làm cho cha cảm phục của Tào Duệ

Tào Phi từ bé đã theo phụ vương Tào Tháo đến bình định vùng Hà Bắc. Từ đó Tào Phi đã lấy Ngôã thị là vợ của Viên Hi làm thiếp. Sau khi Tào Phi lên Hoàng đế thì lập Ngôã thị làm Hoàng hậu.

Ngôã thị sinh được một con trai tên gọi là Tào Duệ.

Về sau Tào Phi lại nuông chiều Quách quý phi, kết quả giết Ngôã thị, lập Quách thị làm Hoàng hậu. Quách thị không có con nên lấy Tào Duệ làm con nuôi. Tào Duệ sau khi trưởng thành đã phụng dưỡng Quách hậu rất chu đáo. Vì vậy Quách hậu rất thích Tào Duệ.

Nhưng Tào Phi không lập tự cho Tào Duệ vì sợ Tào Duệ còn oán hận về việc giết mẹ.

Một hôm Tào Phi đưa Tào Duệ đi săn. Họ gặp hai con hươu là hươu mẹ và hươu con. Tào Phi ban một mũi tên chết ngay hươu mẹ. Hươu con kinh sợ chạy loạn lên. Tào Phi liền lệnh cho Tào Duệ đuổi bắn hươu con. Tào Duệ khóc mà thưa rằng: “Phụ vương đã bắn chết hươu mẹ. Con không nỡ

lòng nào bắn chết hươu con đã mất mẹ”.

Tào Phi vừa nghe thấy thì lập tức bỏ mũi tên xuống và cảm phục nói với con: “Con quả thật là người nhân nghĩa. Thiên hạ sau này sẽ có ông vua tốt”.

Do đó Tào Phi đã quyết định lập tự cho Tào Duệ.

Về sau Tào Duệ kế vị ngôi vua của cha, ông chính là Ngụy minh đế.

### ***Phân tích kế cảm phục lòng cha***

Mục đích của Tào Duệ: khiến cho cha tín nhiệm mình, nhất là muốn đánh tan nỗi nghi ngờ của Tào Phi về lòng oán hận của mình vì mẹ bị giết.

Đối mặt với hiện trạng nhu cầu tâm lý của Tào Phi: Tào Phi đối với việc giết Ngôã thị, lập Quách thị làm Hoàng hậu cảm thấy hối hận, sợ Tào Duệ sau khi lớn lên sẽ oán hận mình. Đó là kết quả nhu cầu an toàn chưa được thỏa mãn.

Sách lược thực thi: Tào Duệ phụng dưỡng Quách thị chu đáo, cẩn thận là để cho Tào Phi và Quách hậu biết và tin rằng Tào Duệ không oán hận họ.

Nguyên lý sách lược: đối mặt với nhu cầu an toàn của phụ vương và Quách thị chưa được thỏa mãn, Tào Duệ cố sức khiến cho họ tiêu tan nỗi nghi ngờ về mình. Đó là cách chọn lựa sáng suốt của Tào Duệ.

Cho dù là nhu cầu của con người được thỏa mãn quá nhiều hay quá ít, đó đều là những trạng thái thực. Theo nguyên lý ngũ hành: “Thực thì tả con của nó”, Kim sinh thủy, thủy là con của kim, cho nên bắt đầu từ thủy dần dần sẽ cảm hoá được phụ vương và kẻ mẫu.

Sự phụng dưỡng Quách hậu chu đáo là hành động xuất phát từ nhu cầu giao tiếp, rất có hiệu quả. Sự kiện đi sẵn là dịp giao tiếp tốt nhất để biểu hiện mình không còn oán hận nữa.

Qua câu chuyện trên đây ta có thể thấy những sách lược mà giáng nhân thuật chọn dùng đều lấy mục đích làm đối phương hối ngộ lại.

### **▲ Kế thành tâm cảm kích của Quách Tử Nghĩa**

Cuối đời nhà Đường thế lực cát cứ các địa phương vô cùng đông

cuồng. Chỉ có Phân Dương Vương Quách Tử Nghĩa đối với triều đình là còn một lòng chung thủy. Vì vậy Quách Tử Nghĩa nhiều lần được mời về kinh.

Có một lần Quách Tử Nghĩa nhập triều được Ngự Triều Ân mời Quách Tử Nghĩa đi du lãm các chùa.

Nguyên Tái sợ hai người nhân dịp này cấu kết với nhau sẽ bất lợi cho mình, vì vậy ngầm cử người đến báo với Quách Tử Nghĩa rằng: “Ngự Triều Ân mưu làm hại ngài, vì vậy ngài không nên đi du lãm”.

Quách Tử Nghĩa không tin lời nói đó.

Trước khi đi chơi, ba trăm tên binh sĩ thủ hạ của Quách Tử Nghĩa đã võ trang đầy đủ chuẩn bị đi theo bảo vệ Quách Tử Nghĩa đến các chùa. Nhưng Quách Tử Nghĩa liền nói với đám binh sĩ rằng: “Ta là đại thần của quốc gia, nếu không có mệnh lệnh của Thiên tử thì Triều Ân sẽ không dám hại ta. Nếu Ngự Triều Ân phụng mệnh Thiên tử mà đến thì dù có các anh cũng không thể can nổi”. Tiếp theo Quách Tử Nghĩa liền ra lệnh giải tán binh sĩ cho về, tự mình chỉ mang theo mấy người nhà ra đi.

Ngự Triều Ân nghe thấy thế thì vô cùng kinh ngạc, liền hỏi Quách Tử Nghĩa duyên cớ câu chuyện ra sao. Quách Tử Nghĩa bèn kể lại những điều được ngầm báo.

Ngự Triều Ân nghe xong cảm động đến rơi nước mắt và nói: “Nếu ngài không phải là bậc trượng phu trung hậu thế này thì người ngoài không thể không nghi ngờ tôi”.

Rất nhiều người nghe qua câu chuyện này đều vô cùng khâm phục Quách Tử Nghĩa.

### ***Giải thích kể thành tâm cảm kích***

Mục đích của Quách Tử Nghĩa: làm cho Ngự Triều Ân tin tưởng mình, vứt bỏ những mưu đồ đã tính toán.

Đối mặt với nhu cầu tâm lý của Ngự Triều Ân: Quách Tử Nghĩa vào triều đối với một số đại thần trong triều đều mang mâu thuẫn có tính đối mặt với nhau và tính mạo hiểm. Ngự Triều Ân mời Quách Tử Nghĩa, có thể nằm ngoài mâu thuẫn đó. Đó là biểu hiện sự thiếu sót về nhu cầu an toàn của Ngự Triều Ân.



Sách lược thực thi: tranh thủ sự hiểu biết và tín nhiệm của đối phương.

Nguyên lý sách lược: đối mặt với: nếu Ngự Triều Ân chưa tin cậy mình, do đó phải bảo đảm cho nhu cầu an toàn, nên Quách Tử Nghĩa đã chọn nguyên tắc làm giảm nỗi lo sợ đó. Thủy là con của kim, dùng nhu cầu giao tiếp để khiến cho đối phương tin tưởng mình. Kết quả sự hiểu nhầm được giải trừ.

Giáng nhân thuật trong giao tiếp có rất nhiều công dụng. Nó có thể làm tiêu tan nỗi nghi ngờ của người khác đối với mình, nếu không hiểu nhau thì có thể làm cho người khác hiểu và ủng hộ mình.

Khi thực thi sách lược này cần phải có sự tìm hiểu nhu cầu tâm lý của đối phương. Rất nhiều sự hiểu nhầm và từ chối hòa hợp thường do tâm lý lo sợ của đối phương mà sinh ra, tức đối phương sợ anh cướp mất một cái gì đó trong tay họ. Vì vậy trước hết mình phải làm cho đối phương hiểu mình không phải như đối phương nghĩ, hoặc đối phương đã được nghe nói về mình.

Qua giao tiếp, mà làm giảm sự cường thịnh của kim. Đó là phương pháp có hiệu quả để giải quyết sự hiểu nhầm và đánh tan sự cách biệt.

Đương nhiên khi giao tiếp phải lấy sự thành tâm tiếp đãi, nếu không thì đối phương sẽ cho rằng anh là người thâm hiểm.

### ▲ Kế docks túi của Lã Bất Vi

Lã Bất Vi từ nhỏ đã đi buôn, là bậc hào phú nổi tiếng ở vùng Dương Trác.

Có một lần ông gặp một thanh niên, người đó có tướng mạo, lời nói và cử chỉ phi phàm, có thể gọi là dị nhân, nhất định sau này sẽ là một người nổi tiếng. Sau khi dò hỏi ông mới biết rằng người này là con cháu của Tần Chiêu Tương vương, hiện đang đi sang nước Triệu làm con tin.

Lã Bất Vi chủ động kết bạn với dị nhân đó, và docks túi giúp đỡ anh ta, còn du thuyết với phu nhân Hoá Dương của nước Tần chuẩn bị cho anh ta sau này về nước kế thừa ngôi vua.

Sau khi sự việc đã tương đối rõ, Lã Bất Vi lại đem ái thiếp của mình là Triệu Cơ hiến cho dị nhân làm vợ. Dị nhân vô cùng cảm động về Lã Bất Vi,

thề sau này nhất định không quên báo đáp.

Ít lâu sau dì nhân về nước Tần kế thừa ngôi vua, đó là vua Tần Trang Tương. Còn Lã Bất Vi thì được làm Thừa tướng của Tần quốc.

### ***Phân tích kế đốc tui***

Mục đích của Lã Bất Vi: kết giao với dì nhân và dọn sẵn đường đi cho tiền đồ chính trị của anh ta để từ trong đó mình sẽ được lợi quan cao lộc hậu sau này.

Đối mặt với hiện trạng nhu cầu tâm lý của dì nhân: muốn thành sự nghiệp lớn, nhưng lại mâu thuẫn với tình trạng hiện nay đang phải làm con tin.

Sách lược thực thi: chi phí tất cả tiền tài đã dành dụm được của mình để mở đường chính trị cho dì nhân, khiến cho người đó từng bước trở thành quân vương.

Nguyên lý sách lược: Dì nhân muốn kế ngôi vua, nhưng không có cách gì thực hiện được, nhất là trong tình cảnh hiện nay đang là con tin. Nếu lúc này có ai đó không chán ghét anh ta, còn ra sức giúp đỡ anh ta thừa kế được ngôi vua thì nhất định đời anh ta không quên và hết lòng báo đáp.

Lã Bất Vi chính là người đã xuất hiện trong trường hợp đó. Ông xem dì nhân là “món hàng kỳ lạ” nên chiếm lấy, vì vậy Lã Bất Vi muốn làm một việc lớn, lấy dì nhân làm vốn và bậc thang để đạt được mục đích của mình. Toàn bộ tiền tài của ông có trong tay đều đặt cọc vào dì nhân đó.

Lã Bất Vi đã cố gắng làm cho dì nhân ba việc: thứ nhất là kết bạn với anh ta, đem lại cho anh ta sự thỏa mãn về nhu cầu tôn trọng. Thứ hai là đốc hết túi tiền của mình vào việc dọn sẵn con đường tiền đồ chính trị cho anh ta, thứ ba là hiến cho anh ta ái thiếp của mình.

Cả ba việc này đều lấy thủy sinh mộc để mộc sinh hỏa, hỏa lại sinh thổ, đó là một vòng tròn liên hoàn. Bước này bước tiếp bước khác nên được dì nhân chân thành cảm kích và quyết tâm sẽ báo đáp.

Giáng nhân thuật của Lã Bất Vi là ví dụ điển hình về làm lợi để biết ơn. Cho lợi để người khác biết ơn, nếu chân thành thì sự báo đáp sau này sẽ càng lớn. Ở đây sự việc hơi có màu sắc của sự buôn bán.

Sống trong xã hội loài người lấy cơ sở kinh tế để quyết định tất cả như ngày nay, nếu nói đến chính trị, sự nghiệp, quan hệ con người mà thoát ly lợi ích thì đó là cách nghĩ rất ngây thơ.

Trong giảng nhân thuật, muốn áp dụng kế đó thì phải cho lợi để lấy ân. Điều này không có nghĩa là cổ vũ đồng tiền trên hết, mà là lấy đồng tiền làm thủ đoạn, làm công cụ.

### **▲ Kế an lòng của Tần Doanh Chính**

Nước Sở luôn luôn là kẻ địch nguy hiểm của nước Tần. Để chinh phục nước Sở, Tần Vương đã phát động 60 vạn đại quân chuẩn bị sang đánh nước Sở.

Tần vương dùng lão tướng Vương Tiễn là người luôn bị mọi người coi thường làm thống soái.

Trước khi đi Vương Tiễn thỉnh cầu Tần vương: Xin nhà vua cấp cho ông những ruộng vườn tốt quanh vùng Lạc Dương. Tần vương đáp ứng lời thỉnh cầu đó, bởi vì vua cho rằng đó là biện pháp tốt nhất để khiến Vương Tiễn hết lòng, hết sức đánh giặc.

Vương Tiễn thống lĩnh đại quân đến cửa ải Hàm Cốc, lại phái sứ giả đến Tần vương xin cấp cho vườn tược nhà cửa. Tần vương hiểu rõ dụng ý của Vương Tiễn. Vương Tiễn định xin những thứ này để thử xem vua có tin cậy mình không. Nên vua lại đáp ứng tất cả.

Nguyên là Vương Tiễn cho rằng, Tần vương là người chuyên quyền đa nghi. Vua giao cho mình chỉ huy 60 vạn đại quân thì cũng chẳng khác gì giao cả quốc gia cho mình. Để tránh được sự nghi ngờ của Tần Vương đối với mình, nên Vương Tiễn dùng phương pháp xin ruộng vườn, nhà cửa để lập cơ nghiệp cho con cháu mai sau. Điều đó biểu thị rõ ràng Vương Tiễn không phải là người hai lòng, mà là quyết tâm sau khi đánh thắng thì trở về an hưởng tuổi già.

Sau khi Vương Tiễn thấy Tần vương đáp ứng tất cả thì yên lòng thống lĩnh đại quân sang đánh Sở.

### ***Phân tích kế an lòng***

Mục đích của Tần Vương: khiến cho Vương Tiễn tin mình, yên tâm hết

lòng đi đánh giặc.

Đối mặt với nhu cầu tâm lý của Vương Tiễn: Vương Tiễn cho rằng Tần vương là người chuyên quyền, đa nghi, sợ có người nói xấu phía sau nên không lợi cho mình.

Sách lược thực thi: thỏa mãn sự thỉnh cầu của Vương Tiễn để ông yên tâm đánh giặc.

Nguyên lý sách lược: Vương Tiễn hai lần xin ruộng vườn, nhà cửa chứng tỏ ông lo lắng Tần vương nghe những lời gièm pha khiến cho mình bị đánh giá thấp. Vì Vương Tiễn đã từng ném mùi cay đắng của sự đánh giá thấp. Tâm lý này là sự thể hiện nhu cầu tôn trọng chưa được bảo đảm.

Tướng quân trong tác chiến nếu có mối lo từ phía sau thì vô cùng nguy hiểm, nhất đây lại là cuộc chiến tranh quy mô rất lớn. Tần vương rất hiểu mối quan hệ lợi hại trong việc này, cho nên đã không chần chừ thỏa mãn tất cả những thỉnh cầu của Vương Tiễn.

Theo lời thỉnh cầu của Vương Tiễn mà nói thì đó là những vấn đề thuộc về nhu cầu đời sống, song nó lại chứng tỏ còn có một nhu cầu khác ở phía sau nhu cầu đời sống. Người ta thường vẫn dùng mục đích và nhu cầu của mình dưới dạng một mục đích và một nhu cầu khác để che giấu. Với tư cách là một nhà chính trị, cần phải có năng lực phân biệt những hiện tượng bề mặt như thế.

Từ nguyên lý ngũ hành mà giải thích, mỗi hành đều phát sinh mối liên hệ với mấy hành khác. Ví dụ mộc sinh hỏa, do đó khi hỏa thiếu, người cần nó sẽ nảy sinh một động cơ nào đó, dùng động cơ đó để che đậy cái mình còn thiếu, nên đem lòng mong muốn được mộc để nói với người khác. Cách làm như thế có người có thể xuất phát từ nhu cầu lòng tự trọng, nhưng cũng có người có thể xuất phát từ một mục đích nào đó không tiện nói ra, thậm chí còn có người lại xuất phát từ một nhu cầu quyền mưu nào đó.

Vương Tiễn thuộc loại người thứ ba. Ông muốn thăm dò mức độ Tần vương tin cậy mình nên lấy thổ để che lấp kim đang thiếu. Đối với cấp trên sự ăn ý này là tất yếu.

Tần vương cấp cho ông “thổ” đúng như lời thỉnh cầu, mục đích là để lấy thổ sinh kim. Sự thắng lợi sau này chứng tỏ sự anh minh của Tần vương. Vương Tiễn đã đem nước Sở về báo đáp cho Tần vương.

## ▲ Kế rút binh quyền của Tống Thái Tổ

Sau khi Tống Thái Tổ Triệu Khuông Dẫn lấy được thiên hạ, Triệu Phổ mấy lần kiến nghị với Tống Thái Tổ rằng: “Ngày nay đại nghiệp đã dựng xong, nhưng Thạch Bảo Tín và những người khác còn cai quản đội cấm binh của Hoàng đế. Vì vậy Hoàng đế nên lấy lời giáo huấn của Hàn Tín và Bành Việt làm những điều nghiêm cấm”.

Triệu Khuông Dẫn nói: “Họ đều là bộ hạ cũ của ta, họ sẽ không phản lại ta đâu”. Triệu Phổ lại nói: “Thần không lo họ phản lại Hoàng đế, mà chỉ lo họ không chế ngự được những người dưới quyền. Vạn nhất có một lúc nào đó vì họ không chú ý, trong quân đội có người làm loạn cho nên sợ dẫn đến hậu quả khôn lường”.

Triệu Khuông Dẫn cuối cùng hiểu rõ lời của Triệu Phổ vì cảm thấy rất có lý.

Qua mấy ngày sau, Triệu Khuông Dẫn nhân dịp tan triều liền mời Thạch Bảo Tín và một số người khác lưu lại uống rượu.

Khi tiệc rượu đang vui nhất thì Tống Thái Tổ bảo những người phục vụ hãy lui khỏi tiệc, rồi bắt đầu nói những lời từ đáy lòng với các thuộc hạ cũ. Triệu Khuông Dẫn nói: “Ta nếu không được các chư vị đồng tâm giúp sức thì không thể có ngày nay. Nhưng tuy thân làm Thiên tử, ta vẫn có những nỗi lo, thậm chí còn không thoải mái bằng một Tiết độ sứ. Ta hầu như không có đêm nào dám gối cao đầu mà ngủ”.

Thạch Bảo Tín và những người khác vẫn chưa hiểu ý Hoàng đế nói gì, nên đều chú ý lắng nghe. Hoàng đế nói tiếp: “Điều này thật là khó nói. Ngai vàng của Hoàng đế ai mà không mơ tưởng đến Thạch Bảo Tín nghe xong liền giật thót mình, vội vàng cúi đầu nói: “Bệ hạ sao lại nói thế? Ngày nay thiên mệnh đã định, còn ai dám có ý khác với Hoàng đế?”

Triệu Khuông Dẫn nói: “Chư vị ngồi đây đương nhiên là không có. Nhưng bộ hạ của các người luôn muốn được giàu sang phú quý. Một khi có người khoác hoàng bào lên các người thì tuy rằng các người không chủ ý, nhưng lúc đó việc không do các người định đoạt được

Thạch Bảo Tín và những người khác nghe xong đều đã rõ. Năm xưa chính là họ đã khoác hoàng bào lên Triệu Khuông Dẫn. Ngày nay Triệu Khuông Dẫn sợ họ cũng được thủ hạ khoác hoàng bào lên. Sau khi rõ được

ý này thì Thạch Bảo Tín và những người khác vô cùng hoảng sợ, rồi lệ nói: “Chúng thần đều là những người thô thiển, chỉ mong Hoàng đế thương, chỉ cho chúng thần con đường sống”.

Triệu Khuông Dẫn nói: “Người ta sống trên đời ngắn ngủi như bóng câu qua cửa. Mọi người sở dĩ ham thích phú quý chẳng qua là muốn tích lũy vàng bạc, châu báu nhiều hơn để tận hưởng lúc già, đồng thời giữ lại cho con cháu đời sau để cuộc sống đỡ vất vả. Các người vì sao không giao lại binh quyền cho ta, ra nơi biên cương trấn ải chọn ruộng tốt nhà đẹp mà dùng, chuẩn bị sản nghiệp để mình và con cháu đời sau tha hồ hưởng lạc, hàng ngày mở tiệc tùng ca múa, thâu đêm uống rượu, vui chơi thỏa thuê để tận hưởng tuổi già. Ta có duyên tốt với các người và sẽ bảo đảm cho các người những điều kiện đó. Nếu được như thế thì giữa quân thần sẽ không nghi ngờ nhau, trên dưới yên ổn có phải là tốt hơn không”? Thạch Bảo Tín và những người khác hiểu được ý của Hoàng đế nên liền bái tạ nói: “Bệ hạ đã vì chúng thần mà suy nghĩ sắp đặt rất chu đáo”. Ngày hôm sau những người này đều thôi thác có bệnh và thỉnh cầu bãi miễn binh quyền của họ.

Ít lâu sau những người này được nhậm chức làm Tiết độ sứ ở các đạo và rời kinh đi nhậm chức. Đó là câu chuyện “Mượn chén rượu để rút binh quyền” nổi tiếng trong lịch sử.

### ***Phân tích kế rút binh quyền***

Mục đích của Triệu Khuông Dẫn: bảo đảm chắc chắn sự thống trị của mình, không để cho các đại tướng có công sau này đoạt mất quyền lực.

Đối mặt với hiện trạng nhu cầu tâm lý của các bậc công thần và đại tướng: những người này đều muốn được phú quý, vì con cháu mình mà đặt nền tảng cho mai sau.

Sách lược thực thi: Làm yếu quyền lực hiện có của họ, sắp xếp họ đi trấn thủ ở biên cương, hơn nữa khiến cho họ vui lòng tiếp thu sự sắp đặt đó.

Nguyên lý sách lược: Thạch Bảo Tín và những người khác hồi đó vì để giành được phú quý mà đem hoàng bào khoác lên Triệu Khuông Dẫn. Sau khi lấy được thiên hạ, những người này đã được quan cao lộc hậu. Tuy vậy sự mong muốn của họ chưa phải là đã hết.

Không Tử nói: “Có sự nghiệp thì có phú quý”. Những người này đã được phú quý nhưng chưa thỏa mãn. Đó chính là sự thể hiện nhu cầu thành

tích rất mạnh.

Lúc này rút binh quyền của họ tất nhiên sẽ dẫn đến sự bất mãn to lớn, vì họ cho rằng Triệu Khuông Dã là người vong ân phụ nghĩa. Cho nên Triệu Khuông Dã phải chọn phương thức để cho họ vui lòng tiếp thu.

Triệu Khuông Dã đã chọn sách lược: “thực thi tả con của nó”. Thỏa mãn cho họ ở mức ưu đãi nhu cầu sinh lý cao nhất. Ví dụ như cấp cho họ ruộng tốt, nhà đẹp, ca hát, vũ nữ, đêm ngày tiệc tùng, v.v... lấy đó để làm giảm nhu cầu thành tích của họ đang rất mạnh.

“Tả” nhưng không phải là “tả hết”. Tả hết sẽ làm cho vật đến cùng cực thì quay lại. Cho nên phải bảo lưu một chức quan nhất định cho họ, là chức Tiết độ sứ. Như vậy thì sẽ điều chỉnh được “hỏa của nhu cầu thành tích của họ, khiến cho nó đạt đến trạng thái cân bằng mới.

### **▲ Kế tử tiết của Văn Thiên Tường**

Trong cuộc tác chiến với quân Nguyên, Thừa tướng Văn Thiên Tường của nhà Tống bị đại tướng quân Nguyên là Trương Hùng Phạm bắt được. Đại tướng Lưu Tử Tuấn là thủ hạ của Văn Thiên Tường cũng bị bắt sống. Lưu Tử Tuấn tự xưng mình là Văn Thiên Tường, mục đích là muốn chết thay cho Văn Thiên Tường.

Đợi đến lúc Văn Thiên Tường bị đưa đến cũng tự xưng mình là Văn Thiên Tường. Hai người tranh luận mãi không thôi, cuối cùng quân Nguyên nhận ra Văn Thiên Tường thật, nên liền giết Lưu Tử Tuấn.

Trương Hùng Phạm tự tay cởi trói cho Văn Thiên Tường, rồi mở tiệc chiêu đãi như thượng khách. Văn Thiên Tường một mực từ chối và thỉnh cầu Trương Hùng Phạm giết ông.

Trương Hùng Phạm không đồng ý, đồng thời sai thả tất cả những người trong gia tộc của Văn Thiên Tường bị bắt, mong lấy đó để cảm hoá Văn Thiên Tường.

Trương Hùng Phạm một lần trong bữa tiệc mừng công, khuyến dụ Văn Thiên Tường nói: “Quốc gia đã mất, Thừa tướng vẫn tận trung tận hiếu. Nếu ngài thay đổi tâm chí để phục vụ nhà Nguyên thì ngài vẫn là tể tướng như cũ”.

Văn Thiên Tường rơi lệ nói: “Nước mất mà không cứu được thì bây tôi được chết là còn may. Tôi làm sao dám từ nan cái chết, thay đổi lòng trung thành ban đầu được

Trương Hùng Phạm biết không thể khuyên hàng được, đành giải Văn Thiên Tường về Bắc kinh.

Thừa tướng Bặc La của quân Nguyên gặp Văn Thiên Tường trong Cơ mật viện. Ông muốn Văn Thiên Tường cúi lạy, nhưng Văn Thiên Tường vẫn đứng không quỳ. Cuối cùng Bặc La nổi xung và hạ lệnh giết Văn Thiên Tường.

Nguyên Thế Tổ và một số đại thần không đồng ý. Trương Hùng Phạm tuy đang bị bệnh nhưng cũng dưng biểu nói: “Văn Thiên Tường trung thành với quân chủ của mình, vì vậy xin Nguyên chủ mở đường sống cho ông”.

Mùa đông năm đó có một thầy tăng đến nói: “Hiện nay thổ tinh phạm đế toạ. Lại có một người điên ở Trung Sơn tự xưng là Tổng chủ, mở lời muốn giải cứu cho Thừa tướng đại Tổng”.

Văn Thiên Tường trong ngục viết một bài thơ trong đó có hai câu cuối cùng là:

*“Tự cô nhân sinh thùy vô tử.  
Lưu thủ đan tám chiếu hãn thanh”*

để chứng tỏ khí tiết thà chết không khuất phục của mình.

Tạm dịch là:

*“Trên đời xưa nay ai không chết?  
Quý Li để lại tám lòng son”.*

Nguyên Thế Tổ cuối cùng đành cho người đem Văn Thiên Tường ra chợ chém đầu.

Trước khi chết, Văn Thiên Tường nói: “Sự nghiệp của tôi đến đây kết thúc”. Mặt hướng về nhà Tống phương nam rồi lạy mà chết. Năm đó ông mới 47 tuổi.

Sau khi Văn Thiên Tường chết người ta tìm thấy trong đai áo của ông có một bức tuyệt mệnh thư, trong đó viết rằng: “Khổng Tử nói “thành nhân”, Mạnh Tử nói phải “lấy nghĩa”. Chỉ có “tận nghĩa” mới có thể “chí nhân”.



Độc sách thánh hiền xưa nên học cái gì? Từ nay về sau tôi không thấy hổ thẹn với lòng mình nữa”! Những người vây quanh đó đều rơi nước mắt.

### ***Phân tích kế tử tiết***

Mục đích của Văn Thiên Tường: thà chết chứ không chịu khuất phục quân Nguyên, biểu hiện khí tiết của đại Tổng.

Đối mặt với hiện trạng nhu cầu tâm lý của quân Nguyên: Người Nguyên muốn mua chuộc ông làm Thừa tướng của mình để quản lý người Hán. Đó là điều vượt ra ngoài nhu cầu thành tích.

Sách lược thực thi: một mục cầu chết không chịu khuất phục để người Nguyên học bài học khí tiết của người Hán triều Đại Tổng.

Nguyên lý sách lược: Văn Thiên Tường là người bị bắt đã mất khả năng đấu tranh với quân Nguyên. Ông chỉ có một con đường chết, nhưng phải chết thế nào cho oanh liệt để người Nguyên biết được ông là trung thần của triều Tống. Đất đai nhà Tống phải dựa vào những người như ông để thu phục lại, vì vậy ông phải biểu hiện được khí tiết không thể bị lừa, không bị làm nhục của dân tộc Hán.

Văn Thiên Tường đã chọn “nghĩa” để làm vũ khí trong trận chiến đấu cuối cùng giữa mình với quân Nguyên, Đây là cuộc chiến đấu về tinh thần. Từ trên tinh thần mà chiến thắng quân Nguyên để khắc chế nhu cầu thành tích của họ, tức là lấy cường mẽ làm yếu kim.

### **▲ Kế chứng tỏ thể diện của Triệu Khuông Dẫn**

Ở thời Ngũ đại, quốc vương Nam Đường lấy năm vạn lạng bạc để tặng cho Triệu Phổ là Tế tướng nhà Tống hồi đó. Triệu Phổ không dám nhận, bèn trình cáo thực tình lên Tống Thái tổ Triệu Khuông Dẫn.

Tống Thái Tổ nói: “Số bạc này không thể nhận. Chỉ cần họ viết một bức thư đáp tạ là được”.

Triệu Phổ không đồng ý.

Tống Thái Tổ lại nói: “Nước lớn có quốc thể của nước lớn. Không nên để cho các nước nhỏ đánh giá chúng ta”.

Về sau Triệu Khuông Dẫn sai người đóng gói năm vạn lạng bạc bảo đưa cho sứ giả Nam Đường mang về nước.

Quần thần Nam Đường sau khi biết được thì vô cùng kính phục sự rộng lượng, hào phóng của Triệu Khuông Dẫn.

### ***Phân tích kế chứng tỏ thể diện***

Mục đích của Triệu Khuông Dẫn: để cho nhà Đường và những nước nhỏ khác biết được sự độ lượng, hào phóng của mình.

Đối mặt với nhu cầu tâm lý của người Đường: Muốn để về sau tất phải biểu tiền bạc. Có thể hiểu đây là một yêu cầu không chính đáng của nhu cầu giao tiếp.

Sách lược thực thi: vẫn tiếp nhận số bạc trắng đó, nhưng về sau lại lấy bạc trắng của nhà nước để trả cho Nam Đường. Lấy đó để biểu hiện mối quan hệ quân thần của nhà Tống.

Nguyên lý sách lược: Nam Đường dùng một số bạc lớn để hối lộ Triệu Phổ. Hi vọng Triệu Phổ sau khi nhận tiền có thể làm những việc có ích cho nhà Đường.

Triệu Khuông Dẫn để cho Triệu Phổ thu năm vạn lạng bạc đó là muốn chứng tỏ Triệu Phổ đáng được số bạc đó để nâng cao giá trị Triệu Phổ. Đồng thời cũng chứng tỏ sự tín nhiệm và tôn trọng của mình đối với Triệu Phổ. Đó là kế lấy thủy sinh mộc.

Ngoài ra lại còn lấy năm vạn lạng bạc của nhà nước để trả lại nhà Đường, tức là lấy thổ đánh lui thủy, để cho nhà Đường thấy được nhà Tống không coi trọng tiền bạc mà là coi trọng nhân tài.

Như vậy nhà Đường và Triệu Phổ đều rất khâm phục Tống Thái tổ. Tống Thái Tổ đã dùng năm vạn lạng bạc để mua sự kính phục của cả hai bên.

### **▲ Kế tự biện của Phùng Sứ Phụ**

Năm 633 trước Công nguyên nước Tấn nhận lời thỉnh cầu của nước Lỗ và nước Vệ xuất binh sang đánh nước Tề.

Tề Khoảnh Công bị quân Tấn vây chặt dưới chân núi Hoa Bất Chú.

Quân Tấn công phá rất mãnh liệt làm cho quân Tề bị đánh tan tác.

Phùng Sứ Phụ thấy tình thế nguy cấp, liền nói với Tề Khoảnh công rằng: “sự việc đã vô cùng nguy cấp, mời ngài cỡi y phục ra cho tôi mặc, còn ngài mặc y phục của tôi để mau mau trốn thoát”.

Tề Khoảnh Công bắt đắ dĩ liền làm theo lời của Phùng Sứ Phụ. Một lúc sau đại tướng quân Hàn Quyết của nước Tấn xông tới bắt được Phùng Sứ Phụ, tưởng nhầm đó là Tề Khoảnh Công. Một đại tướng khác của nước Tấn nhận ra Phùng Sứ Phụ, biết được Tề Khoảnh Công đã chạy thoát, bèn ra lệnh cho thủ hạ giết Phùng Sứ Phụ.

Phùng Sứ Phụ đồng dạc nói: “Chúng thần của nước Tề hãy lấy tôi làm gương. Là bậc bề tôi, lý đáng chết thay cho Quốc vương. Ngày nay có người lại giết chết bậc bề tôi như thế thì thử hỏi từ nay về sau nước Tề các anh có còn có ai dám hi sinh mình để bảo vệ quốc vương nhà Tề không?”

Viên đại tướng nghe thấy liền nghĩ rằng, lời của Phùng Sứ Phụ rất có lý. Ông nghĩ: “Nếu mình giết chết một bề tôi toàn tâm, toàn ý trung với Quốc vương thì thật là không lợi”. Do đó viên đại tướng sai người giam Phùng Sứ Phụ lại, tạm hoãn cho tội chết. Chờ cuộc chiến kết thúc sẽ xử lý sau.

### ***Giải thích kế tự biện***

Mục đích của Phùng Sứ Phụ: Bảo toàn sinh mệnh của mình.

Đối mặt với hiện trạng nhu cầu tâm lý của tướng lĩnh quân Tấn: tướng lĩnh phải phục tùng quân vương, trung thành với quân vương. Đó là thiên chức của tướng lĩnh, nếu không thì họ sẽ không được khen thưởng và đề bạt.

Sách lược thực thi: Tự mình biện hộ cho hành động bảo vệ Quốc vương của mình, nói rõ đạo lý của hành động này để từ đó tranh thủ sự đối xử đặc biệt.

Nguyên lý sách lược: Đồ lại là một phương pháp “tả” khác. Theo lệ thường lòng trung thành của tướng quân đối với Quốc vương là bất di bất dịch, kiên định không đổi. Yêu cầu này đã trở thành tiêu chuẩn để đánh giá một vị tướng quân. Do đó đây cũng là nội dung cấu thành nhu cầu tôn trọng

của một vị tướng.

Phùng Sứ Phụ trực tiếp đối mặt với nhu cầu tôn trọng này của tướng lĩnh quân Tề, nên nêu lên câu nói: “Chúng thần nhà Tề phải nhìn vào tôi làm gương. Là bề tôi thì phải chết thay cho Quốc vương. Nay có người lại giết người như thế thì thử hỏi từ nay về sau Nước Tề các anh có còn ai dám hi sinh mình để bảo vệ Tề vương không?”. Đó là lấy nhu cầu thành tích “bảo vệ Quốc vương” để “tả” nhu cầu tôn trọng bề tôi của nước Tề, tức là lấy hỏa con để tả mẹ.

Đại tướng của nước Tề vì để cho nhu cầu tôn trọng của mình không bị tổn hại, do đó đã tạm tha tội chết cho Phùng Sứ Phụ. Như vậy Phùng Sứ Phụ đã đạt được mục đích.

### ▲ Kế Trương Lương đập tắt làm phản

Hán Cao Tổ sau khi thống nhất thiên hạ thì bắt đầu phong công thần.

Việc phong thần được tiến hành theo từng đợt. Đợt thứ nhất phong cho Trương Lương, Túc Hạ, Tào Tham v.v... tất cả gồm hai mươi mấy người.

Lúc đó rất nhiều thống lĩnh vì tranh công mà kiện tụng kéo dài, làm cho danh sách đợt phong lần thứ hai không có cách nào lập được.

Một hôm Lưu Bang và Trương Lương đang dạo trên đường, bỗng bắt gặp các tướng lĩnh đang tụm năm, tụm ba tranh luận trên bãi cát. Lưu Bang hỏi Trương Lương: “Họ đang bàn nhau gì thế?”

Trương Lương nói: “Bệ hạ! Ngài thật không biết gì sao? Họ đang bàn mưu làm phản đấy!”

Lưu Bang vô cùng kinh ngạc, vội hỏi: “Thiên hạ đã ổn định, vì sao lại làm phản?”. Trương Lương nói: “Bệ hạ dấy quân từ áo vải, dựa vào những người này mà lấy được thiên hạ. Nay ngài phong công thần cho những người như Túc Hạ, Tào Tham là bạn cũ của ngài. Còn ngài trừng trị là những người thường ngày ngài căm ghét nhất. Cho nên họ vừa sợ không được chức quan, lại vừa lo bị giết. Vì vậy mà họ tụm lại bàn bạc, căm phẫn”.

Lưu Bang cuối cùng thấy được sự nghiêm trọng của vấn đề, lo lắng hỏi: “Vậy nhà ngươi xem làm thế nào thì tốt? Trương Lương nói: “Quân thần đều biết ai là người ngài đã từng ghét nhất”. Lưu Bang nói: “Ung Xi”,

Người này vốn có mối thù cũ với Lưu Bang, đã mấy lần làm nhục Lưu Bang. Lưu Bang luôn muốn giết ông ta nhưng vì công lao của ông rất lớn nên chưa dám hành động.

Trương Lương liền nói: “Nay ngài nên phong thần cho Ung Xi trước để mọi người nhìn thấy. Khi họ Thấy người như Ung Xi mà cũng được phong quan thì họ sẽ yên tâm”.

Do đó hôm sau Lưu Bang thiết tiệc phong cho Ung Xi chức hầu, lại nhắc nhở Túc Hạ và những người khác làm nhanh việc bình công khen thưởng.

Quân thần sau yến tiệc đều nói: “Ung Xi còn được phong hầu thì chúng ta không cần lo lắng nữa”.

Như vậy, tình hình bất an do việc phong thần gây ra đã được dập tắt.

### ***Phân tích kế dập tắt làm phản***

Mục đích của Trương Lương: ổn định nhân tâm, đề phòng làm phản.

Đối diện với hiện trạng nhu cầu tâm lý của các tướng: sợ không được phong quan lại còn bị giết.

Sách lược thực thi: Đầu tiên phong thần cho người mà Hoàng đế ghét nhất, như vậy sẽ ổn định được nhân tâm.

Nguyên lý sách lược: Nhiều người mưu phản là vì hai nỗi lo lắng dẫn đến. Thứ nhất là sợ mất quan, thứ hai là sợ bị giết. Đó là nhu cầu an toàn không được thỏa mãn một cách lý tưởng mà gây nên.

Có hai phương pháp giải quyết: một là phong quan, theo công lao mà phong; thứ hai là hòa hoãn tình thế tạo phản, ổn định nhân tâm. Phương pháp thứ nhất không thể giải quyết xong ngay. Do đó đành phải thực hiện phương pháp thứ hai. Cách hòa hoãn như thế nào? Theo nguyên lý ngũ hành mà nói: thực thì “tả” con của nỏ. Nay kim thực thì “tả” thủy. Kim mạnh gặp thủy sẽ bị dũa cùn kim. Do đó xuất phát từ nhu cầu giao tiếp để làm cho những người mưu phản biết được Hoàng đế không quên công lao của họ, mà rất muốn phong chức theo công lao. Vậy làm thế nào để cho người ta tin vào điều này? Trước hết là phong cho những người mà Hoàng đế ghét, qua đó chứng tỏ sự thành ý của Hoàng đế. Vì vậy mà Ung Xi là người được phong

trước tiên, qua đó nỗi lo lắng của nhiều người sẽ tiêu tan.

Bản chất của giảng nhân thuật là “cho”, vì vậy cho như thế nào, cho ai là then chốt để giảng nhân thuật sẽ thành công hay thất bại.

#### □ TRỪNG NHÂN THUẬT

Trùng nhân thuật và giảng nhân thuật là hai phương pháp điều chỉnh quan hệ giao tiếp hoàn toàn ngược nhau.

Giảng nhân thuật căn cứ vào nguyên lý ngũ hành tương sinh, cho đối phương một lợi ích nào đó, để làm đối phương thay đổi cách nghĩ ban đầu mà quy phục mình. Còn trùng nhân thuật là lấy nguyên lý tương khắc của ngũ hành làm căn cứ. Nó lấy sai lầm của đối phương hoặc sự uy hiếp về tồn thất do ta mang lại để trừng phạt đối phương, khiến cho đối phương phải hối cải hoặc lo sợ.

Do đó kết quả của hai thuật khác nhau. Giảng nhân thuật thì giành được sự kính trọng, còn trùng nhân thuật là truy tìm sự lo sợ hoặc phục tùng của đối phương.

Trong quan hệ giao tiếp, trùng nhân thuật là cần thiết. Nó đối mặt với tâm lý nhu cầu an toàn của con người, mục đích là tạo ra cho đối phương một mặc cảm về thiếu sót và nhân tố bất an, thể hiện được ưu thế khoảng cách giữa mình mạnh và đối phương yếu, khiến cho mình trong quan hệ giao tiếp thu được hoặc duy trì được địa vị chủ động hoặc địa vị thống trị. Do đó đây cũng là sự tồn tại hợp lý của trùng nhân thuật.

Trùng nhân thuật nói ở đây khác với sự trừng phạt bằng vũ lực như giết người, đốt nhà. Trùng nhân thuật là làm cho đối phương về mặt tâm lý chịu sự đã kích thích đáng, nói chung không lấy việc làm đau khổ về thể xác làm mục đích. Do đó nó thường giành được hiệu quả mạnh hơn cả dùng vũ lực.

Trùng nhân thuật thường xuất phát từ đạo nghĩa, luân lý, kỷ luật, v.v... để trừng phạt đối phương, và khiến cho đối phương phải trả giá nhất định.

#### ▲ Kế Hoa Nguyên bức hoà

Nước Sở vây chặt quốc đô nước Tống mấy tháng liền không rút. Người Tống vô cùng hoảng sợ.

Ban đầu người Tống cho rằng: quân đội nước Sở từ xa kéo đến, chiến tuyến dài như thế nhất định việc cung ứng quân nhu sẽ gặp khó khăn, nên không thể đóng quân lâu dài được. Do đó, họ đã dùng sách lược “vườn không nhà trống”, đồn lũy vững vàng, lương thực, củi cỏ đều cất giấu hết.

Thống lĩnh quân Sở là Công tử Trãi thấy rõ mưu kế của người Tống, bèn hạ lệnh cho binh sĩ của mình xây dựng nhà ở gần chỗ đóng quân, đồng thời khai hoang trồng trọt làm như có vẻ sẽ đánh lâu dài.

Người Tống thấy thế rất lo sợ. Đại tướng Hoa Nguyên nói: “Tôi xem người Sở không có ý rút lui, nếu cứ thế này tiếp tục thì tướng sĩ và bách tính trong thành sẽ chết đói, xương chất đầy phố. Hiện nay chưa có cách gì để đối phó, vì vậy để cho tôi vượt thành đến gặp Công tử Trãi may ra có thể có biện pháp giải cứu”.

Những người khác không ai đề xuất được biện pháp gì hay, nên đành để cho đại tướng Hoa Nguyên vượt thành gặp công tử Trãi.

Hoa Nguyên nhân, đêm tối bí mật vượt thành, tìm đến doanh trại quân Sở. Ông tìm được doanh trại của công tử Trãi thì thấy công tử say rượu đang gục ngủ trên bàn.

Trước hết ông chỉnh đốn trang phục cho Công tử Trãi, sau đó đánh thức công tử dậy. Công tử Trãi tỉnh giấc liền hoảng sợ. Hoa Nguyên nói: “Quân Sở vây chặt nước Tống đã hơn chín tháng nay. Hiện nay trong thành lương thực đã hết kiệt, người dân trao đổi con cho nhau để ăn thịt, xương làm củi đun. Mặc dù khó khăn đến thế, nhưng chúng tôi từ vua cho đến trăm họ đều tự nguyện hi sinh để bảo vệ nước Tống của mình, thề cùng sống chết với quốc đô. Muốn bức chúng tôi đầu hàng là điều không thể làm được. Còn nếu quý quân chịu từ bỏ rút lui thì chúng tôi sẵn sàng làm bạn với nước Sở”.

Nói xong Hoa Nguyên liền rút đoản đao kề vào cổ công tử Trãi nói: “Nếu công tử không đáp ứng yêu cầu của tôi thì chúng ta cùng chết tại đây”.

Công tử Trãi vội vàng nói: “Nước Tống bị nước Sở vây cho khốn đốn đến bước này, tôi làm sao có thể nhân tâm gây thêm đau khổ cho bách tính nữa”.

Do đó Công tử đã thỉnh cầu vua Sở, xin rút lui để nước Tống làm bạn cùng nước Sở.

## ***Phân tích kế bức hoà***

Mục đích của Hoa Nguyên: giải cứu sự nguy nan cho nước Tống.

Đối mặt với hiện trạng nhu cầu tâm lý của Công tử Trãi: tức nhu cầu sinh tồn.

Sách lược thực thi: nắm chắc công tử Trãi, dùng cái chết để bức đồng ý phải hòa giải.

Nguyên lý sách lược: chết là điều người nào cũng sợ, do đó mới có nhu cầu sinh lý và nhu cầu an toàn. Khi một người có thể được sống tiếp thì anh ta rất sợ chết. Con người rất khó xa rời được những cái mình đang có và những cái mình sắp có được.

Hoa Nguyên trong giờ phút nguy cấp đã xông mình ra để bức hòa công tử Trãi, đó là nắm vững nhu cầu tâm lý đang tiềm ẩn trong Công tử Trãi. Ông chọn dùng hai sách lược: để cho công tử Trãi có thể tiếp thu yêu cầu hòa giải của mình, trước hết ông nói rõ những khó khăn của người Tống trong thành, sau đó lại biểu thị quyết tâm: “Chúng tôi từ vua đến dân thường đều tình nguyện hiến thân để bảo vệ đất nước”. Nói thế là để chứng tỏ tấm lòng yêu nước của tướng sĩ quân Tống. Đó là sách lược lấy “hỏa nhiều” khắc “kim”.

Sau đó ông lại rút đoản đao ra uy hiếp Công tử Trãi, nói: “Nếu ngài không đáp ứng yêu cầu của tôi thì chúng ta cùng chết tại đây”! Đó là lấy “hỏa của nhu cầu thành tích”, tự giết mình mong thành nhân để khắc chế “kim của công tử Trãi”.

Hỏa thịnh kim nhược thì kim bị khắc chế. Để bảo toàn sinh mệnh và vinh dự quốc gia công tử Trãi đành chấp nhận hòa giải với người Tống. Như thế là dùng kim sinh thủy, thủy dập tắt hỏa.

Ở đây ta thấy rõ: trù nhân thuật luôn luôn lấy chỗ mạnh của mình khắc vào chỗ yếu của đối phương, chỉ có thế mới đạt được hiệu quả. Do đó khi ứng dụng trù nhân thuật, phát hiện ra nhược điểm của đối phương là điều vô cùng quan trọng.

### **▲ Kế Triệu Khuông dẫn chặt mũ**

Ở thời Ngũ đại, Triệu Khuông Dẫn làm đại tướng nhà Hậu Chu thống



lĩnh hai nghìn binh mã xông ra trận để đánh với Lý Cảnh Đạt là Tề vương của Nam Đường.

Triệu Khuông Dẫn thấy kẻ địch nhiều gấp mấy lần quân mình nên chọn dùng chiến thuật đi sau đốc chiến để cường bức quân lính ai cũng đốc sức đánh giặc.

Lý Cảnh Đạt cho rằng Triệu Khuông Dẫn không dám giao chiến với mình, nên dẫn quân tiến đánh thành Lục Hợp. Triệu Khuông Dẫn cũng đem hai nghìn binh mã ra thành nghênh chiến.

Triệu Khuông Dẫn một mặt ra sức giao chiến, mặt khác luôn để mắt tìm xem binh sĩ nào không hết lòng giao chiến. Hòai đó quân lính đều đội mũ da. Triệu Khuông Dẫn dùng kiếm của mình ra sức chém vào các mũ da của quân sĩ. Kết quả quân đội của ông đánh bại quân địch.

Sau khi thắng lợi, Triệu Khuông Dẫn cho người tra xét nếu thấy quân sĩ nào trên mũ da có vết chém thì liền đem ra chém đầu. Triệu Khuông Dẫn nói: “Nếu giữ lại những binh sĩ này thì không những vô dụng mà còn dẫn đến tai họa, một con ngựa làm hại cả đàn”.

Về sau binh sĩ của Triệu Khuông Dẫn không ai không dám hết lòng chiến đấu.

### ***Giải thích kẻ chém mũ***

Mục đích của Triệu Khuông Dẫn: muốn bồi dưỡng một đội quân dám hăng hái xung trận.

Đối mặt với nhu cầu tâm lý của các binh sĩ: tham sống sợ chết, không dám dũng cảm xông lên, đó là biểu hiện của nhu cầu an toàn quá mạnh,

Sách lược thực thi: lấy cái chết để trừng phạt những binh sĩ không hết lòng, cảnh báo cho những binh sĩ khác về sau.

Nguyên lý sách lược: đánh trận cần phải có đội quân dũng cảm, hăng hái xông lên trước trận tiền. Điều đó đòi hỏi binh sĩ phải có tinh thần không sợ chết. Xưa nay người sợ chết thì không làm được tướng.

Giết chết những binh sĩ sợ chết mục đích không chỉ ở chỗ trừ khử mối họa “một ngựa làm hại cả đàn mà còn để xây dựng một đội quân thuần khiết.

Hơn nữa còn để cảnh cáo các binh sĩ khác: ai sợ chết thì người đó nhất định chết.

Đánh tan lòng sợ chết của binh sĩ chính là tạo điều kiện cho họ nhất định sống. Do đó Triệu Khuông Dẫn đã dùng hỏa của nhu cầu thành tích để khắc chế kim trong nhu cầu tâm lý. Về sau kết quả ông xây dựng được đội quân anh dũng tiên phong.

### **▲ Kể Vương An Thạch bắt trả giường**

Vương An Thạch là người trong sự nghiệp không thành đạt như ý. Sau khi ông được vua giao cho thực hiện sửa đổi hành pháp bị thất bại thì bản thân ông cũng bị mất chức. Trong cuộc sống gia đình giữa ông và vợ là Ngô thị thường hay bất hoà.

Ngô Thị rất thích sạch sẽ, thậm chí như trở thành một loại nghiện kỳ quái. Còn Vương An Thạch thì ngược lại. Ông hầu như cả năm mới tắm một lần. Hai vợ chồng vì thế mà thường cãi nhau. Phàm những thứ Vương An Thạch dùng thì Ngô Thị đều chê bẩn, không bao giờ đụng đến.

Mãi đẹp tuổi già hai người cũng vì thế mà bất hoà. Sau khi Vương An Thạch cáo lão về hưu, có một cái giường mây mượn của công, Ngô Thị nhất định không chịu trả lại. Quân lính đã mấy lần đến đòi nhưng bị Ngô Thị giận dữ chửi mắng. Có một lần bọn lính đến gặp Vương An Thạch, nhưng liền bị Ngô Thị mắng cho phải bỏ về. Vương An Thạch biết được bèn tìm kế đi chân đất rồi trèo lên giường nằm ngủ. Ngủ được hồi lâu Ngô thị mới phát hiện, khi đó mới chê giường bẩn và đành để cho ông trả giường cho quân lính.

### ***Giải thích kể trả giường***

Mục đích của Vương An Thạch: để cho vợ chê giường bẩn, chịu trả cho bọn lính.

Đối diện với hiện trạng nhu cầu tâm lý của Ngô Thị: Ngô Thị nghiện sạch, chê mình bẩn.

Sách lược thực thi: tự mình trèo lên giường ngủ để cho Ngô Thị vì thế mà chịu trả giường.

Nguyên lý sách lược: Ngô Thị thích sạch sẽ, đó là một loại nhu cầu tôn

trọng. Để cho bà chịu trả cái giường bà thích, Vương An Thạch đã treo chân đất lên giường ngủ. Điều đó làm mất “độ thuần khiết của cái giường”. Cảm giác an toàn vệ sinh ban đầu của Ngô Thị bị phá tan nên đành chịu bỏ giường đó.

Dùng kim của nhu cầu an toàn vệ sinh để khắc chế một của nhu cầu tôn trọng. Vương An Thạch cuối cùng đã trừng phạt được người vợ hay chê mình bẩn.

### ▲ Kể hởi về hình phạt của Lai Tuấn Thần

Thời Võ Tắc Thiên thống trị, hình phạt vô cùng tàn khốc, đặc biệt là Lai Tuấn Thần, Chu Hưng, Tổ Nguyên Lễ, v.v... là những vị quan hay phạt nặng nhất. Bọn họ còn đặt tên cho các hình phạt như: nổi buồn lợn chết, tiếng hú thất thanh, điểm huyết, v.v... Các quan nội ngoại triều đình đều rất sợ bọn chúng, coi như hổ báo.

Sau này có người tố cáo Chu Hưng, Hòa Thuần và một số người khác kết thông với nhau mưu làm phản. Võ Tắc Thiên liền đề cho Lai Tuấn Thần thụ lý vụ án này.

Lai Tuấn Thần trước hết cho người mời Chu Hưng đến để uống rượu. Hai người vừa nói chuyện, trao đổi kinh nghiệm về cách dùng hình phạt.

Lai Tuấn Thần hỏi Chu Hưng: “Phạm nhân phần nhiều không chịu thừa nhận tội trạng của mình. Theo ông thì dùng hình phạt gì mới lấy được khẩu cung của họ?” Chu Hưng nói: “Điều này rất dễ, mang một cái ống đến, bốn bên chất than lên đốt, chờ đến khi trong ngoài đều nóng bỏng, bảo phạm nhân chui vào đó... thì không có ai mà không dám khai ra”.

Lai Tuấn Thần nghe đến đây thì cho người mang ống đến chuẩn bị thí nghiệm.

Sau khi ống được đốt nóng, Lai Tuấn Thần đứng dậy nói với Chu Hưng: “Nay trong triều có cáo trạng phát giác ông là người có tội mưu cầu kết làm phản, vì vậy xin mời ông hãy chui vào ống.”.

Chu Hưng vừa nghe thấy liền kinh hồn biến sắc, liền quỳ xuống vội vàng nhận tội.

Đó là điển cố về câu chuyện “Mời Ngài chui vào ống” nổi tiếng trong

lịch sử.

### ***Phân tích kế hỏi về hình phạt***

Mục đích của Lai Tuấn Thần: để cho Chu Hưng tự khai ra tội trạng mưu phản Hoàng đế.

Đối mặt với hiện trạng nhu cầu tâm lý của Chu Hưng: Vì sợ đau khổ hành hạ, nhu cầu an toàn không bảo đảm.

Sách lược thực thi: Chu Hưng là người thành thạo dùng hình phạt, hiểu được hình phạt nào đem lại đau khổ nhất. Lợi dụng hình phạt đó làm cho ông sợ hãi để uy hiếp bức ông ta phải cung khai.

Nguyên lý sách lược: Lai Tuấn Thần và Chu Hưng nói chuyện với nhau về hình phạt mục đích là để cho Chu Hưng nói ra hình phạt nào theo ông lợi hại nhất, vì đó chính là hình phạt mà ông ta sợ nhất. Dùng hình phạt đó để uy hiếp, khiến cho nhu cầu an toàn của ông ta tăng mạnh lên, như thế sẽ phải tự cung khai.

Những người bị tra khảo nói chung không chịu cung khai cho dù người đó cho rằng mình bị oan uổng hoặc là vì để bảo đảm bí mật, hoặc để chứng tỏ sự kiên cường dũng cảm của mình. Tất cả những cái này đều bắt nguồn từ nhu cầu tôn trọng của nội tâm. Có một số người để được kính trọng, họ thà chết chứ không khuất phục. Ví dụ như tác giả viết tác phẩm “Viết dưới giá treo cổ” là thuộc loại người cương trực như thế.

Đối với những người không chịu cung khai, dùng hình phạt để bức cung tức là lấy kim khắc mộc. Trong thực tế mỗi người đều có tâm lý sợ hãi, nhưng đồng thời cũng có lòng tự trọng. Bí quyết của thẩm vấn là vừa vào đầu thì đã khiến cho đối phương có cảm giác vô cùng sợ hãi, khiến cho mộc của nhu cầu tôn trọng không thể phát huy lên được.

Lai Tuấn Thần rất hiểu nguyên tắc này cho nên vừa vào đầu đã không nói đến việc “mưu phản”, mà chỉ trao đổi về kinh nghiệm hình phạt, làm cho đối phương không có sự chuẩn bị về tâm lý. Sau đó đột nhiên dùng hình phạt, khiến cho tâm lý phòng vệ của đối phương bị đổ sập.

### **▲ Kế cứu đối của Quán Trọng**

Sau khi Tề Hằng Công xưng bá, có một hôm nói với Quán Trọng: “Các

bạc đại phu đều lo thu vét tiền tài, chứ không chịu té bản cứu đói. Lương thực để mục ra trong kho mà không chịu cấp phát, vậy nên xử lý thế nào?”

Quản Trọng bèn tâu với Tề Hằng Công rằng “Bệ hạ hãy gọi đại phu Thành Dương đến mắng cho một trận”.

Đại phu Thành Dương là bậc phú hào nổi tiếng ở Đô thành.

Tề Hằng Công hỏi: “Mời đến để trách ông ta ra sao?”.

Quản Trọng nói: “Đại phu Thành Dương có người vợ gọi là Từ Hạnh, suốt ngày mặc đầy gấm vóc, chơi bời ca múa. Nhưng bà con anh em của đại phu Thành Dương thì đói rách không mảnh áo che thân, không bát cơm lót dạ. Ngài có thể dùng có đó mà trách mắng”.

Sau đó Tề Hằng Công gọi đại phu Thành Dương đến, mắng trách kịch liệt, cuối cùng tước hết lộc vị của ông ta.

Việc này được lan truyền ra, các vị đại thần có công trong thành đều tranh nhau phân phát lương thực cho bà con xa gần. Qua sự kiện đó làm cho dân trong nước vượt qua cơn đói.

### ***Phân tích kế cứu đói***

Mục đích của Tề Hằng Công: khiến cho những người giàu cứu té người nghèo, giải quyết nạn đói cho dân trong nước.

Đối mặt với hiện trạng tâm lý của các nhà giàu: sợ mất của cải và lương thực.

Sách lược thực thi: tước hết lộc vị của nhà giàu nổi tiếng nhất là đại phu Thành Dương, nói cho ông ta biết nguyên nhân là vì không chịu cứu té đồng bào, anh em mình đang bị đói.

Nguyên lý sách lược: sự biến lộn của người giàu là biểu hiện nhu cầu sinh lý quá mạnh. Bọn họ thường hay lo mình chưa đủ giàu, tích lũy còn ít. Phương pháp trừng trị họ có nhiều cách, nhưng cách đỡ tốn sức và hiệu quả nhất là “thực thì tả con của nó”.

Ngôi vị hưởng lộc thời xưa là sự ban thưởng của quốc vương đối với các bậc công thần. Công càng lớn lộc vị càng cao. Do đó lộc vị còn là sự

tượng trưng cho nhu cầu thành tích. Người ta lấy mức hưởng lộc vị bao nhiêu làm tiêu chuẩn để đánh giá sự ân thưởng.

Tề Hằng Công tước mất lộc vị của đại phu Thành Dương, tức là “tả” mất hỏa mẹ sinh thổ, khiến cho thổ không có cơ sở phát triển. Điều đó khiến cho kim là nhu cầu an toàn của những người giàu này sản sinh ra. Về sau những người có công đều tranh nhau cứu đói cho bà con là vì họ sợ lộc vị của mình cũng bị tước mất. Vì kim sinh thủy, thông qua hành động cứu tế là thủy để khắc chế sự kéo dài của hỏa.

Kế cứu tế là dùng biện pháp “tả” để trừng trị kẻ giàu. Qua đó thấy rõ trừng nhân thuật không chỉ hạn chế ở sự tương khắc mà còn được mở rộng hơn.

### **▲ Kế Ngô Khởi ôm thi hài**

Ngô Khởi từng được Sở Trác vương khen thưởng cho làm Tướng quốc, thực hành cải cách pháp chế.

Nội dung và mục đích của cải cách pháp chế nhằm làm yếu đặc quyền và sự hưởng thụ lộc vị hiện có của bọn quyền quý, để tăng cường trung ương tập quyền, nhằm làm mạnh thêm thực lực của nhà nước. Sự cải cách pháp luật này phù hợp với mong muốn của trăm họ thời đó. Cho nên chính sách này đã giành được những thành tích rất to lớn. Bản thân Ngô Khởi cũng vì thế mà trở thành một trong những pháp gia nổi tiếng.

Sau đó Sở Trác vương tạ thế, chính cục nước Sở phát triển rối loạn.

Khi thi thể của Sở Trác Vương còn chưa liệm, những nhà quý tộc trước đây vì sự thay đổi pháp luật mà bị mất đi tước lộc nhân dịp tang sự này đã phát động ngay cuộc chính biến. Mục tiêu công kích chủ yếu của cuộc chính biến là Ngô Khởi.

Ngô Khởi vội vàng trốn vào cung tẩm của Sở Trác Vương. Cung tẩm là nơi chuyên dùng để đặt thi thể của Hoàng đế hoặc Hoàng hậu. Những người chính biến lập tức bao vây cung tẩm, đứng ngoài cửa bắn vào trong hòng dùng cung tên để giết Ngô Khởi.

Ngô Khởi ôm chặt thi thể Sở Vương. Kết quả loạn tên bắn chết Ngô Khởi và bắn vào thi thể Sở vương. Máu thịt của hai người hòa trộn với nhau làm một.

Ngày xưa có quy định: người bắn vào thi thể của Quốc vương phải bị xử tội tru di cả dòng họ. Do đó khi con của Sở vương vừa lên ngôi đã truy tìm những người khởi sự chính biến. Hơn 70 nhà đã bị giết cả dòng họ. Ngô Khởi do đó mà đã giết được những người đã bắn chết mình.

### ***Phân tích kế ôm xác***

Mục đích của Ngô Khởi: giết được những người giết mình.

Đối mặt với hiện trạng tâm lý của những người chính biến: bất luận thế nào cũng phải giết chết Ngô Khởi, cho dù hậu quả ra sao.

Sách lược thực thi: khiến cho họ trong lúc bắn mình đồng thời vào thi thể Quốc vương, tạo thành tội bị tru di gia tộc.

Nguyên lý sách lược: Ngô Khởi ở giây phút cuối cùng đã tính toán được mưu kế thanh toán với bọn thù địch. Cho dù bản thân không thể giết chúng, nhưng đã để lại một quả mìn nổ chậm vào giây phút cuối cùng trước khi chết.

Những người chính biến dưới sự thúc giục của dã tâm là phải dùng hình phạt tàn khốc để giết chết Ngô Khởi, người đã gây ra cho họ bao nhiêu tổn thất. Nhưng bản thân họ không lường hết sự nguy hiểm do hành động của mình mang lại.

Mưu kế của Ngô Khởi được thiết kế qua các bước sau:

Sau khi bọn chính biến phát hiện được ông thì ông đã ở chỗ mà chúng không thể vào được. Do đó ông đã chạy vào cung tẩm. Giả thiết nếu bọn chính biến vẫn xông vào thì chúng sẽ phạm pháp. Còn nếu chúng không xông vào thì may ra ông còn có khả năng sống, mặc dù hy vọng rất nhỏ.

Sau khi bọn chính biến phát hiện mưu kế này của Ngô Khởi, chúng liền đứng ở cửa dùng tên bắn vào. Ngô Khởi bèn ôm chặt thi hài Sở vương, làm cho tên cùng bắn vào cả hai.

Cho dù ở trường hợp nào như trên đã nói thì Ngô Khởi đều đã cài được quả mìn định giờ vào đó và nó sẽ nổ sau khi ông chết.

Ngô Khởi đã hi sinh nhu cầu sinh lý của mình, lấy đó sinh kim, khiến kim khắc mộc. Chỗ sáng suốt của Ngô Khởi là khéo léo dùng bước thổ sinh

kim khiến cho bọn chính biến trong quá trình manh động đã mắc bẫy.

### ▲ Kể dùng bài ca cảm hoá của Ưu Mạnh

Khi Tôn Thúc Ngao làm tướng quốc nước Sở, ông là vị quan thanh liêm, không vợ vết tiền tài. Vì vậy sau khi ông mất, trong nhà không có đồ vật gì đáng giá. Con của ông nghèo khó, phải nương tựa vào người khác để sinh sống.

Hồi đó có một nghệ nhân nổi tiếng là Ưu Mạnh. Ưu Mạnh rất thương xót con cái Tôn Thúc Ngao. Ông mặc quần áo giống như Tôn Thúc Ngao, hoá trang giống như thế, bắt chước lời nói và cử chỉ của Tôn Thúc Ngao để đi hát khắp nơi. Ông học rất giống nên mọi người đều khen tuyệt vời. Có một lần, Sở vương xem ông biểu diễn. Nhân lúc đó ông hát rằng: tham quan không thể làm việc tốt mà chỉ có thể tham ô, còn liêm quan chỉ có thể làm chứ không biết tham ô. Tham quan sở dĩ không thể làm vì hành vi của bọn họ bỉ ổi. Chúng lo tham nhũng là để cho con cháu đời sau hưởng mãi vinh hoa phú quý. Liêm quan chỉ biết làm là vì hành động của họ cao thượng vô song, không biết tham ô cho nên một khi họ chết đi, gia đình nghèo đói thì con cháu sẽ đi ăn xin khắp nơi. Vì vậy mà tôi khuyên các bậc đại thần đừng học Tôn Thúc Ngao, bởi vì vua nước Sở không bao giờ nhớ đến công lao của những vị quan thanh liêm đó.

Vua Sở khi nghe thấy cảm động rơi nước mắt. Do đó đã tìm cách vờ con cái của Tôn Thúc Ngao về, cấp cho họ điều kiện sinh sống.

### *Phân tích kể cảm hoá*

Mục đích của Ưu Mạnh: làm cho vua Sở và mọi người hiểu được và yêu mến các vị quan thanh liêm, quan tâm đến cuộc sống con cháu của họ.

Đối mặt với nhu cầu tâm lý vua Sở và người đời: không tôn trọng quan thanh liêm, càng không quan tâm đến cuộc sống con cháu đời sau của họ.

Sách lược thực thi: lợi dụng ca hát để làm cho vua Sở và người đời hiểu được đạo lý của sự việc.

Nguyên lý sách lược: để cho càng nhiều người biết được sự tích của Tôn Thúc Ngao thì phải tuyên truyền rộng rãi. Ưu Mạnh đã phát huy sở trường nghệ nhân của mình, đóng giả Tôn Thúc Ngao. Ông đi khắp nơi biểu diễn để thức tỉnh lòng tôn trọng và kính phục của mọi người đối với quan



thanh liêm.

Sở vương với tư cách là vua một nước, chắc chắn sẽ không muốn những người trung thành dưới tay mình là tham quan. Muốn giảm bớt bọn tham quan thì phải ca ngợi, khen thưởng các quan thanh liêm. Do đó Sở Trang vương đã tự mình vùi dập con cái của Tôn Thúc Ngao, ban thưởng cho họ để duy trì cuộc sống.

Mưu kế của Ưu Mạnh là lấy kim khắc mộc và lấy thủy sinh mộc, dùng hai khâu đó để tạo thành.

Khâu thứ nhất là lấy kim khắc mộc. Ông để cho mọi người thấy được sau khi quan thanh liêm chết thì con cháu của họ rơi vào tình cảnh bi thương, cuộc sống thiếu thốn. Đó cũng là vấn đề quan trọng đối với con cái của những bậc quan thanh liêm khác. Điều đó xung đột với lòng trung thành và những điều tín ngưỡng mà quan thanh liêm phụng thờ nhà vua, nó hình thành mâu thuẫn là quan thanh liêm chỉ biết làm điều tốt, không những nhiều tham ô. Ưu Mạnh đã nhạy bén nắm bắt mâu thuẫn này và phơi bày nó ra trước công chúng.

Khâu thứ hai là lấy thủy sinh mộc. Thông qua sự tuyên truyền ca hát rộng rãi mà thức tỉnh lòng tôn trọng và tín ngưỡng của người đời đối với quan thanh liêm.

### **▲ Kế trộn mực của Lý Dịch**

Tổng Chân Tông bị bệnh. Lý Dịch và các bậc đại thần chấp chính suốt ngày phục dịch bên giường bệnh của vua, không dám về nhà, ở luôn trong cung.

Hồi đó Nhân Tông tuy đã được lập làm thái tử nhưng tuổi còn nhỏ. Còn Bát Đại Vương - Nguyên Nghiêm thì vô cùng muốn được ngôi thái tử, bèn lấy cớ vào hỏi thăm vua Chân Tông mà lưu lại trong cấm cung.

Các bậc đại thần đều sợ anh ta kết bạn làm loạn, nhưng cũng không có cách gì đuổi ra được.

Một hôm có viên quan của Hàn lâm tự bưng một chén bằng vàng trong đó đựng nước sôi chuẩn bị mang vào cho Bát Đại Vương. Lý Dịch rất nhạy bén, tiện tay lấy bút mực đặt trên văn án, quấy vào cốc nước, làm cho nước đen lên, sau đó bảo viên quan kia đưa cho Bát Đại Vương. Bát Đại Vương

trông thấy rất kinh ngạc, cho rằng Hoàng đế muốn dùng chất độc giết mình, sợ đến mức vội vàng đi khỏi cấm cung ngay.

### ***Phân tích kế trộn mực***

Mục đích của Lý Dịch: muốn đuổi Bát Đại Vương để tránh sự huyên náo trong cung.

Đối mặt với hiện trạng nhu cầu tâm lý của Bát Đại Vương: vì ôm ấp âm mưu trong lòng, cho nên luôn lo sợ Hoàng đế.

Sách lược thực thi: dùng nước quấy mực đen không có chất độc để đưa cho Bát Đại Vương, khiến cho anh ta nghi ngờ Hoàng đế dùng chất độc giết mình. Như vậy sẽ không dám ở lại trong cấm cung bên cạnh Hoàng đế nữa.

Nguyên lý sách lược: Bát Đại Vương thêm muốn ngôi thái tử nên trốn lại trong cấm cung để chờ thời cơ hành động. Điều đó bộc lộ dã tâm của anh ta, đồng thời cũng biểu hiện tâm lý lo sợ bị Hoàng đế phát giác. Hai loại hỏa và kim này tương khắc nhau đồng thời xâm chiếm dã tâm của Bát Đại Vương.

Lý Dịch nắm được mâu thuẫn này trong nhu cầu nội tâm của anh ta nên đã lợi dụng thành công tâm lý lo sợ của Bát Đại Vương, do đó mà đuổi được Bát Đại Vương ra khỏi cấm cung.

Kim nhiều thì hỏa tắt. Hỏa vốn khắc kim, nhưng kim nhiều làm cho thể của hỏa bị hao tổn, hơn nữa kim nhiều sinh thủy, thủy cũng có thể khắc hỏa.

Lý Dịch nắm chắc Bát Đại Vương lo sợ cho nên đã dùng cốc nước trộn mực, khiến cho anh ta ban đầu hoài nghi, sau biến thành tin rằng: Hoàng đế đã phát giác âm mưu của anh ta, muốn đầu độc anh ta.

Khi nhu cầu an toàn bị uy hiếp thì hỏa đại biểu cho nhu cầu thành tích vốn không mạnh, nhân vì thế mà bị dập tắt. Cho nên Bát Đại Vương chỉ còn cách bỏ đi khỏi cấm thành.

### **▲ Kế hiển bảo vật của Chu Văn vương**

Tru vương trong lịch sử Trung Quốc nổi tiếng vì tàn ác. Cơ nghiệp sáu trăm năm của Ân vương bị Trụ vương làm cho tan tành. Ái thiếp của Trụ vương là Đát Kỷ, được Trụ vương xây cho Lộc đài, “ao rượu, rừng thịt”

đồng thời dùng hình phạt sắt nung đỏ để trừng trị những người phản đối mình. Cuối cùng tên bạo chúa đó bị nhân dân đánh đổ.

Hồi đó Chu Văn vương là một Vương hầu đã từng bị Trụ vương bắt giam. Chu Văn vương là người rất phản đối hành động tàn bạo của Trụ vương. Chu Văn vương đã từng xin dâng đất đai để thỉnh cầu Trụ vương bãi bỏ hình phạt sắt nung đỏ. Đồng thời Chu Văn vương trong lãnh địa của mình cũng đã kiên trì chờ đợi thời cơ, chuẩn bị hễ có dịp là lật đổ sự thống trị tàn bạo của Trụ vương.

Chu Văn vương cho rằng bên cạnh Trụ vương còn có nhiều hiền nhân giúp đỡ. Đó chính là trở ngại đầu tiên đối với việc đánh đổ Trụ vương. Cho nên ông luôn mong chờ những người này bị bỏ rơi dần.

Câu chuyện hiền bảo vật mà ta nói đến dưới đây chính là Chu Văn vương tạo ra cơ hội để cho những hiền nhân đó bị thất sủng.

Nguyên là Chu Văn vương có một bảo vật, gọi là Ngọc bản. Trụ vương rất muốn lấy được bảo vật này, bèn phái một vị đại thần tên gọi là Giao Cách đến gặp Chu Văn vương để thương lượng. Giao Cách là một trong những hiền thần nổi tiếng hồi đó. Chu Văn vương rất kính trọng nhân phẩm của ông. Do đó Chu Văn vương đã ân cần tiếp đãi ông. Nhưng về việc giao bảo vật thì ông lại khước từ.

Giao Cách không muốn ép buộc điều mà người khác không thích, cho nên trở về tay không.

Nhưng Trụ vương không cam tâm, lại phái Phí Trọng đến gặp Chu Văn vương lần nữa. Phí Trọng là hoạn quan nổi tiếng thời đó. Phí Trọng đã từng làm nhiều điều xấu vì Trụ vương. Các bậc đại thần trong triều nhà Chu đều cho rằng lần này Chu Văn vương chắc chắn càn cự tuyệt. Không ngờ Văn vương lại rất mau chóng đáp ứng yêu cầu của Phí Trọng. Phí Trọng dương dương tự đắc mang bảo vật về cho Trụ vương để được thưởng công. Trụ vương cũng đã ban thưởng cho Phí Trọng lớn về việc đó.

### ***Phân tích kế hiền bảo vật***

Mục đích của Chu Văn vương: làm tan rã lực lượng của tập đoàn Trụ vương, khiến cho những hiền thần trong tập đoàn đó thất thế, còn các hoạn quan lại được tin dùng.

Đối mặt với hiện trạng nhu cầu tâm lý của Trụ vương: thích hoạn quan, xa lánh các hiền nhân. Trụ vương muốn được bảo vật, hai lần đã cử người đi nhưng lần cử hoạn quan mới đạt kết quả.

Sách lược thực thi: cự tuyệt hiền thần Giao Cách, đáp ứng cho hoạn quan Phí Trọng, khiến cho hiền nhân bị thất sủng, còn hoạn quan thắng thế.

Nguyên lý sách lược: muốn làm tan rã lực lượng tập đoàn Trụ vương thì phải khiến cho các hiền thần mất chức, tăng thêm mức độ hủ bại của tập đoàn đó, chỉ có cách chọn dùng trù nhân thuật thích đáng.

Trù nhân thuật của Chu Văn vương không phải là đối mặt với Trụ vương, mà là các hiền thần đức cao được trọng vọng quanh Trụ vương. Đối với các hiền thần cần có sự tôn trọng thì Trụ vương lại làm tổn thương đến họ, nên mất đi lòng tin của dân. Trụ vương đã từng đuổi Tể tướng Tử Can, điều đó làm cho tội ác của Trụ vương càng thêm nặng. Chu Văn vương nếu cũng dùng biện pháp như thế tất nhiên sẽ bị đánh đổ giống như Trụ vương.

Sự cao minh của trù nhân thuật là không để cho đối phương biết được, thậm chí còn làm cho đối phương bị cảm kích. Kế hiền bảo vật của Chu Văn vương là thuộc loại cao minh này. Ông nhiệt tình khoản đãi Giao Cách, biểu thị sự tôn kính của mình đối với các bậc hiền thần. Nhưng lại cự tuyệt sứ mệnh của Giao Cách, để cho ông tay không trở về. Ngược lại đối với Phí Trọng thì ưng thuận giao bảo vật ngay, để cho Phí Trọng thỏa mãn dục ý trở về. Hàn Phi tử đã có lời bình luận rất thâm thúy về việc này để nói rõ dụng ý của Văn vương. Hàn Phi tử nói: “Giao Cách là bậc hiền nhân, còn Phí Trọng là người vô đạo. Chu Văn vương không thích hiền nhân được Trụ vương tin dùng nên mới đưa bảo vật cho Phí Trọng”.

Chính vì Giao Cách là kẻ sĩ cao đạo nên mới không cho. Nếu cho thì Giao Cách đã xuất sắc hoàn thành sứ mệnh của mình nên sẽ được nhà vua trọng dụng. Điều đó làm cho tập đoàn Trụ vương thêm vững mạnh, hoàn toàn không có lợi đối với người Chu.

Ngược lại vì Phí Trọng là kẻ tiểu nhân, giao bảo vật cho nó thì Trụ vương sẽ tin dùng nó. Như thế tập đoàn Trụ vương sẽ càng chóng diệt vong. Sự kỳ diệu của trù nhân thuật là ở chỗ đó.

### **▲ Kế chúc mừng của Cam Mậu**

Khi Cam Mậu là Tướng quốc của nhà Tần, luôn được Tần vương tin

cậy. Nhưng về sau không biết vì sao Tần vương bỗng coi trọng tướng quân Công Tôn Diễn. Vua và Công Tôn Diễn thường đàm luận với nhau, gạt dần Tướng quốc Cam Mậu ra một bên.

“Cần phải giành lại những cái đã mất”! Cam Mậu với tư cách là nhà chính trị đã nhạy cảm nhận thức rõ điều đó. Ông ngầm sai người nghe trộm những cuộc trò chuyện riêng giữa Tần vương và Công Tôn Diễn.

Có một hôm người nghe trộm nói lại với ông ta một tin vô cùng hệ trọng: Tần vương chuẩn bị cất nhắc Công Tôn Diễn làm Tướng quốc. Đó là câu nói quan trọng nhất trong câu chuyện đàm luận giữa Tần vương và Công Tôn Diễn. Cam Mậu ghì nén tình cảm của mình và tìm đối sách để ứng phó.

Cam Mậu mặc đại phục thỉnh cầu gặp vua. Tần vương nhận lời tiếp rất tự nhiên.

Vừa vào gặp vua, Cam Mậu nói ngay: “Nhân dịp Đại vương sắp có Tướng quốc mới, hạ thần xin kính chúc Đại vương”.

Tần vương nghe xong rất kinh ngạc. Vua không tin rằng Cam Mậu lại biết được cuộc đàm luận riêng của hai người, nên liền phủ nhận, nói: “Làm gì có điều đó”!

Cam Mậu lật ngửa con bài thứ nhất: “Đại vương không phải là đã tín nhiệm Công Tôn Diễn làm Tướng quốc rồi đấy ư?”

Tần vương vội từ chối một cách tuyệt vọng: “Từ đâu đưa ra tin bịa đặt này?”

Cam Mậu trình trọng lật ngửa con bài cuối cùng, nói: “Đó là lời của Tướng quân Công Tôn Diễn tự mình nói ra...”

Tần vương không tin rằng sự thực đã được chứng thực. Hơn nữa chính Công Tôn Diễn đã nói ra điều bí mật của vua.

Đối với người làm lộ bí mật, cho dù là ai cũng không thể tha thứ được. Vì vậy Công Tôn Diễn rất nhanh bị vua đẩy đi viễn xứ.

### ***Phân tích kế chúc mừng***

Mục đích của Cam Mậu: đánh trúng Công Tôn Diễn để giữ vững địa vị chính trị của mình.

Đối mặt với hiện trạng nhu cầu tâm lý của Tần vương: Tần vương không vừa lòng Cam Mậu, định dùng Công Tôn Diễn thay thế, nhưng trước mắt chưa tìm được cơ hội thích hợp.

Sách lược thực thi: đánh trúng Công Tôn Diễn làm lộ bí mật khiến cho Tần vương không tín nhiệm nữa.

Nguyên lý sách lược: trong khi quyết định của Tần vương còn đang bí mật, vạch rõ bí mật đó sẽ làm cho Tần vương rất căm giận: người đã tiết lộ, sau đó làm cho Tần vương biết được Công Tôn Diễn chính là người tiết lộ bí mật.

Trùng nhân thuật của Cam Mậu là rất cay độc. Để đánh được người khác, ông đã dựng đứng lên một điều không có sự thật. Nhưng đó là hiện thực thường diễn ra trong quan trường. Ông mưu trí nắm được kế hoạch bí mật của Tần vương, sau đó tìm cách đánh trúng Công Tôn Diễn. Tần vương tín nhiệm Công Tôn Diễn thì ông tìm cách làm cho Tần vương tin rằng chính Công Tôn Diễn là người đã tiết lộ bí mật đó.

Chứng cứ Công Tôn Diễn làm lộ bí mật có thể có nhiều cách để tạo dựng nên, nhưng cái hệ trọng nhất ở đây là tạo dựng nên sự tiết lộ bí mật giữa Công Tôn Diễn và Tần vương, bởi vì điều đó quan hệ đến lợi ích và thể diện của Tần vương.

Lợi dụng “kim” tức nhu cầu an toàn của Tần vương để khéo léo đưa đến sự khắc chế “mộc” là nhu cầu tôn trọng của Công Tôn Diễn. Đó chính là vũ khí có sức sát hại mạnh mẽ nhất.

Đáng thương cho Công Tôn Diễn bị hàm oan mà đi đầy viễn xứ.

### ▲ Kế bịt mũi của Trịnh Tự

Trịnh Tự là ái thiếp của Sở vương. Làm thân ái thiếp tất sẽ có lúc hoa tàn vua thất sủng. Nhưng đáng tiếc cho Trịnh Tự còn chưa đến lúc hoa tàn mà đã bị thất sủng.

Nguyên nhân là: Gần đây Sở vương mới gặp được một mỹ nữ. Vua vô cùng đam mê, đắm đuối cô ta. Điều đó đối với Sở vương mà nói là rất

thường tình, vì vua có quyền yêu chiều bất cứ một cung phi nào. Song đối với Trịnh Tụ thì lại chịu đựng không nổi. Sự đổ kỵ khiến cho cô ta đi đến quyết định phải loại bỏ mỹ nhân đó.

Bước thứ nhất cô ta dùng biện pháp vờ làm người tốt, rất quan tâm đến mỹ nhân, dùng bộ mặt vui vẻ để che lấp lòng đổ kỵ của mình, mua cho mỹ nhân kia nhiều thứ tốt, từ quần áo đến vật dụng, mọi việc rất chu toàn.

Sở vương cũng bị hành vi này của Trịnh Tụ làm xúc động.

Sở vương nói với nhiều người khác: “Phụ nữ thường dựa vào sắc đẹp của mình để khống chế nam giới, cho nên nếu Trịnh Tụ có lòng đổ kỵ cũng là rất tự nhiên. Tuy vậy, nay Trịnh Tụ biết Trẫm đem lòng thương yêu mỹ nhân, song thực tế cô ta vẫn giữ được tình cảm với Trẫm như xưa, đồng thời còn rất quan tâm đến mỹ nhân đó”.

Cô mỹ nhân kia cũng rất gắn bó với Trịnh Tụ. Có một hôm cô ta hỏi Trịnh Tụ: “Em tiếp đãi Đại vương như thế, không biết Đại vương có chỗ nào chưa vừa ý không?” Trịnh Tụ nói: “Đại vương rất yêu mến, say đắm em. Song Đại vương có nói rằng mũi của em không đẹp. Sau này lúc gặp Đại vương, em nên lưu tâm điểm đó. Tốt nhất là dùng tay che mũi thì hay hơn”.

Mỹ nhân nghe thấy thế thì rất cảm động và hứa sẽ làm theo lời của Trịnh Tụ.

Ít lâu sau, Sở vương rất lấy làm lạ, bèn hỏi Trịnh Tụ: “Vì sao cứ mỗi lần gặp Trẫm thì cô ta lại che mũi? Cô có nghe cô ấy nói vì sao không?”

Trịnh Tụ nói: “Thiếp có được cô ta nói cho biết điều đó, nhưng thiếp không thể tâm lại với Đại vương được.”

Sở vương lại càng muốn biết như thế là vì sao.

Cuối cùng Trịnh Tụ xin vua tha tội chết mà nói lại rằng: “Mỗi lần gặp vua cô ta không chịu nổi mùi xú khí từ người vua bốc ra”. Nghe câu nói đó lòng tự tôn của Sở vương bị xúc phạm ghê gớm! Vua liền lập tức sai người cắt mũi của mỹ nhân để cho hả cơn tức giận.

### ***Giải thích kế bịt mũi***

Mục đích của Trịnh Tụ: thanh trừ mỹ nhân đó ra khỏi vòng tay của vua

để bảo vệ vững chắc địa vị của mình.

Đối diện với hiện trạng nhu cầu tâm lý của Sở vương: Sở vương có niềm vui mới, nên liền bỏ rơi mình. Đó là biểu hiện thích mới ghét cũ, chứng tỏ lòng hư vinh của Sở vương rất mạnh.

Sách lược thực thi: trước hết giành được sự tín nhiệm của mỹ nhân và Sở vương với mình, sau đó đánh vào mỹ nhân, khiến cho Sở vương từ bỏ mỹ nhân.

Nguyên lý sách lược: càng được tín nhiệm, càng giấu kín âm mưu thì càng dễ thành công, nếu không thành công cũng không đến nỗi nguy hiểm. Trịnh Tụ nhận thức được sâu sắc rằng: làm hại mỹ nhân, người được vua sủng ái là vô cùng nguy hiểm, vì vậy can phải vô cùng thận trọng, nhất là không làm điều gì gây cho Sở vương nghi ngờ.

Do đó đầu tiên Trịnh Tụ phải có bước đệm cho mưu kế của mình. Thường ngày Trịnh Tụ rất nhiệt tình giúp đỡ mỹ nhân, khiến cho cô ta không những yên tâm mà còn tin cậy mình, nói với mình những điều sâu kín nhất. Sự cố gắng của Trịnh Tụ cũng được Sở vương cảm kích và ca ngợi. Sở vương cho rằng Trịnh Tụ đối xử với mỹ nhân như thế là vì lòng tôn kính Đại vương.

Sau khi biết chắc được Đại vương và mỹ nhân tin cậy, Trịnh Tụ mới đặt ra một cái thông lọng, trước hết làm cho mỹ nhân đổ chui vào, sau nữa đến lượt Sở vương. Cuối cùng cô ta mới rụt rè nói với Sở vương: “Mỹ nhân rất sợ mùi xú khí trên thân Ngài”. Đến đây lòng tự trọng của Sở vương bị đánh một đòn chí mạng, khiến cho Sở vương vô cùng căm tức và sai người cắt mũi mỹ nhân ngay.

Trịnh Tụ tuy là bậc nữ nhi, song đã sử dụng trù ngôn thuật ở trình độ rất cao. Toàn bộ mưu kế không có chỗ nào sơ hở có thể bại lộ. Bước đầu tiên cô ta dùng phương pháp lấy “thủy sinh dưỡng “mộc” để giành được sự tin cậy và yêu mến của cả hai người. Sau đó mới ngấm lấy “kim” của mỹ nhân để khắc “mộc” của Sở vương, kích cho Sở vương bất ngờ và vô cùng phẫn nộ.

Trịnh Tụ không hề nói xấu mỹ nhân một câu nào, nhưng lại đạt được mục đích làm cho Sở vương đuổi mỹ nhân đi. Điều đó có thể thấy rõ tác dụng của trù ngôn thuật là vô cùng to lớn.



### ▲ Kế thi lễ của Trương Phi

Câu chuyện Đào viên kết nghĩa được lưu truyền rất rộng rãi trong dân gian Trung Quốc. Rất nhiều thanh niên muốn dùng kiểu kết nghĩa rất có hiệu quả này để giao kết huynh đệ, chung lòng làm một việc gì đó. Dùng nghi thức trong kết nghĩa có thể đưa lại tình đoàn kết và củng cố tình hữu nghị.

Nhưng đáng tiếc rất nhiều người không thể giữ được mối quan hệ như: Lưu, Quan, Trương đã thề thốt với nhau: phú quý bất năng di, bần tiện bất năng phân, uy vũ bất năng khuất, (sự giàu có không làm thay đổi, nghèo hèn không bỏ nhau, uy vũ không khuất phục được).

Câu chuyện dưới đây có thể chứng minh điều vừa nói ở trên.

Khi Lưu Bị đánh vào Tứ Xuyên đã thu hàng được dũng tướng Mã Siêu là bậc đại tướng nổi danh thời đó. Lưu Bị phong cho Mã Siêu chức Bình tây tướng quân, Đô đình hầu, liệt vào ngôi thứ tư trong ngũ hổ tướng.

Mã Siêu thấy Lưu Bị vô cùng hậu đãi mình, bèn bắt đầu suông sã với Lưu Bị, có lúc dù có hay không có người ngoài vẫn không phân biệt quân thần trên dưới, thậm chí có lúc xưng hô thẳng tên Lưu Bị.

Quan Vũ thấy thế thì vô cùng tức giận, muốn giết Mã Siêu, song lại nghĩ đến mình và Trương Phi đã mấy năm đi theo Lưu Bị nên không dám bội ước lời thề, làm điều vô lễ.

Lưu Bị không đồng ý. Ông cho rằng Mã Siêu là một võ tướng khó có được trong tay. Trong cuộc đấu tranh ác liệt lúc đó đang rất cần dùng đến Mã Siêu. Hơn nữa, nếu đối xử với Mã Siêu không tốt thì người ngoài sẽ cho rằng mình không phải là người nhân nghĩa.

Trương Phi bèn hiến kế nói: “Nếu không giết Mã Siêu thì cũng phải làm cho Mã Siêu biết thế nào là lễ độ”.

Hôm sau, khi Lưu Bị triệu tập đại hội quan thần, Quan Vũ và Trương Phi ôm đao đứng sau Lưu Bị.

Khi Mã Siêu bước vào chỉ nhìn thấy Lưu Bị, không thấy được Quan Vũ và Trương Phi. Sau đó mới biết hai người ôm đao đứng sau Lưu Bị, nên Mã Siêu vô cùng cảm động.

Với thanh danh của Quan Vũ và Trương Phi hồi đó chắc chắn họ không thấp hơn Mã Siêu. Nhưng Quan Vũ và Trương Phi còn phải đứng sau Lưu Bị để làm thiên chức hộ vệ, hưởng hồ là Mã Siêu lại càng nên như thế.

Vì vậy từ đó về sau Mã Siêu không xưng hô tên Lưu Bị ra nữa.

### ***Giải thích kế thị lễ***

Mục đích của Trương Phi: để cho Mã Siêu biết được phải đối xử lễ độ với Lưu Bị.

Đối mặt với hiện trạng nhu cầu tâm lý của Mã Siêu: vì là người có đặc tài nên vô cùng ngạo mạn, nhu cầu tôn trọng rất mạnh, không chú ý thu mình, khiêm tốn.

Sách lược thực thi: dùng sự tôn kính của Quan Vũ và Trương Phi đối với Lưu Bị để ngầm nói với Mã Siêu, cảnh cáo Mã Siêu không được tùy tiện vô lễ.

Nguyên lý sách lược: Trương Phi đối mặt với hành vi vô lễ của Mã Siêu đối với Lưu Bị đã dùng kế thị lễ để cảnh cáo Mã Siêu.

Ôm đao đứng sau, hành động đó làm cho mọi người phải biết rằng: vị trí của Lưu Bị là cao nhất không thể xem thường. Điều đó đối với Mã Siêu là người không phân biệt rõ giữa quân vương với mình, chắc chắn là một sự cảnh cáo.

Nói là Trương Phi đã tạo dựng nên hình ảnh tôn nghiêm cho Lưu Bị cũng chẳng khác gì nói rằng: đó là sự thị uy đối với Mã Siêu. Sự uy hiếp vô hình này khiến cho Mã Siêu phải tôn kính Lưu Bị.

Vì vậy, việc tạo nên một tư thế để khiến cho đối phương hiểu rõ và lấy đó làm cái mà tự đánh giá mình, khiến cho đối phương nảy ra tâm lý lo sợ, đó chính là sự ứng dụng của trù nhân thuật.

## □ CHẾ NHÂN THUẬT

Chế nhân thuật là kỹ xảo khống chế người khác.

Trong cuộc sống thường ngày, quan hệ giữa con người với nhau là mối quan hệ chế ước lẫn nhau. Kẻ mạnh và người yếu chỉ là sự tương đối. Trong kẻ mạnh lại còn có kẻ mạnh hơn; trong kẻ yếu cũng có lúc có kẻ mạnh. Kẻ mạnh không nhất định bao giờ cũng mạnh và không phải bao giờ cũng đánh bại được kẻ yếu. Chế nhân thuật chính là căn cứ vào đặc điểm này giữa con người với nhau mà thiết kế nên.

Chế nhân thuật theo lý luận nhu cầu ngũ hành mà nói, nó là do nhu cầu giao tiếp mà đưa đến. Con người vẫn thường có nguyện vọng quy thuộc được người khác, biểu thị sự ham muốn thống trị. Đồng thời cũng tồn tại mâu thuẫn tâm lý để cho người khác thống trị mình. Chế nhân thuật tức là vận dụng một mặt của mâu thuẫn đó để khống chế người khác, thông qua đó mà nắm quyền chủ động khống chế đối phương.

Vì vậy chế nhân thuật cũng là mưu kế tranh giành quyền chủ động.

Nguyên lý chế hoá của ngũ hành nói với chúng ta rằng: mỗi hành đều bị một hành khác khắc chế. Song hành này đồng thời lại có thể dựa vào hành mà mình tương sinh ra để khống chế hành kia đang khắc mình. Ví dụ tôi là mộc, khắc tôi là kim, song tôi lại có thể sinh hỏa, lấy hỏa đó để khắc kim.

Chế nhân thuật là căn cứ theo nguyên lý chế hoá của ngũ hành mà vận dụng kỹ xảo quyền mưu. Nó có ba đặc điểm như sau:

Tôi bị khắc chế, đó là điều kiện tiên đề.

Tôi tạm thời không đủ năng lực khắc lại, tức là không có năng lực đè bẹp đối phương.

Tôi đành mượn cái tôi sinh ra để đạt được mục đích gián tiếp khắc chế đối phương.

Ba đặc điểm này là ba vấn đề phải hiểu rõ trong khi sử dụng chế nhân thuật. Từ điều kiện tiên đề mà nói, chế nhân thuật cũng được gọi là kế mưu giành lại thắng lợi trong thế đang thất bại.

Dù sao chăng nữa, chúng ta luôn luôn không muốn bị người khác không chế, do đó học tập và nắm vững ý nghĩa của chế nhân thuật là điều vô cùng quan trọng.

### ▲ Kế dời đô của Hiếu Văn đế

Hiếu Văn đế của Bắc Ngụy rất sùng bái văn hoá Hán tộc. Ôm ấp nguyện vọng tiếp thu văn hoá tiên tiến, ông đã từng tiến hành một lần cải cách to lớn. Đó là đẩy mạnh sự truyền bá văn hoá Hán trong các dân tộc thiểu số. Sự cải cách đó của ông ngày nay vẫn còn thấy rõ ý nghĩa lịch sử sâu xa của nó, song vào thời đó, việc cải cách diễn ra không đơn giản, dễ dàng một chút nào.

Bắc Ngụy là do thủ lĩnh Diêm Bạt của bộ lạc Diêm Bạt kiến lập nên. Bộ lạc này ban đầu thuộc dân tộc Triều Tiên. Từ buổi ban đầu họ sống ở miền tây và tây bắc nội Mông, bằng cuộc sống du mục. Đô thành của Bắc Ngụy đóng ở Bình Thành.

Để tiếp thu văn hoá Hán tộc, tăng cường mối quan hệ với tầng lớp đại địa chủ của Hán tộc ở lưu vực Hoàng Hà, năm 494 sau Công nguyên, Hiếu Văn đế đã quyết định dời đô về Lạc Dương.

Dự định này sẽ bị các bậc đại thần phản đối, vì người phương Bắc lòng lưu luyến cố hương rất mạnh. Do đó muốn dời đô không phải là việc dễ dàng thuyết phục. Hiếu Văn đế tuyên bố trong triều là muốn dấy quân để đánh Tề quốc ở Sơn Đông. Trước khi xuất quân Hiếu Văn đế cho người chiêm bốc xem quẻ tốt hay xấu. Đoán được quẻ Cách, trong đó nói: “Trước kia Thành Khang và Chu Vũ đã làm cuộc cách mạng thuận ứng với thiên mệnh và lòng dân, đó là tượng đại cát, đại lợi”.

Kết quả các bậc đại thần trong triều đều không muốn đánh nhau nên ra sức can ngăn. Hiếu Văn đế nói: “Bình Thành là vùng đất dụng võ, khó có thể đóng đô ở đây để ổn định lâu dài. Vì vậy trẫm muốn hưng binh phá Tề. Nay quân binh đã chuẩn bị sẵn sàng, nếu không xuất quân thì trẫm sẽ giải thích với con cháu đời sau ra sao? Nay các thần không muốn nam phạt Tề quốc thì phải ưng thuận dời đô đến Lạc Dương”.

Các quần thần chấp thuận ý vua dời đến Lạc Dương. Vì phần lớn số đại thần đều vui mừng ủng hộ nên chỉ còn số ít tuy không muốn dời đô, nhưng lại sợ nam chinh gian khổ, do đó bắt buộc phải đồng ý theo.

## ***Phân tích kế dời đô***

Mục đích của Hiếu Văn Đế: dời đô đến Lạc Dương. Muốn thế phải đánh tan sự phản đối trong các quần thần.

Đối mặt với hiện trạng tâm lý của các bậc đại thần: vừa mới thống nhất lưu vực Hoàng Hà, vì vậy không muốn chinh chiến một lần nữa, mà chỉ muốn nghỉ ngơi, sống cuộc đời thanh nhàn, ảm cúng.

Sách lược thực thi: lấy cơ nam phạt Tề quốc để hưng binh, rồi mượn cơ các bậc đại thần ngăn trở, thừa thế dời quân đội đến Lạc Dương.

Nguyên lý sách lược: vì các bậc đại thần, thủ hạ không muốn đánh nhau nên nhân dịp đó hướng họ đến cuộc sống ổn định hưởng lạc.

Hiếu Văn đế đối mặt với nhu cầu tâm lý này đã khéo léo thiết kế nên mưu kế dời đô.

Nếu trực tiếp nói ra ý đồ dời đô về Lạc Dương thì các bậc đại thần sẽ phản đối, vì họ không muốn rời xa quê hương đất tổ. Cho nên tạm thời phải lánh xa ý đó. Hiếu Văn đế hiểu rõ các bậc đại thần không muốn chiến tranh, nên ông giả vờ ra lệnh nam phạt Tề quốc. Các bậc đại thần tất nhiên không muốn và cùng nhau ngăn trở. Nhưng Hiếu Văn đế đã hạ lệnh xuất binh, đã xuất binh thì phải đem về thắng lợi. Đó là nhu cầu thành tích quyết định. Vì vậy nếu không đánh Tề thì phải đồng ý dời đô. Hơn nữa Lạc Dương so với bình Thành là nơi ổn định và tốt hơn nhiều. Tình thế đó bắt buộc các bậc đại thần dù muốn hay không cũng phải chấp thuận, vì họ chỉ còn cách chọn lựa duy nhất đó.

Hiếu Văn đế đã dùng “hỏa của nhu cầu thành tích để khắc chế “kim” là tâm lý sợ đánh nhau của các bậc đại thần, đồng thời sinh ra “thổ” là dời đô về Lạc Dương.

Khi gặp phải sự ngăn trở Hiếu Văn đế lấy cơ đó, tìm một giải pháp khác để khắc chế sự ngăn trở, làm cho mưu kế ban đầu của mình được thực hiện thuận lợi.

### **▲ Kế đánh cờ của tuyển thủ nhỏ tuổi**

Đó là câu chuyện truyền miệng của thời đại ngày nay.

Khi đoàn đại biểu cờ tướng của Trung quốc từ Nhật Bản giành thắng lợi trở về, có hai tuyển thủ cao cờ nhất trong đoàn được mời đến Cung văn hoá thi đấu biểu diễn.

Trong đám quần chúng có một em bé bước ra. Em bước đến trước mặt hai tuyển thủ, nói: “Kính thưa hai chú, cháu muốn cùng một lúc đánh cờ với hai chú”, số đông quan chúng vây quanh đều không nhịn được cười. Em bé lại nói: “Xin các bác, các cô đừng cười”, rồi trịnh trọng nói tiếp: “Cháu và hai chú đồng thời đánh hai ván cờ. Nếu không hòa cả hai thì nhất định sẽ có một ván thua, một ván thắng.

Mọi người không ai cười nữa, vì thấy em bé đề ra mục tiêu vừa cao vừa nghiêm túc. Lẽ nào em đó lại có được một trình độ cao đến thế?

Hai vị tuyển thủ quyết định thử sức. Hai bàn cờ được bày ra.

Em bé như con thoi đi lại giữa hai bàn cờ, một chốc đi nước cờ ván bên này, chốc sau lại đi ngay nước cờ ván bên kia. Em làm cho hai vị tuyển thủ phải dẫn đo suy nghĩ rất lâu, vì mỗi nước của em đều rất sắc sảo, không thể xem thường được.

Cứ như thế, cuối cùng một bàn thua, một bàn thắng. Lần thứ hai cả hai bàn đều hoà.

### ***Phân tích kế đánh cờ***

Mục đích của em bé: Đồng thời đánh với hai vị cao thủ và giành được tối thiểu một bàn thắng, một bàn thua.

Đối mặt với hiện trạng nhu cầu tâm lý của hai tuyển thủ: họ đều không muốn mất đi danh dự của mình, như vậy họ sẽ nhận lời thách đấu, đồng thời đấu hết sức mình.

Sách lược thực thi: dùng nước cờ của A đánh lại B, sau đó lại dùng nước cờ của B đánh lại A.

Nguyên lý sách lược: bản thân em bé không có năng lực để đấu với hai tuyển thủ, nhưng em đã dùng phương pháp đồng thời đánh hai ván cờ, khéo léo lấy nước cờ của A đánh lại B, hoặc ngược lại. Như thế thực chất là hai vị đánh nhau trên một ván cờ.

Điều đáng nói ở đây là thuật “mượn” rất cao minh. Mượn nước cờ của A để đánh B hay ngược lại. Chế nhân thuật ở đây đã phát huy sức mạnh rất to lớn. Giống như có một tảng đá rất nặng, bản thân người đó không khiêng nổi, nhưng nhờ đòn bẩy mà đã đẩy được tảng đá đi.

Em bé lợi dụng nhu cầu tâm lý của hai tuyển thủ là đều không muốn thua, khéo léo kết hợp thế trận để dùng người này đánh lại người kia.

Nếu không lợi dụng tâm lý này để khiến cho hai vị tuyển thủ tập trung sự chú ý cao độ thì điều bí mật có thể bị bại lộ. Vì vậy điều then chốt của chế nhân thuật là ở chỗ phải nắm chặt nhu cầu tâm lý của đối phương.

### ▲ Kế mỹ nhân của Vương Doãn

Sau khi 18 lộ chư hầu thất bại trong việc tảo trừ Đồng Trác, đề giải quyết nguy cơ của triều đình là phải dựa vào quân binh ở các địa phương.

Gánh nặng tảo trừ Đồng Trác rơi lên vai các bậc đại thần trong triều.

Hồi đó trong triều có một vị đại thần gọi là Tư đồ Vương Doãn. Ông tài trí hơn người, nổi tiếng từ lâu, rất được Đồng Trác trọng dụng. Mọi việc sự vụ trong triều đều giao cho ông xử lý.

Song Vương Doãn là người chính trực, đã từ lâu ông rất ghét thói lộng quyền của Đồng Trác và luôn mong muốn tảo trừ tên nghịch tặc này, chỉ khó khăn là trong tay không có quân sĩ.

Một hôm, khi ông đang vò đầu tìm mưu kế thì bỗng thấy ca kỹ Điêu Thuyền trong phủ của mình. Ông liền nảy ra mưu kế.

Ông nghĩ: Đồng Trác sở dĩ làm mưa làm gió trong triều được chủ yếu là nhờ vào con nuôi Lã Bố. Lã Bố có sức mạnh địch lại muôn người, cho nên Đồng Trác đi đâu cũng luôn đem theo Lã Bố bên mình để đề phòng bất trắc. Muốn tảo trừ Đồng Trác tất nhiên trước hết phải ly gián quan hệ giữa hai người.

Do đó Vương Doãn đầu tiên hứa gả Điêu Thuyền cho Lã Bố. Sau đó ông lại hiến Điêu Thuyền cho Đồng Trác, khiến Lã Bố căm giận Đồng Trác không thôi.

Một hôm, Lã Bố đi vào phòng Đồng Trác, Điêu Thuyền dùng tay ra ám

hiệu lòng mình luôn hướng về Lã Bố, biểu thị mình là ái thiếp của Lã Bố, nhưng đồng thời để cho Đồng Trác nhìn thấy. Vì thế Đồng Trác cho rằng Lã Bố đang muốn cướp đi ái thiếp của mình. Đồng Trác vô cùng tức giận, rút đoản đao ném về phía Lã Bố, khiến Lã Bố hoảng sợ bỏ đi ngay. Trên đường Lã Bố gặp Vương Doãn liền đem sự tình vừa rồi kể cho Vương Doãn. Vương Doãn biết đây là thời cơ nên “thêm dầu vào lửa” để kích Lã Bố, làm cho Lã Bố càng căm ghét Đồng Trác. Nhân dịp đó Vương Doãn bàn với Lã Bố kế hoạch tảo trừ Đồng Trác, Lã Bố đáp ứng ngay. Kết quả một hôm trên đường vào triều có một số dũng sĩ xông ra bao vây đâm vào cánh tay Đồng Trác. Đồng Trác vội vàng gọi Lã Bố kêu cứu. Lã Bố hô to: “Có giặc, có giặc!” nói xong liền chém chết Đồng Trác.

### ***Phân tích kế mỹ nhân kế***

Mục đích của Vương Doãn: giết chết tên nghịch thần Đồng Trác.

Đối diện hiện trạng nhu cầu tâm lý của Đồng Trác và Lã Bố: hai người đều háo sắc, thích gái đẹp.

Sách lược thực thi: dùng mỹ nhân Điêu Thuyền để kích thích nhu cầu sinh lý của hai người. Khiến cho chúng vì tranh giành Điêu Thuyền mà bất hòa lẫn nhau, nhân dịp đó dùng Lã Bố giết Đồng Trác.

Nguyên lý sách lược: đối mặt với tính háo sắc của Đồng Trác và Lã Bố, Vương Doãn đã chọn dùng mỹ nhân kế.

Mỹ nhân kế trong “36 chước của bại chiến kế” là một trong những mưu kế quan trọng. Đối với kẻ có tài dùng binh thì phải tìm cách đánh vào “chỗ hiểm” của nó; đối với kẻ cao trí thì phải đánh vào “chỗ tĩnh”. Vương Doãn căn cứ vào tình thế hồi đó mà chọn dùng sách lược “đánh vào chỗ hiểm và đánh vào chỗ tĩnh”.

Đầu tiên Vương Doãn hứa gả Điêu Thuyền cho Lã Bố, tức anh hùng phối với mỹ nhân, khiến cho nhu cầu sinh lý của Lã Bố được thỏa mãn. Sau đó Vương Doãn lại ngầm hiến Điêu Thuyền cho Đồng Trác làm thiếp để thỏa mãn nhu cầu tâm lý của Đồng Trác. Kết quả Lã Bố sẽ cho rằng: chính Đồng Trác là người đã cướp đi ái thiếp của mình, khiến cho nhu cầu an toàn của Lã Bố dâng lên lần ắt tất cả. Lã Bố bắt đầu bất mãn với Đồng Trác.

Điêu Thuyền là người thực hiện kế ly gián, cố ý để cho Đồng Trác phát hiện vấn đề, Như thế Đồng Trác cho rằng Lã Bố là người đang chọc ghẹo ái



thiếp của mình, làm cho Đồng Trác phải đề phòng Lã Bố. Như vậy nhu cầu an toàn của Đồng Trác cũng được đặt lên trên hết. Kết quả hai người vì Điều Thuyền mà tranh cướp lẫn nhau. Vương Doãn đúng lúc đó “đổ thêm dầu vào lửa” khiến cho Lã Bố ngã về liên minh với mình để tảo trừ Đồng Trác.

Trong sách “Văn giáo văn phạt” nói: “Đối với người trực tiếp dùng vũ lực không chinh phục được thì phải nuôi dưỡng loạn thần của nó để mê hoặc nó, đưa mỹ nữ vào để cảm hoá tà tâm của nó...” đó là chỗ căn bản của mỹ nhân kế. Vương Doãn dùng một mỹ nữ mà khống chế được cả hai vũ phu, điều đó chứng tỏ sức của chế nhân thuật mượn dùng không cần đến một lực lượng to lớn. Một mỹ nữ, một cử động đều là những vật mượn dùng. Vì vậy, một nhân tố then chốt khác của sự thành công của chế nhân thuật là “vật mượn dùng”.

### ▲ Kế Tào Tháo rút quân

Sau khi Đồng Trác bị Vương Doãn dùng kế mỹ nhân tảo trừ, vương triều Đông Hán bước vào thời kỳ quân phiệt hỗn chiến. Tào Tháo chiếm cứ Ung Châu, Lã Bố cát cứ Từ Châu, Viên Thuật chiếm Chuân Nam, Viên Thiệu chiếm Hà Bắc, Công Tôn Sách chiếm Giang Đông, Công Tôn Khang chiếm Liêu Đông, Lưu Biểu chiếm Kinh Châu.

Trong những thế lực quân phiệt này, Viên Thiệu và Viên Thuật là hai thế lực mạnh nhất. Nhưng về sau Tào Tháo đón Hán Hiến đế từ Hứa Xương về, hiệp thiên tử lấy lệnh chư hầu mở rộng căn cứ địa của mình ra vô cùng to lớn.

Tiếp theo đó Tào Tháo lần lượt đánh bại Lã Bố, Viên Thuật nên thế lực càng lớn mạnh nhất từ trước tới nay. Năm 200 sau công nguyên, Tào Tháo lại khai chiến với lực lượng lớn nhất thời đó là Viên Thiệu, cuối cùng đánh bại mười vạn đại quân của Viên Thiệu. Viên Thiệu căm tức mà chết. Hai con của Viên Thiệu là Viên Thượng và Viên Hy mang mấy nghìn binh mã chạy sang Liêu Đông về với Công Tôn Khang.

Thời Hán Linh đế, Công Tôn Khang nhậm chức thái thú ở Liêu Đông. Vì Liêu Đông cách xa Trung Nguyên, hơn nữa đường sá đi lại khó khăn, gặp buổi quân phiệt hỗn chiến nên Công Tôn Khang đã lớn mạnh thành một thế lực riêng.

Nhưng Công Tôn Khang biết rất rõ: một khi Trung Nguyên kết thúc hỗn chiến thì quân đội của Viên Thiệu sẽ chuyển sang đánh chiếm Liêu

Đông. Nay hai con của Viên Thiệu bại trận chạy về đây, Công Tôn Khang muốn giết chúng để giải trừ hậu hoạn, nhưng lại sợ Tào Tháo đánh sang Liêu Đông, mình thân cô lực yếu nên đành phải tạm giữ hai người họ Viên lại.

Năm 200, sau khi Tào Tháo thảo phạt quân Ô Hạng, có người bèn khuyên Tháo nhân dịp này tiến đánh Liêu Đông, bắt hai anh em họ Viên để tảo trừ hậu hoạn.

Ngược lại Tào Tháo lại tuyên bố với các bậc quân thần một câu nói không ai hiểu được: “Tháo này chờ Công Tôn Khang đưa hai cái đầu anh em họ Viên đến nộp”. Đồng thời Tháo lại lệnh rút quân khỏi Liêu thành.

Công Tôn Sách là người luôn chú ý theo dõi động hướng của Tào Tháo, rất sợ Tào Tháo sau này mượn cớ chứa hai anh em họ Viên để đánh mình. Sau khi Công Tôn Khang phát hiện Tào Tháo rút quân không tiến đánh Liêu Đông thì lập tức nghĩ rằng: nên giết hai anh em họ Viên để giữ mối hữu hảo với Tào Tháo, bảo toàn Liêu Đông.

Như vậy đầu của hai anh em họ Viên được đưa đến nộp như Tào Tháo đã dự tính.

Tào Tháo không mất một mũi tên, một người lính mà đã diệt được hai anh em họ Viên, giải trừ được mối lo về sau cho Hà Bắc. Điều này quy công cho sự ứng dụng khéo léo chế nhân thuật của Tào Tháo.

### ***Phân tích kế rút quân***

Mục đích của Tào Tháo: giết chết hai anh em họ Viên, giải trừ mối hậu hoạn cho Hà bắc

Đối mặt với hiện trạng nhu cầu tâm lý của Công Tôn Khang: sợ Tào Tháo mượn cớ chứa chấp hai anh em họ Viên mà tiến đánh Liêu Đông, giống như đã tiêu diệt Ô Hạng.

Sách lược thực thi: chọn biện pháp rút quân để cho Công Tôn Khang tự hiểu rằng mình không có ý đánh Liêu Đông, đồng thời ám thị cho Công Tôn Khang biết hai anh em họ Viên là mối hậu hoạn của Liêu Đông. Cho dù Công Tôn Khang và bọn chúng có liên hiệp với nhau thì Tào Tháo vẫn không sợ.

Nguyên lý sách lược: nhu cầu an toàn của Công Tôn Khang chủ yếu có

hai mặt: một là sợ Tào Tháo tiến đánh Liêu Đông, hai là sợ tập đoàn họ Viên sau này tiêu diệt mình. Cho nên sau khi nghe tin Tào Tháo bắt phạt Ô Hằng thắng lợi rồi rút quân về thì Công Tôn Khang sợ Tào Tháo sau này sẽ mượn cớ chứa chấp hai anh em họ Viên để đánh mình.

Nhưng Tào Tháo lại không xuất binh tiến đánh Liêu Đông, mà hạ lệnh rút quân về. Làm thế để chứng tỏ Tào Tháo không muốn đánh Công Tôn Khang, như vậy nhân tố thứ nhất của nhu cầu an toàn đã được giải trừ. Nhân tố thứ hai sẽ trở thành mâu thuẫn chủ yếu. Công Tôn Khang cho rằng không cần thiết phải liên hợp với hai anh em họ Viên, mà phải diệt họ thì mới tiêu trừ được kẻ địch tương lai, vừa đồng thời giữ được mối giao hòa với Tào Tháo. Hai anh em họ Viên đã bị giết chết

Hỏi đó nếu Tào Tháo tiến đánh Liêu Đông, Công Tôn Khang chắc chắn sẽ hợp lực cùng hai anh em họ Viên để quyết tử mà chống lại. Về phía Tào Tháo binh sĩ vừa trải qua chinh chiến đang muốn nghỉ ngơi tu chỉnh, giống như cây cung đã dương hết cỡ, binh sĩ mỗi một không còn sức tiến đánh Liêu Đông. Hơn nữa còn có những thế lực quân phiệt cát cứ ở phía sau đang dòm ngó mình. Cho nên Tào Tháo hạ lệnh rút quân là một mưu kế rất hay. Ông tin rằng Công Tôn Khang chắc chắn không tin vào hai anh em họ Viên, mặt khác hai anh em họ Viên cũng không phải thật lòng nương tựa. Như vậy thời gian lâu giữa bọn chúng sẽ mâu thuẫn lục đục.

Hỏa vốn khắc kim, rút đi ngoại hoá, thì nội bộ kim sẽ tự sản sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn ngày càng rõ.

Chế nhân thuật của Tào Tháo chính là lợi dụng đặc điểm một mặt của mâu thuẫn này mà thiết kế nên. Tào Tháo cố ý rút bỏ mâu thuẫn bên ngoài, đợi chờ sự biến hoá của mâu thuẫn bên trong, đó lại là một mưu kế nữa có hiệu quả của chế nhân thuật.

### **▲ Kế trả thi hài của Ninh Việt**

Quân nước Tề và nước Triệu có một trận đánh lớn ở Lãm Khâu.

Vì nước Triệu sử dụng đội quân cảm tử của Khổng Thanh nên quân Tề bị đại bại, bị bắt hơn hai nghìn người, chết hơn ba vạn người. Quân cảm tử của nước Triệu chất thi hài của quân Tề thành đồng núi cao, lấy đó làm sự thắng lợi vẻ vang của mình. Hỏi đó sự kiện này được gọi là “kinh quan”.

Đại tướng Ninh Việt không đồng ý cách làm này của tướng Khổng

Thanh và nói rõ ý kiến mình như sau: “Làm như thế không hay, không bằng trả thi thể cho họ”.

Không Thanh hỏi: “Vì sao lại không hay, không nên?” Ninh Việt nói: “Chúng ta phải hao tổn nhân lực, tài lực nhiều đến thế để tạo dựng nên sự kiện “kinh quan”, không bằng là để cho người nước Tề đến nhận những thi thể đó về. Trả thi hài cho họ người nước Tề sẽ phải chi một khoản tiền rất lớn và công sức để làm tang lễ. Như thế có thể là đã đánh vào nội bộ nước Tề”.

Không Thanh hỏi: “Nếu người Tề không chịu nhận thi thể thì làm sao?”. Ninh Việt nói: “Đánh mà thua đó là không có năng lực. Cùng với binh sĩ xuất binh mà không đưa họ trở về, đó là không có nhân nghĩa. Trả thi thể mà không nhận, để cho binh sĩ làm ma nước người, đó là bất nhân. Bách tính của nước Tề sẽ vì ba tội trạng này mà bất mãn với Tề vương.

Điều đó sẽ dẫn đến vua dân bất hoà, trên dưới chia rẽ. Đó gọi là một mũi tên bắn trúng hai đích”. Nghe xong lời giải thích này của Ninh Việt mọi người đều khen Ninh Việt là bậc tướng văn võ toàn tài. “Văn dựa vào đức để thắng, võ dựa vào lực để giành thắng lợi”.

### ***Phân tích kế trả thi hài***

Mục đích của Ninh Việt: Khoét sâu vào nội bộ nước Tề.

Đối mặt với hiện trạng nhu cầu tâm lý của người Tề: tiếp nhận thi thể thì hao của tổn sức, cự tuyệt không nhận thì thất đức. Sách lược thực thi: trả thi thể cho nước Tề, mượn đó làm mục đích để tiến công vào nội bộ của Tề.

Nguyên lý sách lược: Ninh Việt chọn dùng chế nhân thuật. Vật mượn dùng là đầu của quân Tề. Ông đối mặt với tâm lý của người Tề là vừa muốn giữ thể diện, vừa không muốn tổn hao tiền của. Muốn giữ thể diện thì phải nhận về, như thế sẽ hao tiền của; muốn không hao tiền của thì không nhận, như thế sẽ làm cho nhân dân bất mãn nhà vua. Vì vậy nước Tề nhận hay không nhận đều bị thiệt hại, và sẽ không có điều kiện hưng binh nhanh chóng để báo thù lại nước Triệu. Dùng ba vạn thi hài để đạt được mục đích hạn chế quan hệ trên dưới của nước Tề, có thể nói kế của Ninh Việt là rất cao minh.

Đó là tạo ra gánh nặng cho kẻ địch, làm cho nội bộ đối phương chứa đựng mâu thuẫn, khiến chúng hạn chế lẫn nhau, ràng buộc nhau. Do đó chế

nhân thuật chính là tìm cách tạo ra mâu thuẫn, lợi dụng mâu thuẫn.

Nước Tề vốn đã tổn thất ba vạn binh mã, nay lại phải sắp xếp tiếp nhận ba vạn thi hài. Điều đó chắc chắn làm tăng thêm tổn thất. Đó là tạo ra mâu thuẫn. Nếu không tiếp nhận thì sẽ dẫn đến sự oán hận phổ biến trong nhân dân, làm cho trên dưới bất hoà, đó lại là một mâu thuẫn nữa.

Mâu thuẫn càng tăng sẽ tạo thành tổn thất càng lớn và bất lợi cho đối phương càng nhiều, còn phía mình nhờ đó mà được an toàn hoặc có lợi.

### ▲ Kế ly gián của Điền Đan

Thời Chiêu vương nhà Yên, Nhạc Nghị nhiều lần lập công nên được phong làm đại tướng. Nhưng Huệ vương là con của Chiêu vương lại không thích vị tướng quân này. Chờ sau lúc lên ngôi, Huệ vương liền không tín nhiệm Nhạc Nghị.

Quốc vương không tín nhiệm đại tướng, đó là nỗi đau không gì sánh nổi của bậc tướng quân.

Ban đầu Nhạc Nghị chưa nhận thức đầy đủ về điều này. Ông kiến nghị Huệ vương cho phép mình thống lĩnh đại quân sang đánh nước Tề.

Huệ vương đồng ý. Vì nếu đánh thắng thì bản thân Huệ vương được tăng thêm danh dự, nếu đánh thua đó sẽ là dịp tốt để bãi miễn vị tướng quân vốn không được vua yêu thích này.

Nước Tề phái đại tướng Điền Đan ra ứng chiến với Nhạc Nghị.

Điền Đan biết Nhạc Nghị là vị tướng xuất sắc, đồng thời cũng biết được mối quan hệ trắc ẩn giữa Nhạc Nghị với Huệ vương. Vì vậy ông chủ trương cố thủ trong thành không ra đánh, đồng thời ngầm phái gián điệp sang nước Yên tung tin: “Nhạc Nghị có thù với Huệ vương. Vì sợ Huệ vương giết nên ông mượn cơ đánh nước Tề, thực chất là muốn liên quân với Tề để tự mình chiếm ngôi vua. Vì người Tề chưa đầu hàng nên Nhạc Nghị không muốn công thành gấp mà còn đợi thời cơ để mong làm nên việc lớn. Người Tề trước mắt rất sợ nước Yên rút Nhạc Nghị về, thay tướng khác. Nếu không thì Mặc thành đã bị nguy khốn từ lâu”.

Tin đồn truyền đến tai của Huệ vương. Không hề điều tra thật giả, Huệ vương lập tức hạ lệnh rút Nhạc Nghị về, phái tướng quân khác đến thay ông.

Sau khi Nhạc Nghị được tin, ông biết mình có trở về cũng không thể nói rõ được, bèn chạy sang đầu hàng nước Triệu.

### ***Phân tích kế ly gián***

Mục đích của Điền Đan: khiến cho Huệ vương rút Nhạc Nghị về để đánh bại quân Yên.

Đối mặt với trạng thái nhu cầu tâm lý của Huệ vương: Huệ vương không thích Nhạc Nghị và không tin nhiệm ông.

Sách lược thực thi: phao tin đồn nhảm, khiến cho Huệ vương rút Nhạc Nghị về, thay tướng khác đến.

Nguyên lý sách lược: Huệ vương không tin nhiệm Nhạc Nghị, đó là biểu hiện thiếu tâm lý an toàn. Điền Đan nhân dịp đó phao tin Nhạc Nghị muốn làm vua nước Yên, khiến cho Huệ vương càng nghi ngờ ông, hạ lệnh rút ông về.

Trong “36 kế” có nói: “Tạo ra nghi hoặc trong nghi hoặc”. Câu nói đó có thể gọi là tư tưởng chỉ đạo chế nhạo thuật cửa Điền Đan: lợi dụng lòng nghi ngờ của Huệ vương để dựng nên một sự nghi ngờ khác. Thuận theo thế để lợi dụng kẻ địch làm nội ứng nhằm giành được thắng lợi, còn phía mình không bị tổn thất gì.

Cái gọi là gián điệp tức là làm cho kẻ địch hoài nghi và đoán sai. Nó không hoàn toàn giống với hàm nghĩa gián điệp hiện đại ngày nay của chúng ta.

Nhiệm vụ của gián điệp là cung cấp tin giả cho quân địch, khiến cho địch nghi ngờ lẫn nhau. Vì gián điệp là do ta phái đi, nên cũng gọi là “ta sinh ra”. Tin tức gián điệp phải phù hợp với nhu cầu của đối phương.

Điền Đan cử gián điệp đi để cung cấp tin tức Nhạc Nghị muốn lên làm vua cho Huệ vương. Đó chính là điều Huệ vương muốn biết, vì Huệ vương mãi không tìm được chứng cứ không tin nhiệm đối với Nhạc Nghị. Cho nên Huệ vương lập tức quyết định rút Nhạc Nghị về. Như vậy Điền Đan đã khéo mượn tay Huệ vương để đuổi viên đại tướng chỉ huy đầy tài năng là Nhạc Nghị.

## ▲ Kế bỏ trống thành của Trương Thủ Quế

Người Thổ phiên là tổ tiên của dân tộc Tạng ngày nay. Thời Đường họ thường đánh nhau với người Hán.

Năm 727 sau Công nguyên, khi Đường Huyền Tông tại ngôi, người Thổ phiên đã phát động một cuộc giao chiến quy mô với người Hán. Địa điểm tiến công là huyện An Tây tỉnh Cam Túc ngày nay, hồi đó gọi là Qua Châu.

Tướng Hán bảo vệ thành Qua Châu là đại tướng nổi tiếng Vương Quân Hoán. Trong lần giao tranh này ông không may tử trận, thành Qua Châu rơi vào tình trạng khôn đồn.

Tin bất hạnh này khiến cho bách tính vô cùng kinh hoảng. Đường Huyền Tông lại phái Trương Thủ Quế đến nhậm chức ở thành Qua Châu.

Trương Thủ Quế sau khi đến nhậm chức đã tổ chức nhân dân tu phục lại thành. Nhưng chưa sửa chữa xong thì người Thổ phiên lại đến bao vây đánh.

Các tướng sĩ trong thành vì chưa phòng bị nên không có biện pháp gì kháng cự lại, do đó rất hoang mang. Trương Thủ Quế nói: “Địch nhiều ta ít, hơn nữa thành chưa sửa xong, vì vậy không thể dùng cung tên và bắn đá để chống lại mà phải dùng mưu kế để đánh thắng địch”.

Do đó ông lệnh cho quân lính trải chiếu bày rượu lên mặt thành, tìm các đội nhạc công đến ca diễn. Ông và các tướng sĩ cùng ăn uống, thưởng nhạc.

Người Thổ phiên kéo đến dưới chân thành, thấy trong thành không có phục binh nên không dám tiến đánh, bèn tạm thời rút lui.

### ***Phân tích kế bỏ trống thành***

Mục đích của Trương Thủ Quế: trong điều kiện chưa chuẩn bị phòng ngự mà muốn chiến thắng kẻ địch.

Đối mặt với trạng thái nhu cầu tâm lý của người Thổ phiên: bọn địch chỉ biết nhà Đường vừa có quan mới đến, nhưng không biết được có bao nhiêu binh mã, quan chỉ huy có bản lĩnh gì, tức là chúng chưa biết chắc tình

hình trong thành.

Sách lược thực thi: dùng kế bỏ trống thành để nghi hoặc địch. Dùng cái hư tạo ra cái hư, dùng nghi ngờ tạo ra nghi ngờ.

Nguyên lý sách lược: người Thỏ phiên không biết được quan mới đến nhậm chức thành Qua Châu là ai, mang đến bao nhiêu binh mã, cho nên không dám khinh suất tiến công. Đối mặt với trạng thái tâm lý này của người Phiên, Trương Thủ Quế trong điều kiện chưa chuẩn bị phòng ngự đã giả vờ làm như không phòng ngự, khiến cho kẻ địch không biết hư thực ra sao. Kim là nhu cầu an toàn của người Thỏ phiên vốn đã nhược, trong hoàn cảnh như thế lại càng tăng nhược hơn.

Còn Trương Thủ Quế trong điều kiện không có phòng ngự, ngồi trên thành mà uống rượu thưởng nhạc tức là trên cơ sở kim nhược của địch làm tăng thêm một lần kim nhược nữa, khiến cho kẻ địch không nhìn rõ kim nhược.

Kế bỏ trống thành chính là trên cơ sở thế hư không, lại làm cho nó thêm hư không, khiến cho địch không lường đoán nổi, làm cho địch trở nên rất cẩn thận, không dám manh động tiến công vì sợ trúng kế mai phục.

Trong thời điểm cần kíp địch nhiều ta ít, muốn vận dụng sách lược này thì người dùng binh càng phải có bản lĩnh kỳ diệu khôn lường. Trong binh pháp nói:” Trong sự giao nhau của cương- nhu, phải dùng “kì” để phục “kì”.

### ▲ Kế tương kế tựu kế của Giả Hủ

Tào Tháo trong quá trình thống nhất miền Bắc đã từng hai lần tiến đánh Trương Tú ở Nam Dương.

Mùa hạ năm 198 sau Công nguyên, Tào Tháo lần thứ hai chinh phạt Trương Tú.

Trương Tú rút lui vào thành cố thủ không đánh. Binh mã của Tào Tháo công thành mấy ngày nhưng không phá nổi.

Tào Tháo thấy hào thành Nam Dương vừa sâu vừa rộng, thế nước chảy xiết nên biết phá thành ngay không nổi. Ông liền lệnh quân sĩ chõu đất lấp hào, lại dựng chòi để quan sát động tĩnh trong thành.



Tào Tháo tự mình cưỡi ngựa vòng quanh thành Nam Dương ba ngày liền, mục đích để quan sát địa hình. Ông thấy góc Đông Nam gạch của thành có màu sắc mới cũ khác nhau, chỗ góc nhô ra phần nhiều đều bị hỏng, bèn nảy ra một kế: truyền lệnh quân sĩ chắt củi đốt góc Tây bắc thành, tập trung quân sĩ hò reo, cố leo lên thành phía đó.

Ai ngờ Tào Tháo vòng quanh quan sát thành ba ngày thì tướng Giả Hủ trong thành cũng quan sát Tào Tháo ba ngày. Giả Hủ ở thời Tam Quốc xứng đáng được gọi là một chiến thuật gia mưu lược xuất sắc, trước khi chạy sang đầu Tào Tháo đã có tiếng tăm không ít.

Giả Hủ biết rõ mưu kế của Tào Tháo, do đó bày cho Trương Tú một diệu kế là tương kế tựu kế. “Lệnh các binh sĩ khoẻ mạnh ăn no mặc nhẹ, ẩn nấp ở góc Đông Nam thành, còn giao cho dân thường giả đóng quân sĩ giữ góc Tây bắc”. Tào Tháo thấy Trương Tú tập trung quân về góc Tây bắc giữ thành, reo hò quyết tử, còn góc Đông Nam gần như bỏ trống thì cho rằng Trương Tú đã trúng kế. Ban ngày ở góc Tây bắc thành Tào Tháo cho quân hư trương thanh thế, làm như cố tiến công, còn ban đêm mật lệnh cho tinh binh tập trung ở góc Đông Nam thành, khoét các bậc nhỏ, trèo vào thành, ẩn nấp bên trong, chờ cho đại quân Tào Tháo tràn vào, nghe súng lệnh nổ thì phục binh ủa ra mà đánh.

Tào Tháo trúng kế mai phục của Giả Hủ, quân bị chết nhiều, phải rút lui mấy chục dặm, tổn thất hơn năm vạn người.

### ***Phân tích tương kế tựu kế***

Mục đích của Giả Hủ: lợi dụng kế dương đông kích tây của Tào Tháo, tương kế tựu kế để đánh bại Tào Tháo.

Đối mặt với hiện trạng nhu cầu tâm lý của Tào Tháo: Tào Tháo phát hiện góc Đông Nam thành dễ công phá, nên quyết định công thành ở đó sẽ bảo đảm hơn.

Sách lược thực thi: vờ làm theo ý đồ của Tào Tháo, tập trung quân sĩ lên góc Tây Bắc ứng chiến, khiến cho Tào Tháo tưởng rằng đối phương trúng kế, nhưng lại ngầm đặt phục binh ở góc Đông Nam, chờ quân Tào đánh trộm vào bao nhiêu bí mật tiêu diệt bấy nhiêu.

Nguyên lý sách lược: sau khi Tào Tháo vòng quanh thành quan sát ba ngày, tìm ra góc Đông Nam thích hợp để tiến công. Để bảo đảm việc phá

thành được thuận lợi, Tào Tháo đã dùng chiến thuật dương đông kích tây.

Cái gọi là “dương đông kích tây” tức là tạo ra hiện tượng giả để làm cho đối phương hiểu sai, mong che đậy hướng đánh chính của mình. Đó gọi là không đánh mà làm như đánh, còn chỗ muốn đánh thì làm như không đánh, tức là hình thế như tất nhiên nhưng không tất nhiên, hình thế không tất nhiên nhưng lại tất nhiên; giống như làm nhưng không làm, tựa như không làm nhưng lại làm. Đối với chiến thuật này Giả Hủ nhận ra ngay và phá được.

Đầu tiên Giả Hủ cho người tập trung phía Tây bắc thành để cho Tào Tháo tưởng là đối phương trúng kế, thỏa mãn nhu cầu an toàn của Tào Tháo, nhưng Giả Hủ lại ngầm đặt phục binh ở góc Đông Nam để chờ tiêu diệt địch. Khi “kim” đến khắc “mộc” mà “mộc” không địch nổi, “mộc” ngầm sinh ra hỏa để hỏa khắc “kim”.

Thực chất của tương kế tựu kế là thuận theo ý địch, thiết kế một “thòng lọng to” nằm ngoài “thòng lọng nhỏ” của địch, đào một cái “hố to” nằm ngoài cái “hố nhỏ” của địch, khiến cho kẻ địch cuối cùng rơi vào tay mình. Tức là kẻ địch khắc mình, mình giả vờ hiểu nhầm, nhưng ngầm sinh ra một kế khác để khắc lại địch. Đó cũng là sự vận dụng nguyên lý chế hoá. “Bị khắc chỉ là hiện tượng bề mặt, còn ngầm sinh ra cái khắc lại mới là mục đích thật”.

### ▲ Kế đi cửa sau của Gia Cát Lượng

Tám mươi một quận vòng quanh Kinh Châu là nơi Tôn Quyền và Lưu Bị hai bên tập trung đấu mưu, đấu trí. Mỹ nhân kế của Chu Du là một trong những màn kịch náo nhiệt nhất trong nhiều cuộc đấu trí đó.

Chu Du nghe nói Lưu Bị đã mất vợ, liền tìm cách liên kết thông gia, lừa Lưu Bị sang Giang Đông, giữ Lưu Bị làm con tin để cầm chân lại.

Không ngờ Khổng Minh đã sớm nhìn thấu mưu kế này của Chu Du, bèn nói với Lưu Bị rằng: “Chu Du tuy biết dùng kế nhưng làm sao vượt ra ngoài sự trù liệu của Gia Cát Lượng được”. Ông muốn cho Lưu Bị yên tâm, mạnh dạn đi Giang Đông kết nghĩa phu thê, nên trước khi đi ông đưa cho Triệu Tử Vân ba túi cảm nang làm diệu kế.

Vừa đến Giang Đông, Triệu Vân mở túi thứ nhất ra, nguyên đó là “Kế đi cửa sau”. Trong kế nói: để cho Lưu Bị đi cửa sau đến nhà Kiều Quốc lão.

Kiều Quốc lão là phụ thân của nhị Kiều Đông Ngô. Tức nói ông là nhạc phụ của Tôn Sách, đồng thời cũng là nhạc phụ của Đại đô đốc Chu Du. Vì vậy ông là nhân vật có thể lực trong nội chính của Đông Ngô lúc đó.

Lưu Bị mang theo lễ vật, khoác hồng bào đến gặp Kiều Quốc lão, nói rõ việc đi hỏi vợ và nhờ ông nói giúp những lời: tốt đẹp về Lưu Bị với Ngô Quốc thái.

Kiều Quốc lão được Lưu Bị hậu đãi nên tự nhiên có cảm tình tốt với Lưu Bị. Trước hết ông đến nhà thông gia Ngô Quốc thái và đưa tin câu chuyện Lưu Bị muốn sang cầu hỏi vợ. Khi Tôn Quyền không đồng ý, ông bèn nói: “Lưu Hoàng Thúc vẫn là bậc hào kiệt đời nay, nếu được người con rể như thế thì cũng không đến nỗi làm xấu lệnh muội”. Kết quả kế sách đó đã trừ được âm mưu Tôn Quyền muốn giết Lưu Bị, hơn nữa còn đạt được kế hoạch định ra nhật trình để Lưu Bị đến bái kiến Ngô Quốc thái.

Khi Ngô Quốc thái gặp Lưu Bị, Kiều Quốc lão lại nói những lời tốt đẹp về Lưu Bị: Huyền Đức có tư thế long phượng, trong thiên hạ nổi tiếng là người nhân đức. Quốc thái được người con rể như thế thật đáng mừng!”. Như thế Lưu Bị đã đi “cửa sau” thành công, vừa lấy được em gái của Ngô hầu trẻ đẹp, vừa phá được âm mưu của Chu Du đối với Lưu Bị.

### ***Phân tích kế cửa sau***

Mục đích của Gia Cát Lượng: xúc tiến cho việc hôn nhân thành công, đồng thời củng cố một bước liên minh giữa Tôn - Lưu.

Đối mặt với hiện trạng nhu cầu tâm lý của Chu Du: Chu Du muốn lừa Lưu Bị sang Đông Ngô, sau đó giữ làm con tin để lấy lại Kinh Châu.

Sách lược thực thi: để cho Lưu Bị sau khi sang Đông Ngô trực tiếp gặp Kiều Quốc lão là nhân vật đầy thế lực ở Đông Ngô, nhờ Kiều Quốc lão thuyết phục Ngô Quốc thái để tác hợp cho cuộc hôn nhân được thành công.

Nguyên lý sách lược: mỹ nhân kế của Chu Du là vờ mượn lý do kết thân nhưng giấu không nói cho Ngô Quốc thái biết. Vì vậy một khi Ngô Quốc thái biết được việc giấu diếm này tất nhiên sẽ không bằng lòng. Như thế mưu kế của Tôn Quyền và Chu Du sẽ không thực hiện được. Vì cho dù nếu Ngô Quốc thái không đồng ý cuộc hôn nhân này thì cũng không đến nỗi đồng ý để cho Tôn Quyền giết Lưu Bị, khiến cho con gái mình trở thành quả phụ, lâm lữ cả một đời con gái.

Vì vậy Ngô Quốc thái là nhân vật mấu chốt.

Muốn giành được sự ủng hộ của Ngô Quốc thái, trước hết phải có người làm môi giới. Gia Cát Lượng trong túi cảm nang thứ nhất đã chọn người đó là Kiều Quốc lão - thông gia của Ngô Quốc thái.

Sau khi bắt mối thông với Kiều quốc lão thì những công việc tiếp theo với Ngô Quốc thái sẽ trở nên dễ dàng. Khổng Minh biết Kiều Quốc lão là người chu toàn cho nên cuối cùng cuộc hôn nhân sẽ thành công.

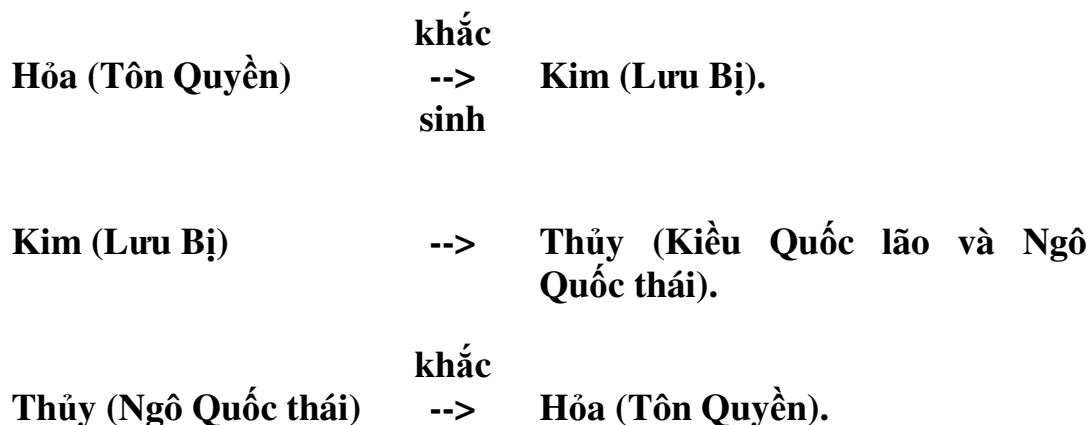
Quá trình này tạo thành mối quan hệ giữa các nhân vật như sau:

Tôn Quyền muốn giết Lưu Bị.

Lưu Bị nhờ Kiều Quốc lão bảo hộ mình. Kiều Quốc lão còn là người lại thuyết phục được Ngô Quốc thái cho cuộc hôn nhân thành công.

Ngô Quốc thái không cho phép Tôn Quyền giết Lưu Bị.

Theo lý luận nhu cầu ngũ hành của chúng ta: Tôn Quyền muốn giết Lưu Bị là vì muốn cướp lại Kinh Châu, cái đó thuộc hỏa của nhu cầu thành tích. Lưu Bị có thể bị nguy hiểm trong một sớm một chiều, cái đó thuộc kim của nhu cầu an toàn. Ngô Quốc thái, Kiều Quốc lão muốn chọn rể kết thân, cái đó thuộc thủy của nhu cầu giao tiếp. Vì vậy quan hệ ba tầng này có thể biểu thị như sau:



## □ PHỤNG NHÂN THUẬT

“Phụng” vốn có nghĩa là dùng hai tay đỡ lấy, về sau mở rộng thành người “thừa phụng” hoặc người “nói tốt cho kẻ khác”.

Phụng nhân thuật mà ta giới thiệu ở đây chỉ nói đến mặt kỹ thuật vận dụng, chứ không bàn đến ý nghĩa tốt hay xấu.

Hàm nghĩa của phụng nhân thuật nên quy định như sau: dùng phương thức cung thuận để tán thưởng ai đó theo hướng mà mình cần, lấy sự thỏa mãn nhu cầu tôn trọng đối phương để dùng đối phương che giấu cho mục đích của mình.

Theo lý luận nhu cầu ngũ hành thì phụng nhân thuật chú ý đến nhu cầu tôn trọng của con người. Xuất phát từ nhu cầu này, làm cho đối phương sau khi được thỏa mãn sẽ tự nguyện đi làm cho mình những việc mà mình không thể làm được.

Phụng nhân thuật là sự vận dụng công năng “tương sinh” của ngũ hành. Công năng tương sinh có thể vận dụng theo hai mặt: một là chú trọng đến chủ thể tương sinh; hai là chú trọng đến khách thể được tương sinh. Đáng nhân thuật mà ta đã bàn ở phần trước thuộc về kỹ thuật chú trọng đến chủ thể tương sinh. Còn phụng nhân thuật trong phần này là chú trọng đến khách thể được tương sinh.

Chú trọng đến khách thể được tương sinh là lấy mình làm chủ thể tương sinh, lấy đối phương làm khách thể được tương sinh. Ví dụ thổ nhờ hỏa sinh ra, vậy hỏa là chủ thể, thổ là khách thể. Kỹ xảo của phụng nhân thuật là xuất phát từ kỹ xảo khách thể.

Khi sử dụng phụng nhân thuật luôn luôn phải đặt mình thuộc vào tình thế bị động, hoặc là lúc đó năng lực của mình bất cập. Vì vậy có thể nói phụng nhân thuật là một loại sách lược bị động, tức là loại sách lược “vu hồi”.

### ▲ Kế dâng cơm của Hỉ Phụ Kì

Câu chuyện này xảy ra vào thời Xuân Thu. Hồi đó nước Tấn phát sinh nội loạn. Lệ Cơ mưu giết hại Thái tử Thân Sinh, lập con mình là Trác Tử làm Thái tử. Công tử Trùng Nhĩ phải dẫn cô nhi và các lão thần chạy trốn, bắt đầu cuộc sống lưu vong kéo dài 19 năm.

Có một lần Trùng Nhĩ đến nước Tào. Tào Công nghe nói xương sườn của Trùng Nhĩ dính liền nhau, bèn nhân lúc Trùng Nhĩ tắm tìm cách nhìn trộm. Hành vi bị nhìn trộm này theo phong tục thời đó là sự làm nhục không thể tha thứ được.

Trùng Nhĩ tuy không trách Tào Công nhưng đã khắc sâu mối nhục này vào tâm can.

Nước Tào hồi đó có một vị đại phu gọi là Hỉ Phụ Kì. Ông ta đem câu chuyện về nhà nói với vợ. Vợ ông là người hiểu biết và có nhãn quan xa rộng. Sau khi nghe xong bà liền nói với ông: “Tôi từng được gặp Tần công tử và những người tùy tùng của ông. Họ là những người tiết khí phi phạm, đủ sức để đảm nhiệm những trọng trách trị nước sau này. Tần công tử với sự phù tá của những người này, nhất định sớm muộn sẽ có ngày về nước chấp chính, làm nên bá nghiệp. Đến lúc đó Trùng Nhĩ nhất định sẽ báo thù những người vô lễ với ông ta thời còn lưu vong. Vậy Tào Công chắc chắn sẽ là người đầu tiên trong số đó”.

Hỉ Phụ Kì cảm thấy sự phân tích của vợ rất có lý, bèn hỏi vợ: mình nên làm sao. Người vợ nói: “Tại sao ông không biểu thị cho Trùng Nhĩ biết, ông là người khác với Quốc vương?”. Vì vậy vợ của ông đã đề xuất cho ông một chủ ý vô cùng viển vông.

Hỉ Phụ Kì làm theo lời vợ, dâng lên Trùng Nhĩ một mâm cơm, trong thức ăn có giấu một viên ngọc để biểu thị ý tốt của mình.

Trùng Nhĩ tiếp nhận mâm cơm nhưng trả lại viên ngọc. Song Trùng Nhĩ đã khắc sâu vào lòng tình cảm của Hỉ Phụ Kì.

Khi người ta đang bị nhục, nếu được một tí ân huệ của người khác thì họ sẽ vô cùng cảm kích. Họ sẽ khắc sâu tận đáy lòng những người làm nhục hoặc làm ơn cho họ.

Mười mấy năm sau sự việc phát triển hoàn toàn đúng như phu nhân Hỉ Phụ Kì dự đoán. Trùng Nhĩ ở thời Xuân Thu đã trở thành Tấn Văn công lừng danh tên tuổi. Khi đã nắm quyền trong tay, ông phái quân đội sang thảo phạt Tào quốc để báo nhục ngày xưa.

Hôm phá thành, Tấn Văn công đặc biệt hạ lệnh cho binh sĩ không được vào nhà của Hỉ Phụ Kì, hơn nữa còn tặng cho Hỉ Phụ Kì rất nhiều của quý để báo đáp công ơn hồi trước.

Như vậy Hỉ Phụ Kỳ chỉ nhờ dâng một bữa cơm mà được báo đáp lại gấp mấy chục lần. Qua đó có thể thấy: phụng nhân thuật là thủ đoạn giao tiếp tiết kiệm nhất, dùng vốn nhỏ mà thu được lợi lớn.

Sự thành công của Hỉ Phụ Kỳ là ở chỗ: phu nhân của ông có kiến thức phi phàm. Dưới đây chúng ta dùng lý luận nhu cầu ngũ hành để phân tích cách tạo dựng và nguyên lý thực thi kế tặng cơm.

### ***Phân tích kế tặng cơm***

Mục đích của Hỉ Phụ Kỳ: khiến Trùng Nhĩ biết được mình khác với Quốc vương Tào Công, biểu thị sự tôn trọng của mình đối với Trùng Nhĩ.

Đối mặt với hiện trạng nhu cầu tâm lý của Tấn Văn công: bị nhục vì người khác nhìn trộm ở trần, nhưng không có cách gì trả thù được, do đó lòng tự tôn của Trùng Nhĩ bị tổn thương.

Sách lược thực thi: tặng một bữa cơm để kết bạn với Trùng Nhĩ.

Nguyên lý sách lược: hiện trạng nhu cầu tôn trọng của Trùng Nhĩ bị chà đạp là thuộc về mộc nhược. Mộc nhược cho nên cần được sinh phù. Lấy thủy để sinh mộc làm chính. Thông qua nhu cầu giao tiếp để khiến cho nhu cầu tôn trọng của Trùng Nhĩ được thỏa mãn.

Điều kỳ diệu của kế tặng cơm là ở chỗ giấu ngọc trong thức ăn. Viên ngọc làm cho mâm cơm đó khác với những mâm cơm bình thường trong yến tiệc. Nó biểu thị một ý tốt đặc biệt. Do đó Trùng Nhĩ nhận biết được lòng tốt của người tặng cơm, tức là biết được có người vẫn còn ký thác hi vọng vào ông.

Vì nắm chắc nhu cầu tôn trọng của Trùng Nhĩ chưa được đáp ứng một cách cần thiết, cho nên sức nặng của mâm cơm là vô cùng to lớn. Tục ngữ có câu: “Tặng cơm cho người đói, tặng nước cho người khát, điều đó quan trọng biết bao”.

### **▲ Kế lược thóc của Văn Chung**

Việt vương Câu Tiễn sau khi về nước vẫn không quên mối thù diệt Ngô để rửa nhục, ông luôn tìm cách làm sao cho nước Ngô nghèo đói, khó khăn, sau đó mới dùng đến vũ lực.

Việt vương sai đại thần Văn Chung sang Ngô vay lương thực để về cứu tế dân trong nước đang lâm vào nạn đói.

Ngô vương Phù Sai không lấy đó làm điều, sẵn sàng đáp ứng cho vay.

Năm sau nước Việt được mùa, lương thực vô cùng hùng hậu. Theo lý thì nước Việt nên trả nợ cho nước Ngô, nhưng Việt vương vẫn còn chần chừ chưa muốn. Đối với Việt vương bất cứ việc gì dù có lợi rất nhỏ cho nước Ngô cũng không muốn làm. Nhưng mặt khác vì sợ thất tín, khiến cho Ngô vương lấy đó mượn cớ để đánh lại nước Việt, vì vậy ông đã hỏi ý kiến của quân sư Văn Chung xem đã nên trả thóc hay chưa.

Văn Chung nói: “Tôi thấy nên chọn một phần lương thực của ta, dùng chảo luộc chín rồi đem trả cho họ. Nước Ngô thấy hạt lúa của ta to hơn của họ, sẽ sử dụng lúa đó làm giống cho sang năm. Như vậy là họ đã trúng kế của ta”.

Quả nhiên người Ngô đã làm như Văn Chung dự đoán. Kết quả mùa thu năm sau nước Ngô mất mùa, phát sinh nạn đói, sức mạnh của nước Ngô giảm yếu rõ rệt.

Người Việt cuối cùng đã đạt được mục đích của mình.

Thắng lợi này thực chất được hoàn thành theo hai sách lược. Bước thứ nhất là vay lương thực, bước thứ hai là luộc thóc. Chúng ta sẽ xem xét các sách lược này đã kết hợp với nhau như thế nào để đạt được hiệu quả.

### ***Phân tích kế luộc thóc của Văn Chung***

Mục đích của Việt vương: tìm cách làm cho nước Ngô gặp khó khăn nghèo đói.

Đối mặt với hiện trạng nhu cầu tâm lý của Ngô vương: Ngô vương luôn nghĩ Việt phải phục tùng Ngô, vì vậy cho rằng nước Việt sẽ không dám chống lại.

Sách lược thực thi: đầu tiên mượn cớ vay thóc để vượt qua nạn đói, sau đó luộc thóc trả nợ.

Nguyên lý sách lược: sách lược của Việt vương trước sau luôn xuất phát từ thỏa mãn nhu cầu tâm lý của Ngô vương mà thực thi.



Nhu cầu tâm lý của Ngô vương là gì? Tức là muốn cho Việt vương phải phục tùng mình một cách ngoan ngoãn. Đó là nhu cầu tâm lý đặc biệt để chinh phục người.

Việc vay thóc có thể đạt được hai điều lợi: thứ nhất là giải quyết nạn đói trong nước; thứ hai là làm yếu thực lực của nước Ngô. Đồng thời lại khiến cho người Ngô nghĩ rằng nước Việt không có sức phản kháng lại mình, ở đây mục đích của Việt vương không biểu hiện rõ ràng, nên hiệu quả cũng chưa nổi bật.

Luộc thóc là kế vu hồi hiểm độc, nó lấy lương thực để che giấu mục đích làm yếu kẻ địch.

Toàn bộ mưu kế này đều xuất phát từ nhu cầu tôn trọng của kẻ địch. Vay thóc và trả thóc đều là thi hành các biện pháp giao tiếp, nhưng mục đích của các biện pháp này là ở chỗ lấy thủy sinh kim”. “Thủy này thực chất là “thủy có chứa mầm độc”.

Như vậy người Việt đã ngầm tính toán mưu độc của mình trong sự không nghi ngờ của người Ngô.

Dùng một phần “thóc tốt” để tạo ra mất mùa cho kẻ địch, cái lợi thu được thật lớn khôn lường.

Qua đó ta có thể thấy rõ: “phụng nhân” của phụng nhân thuật chẳng qua là thủ đoạn, còn “chế nhân” mới thực là mục đích. Ta có thể lấy hình ảnh “dấu đao trong nụ cười” để ví với hình tượng phụng nhân thuật cũng không có gì là quá đáng.

### **▲ Kế tích trữ thóc của Quản Trọng**

Quản Trọng sau khi bày cho Tề vương kế phân phát thóc, lần này lại đề xuất kế tích trữ thóc.

Hồi đó giá lương thực ở nước Tề đột nhiên hạ xuống. Tề Hằng công từ góc độ kinh tế nhạy cảm ý thức được rằng: nếu các nước chư hầu nhân lúc giá rẻ này mà mua hết lương thực thì sẽ tạo thành tình trạng nước Tề thiếu lương thực và tiếp theo là giá cả lại lên cao. Sách lược giải quyết vấn đề này phải xuất phát từ phương diện quốc gia để lo tích trữ lương thực cho bách tính, phòng khi mất mùa còn có mà sử dụng.

Nhưng vua không biết phải làm thế nào mới đạt được mục đích của mình, bèn mời quân sư Quản Trọng đến hỏi.

Quản Trọng nói: “Hôm nay tôi ra ngoài chợ thấy có hai nhà mới xây hai nhà kho rất lớn. Nếu ngài cũng chi cao tiền mời thợ đến xây những nhà kho như thế thì bách tính sẽ bắt chước để làm”. Tề Hằng công ra lệnh làm theo lời khuyên đó của quân sư.

Sự việc này được lan truyền ra, trong dân gian có rất nhiều người tranh nhau xây kho chứa lương thực, trên thị trường số lương thực đem bán ít dần.

### ***Phân tích kế tích trữ thóc của Quản Trọng***

Mục đích của Tề Hằng công muốn cho bách tính tàng trữ lương thực để đề phòng lúc đói kém.

Đối mặt với hiện trạng nhu cầu tâm lý của Tề Hằng công: việc quốc vương đề xướng và khích lệ làm là sự nghiệp vì bách tính, vì vậy mọi người nên làm.

Sách lược thực thi: dùng giá cao mời người xây kho có tác dụng khích lệ dẫn đầu.

Nguyên lý sách lược: trả giá cao mời người xây kho trước hết là sự khẳng định giá trị của người xây kho, khiến cho nhu cầu tôn trọng được thỏa mãn; sau đó là lấy danh nghĩa quốc gia mời người xây kho chứng tỏ Nhà nước rất coi trọng và khích lệ việc làm này. Đó là lấy mộc sinh hỏa, hỏa thịnh sẽ sinh thổ.

Ở đây Quản Trọng đã thành công trong việc động viên tâm lý số đông của bách tính, tức là làm cho mọi người làm cái việc mà quốc vương thích, như thế sẽ rất có ích cho mỗi gia đình và cả nước. Cái gọi là công danh cũng tức là một loại khẳng định của xã hội. Trong sự khẳng định đó người ta sẽ được thỏa mãn về vật chất và tinh thần.

Thực chất của phụng nhân thuật là kích thích và vận dụng nhu cầu tâm lý này của con người.

### **▲ Kế giam lỏng của Chu Du**

“Mỹ nhân kế của Chu Du đối với Lưu Bị không ngờ lại có kết quả

ngược lại, tức là làm giả mà thành thật. Nay nhân đó mà làm cho Lưu Bị không những có vợ, trong tay còn có các tướng Quan Vũ, Trương Phi, Triệu Tử Vân, thêm Gia Cát Lượng quân sư thì chẳng bao lâu mà khuất phục được thiên hạ. Vì vậy nay ta phải “giam lỏng” Lưu Bị ở Giang Đông bằng cách xây cung thất để làm yếu dần ý chí, ngoài ra còn bày ra các trò chơi về sắc đẹp, lấy nhạc vũ cho sướng tai mắt để khiến cho tình cảm giữa Lưu Bị và các tướng của mình xa nhau dần, cách ly với Gia Cát Lượng, mỗi người ở một phương, sau đó mới dùng binh thì việc lớn chắc sẽ đạt được...

Đó là nội dung bức thư của Đại đô đốc Đông Ngô là Chu Du sau khi biết được mỹ nhân kế thất bại viết cho Tôn Quyền. Vốn Chu Du dựng nên mưu kế giả vờ gả em gái Tôn Quyền cho Lưu Bị để lừa Lưu Bị sang Giang Đông. Sau đó giam Lưu Bị lại làm con tin để lấy đất Kinh Châu. Không ngờ kế đó bị Gia Cát Lượng phá tan, ngược lại biến giả thành thật.

Do đó Chu Du đã viết bức thư này cho Tôn Quyền. Trong thư Chu Du một lần nữa lại hiển kế giam lỏng Lưu Bị cho Tôn Quyền.

### ***Phân tích kế giam lỏng của Chu Du***

Mục đích của Chu Du: ly gián quan hệ tình cảm giữa Lưu Bị và Quan, Trương, làm hao mòn dần ý chí của Lưu Bị.

Đối mặt với hiện trạng nhu cầu tâm lý của Lưu Bị: nay Lưu Bị đã thành vương xưng bá chấn hưng nhà Hán nhưng cuộc đời chưa từng được hưởng phú quý.

Sách lược thực thi: giam lỏng Lưu Bị ở Đông Ngô, xây dựng cung thất, cùng vợ đẹp hưởng lạc, cung cấp cuộc sống đầy đủ, nhạc vũ suốt ngày để giảm yếu ý chí.

Nguyên lý sách lược: đối mặt với hiện trạng tâm lý của Lưu Bị là về mặt công danh đã thành đạt. Theo nguyên lý ngũ hành có thể có ba sách lược: một là khắc chế thể của một đại biểu cho nhu cầu tôn trọng; hai là lấy thủy đại biểu cho nhu cầu giao tiếp để khắc chế hỏa đại biểu cho nhu cầu thành tích; ba là từ hỏa để sinh ra thổ, thổ nhiều thì sẽ làm cho hỏa tối.

Chu Du sau khi phân tích toàn bộ đã chọn dùng biện pháp thổ nhiều thì hỏa tối. Vì Lưu Bị hiện nay là người đã tương đối có vị thế tức là thể mộc đang vượng, không thể nào dùng kim để chặt phá. Còn Tôn Quyền thì cũng chưa có kẻ gì khả thi, hướng hồ là Chu Du và những bậc dưới quyền khác.

Sách lược thứ hai đã từng thử qua nhưng vừa thất bại, do đó chỉ còn dùng sách lược thứ ba.

Kế sách này đã nắm chắc một nhược điểm lớn của Lưu Bị, đó là như Trương Chiêu đã tổng kết: “Lưu Bị khởi thân là kẻ hàn vi, từ trước tới nay bốn ba khắp thiên hạ chưa hề được hưởng một ngày phú quý”.

Lưu Bị là người tính đam mê sự nghiệp rất mạnh. Mấy năm qua bốn ba khắp thiên hạ. Đó là mặt chính của sự việc, nhưng mặt trái ông lại cũng là người xưa nay chưa hề được hưởng cuộc sống phú quý, luôn bận rộn vào sự nghiệp. Trước khi đạt được những thành công, ông đã trải qua cuộc đời gian khổ. Dùng thuyết nhu cầu ngũ hành để phân tích thì đó là biểu hiện nhu cầu sinh lý chưa được thỏa mãn, hay nói cách khác do hỏa mạnh quá mà đốt cháy mất thổ.

Kế giam lỏng của Chu Du cùng phải trả giá khá nhiều so với các kế sách trước đó đã thực hiện. Nhưng nghĩ kỹ ra thì một ngôi lầu và các tiện nghi ăn chơi trong đó so với thành Kinh Châu chẳng đáng là bao. Các nhà chính trị dễ dàng biết được giá của mỗi thứ đó. Cho nên trong Tam quốc diễn nghĩa có đoạn văn được viết như sau:

“Đọc xong thư của Chu Du, Tôn Quyền rất vui mừng, vội vàng sửa sang Đông phủ, cắt hoa treo lụa trang hoàng, bày biện các vật dụng sang trọng, mời Huyền Đức và hiền muội sang ở đó. Ngoài ra còn tặng thêm các vũ nữ mấy chục người, đưa đến các vật quý để làm trò chơi. Quốc thái chỉ biết Tôn Quyền có ý tốt nên lại càng phấn khởi. Huyền Đức quả nhiên đã bị thanh sắc làm mê hoặc, lãng quên đất Kinh Châu”.

Nhưng kế giam lỏng của Chu Du cuối cùng đã thất bại. Nguyên do là vì Gia Cát Lượng đã trù tính được sau khi mỹ nhân kế của Chu Du thất bại, chúng sẽ dùng kế giam lỏng nên đã đưa cho Triệu Tử Vân túi cấm nang thứ hai, trong đó viết rõ đối sách, giả vờ nói: Tào Tháo sắp báo thù trận Xích Bích đã hưng binh 50 vạn nhằm tiến đánh Kinh Châu. Lời bịa đặt này của Khổng Minh đã phá tan giấc mộng tân hôn của Lưu Bị, đồng thời cũng phá tan kế giam lỏng mà Chu Du rất thích thú.

Phân tích nguyên nhân ta thấy: thực chất của phụng nhân thuật là ở chỗ thỏa mãn nhu cầu tôn trọng của người khác. Theo thuyết nhu cầu ngũ hành thì nhu cầu tôn trọng thuộc mộc. Cho nên Gia Cát Khổng Minh đã lấy kim chế mộc, làm cho Tôn Quyền “vừa mất em gái, vừa thất bại về quân sự”.

Vì vậy khi sử dụng phụng nhân thuật nhất định phải đề phòng “kim” bỗng nhiên đến phá.

### **▲ Kế dùng thư để vỗ về của Trương Lương**

Năm 230 sau Công nguyên, Hàn Tín đánh chiếm được nhà Tề. Ông cảm thấy đã đến lúc viết thư cho Lưu Bang để xin phong vương. Do đó Hàn Tín đã cử người mang thư đến Lưu Bang.

Trong thư nói: “Tôi đã chiếm được đất Tề. Song người Tề xưa nay không dễ thống trị, hơn nữa phía Nam lại giáp với nước Sở. Nếu tôi không lấy danh nghĩa giả vương (vua giả) thì khó có thể ổn định được bách tính. Vậy xin ngài gia ân ban cho tôi danh hiệu giả vương”.

Lưu Bang lúc đó đang giao chiến với Sở vương Hạng Vũ ở Huỳnh Dương. Đọc xong thư Lưu Bang vô cùng phẫn nộ, mắng rằng: “Ta đang bị vây ở đây, sáng tối chờ mong người đến cứu. Còn người thì lại muốn phong vương!”.

Trương Lương và Trần Bình ngồi hai bên Lưu Bang vội vàng chạm vào chân Lưu Bang ra hiệu để Lưu Bang không nổi nóng tức giận.

Trương Lương nói thầm với Lưu Bang: “Bây giờ chiến sự của chúng ta đang rất bất lợi, làm sao có thể cấm được Hàn Tín xưng vương? Chi bằng cứ phong cho y làm vua để vỗ về y, khiến y không chạy sang nước Sở”.

Lưu Bang lập tức ý thức được sự giận dữ của mình vừa rồi là sai lầm, bèn sửa mắng lại: “Đại phu đã ổn định được chư hầu thì đáng làm vua thật chứ vì sao lại còn xin vua giả?”.

Tiếp đó Lưu Bang lại phái Trương Lương sang đất Tề để lập cho Hàn Tín làm vua Tề. Không lâu sau còn điều quân đội của Hàn Tín đến Hà Nam đánh quân Sở để cải biến chiến cục bất lợi của mình.

### ***Phân tích kế dùng thư của Trương Lương***

Mục đích của Lưu Bang: ổn định cho Hàn Tín để Hàn Tín không chạy sang đầu Sở.

Đối mặt với hiện trạng nhu cầu tâm lý của Hàn Tín: tự lập làm vua để thỏa mãn nhu cầu tôn trọng.

Sách lược thực thi: chính diện khẳng định Hàn Tín là vua và phái người sang phong vương để địa vị của Hàn Tín được quang minh chính đại là vua Tề.

Nguyên lý sách lược: Hàn Tín lấy việc thỉnh cầu phong giả vương để ngầm tỏ cho Lưu Bang biết: nếu ông không được ngôi vua thì ông sẽ chạy sang đầu Sở gần đó.

Thực tế đầu Sở không phải là mục đích của Hàn Tín mà phong vương mới là nhu cầu thực sự. Hàn Tín đã chiếm được nước Tề, như vậy những nhu cầu khác đều không thành vấn đề, chỉ còn nhu cầu tôn trọng là chưa được thỏa mãn. Đó là thổ nặng một nhẹ. Theo nguyên lý nhu cầu ngũ hành mà biện luận thì trước hết nên dùng mộc để bổ cứu, hoặc sau đó là dùng thủy. Vì vậy Lưu Bang phái người sang Tề phong vương cho Hàn Tín, như vậy sẽ thỏa mãn nhu cầu tôn trọng của Hàn Tín muốn được xưng vương, đồng thời cũng biểu thị sự coi trọng của Lưu Bang đối với Hàn Tín. Một khi nhu cầu tôn trọng của Hàn Tín được thỏa mãn thì ông sẽ không đứng lên phản lại Lưu Bang nữa.

Phụng nhân thuật trong chính trị không hạn chế lấy vật để phụng nhân, mà còn lấy công, lấy thế, lấy danh để phụng nhân nữa.

### ▲ Kế đòi nợ của Lâm Tắc Tử

Khi Lâm Tắc Tử làm quan ở Quảng Đông, có một nhà buôn thuốc ở Phúc Châu tìm đến ông trình kiện. Nguyên nhân là vì số thuốc ông mang từ Phúc Châu đến bán cho một hiệu thuốc Quảng Đông, bán xong nhưng không thu được tiền, thậm chí lộ phí để quay về nhà cũng hết sạch.

Lâm Tắc Tử vô cùng thông cảm với cảnh ngộ của nhà buôn đó, nhưng việc này không thuộc phạm vi quản lý của ông, nên không có cách gì xử kiện được. Trầm ngâm một hồi lâu, Lâm Tắc Tử bèn bày cho nhà buôn đó một kế đòi nợ.

Sáng hôm sau nhà buôn đó lại đến hiệu thuốc đang chây nợ để đòi.

Chủ hiệu thuốc lại một mực dùng trăm phương ngàn kế để thoái thác.

Khi hai người đang tranh luận bỗng nghe thấy tiếng thanh la ầm ĩ ngoài phố. Nhà buôn bèn biết ngay là Tổng đốc Lương Quảng Lâm Tắc Tử đang đi tuần đến đó, bèn vội vàng ra khỏi cửa hàng, đứng bên lề đường, cất mũ,

hướng vào kiểu Lâm Tắc Tử mà thi lễ.

Lâm Tắc Tử ngồi trong kiểu với cử chỉ vô cùng thân mật gọi tên và vươn ra nói chuyện với nhà buôn.

Chủ hiệu thuốc đứng bên cạnh nhìn thấy thế bỗng giật mình, không ngờ nhà buôn này lại có được một uy thế cao như thế. Chủ hiệu thuốc liền nghĩ nếu mình cứ chây nợ mãi không trả, nhà buôn này tâu lên Lâm Tắc Tử thì chưa biết chừng mình sẽ bị tội.

Nghĩ như thế nên chủ hiệu thuốc thay đổi thái độ ngay, cung kính đón nhà buôn về hiệu, ân cần niềm nở và đếm đủ số tiền, hai tay dâng trả.

Sự việc này được truyền lan ra làm cho giá trị của nhà buôn được nâng cao. Những người khác trong phố còn mắc nợ với nhà buôn đều chủ động tìm đến trả tiền, thậm chí còn biểu không ít lễ vật. Nhà buôn nhờ thế mà đầy túi trở về.

### ***Phân tích kế đòi nợ***

Mục đích của Lâm Tắc Tử: giúp đỡ nhà buôn đòi lại nợ.

Đối mặt với hiện trạng nhu cầu tâm lý chây nợ của các chủ hiệu: sợ kiện tụng.

Sách lược thực thi: khiến các chủ hiệu biết được nhà buôn là người quen của Tổng đốc Lương Quảng. Ngầm làm cho họ biết: nếu nhà buôn kiện lên Tổng đốc thì nhất định sẽ thắng.

Nguyên lý sách lược: các chủ hiệu có tâm lý sợ kiện, chứng tỏ họ tự biết mình đuối lý, nếu kiện sẽ thua, như thế thì tổn thất sẽ càng lớn hơn. Đó là biểu hiện nhu cầu an toàn không được bảo đảm.

Lâm Tắc Tử gật đầu cười nói với nhà buôn chứng tỏ quan hệ giữa hai người là rất thân. Nhà buôn ban đầu vốn là người không đòi được nợ, bỗng chốc được tôn lên thành địa vị là bạn thân của Tổng đốc.

Người quen hoặc bạn của Tổng đốc tất nhiên là người đáng nể. Như vậy một cứng được giả tạo nên sẽ có thể khắc lại kim. Ví như dao chặt lên gỗ cứng thì dù dao sắc cũng bị mẻ.

Thuật phụng nhân của Lâm Tắc Tử kỳ diệu ở chỗ đưa ra nhưng không lộ, giữa cố ý và vô ý, lấy hư thay cho thực. Đó là một đặc điểm cần chú ý trong khi sử dụng thuật phụng nhân.

### **▲ Kế cung kính của Tử Bì**

Di Tử Bì tướng mạo rất xấu. Có một lần ông đi theo Điền Thành Tử sang nước Yên.

Trên đường các chủ quán không thèm chú ý đến họ, việc tiếp đãi cũng rất sơ sài.

Tử Bì bèn đề xuất ý kiến với Điền Thành Tử như sau: “Ngài đã nghe câu chuyện về con rắn trong đầm nước bị khô chưa?”. Điền Thành Tử nói: “Đương nhiên là không biết”. Tử Bì bèn kể cho ông nghe câu chuyện về rắn như sau: ngày xưa có một cái hồ nước bị khô cạn. Loài rắn trong đầm phải dời đến một chỗ khác có nước để sinh sống. Có một con rắn con sức yếu đi không kịp đàn, bèn nói với một con rắn lớn rằng: “Anh đi trước, tôi đi sau, nếu mọi người nhìn thấy thì cho rằng đó là hai con rắn đang bò, tất nhiên họ sẽ đánh chết. Tôi muốn ta làm theo một kế thế này: tôi đi trước, anh đi sau ngậm vào đuôi tôi, như thế khi người ta nhìn thấy sẽ tưởng tôi là rắn thần, họ sẽ không dám đánh chết chúng ta”.

Rắn lớn làm theo lời của rắn bé. Cuối cùng cả hai con rắn đã an toàn chuyển đến địa điểm mới”.

Kể xong câu chuyện này, Tử Bì nói: “Hoàn cảnh ngày nay của chúng ta cũng chẳng khác gì lũ rắn, nếu thay đổi ngôi thứ giữa chúng ta đi một chút, tôi tướng mạo xấu còn anh tướng mạo đẹp, nếu anh làm chủ của tôi thì anh chỉ là bậc quốc vương nhỏ, trong tay chỉ có nghìn cỗ xe và binh mã. Ngược lại nếu anh làm sứ giả cho tôi thì tôi sẽ là bậc khanh tướng của quốc vương có đến hàng vạn cỗ xe và binh mã trong tay. Cho nên tôi làm người tùy tùng của anh không bằng anh làm người tùy tùng cho tôi, như thế chúng ta sẽ được mọi người chú ý và các chủ quán hậu đãi”.

Điền Thành Tử cho rằng như thế cũng chẳng có hại gì cho mình, bèn cời đổi y phục cho Tử Bì, rồi vác túi đi sau Tử Bì. Kết quả khách lữ hành trên đường ai ai cũng trở nên cung kính hơn đối với họ, còn các chủ quán thì xem họ như là những thượng khách và nhiệt tình đối đãi tử tế hơn.

### ***Phân tích kế cung kính***



Mục đích của Tử Bì: thay đổi sự chú ý của mọi người đối với mình để mong được kính trọng và đối đãi tử tế hơn.

Đối mặt với hiện trạng nhu cầu tâm lý của các chủ quán: chủ quán thường đánh giá người qua tướng mạo hoặc trang phục, thậm chí đánh giá người qua kẻ tùy tùng. Đối với khách thượng đẳng thì họ sẽ giành cho sự tiếp đãi cao hơn.

Sách lược thực thi: thay đổi thân phận của hai người, lấy y phục đẹp trang sức cho người xấu để khiến mọi người hiểu nhầm họ là những bậc thượng khách.

Nguyên lý sách lược: từ xưa tú tài thường sợ lính, thương nhân sợ quan. Các chủ quán thường căn cứ vào tướng mạo hoặc y phục, hoặc người phục vụ để đánh giá người. Thực tế đó bắt nguồn từ tâm lý là thương nhân hay sợ quan. Tâm lý lo sợ dẫn đến tâm lý muốn đối xử tốt. Cho nên đối với quan phải cung kính, quan chức càng to thì càng phải cung kính hơn.

Tử Bì đề cho Điền Thành Tử vào làm sứ giả của mình, tức là đã đặt mình lên địa vị bậc khanh tướng cao cấp. Ở đây ông đã lợi dụng tâm lý của người đời là: quan càng đẹp chắc chức càng cao, quyền càng lớn. Một người phục vụ tuần tú, đẹp để đi theo một ông quan tướng mạo xấu xí thì vị quan đó chắc là chức quyền to lắm. Một trong những nguyên nhân họ hay coi thường chính là ông quan đẹp, nhưng lại mang theo một người đầy tớ xấu. Khi đó trong con mắt họ, ông quan này dù có đẹp đến bao nhiêu cũng vẫn là bình thường. Giống như một tiểu thư không đẹp nhưng mặc y phục sang trọng và đeo đồ trang sức quý giá thì sẽ biểu hiện người đó là quý phu nhân; ngược lại một tiểu thư đẹp nhưng mặc quần áo rẻ tiền thì người đời vẫn không gọi tiểu thư đó là quý phái.

Cái kỳ diệu của phụng nhân thuật là ở chỗ dùng những cái không thuộc của anh ta để nâng anh ta lên.

### ▲ Kế đi săn của Đường Kiệm

Đường Kiệm là quan Thượng thư Bộ Hộ của Đường Thái Tông Lý Thế Dân.

Có một lần ông cùng Lý Thế Dân đi săn ở vườn thú Lạc Dương. Đột nhiên gặp một con lợn rừng chạy ra xông đến Lý Thế Dân. Đường Kiệm vội nhảy xuống ngựa, xông lên tả xung hữu đột đánh lợn với lợn rừng. Lý Thế

Dân cũng rút kiếm ra đánh. Cuối cùng con lợn bị tiêu diệt.

Lý Thế Dân đặc ý nói với Đường Kiệm: “Có phải nhà ngươi sợ con lợn làm hại ta chăng? Lần này chắc nhà ngươi đã biết rõ tay kiếm của ta chứ?”.

Đường Kiệm nói:”Bệ hạ có uy dũng của võ thần đủ sức bình định cả thiên hạ, làm sao thần lại dám nghĩ rằng uy phong đó của bệ hạ được dùng để đánh lại một con lợn rừng?”

Bệ hạ nghe nói vậy thì rất hài lòng, do đó cho ngừng cuộc đi săn.

### ***Phân tích kế của Đường Kiệm***

Mục đích của Đường Kiệm: làm cho Hoàng đế đừng hiểu nhầm về hành động của mình.

Đối mặt với hiện trạng nhu cầu tâm lý của Lý Thế Dân: Lý Thế Dân thấy Đường Kiệm xông vào đánh con lợn để đỡ cho mình thì cho rằng Đường Kiệm nghĩ mình không đủ võ nghệ để đánh lại con lợn, như vậy lòng tự tôn của vua sẽ bị tổn thương.

Sách lược thực thi: làm thỏa mãn nhu cầu tôn trọng của đối phương, để cho Hoàng đế tin rằng mình hiểu rất đầy đủ về uy vũ của Hoàng đế.

Nguyên lý sách lược: đối mặt với nhu cầu tâm lý này của Lý Thế Dân mà muốn “khắc chế” thì nhất định không được, chỉ có dùng cách “sinh trợ” mới đạt hiệu quả.

Thủy vốn sinh mộc, nhưng thủy đã thử qua, hiệu quả không lý tưởng. Chỉ có lấy mộc phù trợ mộc mới được. Vì vậy phải lấy “mộc mà Lý Thế Dân có thể tiếp thu được” để thỏa mãn cho tâm lý nhu cầu tôn trọng của vua.

Đường Kiệm trả lời rất kỳ diệu, khiến cho Lý Thế Dân hiểu rằng: không phải Đường Kiệm sợ lợn làm tổn thương đến vua mà Đường Kiệm luôn nghĩ rằng: uy vũ của Vua là bậc thu phục cả thiên hạ.

Nói như thế sẽ làm cho lòng tự tôn của Lý Thế Dân từ chỗ tưởng là bị tổn hại, bỗng chốc trở thành được thỏa mãn tột độ.

### **▲ Kế thoát y của Ngô Húc**

Ở Trung Quốc từ xưa đã có lệ kiểm tra thân thể các cô gái trước khi kết

hôn với vua. Tục lễ đó bắt đầu từ tháng, năm nào thì không ai biết rõ.

Trong sách “Hán tạp sự bí tân” có ghi lại câu chuyện kiểm tra Hoàng hậu trước khi kết hôn với Hán Hằng đế như sau.

Vị Hoàng hậu này gọi là Lương Huýnh, là tiểu thư khuê các, trâm anh nổi tiếng thời đó. Với tư cách là con gái của đại gia quý phái, Lương tiểu thư vô cùng chú ý giữ gìn sự trinh tiết của thân thể, thậm chí thường nhật lúc tắm bản thân cũng không dám tự mắt nhìn vào mình, còn nói gì đến có thể chịu được người khác nhìn thấy.

Rất may là viên quan kiểm tra là nữ quan Ngô Húc. Nhưng như thế cũng chưa đủ để đánh tan tan nỗi lo sợ, hồi hộp của Lương tiểu thư.

Sau khi kết thúc các thủ tục kiểm tra ở vòng ngoài thì đến vòng cuối gặp một vấn đề hết sức khó khăn. Đó là tiểu thư Lương không chịu thoát y để nữ quan kiểm tra những bộ phận cần thiết trên cơ thể.

Lần đầu Ngô Húc đưa ra Hoàng bài thứ nhất và nói: “Đây là ý chỉ của Hoàng thượng!” Lương tiểu thư cũng không chịu.

Ngô Húc lại đưa ra Hoàng bài thứ hai và nói: “Đây là quy định của Hoàng gia!” Lần này vẫn như cũ chẳng đạt được kết quả gì.

Ngô Húc thấy Lương tiểu thư cứng rắn đến thế, bèn thay đổi phương pháp, nói nhỏ nhẹ rằng: “Kính mời Hoàng hậu tuân theo ý chỉ của Hoàng đế và quy tắc của Hoàng gia để hành sự”.

Nghe đến hai chữ “Hoàng hậu”, Lương tiểu thư cảm thấy vô cùng xúc động. Xem ra muốn làm Hoàng hậu thì nhất định không thể không làm như thế được. Cho nên lần này tiểu thư đã tự động cởi y phục của mình.

Nhưng khi cởi đến chiếc áo cuối cùng thì Lương tiểu thư đã dừng lại, cương quyết không cởi tiếp.

Ngô Húc lại nói: “Hoàng hậu, đại lễ sắp đến, không thể kéo dài được nữa”. Tiếp theo bà tự động cởi y phục cuối cùng cho tiểu thư, miệng luôn lẩm bẩm xin tha tội: “Xin Hoàng hậu tha tội! Xin Hoàng hậu tha tội!”.

Như vậy thành lũy cuối cùng khó khăn nhất đã được công phá.

Ngô Húc đã khôn khéo hoàn thành được nhiệm vụ. Một bản báo cáo kiểm tra thân thể trong đó có ghi “Không thấy gì khác thường” được tâu lên Hoàng đế.

### ***Phân tích kế thoát y***

Mục đích của Ngô Húc: đánh tan sự lo lắng, kiêng kỵ của Lương tiểu thư để kiểm tra toàn bộ thân thể lần cuối trước khi kết hôn với Hoàng đế.

Đối mặt với hiện trạng nhu cầu tâm lý của Lương tiểu thư: mong muốn trở thành Hoàng hậu để hưởng thụ sự phú quý bậc nhất trên thế gian.

Sách lược thực thi: tôn xưng “Hoàng hậu”, ngầm để Lương tiểu thư biết được đó là cửa ải kiểm tra thân thể cuối cùng phải trải qua trước khi trở thành Hoàng hậu. Nếu không thì bỏ lỡ dịp may và uổng phí công lao của các giai đoạn trước.

Nguyên lý sách lược: trở ngại tâm lý của Lương tiểu thư là biểu hiện tiêu cực của nhu cầu tôn trọng. Cho dù Ngô Húc đã dùng đến ý chỉ Hoàng đế và quy tắc Hoàng gia để uy hiếp nhưng cũng không thể khuất phục được tiểu thư. Điều đó đủ thấy rõ sức mạnh của nhu cầu tôn trọng này. Ngô Húc thông qua phụng nhân thuật đã biến sự đề kháng tiêu cực trở thành sự tranh thủ tích cực. Sự “tôn xưng Hoàng hậu” đã gợi mở lòng ham muốn thành tích của đối phương, lấy đó để làm giảm một khí quá thịnh. Đó là cách làm “thực thi tả con nó”. Một vốn sinh hoà, nhưng một của Lương tiểu thư lại không thể nào sinh hoá, do đó phải lấy hỏa dẫn dắt, như vậy làm cho sự tiêu cực ban đầu trở thành sự tích cực.

Phụng nhân thuật thật ra không nhất định phải cải biến nhu cầu của đối phương mà là dùng kế cải biến tính chất nhu cầu của đối phương hoặc cải biến những nhân tố cản trở, khiến cho đối phương vứt bỏ ý định ban đầu.

### **▲ Kế tùy tùng của Vương Đạo**

Cuối đời Tây Tấn, Lương Nhã vương-Tư Mã Tuấn được nhậm chức tướng quân ở An Đông, thống quản việc quân cả vùng Dương Châu.

Ông đến nhậm chức đã khá lâu, nhưng các nhân sĩ bản địa chưa có ai đến bái kiến vị Tư Mã tướng quân này.

Nguyên nhân là các nhân sĩ ở vùng đó cho rằng vị tướng quân này

không danh tiếng lắm, nên không dám dựa vào ông. Tư Mã Tuấn vì thế mà vô cùng áy náy.

Ông đem tâm sự của mình kể với một người tên là Vương Đạo và mong ông ta giúp ý kiến.

Thời đó Vương Đạo là nhân vật có tiếng tăm rất lớn trong vùng. Ông đề nghị Tư Mã tướng quân hãy đi tuần du một vòng.

Hôm đi tuần, Vương Đạo và rất nhiều danh sĩ ở phương Bắc đến cùng cưỡi ngựa đi sau tướng quân, tất cả làm thành một đoàn rất uy nghi.

Các nhân sĩ Giang Nam thấy Vương Đạo và những người khác đi theo Tư Mã Tuấn thì vô cùng kinh ngạc. Do đó các danh sĩ Giang Nam đều lần lượt đứng bên đường bái kiến tướng quân.

Sau lần ấy, uy vọng của Tư Mã Tuấn lên cao, rất nhiều người đến nhờ cậy dựa vào ông, thế lực Giang Đông hình thành dần từ đó.

### ***Phân tích kế tùy tùng***

Mục đích của Tư Mã Tuấn: muốn cho nhân sĩ bản địa đều đến phò là mình, vì vậy muốn làm thay đổi hoàn cảnh khó xử là các nhân sĩ bản địa không ai đến bái kiến, nhu cầu tôn trọng không được thỏa mãn.

Đối mặt hiện trạng nhu cầu tâm lý của các nhân sĩ vùng bản địa cho rằng uy thế của Tư Mã tướng quân không sâu rộng, không thể được mình phò tá và tin cậy.

Sách lược thực thi: lợi dụng tuần du để cho Vương Đạo và những danh nhân khác tháp tùng để chứng tỏ uy thế của mình, mong cải biến thiên kiến của các nhân sĩ vùng đó.

Nguyên lý sách lược: nhân sĩ vùng đó coi thường vị tướng quân mới từ phương Bắc phái đến, vì họ cho rằng vị tướng đó không danh tiếng và thành tích không nổi bật. Phò tá một tướng quân như thế sẽ không có lợi cho tiền đồ của mình. Sự không tín nhiệm này biểu thị một loại nhu cầu an toàn không đủ.

Theo lý luận nhu cầu ngũ hành mà biện luận thì kim không đủ, cho nên “phải lấy thổ sinh kim, nếu thổ yếu thì lấy kim để phù trợ kim cũng được”.

Nhu cầu cuộc sống không phải là điều mà các nhân sĩ Giang Nam đeo đuổi, vì vậy những cố gắng về mặt này rõ ràng sẽ không có hiệu quả. Cho nên chỉ có lấy kim để tương trợ kim mới tốt.

Muốn cho các nhân sĩ này thay đổi tâm lý không tín nhiệm, tức là làm cho cảm giác an toàn của họ được thỏa mãn thì Vương Đạo và những người tùy tùng khác đã cùng tướng quân tổ chức tuần du, mục đích là để các nhân sĩ vùng đó tự mắt nhìn thấy uy phong của Tư Mã Tuấn. Đến những nhân vật có tiếng tăm như Vương Đạo còn là bậc tùy tùng của Tư Mã Tuấn, vậy thì những nhân sĩ bản địa sẽ phải xét lại lòng kiêu ngạo của mình cho đúng mực.

Ở đây Vương Đạo đã vận dụng phụng nhân thuật, không tốn sức lực bao nhiêu nhưng đã chinh phục được sự kiêu ngạo của các nhân sĩ Giang Nam. Điều đó có thể gọi phụng nhân thuật đã đạt được “danh hư kì thực”.

### **▲ Kể chúc mừng đài của Không Tử**

Trần vương xây dựng Lăng Dương đài.

Công trình thi công chưa kết thúc thì có mấy tên giám công vì phạm pháp mà bị bắt đến trị tội. Lúc đó Không Tử đang ở nước Trần, ông nghe nói đến việc này, liền tỏ ra không tán thành với cách làm của Trần vương.

Lăng Dương đài vừa xây xong thì Không Tử cùng với Trần vương lên đài để thưởng ngoạn.

Không Tử nhân dịp đó chúc Trần vương rằng: lâu đài này được xây rất đẹp, nó cũng đẹp như hiền nhân Trần vương, khiến cho mọi người phải ca ngợi. Nhưng từ xưa đến nay, bậc thánh vương nào khi xây dựng thủy toà hoặc lâu đài, không ai không giết chết mấy người mà lại xây dựng được lâu đài đẹp đến thế.

Trần vương nghe xong mặt liền đỏ bừng. Mấy hôm sau bèn cho người thả mấy giám công phạm tội đang bị bắt giam,

### ***Phân tích kể chúc mừng đài***

Mục đích của Không Tử: thuyết phục Trần vương bãi bỏ việc bắt giam mấy giám công trong quá trình xây dựng lăng đài.

Đổi mặt với hiện trạng nhu cầu tâm lý của Trần vương: Trần vương muốn trở thành một vị quân chủ hiền minh.

Sách lược thực thi: đầu tiên ca ngợi Trần vương là vị quân chủ hiền minh. Sau đó ngầm ám thị nếu vua không giết người mà xây dựng được lăng đài đẹp như thế thì sẽ càng hiền minh hơn so với các bậc quân chủ hiền minh trước đây.

Nguyên lý sách lược: Trần vương cũng giống như bất kỳ quân chủ nào khác, đều muốn người khác coi mình là vị quân chủ hiền minh nhất. Đó là biểu hiện của nhu cầu tôn trọng.

Khổng Tử trong lời chúc mừng của mình đã cùng ca ngợi Trần vương và lăng đài của vua xây dựng, khiến cho nhu cầu về mặt này của Trần vương được thỏa mãn. Trên thực tế thì trong trường hợp này, chủ nhân xây dựng đài ai cũng muốn khách đến ca ngợi sự đẹp đẽ của lăng đài mình. Khổng Tử đúng là đã kịp thời nắm bắt được tâm lý này để làm cho thủy sinh mộc.

Nhưng Khổng Tử không những ca ngợi lăng đài và người chủ của công trình mà còn đưa ra một loại “mộc” cho Trần vương so sánh. Khổng Tử không nói rõ với Trần vương làm như thế nào để được mọi người coi là bậc hiền minh nhất, mà chỉ nói các bậc quân chủ hiền minh trước đây khi xây dựng được lăng đài đẹp thế này đều đã giết mất mấy người. Ý bên ngoài câu nói là thức tỉnh Trần vương muốn làm một vị quân chủ hiền minh hơn các bậc quân chủ trước kia thì không nên giết người.

Trần vương tiếp thu sự ám thị này, vì vua muốn thỏa mãn nhu cầu làm một bậc quân chủ hiền minh nhất.

Phụng nhân thuật trong thuyết phục không phải dùng phương thức chính diện mà là dùng phương thức lựa chọn, để cho người bị thuyết phục rơi vào sự lựa chọn tự mình phủ định mình. Tức là người bị thuyết phục thừa nhận mặt khẳng định của người thuyết phục, muốn thế thì phải vứt bỏ cách làm trước đây của mình, vì hai cái mâu thuẫn nhau, cho nên người bị thuyết phục chỉ có thể chọn một trong hai cách đó.

Câu chuyện dưới đây cũng có ý nghĩa tương tự như câu chuyện này. Xin độc giả hãy dùng thuyết nhu cầu ngũ hành để phân tích lấy.

## ▲ Kể hỏi chuyện về con chim của Thân Vô Úy

Sau khi Sở Trang vương lên ngôi, rất nhanh bị chìm ngập vào tửu sắc. Gác tất cả lời khuyên của các bậc đại thần ra ngoài tai, bản thân vua suốt ngày vui chơi và uống rượu với mỹ nữ, thậm chí còn dùng hình phạt tử hình để uy hiếp những ai dám khuyên can, cản trở. Kết quả không còn ai dám đến thuyết phục vua chăm lo việc chính sự.

Một hôm có bậc đại phu tên là Thân Vô Úy đến thỉnh cầu bái kiến Trang vương.

Sở Trang vương vừa thấy mặt Thân Vô Úy liền hỏi: “Nhà ngươi xin gặp ta có việc gì? Muốn uống rượu, nghe ca nhạc hay là muốn khuyên ta điều gì!”.

Thân Vô Úy trả lời: “Thần không đến uống rượu nghe nhạc, cũng không phải khuyên can Đại vương. Vừa đây thần đi tản bộ ngoài thành, có người kể cho thần một ẩn ngữ làm thần không hiểu. Cho nên thần đặc biệt đến đây để thỉnh giáo đại vương”.

Sở Trang vương tiện miệng hỏi: “Ẩn ngữ gì nhà ngươi hãy nói ta nghe xem”.

Thân Vô Úy kể lại: “Trên đỉnh cao của ngôi lầu nước Sở có một con chim rất lớn, lông trên thân chim có năm màu rất đẹp. Nhưng đã ba năm con chim đó không bay, cũng không hót, không biết đó là loại chim gì?”.

Trang vương trầm ngâm một chốc rồi nói: “Đó không phải là loại chim bình thường. Ba năm không bay, nếu bay thì sẽ lên trời; ba năm không hót, nếu hót sẽ làm cho mọi người hoảng sợ. Không tin thì nhà ngươi hãy mở mắt ra mà chờ đấy”.

Từ đó về sau Trang vương bỗng tỉnh ngộ, xa dần tửu sắc, nắm lại công việc trong triều đình. Về sau xưng bá với các chư hầu.

### ***Phân tích kể hỏi chuyện con chim***

Mục đích của Thân Vô Úy: thuyết phục Sở Trang vương chăm lo quản lý chính sự, chấn hưng lại nước Sở.

Đối mặt với hiện trạng nhu cầu tâm lý của Sở Trang vương: cự tuyệt



mọi lời khuyên, chìm đắm vào tử sắc, không muốn tiến thủ. Đó là biểu hiện nhu cầu thành tích suy yếu.

Sách lược thực thi: dùng ẩn ngữ để kích thích sự tỉnh ngộ của Sở Trang vương, nhưng không làm cho vua cự tuyệt.

Nguyên lý sách lược: hiện trạng tâm lý của Sở Trang vương là nhu cầu thành tích bị suy giảm. Ba năm liền không hỏi đến chính sự, đủ thấy được mức độ suy giảm đến đâu. Lấy hình phạt tử hình để uy hiếp những người khuyên can chứng tỏ vua vẫn giữ như cũ lòng mong muốn về nhu cầu tôn trọng.

Thân Vô Úy đã khéo léo biến “thuyết giáo” thành “thỉnh giáo”, lấy đó để thỏa mãn nhu cầu tôn trọng của Sở Trang vương. Dùng ẩn ngữ để nói lên dụng ý cũng là vì mục đích này, bởi vì Trang vương là người rất sĩ diện.

Trong ẩn ngữ Thân Vô Úy đã so sánh Trang vương với con chim hiếm thấy trên thế gian, lông có năm màu rất đẹp. Đó là chỗ cao siêu của phụng nhân thuật của Thân Vô Úy. Nó vừa không làm tổn thương lòng tự trọng của Trang vương, lại vừa có thể khiến cho vua suy nghĩ. Như vậy sẽ có thể làm cho nhu cầu tự trọng rất mạnh của Trang vương từ tiêu cực là người hay sĩ diện hướng đến tích cực muốn trở về con người hành động như xưa kia. Cách làm này thực chất là lấy mộc trợ giúp mộc.

Khi mộc đã được cường thịnh thì hỏa sẽ nhờ đó mà sinh ra, do đó mà mục đích thuyết phục sẽ đạt được.

Phụng nhân thuật trong sự thuyết phục không những phải tìm đúng chỗ tốt mà còn phải khiến cho lòng tự trọng của đối phương có thể tiếp thu. Vì phụng nhân thuật thực chất là kích thích nhu cầu tôn trọng chính đáng của con người. Câu chuyện người tùy tùng dưới đây cũng là sử dụng phụng nhân thuật, nhưng ngược lại bị chủ nhân đuổi đi. Mời độc giả hãy phân tích tìm ra nguyên nhân trong đó.

### ▲ Kể từ chức của Phạm Lãi

Sau khi nước Ngô bị tiêu diệt, Việt vương mở đại tiệc để chúc mừng thắng lợi to lớn vừa giành được. Trên chiếu tiệc các vị đại thần văn võ đều vô cùng vui vẻ. Riêng Việt vương Câu Tiễn trên mặt không có nét gì hồ hởi.

Phạm Lãi nhìn thấy rất nhanh hiểu được trong lòng Việt vương đang

suy nghĩ điều gì. “Việt vương không muốn quy công chiến thắng vừa qua cho các bậc đại thần văn võ”. Như vậy sau này không tránh khỏi sự nghi ngờ lẫn nhau trong nội bộ và người có công có thể sẽ bị gặp tai hoạ.

Do đó Phạm Lãi đi đến ý nghĩ phải xin Việt vương từ chức.

Để cho Việt vương không nghi ngờ và có phản cảm về mình, đầu tiên Phạm Lãi chuẩn bị kỹ lưỡng ý tứ và câu nói của mình.

Phạm Lãi nói: “Kính tâu Đại vương, thần nghe nói Đại vương đã từng bị Câu Tiễn làm nhục, như thế làm thân đại thần làm sao có thể sống vui vẻ được. Trước đây ở trận Cối Kê, Đại vương bị Ngô vương đánh bại, còn bị bắt làm tù binh và làm nhục rất nhiều. Thần sợ dĩ chưa chết là vì muốn cùng gánh trọng trách, giúp Đại vương hoàn thành sự nghiệp khôi phục đất nước, rửa mối nhục kia. Ngày nay nước Ngô đã bị tiêu diệt, thần thỉnh cầu Đại vương mở rộng ân trên miễn cho thần khỏi tội chết vì trận Cối Kê, cho thần được sống những ngày tuổi còn lại âm thầm giữa chốn giang hồ”.

Câu Tiễn không đồng ý, còn dùng những lời đẹp để khuyên ngăn.

Phạm Lãi trong đêm đó một mình bỏ trốn đi.

Vì Phạm Lãi đã có lời thỉnh cầu trước nên Câu Tiễn không phái người truy đuổi, cũng không ghép tội cho Phạm Lãi.

### ***Phân tích kế từ chức***

Mục đích của Phạm Lãi: từ bỏ chức vụ của mình để khỏi bị người khác hãm hại.

Đối mặt với hiện trạng nhu cầu tâm lý của Việt vương: Việt vương là người chỉ có thể chung gian khổ với hạ thần chứ không thể cùng chung phú quý. Việt vương không muốn quy công cho các đại thần mà chỉ muốn quy về cho mình đã nằm gai nếm mật, gian khổ mười năm. Đó là biểu hiện cực đoan của nhu cầu tôn trọng cá nhân. Qua cái đó tất sẽ sinh biến. Cho nên nhu cầu tâm lý của Việt vương là loại nhu cầu tâm lý nguy hiểm.

Trong trường hợp một thịnh này, muốn thuyết phục Việt vương là điều rất khó. Vì như vậy có thể sẽ làm tổn thương nhu cầu tôn trọng của Việt vương.

Phạm Lãi vì thế mà đã chọn dùng phụng nhân thuật.

Trước hết ông nói ra tội chết của mình chứ không phải nói lên công lao. Chỉ nói chỗ sai mà không nói lên thành tích.

Như vậy Việt vương sẽ không có phản cảm với mình. Thuận theo thế đó ông thỉnh cầu từ chức. Trong lời từ chức cũng không nói thẳng xin từ chức mà là thỉnh cầu mở rộng ân trên tha cho tội chết trước đây, để mình có thể sống âm thầm những năm cuối đời trong giang hồ không ai biết đến.

Toàn bộ lời từ chức là rất khiêm nhường, cách nói lại tỏ ra thành thật. Lấy thủy sinh mộc để cho mộc không chính đáng đang rất thịnh của Việt vương không thể làm hại mình.

Vì vậy sau khi Phạm Lãi trốn chạy, Việt vương đã không căm ghét mà ghép tội ông.

Tự kiểm thảo mình cũng là một kế sách tốt của phụng nhân thuật.

Xin hỏi độc giả trong các tình huống dưới đây, anh đã xử sự ra sao:

Anh đi xe đạp bị cảnh sát giao thông giữ lại, lý do là bánh xe anh đã chạm lên đường trắng của vạch cấm. Lúc đó nói chung anh sẽ làm thế nào?

Trong vũ trường anh sẽ mời người bạn nhảy đầy kiêu ngạo ngồi bên cạnh anh như thế nào?

Cấp trên của anh hoa chân múa tay chỉ vào anh, anh dùng biện pháp gì để cho người đó bình tĩnh lại, để cho bản thân anh có thể hoàn thành được nhiệm vụ?

Anh làm sao để có thể mua được một quả dưa hấu ngon, mà giá lại rẻ từ một cụ già bán dưa hấu kia?

### ▲ Kế Gia Cát Lượng mượn Kinh Châu

Dân gian có câu: “Lưu Bị mượn Kinh Châu, mượn mà không bao giờ trả”. Sự thực thì nên nói: Không Minh mượn Kinh Châu, vì kế mượn Kinh Châu là do Không Minh thiết kế.

Kinh Châu nguyên thuộc địa bàn của Lưu Biểu. Sau đại thắng Xích Bích bị Lưu Bị chiếm mất. Vì thế mà Đông Ngô rất đau đầu. Trận đánh vừa

xong, Đông Ngô bèn phái Lỗ Túc đến gặp Lưu Bị để lấy lại Kinh Châu.

Lỗ Túc vừa gặp Lưu Bị liền nói: “Ngô chủ và Đổng Công Cấn bảo tôi phải nói rõ với Hoàng thúc: trước đây Tào Tháo dẫn trăm vạn đại quân lấy cơ xuống Giang Nam, nhưng thực chất là muốn tiến đánh Hoàng thúc. May nhờ có Đông Ngô đánh bại quân Tào nên Hoàng thúc được cứu. Vì vậy chín quận Kinh Châu theo lý nên thuộc Đông Ngô. Nay Hoàng thúc dùng kế chiếm đoạt Kinh, Tương hai châu khiến cho Đông Ngô uống phí mất bao nhiêu lương thực, quân mã mà Hoàng thúc được lợi, điều đó e rằng lý không thuận”.

Lời Lỗ Túc nghe rất có lý. Nhưng Lưu Bị cũng tìm được lý do của mình, tối thiểu phía Lưu Bị cũng đã tham gia binh mã trong việc đánh bại quân Tào, cho nên cũng phải được hưởng công lao.

Riêng Khổng Minh không vội bàn vào lời Lỗ Túc mà lại bắt đầu câu chuyện từ nguyên chủ của đất Kinh Châu. Khổng Minh nói: “Lẽ thường “vật tất quy chủ”. Chín quận Kinh, Tương châu vốn không phải là đất Đông Ngô mà là cơ nghiệp của Lưu Cảnh Thắng. Chủ của ta vốn là em của Cảnh Thắng. Cảnh Thắng tuy đã mất, nhưng còn con. Chú phò giúp cháu mà lấy lại Kinh Châu thì có gì là không đáng?”.

Sự phản bác này thật hợp tình, hợp lý làm cho Lỗ Túc ngồi im không nói được. Khổng Minh làm như vậy là không muốn phá vỡ sự liên minh vừa được tạo dựng giữa Tôn-Lưu. Cho nên Lỗ Túc nói: “Nếu sau này khi công tử qua đời thì phải đem thành trì Kinh Châu trả cho Đông Ngô chứ?”. Khổng Minh nói: “Lúc đó tôi sẽ không giữ nữa”.

Sau khi Lưu Kỳ mất, Lỗ Túc lại đến Kinh Châu. Khổng Minh lại lấy cơ mượn, không tỏ ý cự tuyệt không trả để lấp liếm đi. Do đó mới có câu nói trong dân gian: “Lưu Bị mượn Kinh Châu, mượn mà không bao giờ trả”.

Tuy “mượn không trả” nhưng không vì thế mà làm cho Lưu Bị và Tôn Quyền sẽ đánh lẫn nhau. Nhờ đó mà thế lực của Lưu Bị ngày càng phát triển, về sau tiến binh vào Tây Xuyên, Hán Trung, đặt nền tảng căn cứ cho mình.

Cuối cùng chỉ vì Quan Vũ là tướng giữ Kinh Châu ngạo mạn cự tuyệt Ngô, tuyên bố công khai “Kinh Châu nay thuộc tay ta”, bức cho Đông Ngô căm giận, liên hợp với Tào Tháo đánh bại Quan Vũ, đoạt lại Kinh Châu, khiến cho giữa Lưu-Tôn đổ máu.

## ***Phân tích kế mượn Kinh Châu***

Mục đích của Khổng Minh: lấy Kinh Châu làm căn cứ địa để phát triển thế lực của Lưu Bị, nhưng không được vì thế mà mang lỗi với Tôn Quyền.

Đối mặt với hiện trạng nhu cầu tâm lý của Lỗ Túc: giải quyết hòa bình là thượng sách, đánh thành là hạ sách.

Sách lược thực thi: lấy cố mượn để kéo dài thời gian.

Nguyên lý sách lược: người Đông Ngô hao nhiều lương thực, binh mã, đánh đi đánh lại nhưng lại bị mất Kinh Châu. Như vậy lòng tự tôn của họ bị tổn thương, cho nên họ không thể nén nổi sự tức giận đó. Nhưng họ cũng không dám mất dạn mày dày đi cướp lại. Vì họ biết trước đây Tào Tháo đã từng hậu đãi Lưu Huyền Đức. Nếu bức tình thế làm cho Lưu Huyền Đức phải trả lại Kinh Châu thì Tào-Lưu sẽ liên minh với nhau để đánh lại Ngô. Do đó họ chọn dùng sách lược: trước hết dùng ngoại giao, sau nếu cần mới dùng binh, cần tranh thủ hòa bình giải quyết tranh chấp để văn hòa thể diện và quyền lợi.

Khổng Minh biết rõ tâm lý của Đông Ngô, nên bèn tương kế tựu kế, chọn đúng “kế sách kéo dài” để đối phó. Lấy thủy chơi với thủy để cho lòng tự tôn của Đông Ngô không bị tổn thương, nếu lấy thủy dưỡng mộc chỉ càng làm cho người Đông Ngô thêm căm tức.

“Mượn” tức là nói Kinh Châu vốn không thuộc về tôi, tôi chỉ là chủ tạm thời. Anh là chủ còn tôi là khách. Do đó Lỗ Túc bị Khổng Minh làm cho lúng túng không còn đường nói lại.

Vì vậy phụng nhân thuật không chỉ là hy sinh một cách có giới hạn những vật hữu hình, mà có lúc còn là hi sinh những vật vô hình. Kế mượn Kinh Châu bề mặt là phía Lưu Bị hy sinh chủ quyền về Kinh Châu, nhưng lại làm cho Lưu Bị giành được chiến lược trang việc phát triển lực lượng để hình thành thế chân vạc Tam quốc, tức là giành được quyền chủ động lâu dài.

### **□ KÍCH NHÂN THUẬT**

Kích nhân thuật là kỹ xảo khích lệ người.

Khích lệ có thể sản sinh ra sự kích thích, đem lại một sức mạnh tâm lý

nào đó cho con người, làm tăng thêm lòng ham muốn, có thể điều động tính năng động chủ quan của người bị kích lệ đến mức cao nhất.

Kích nhân thuật tính chất của kích thích lại có thể chia thành hai loại. Loại thứ nhất gọi là kích lệ chính diện, loại thứ hai gọi là phản kích lệ.

Kích lệ chính diện tức là đem lại sự kích thích lành mạnh cho người được kích lệ, cổ vũ họ, thôi thúc họ phấn đấu.

Phản kích lệ là đem lại sự kích thích không lành mạnh cho đối phương, làm nhiễu sự cân bằng của nhu cầu nội tâm, khiến cho tính tình của họ không ổn định, làm cho họ không thể bình tĩnh phân tích, vì vậy đi đến hành động một cách mù quáng.

Từ lý luận nhu cầu ngũ hành mà nói, kích nhân thuật chuyên đối mặt với nhu cầu tôn trọng của con người. Trong thực tiễn kích nhân thuật luôn vận dụng nguyên lý tương khắc của ngũ hành. Mặt chủ thể của sự tương khắc là “tôi” cũng tức “tôi” là người phát động nên sự kích thích. Vì vậy “tôi” trước hết phải nghiên cứu cẩn thận nhu cầu tâm lý của người bị kích thích, sau đó mới xác lập được chính xác phương thức kích lệ.

### ▲ Kế Khổng Minh kích Chu Du

Mùa thu năm 208 sau Công nguyên, trước khi xảy ra trận đại chiến Xích Bích, Khổng Minh một mình vượt sông sang Đông Ngô để du thuyết Ngô chủ Tôn Quyền liên hợp đánh Tào.

Trận du thuyết thứ nhất là khẩu chiến quân nhô, trận thứ hai là kích lệ Tôn Quyền, cuối cùng là trận với Thủy quân đô đốc Chu Du. Trong “Tam quốc diễn nghĩa” La Quán Trung đã đặc tả một hồi về “Khổng Minh dùng trí kích Chu Du”.

Vừa thấy mặt nhau, Chu Du đã làm ra vẻ hòa hảo với Tào để khiến cho Gia Cát Lượng phải cầu cứu Chu Du xuất quân, từ đó mà xác lập địa vị “phải lấy Chu Du làm chủ”.

Lỗ Túc cùng đến với Khổng Minh, không hiểu đó là kế nên liền tranh luận với Chu Du. Khổng Minh biết thấu đó chỉ là mưu kế của Chu Du, nên “đút tay trong túi đứng cười”.

Chu Du đứng cạnh quan sát Khổng Minh, không hiểu vì sao Khổng

Minh lại cười. Khổng Minh bèn nói: “Tôi cười là vì Tư Kính không thức thời”. Tiếp đó Khổng Minh nói với Chu Du: “Tào Tháo rất giỏi dùng binh, thiên hạ không ai địch nổi. Chỉ có Lã Bố, Viên Thiệu, Viên Thuật, Lưu Biểu mới dám đối địch. Đến nay những người đó đã bị Tào Tháo tiêu diệt, chắc trong thiên hạ không còn ai. Độc chỉ có Lưu Dục Châu không thức thời, dám tranh hùng. Nay thân cô thế cô ở Giang Hạ, chưa biết còn mất lúc nào. Nếu tướng quân quyết hàng Tào thì có thể bảo đảm được vợ con, giữ được sự phú quý, nhưng phong tục, tập quán cả miền Giang Đông sẽ đổi khác, không làm trọn mệnh trời thì còn gì mà nói nữa!”.

Những lời này của Khổng Minh đều là mặt trái để khích Chu Du. Nhưng Chu Du cũng không phải tay vừa, vì vậy không kích động được. Do đó Khổng Minh lại tiếp tục kích lần thứ hai.

“Tôi có một kế vừa không mất công tốn sức, cũng không phải vượt qua sông mà chỉ cần phái một chiếc thuyền đưa hai người qua sông. Nếu Tào Tháo được hai người này thì dù có trăm vạn binh mã cũng sẽ cuốn cờ mà rút”.

Chu Du hỏi: “Dùng hai người nào mà lại lui được Tào binh?”

Khổng Minh thấy Chu Du cắn câu, bèn chưa vội nói ngay mà nhân tiện lại tiếp tục nói: “Giang Đông mất đi hai người này cũng như cây to rụng mất hai lá, cả kho to mất đi vài hạt thóc; còn Tháo được hai người này thì sẽ vô cùng vui sướng mà rút lui”.

Chu Du lại hỏi: “Hai người nào vậy?”.

Khổng Minh vẫn không vội vàng, nói lòng vòng thêm: “Khi Lượng còn ở lều cỏ đã nghe tin Tào Tháo mới xây dựng ở Chương Hà một đài tên gọi là Đồng Tước, vô cùng đẹp đẽ. Tào Tháo tuyển mỹ nhân khắp trong thiên hạ để đưa vào đó. Tháo vốn là kẻ háo sắc, từ lâu đã nghe tin Kiều công ở Giang Đông có hai cô con gái, cô lớn là Đại Kiều, cô em là Tiểu Kiều có sắc đẹp chim sa cá lặn, hoa nhạt trắng mờ. Tháo đã từng thề rằng: “Một là ta muốn thu phục bốn biển để thành vương nghiệp, hai là ta muốn được nhị Kiều của Giang Đông để đưa vào đài Đồng Tước, vui thú suốt đời. Được như thế thì chết cũng không ân hận”. Ngày nay tuy Tháo dẫn trăm vạn hùng binh đe dọa Giang Nam, kỳ thực là muốn đoạt nhị Kiều. Tướng quân tại sao lại không tìm Kiều công, dùng nghìn vàng mua lấy hai cô con gái đó, sai người dâng cho Tào Tháo. Tháo được nhị Kiều vô cùng mãn nguyện, tất sẽ bãi binh. Điều đó giống như kẻ Phạm Lãi hiến Tây Thi, sao không nhanh lên mà làm

lấy?”.

Chu Du tuy đã cắn câu nhưng còn lưỡng lự. Chu Du hỏi: “Ngài có chứng cứ nào chứng tỏ Tào Tháo muốn được nhị Kiều?”.

Khổng Minh thừa thế bịa ra bài “Phú về đài Đồng Tước”. Nói: “Tào Tháo có con trai tên là Tào Thực, rất tài hoa. Tháo sai Tào Thực viết bài phú này. Trong bài phú nói “Tháo gia là thiên tử, thế đoạt nhị Kiều.”

Chu Du lại hỏi: “Ngài có nhớ bài phú đó không?”.

Khổng Minh bèn đọc thuộc bài phú, không ngờ mới đọc được một nửa Chu Du bỗng nhiên phần nộ, đứng dậy chỉ về phía Bắc mà mắng: “Giặc Tào quá khinh ta!”

Như vậy Chu Du đã bị Khổng Minh dùng kế kích cho phần nộ, quyết tâm quyết chiến đến cùng với Tào Tháo.

### ***Phân tích kế kích Chu Du***

Mục đích của Khổng Minh: kích Chu Du cùng kháng Tào.

Đối mặt với hiện trạng nhu cầu tâm lý của Chu Du: lòng tự tôn của Chu Du quá mạnh, ở đâu cũng lấy mình làm chủ, đặt mình ở thế trên.

Sách lược thực thi: lấy kim khắc mộc khiến cho nhu cầu tôn trọng của Chu Du bị chặt đứt, kích phát hỏa là nhu cầu thành tích của Chu Du.

Nguyên lý sách lược: Gia Cát Lượng đối mặt với đặc điểm lòng tự trọng của Chu Du rất mạnh, không dùng phụng nhân thuật mà dùng kích nhân thuật. Đó là chiêu bài rất cao minh. Chu Du vốn từ lâu đã muốn Bắc phạt, nhưng trong nội bộ phái chủ hòa nhiều hơn phái chủ chiến. Để khiến cho Chu Du có thể kiên định quyết tâm Bắc phạt, chỉ có dùng kích nhân thuật mới là tốt nhất.

Khi Chu Du giả bộ hàng Tào để thăm dò Khổng Minh, Khổng Minh bèn tạm thuận theo, nhưng lại mang đến cho Chu Du câu chuyện đài Đồng Tước. Cuối cùng làm cho Chu Du phần nộ, hỏa của sự bị làm nhục bốc lên trên đầu, rốt cuộc Chu Du phải quay trở lại tìm Gia Cát Lượng để giúp sức một cánh cho Chu Du. Qua đó có thể thấy phép phản kích của Khổng Minh là rất cao siêu.



Khổng Minh bịa ra câu chuyện Tào Tháo muốn chiếm đoạt nhị Kiều rất có đầu đuôi, có căn cứ, tự mình còn giả vờ không biết nhị Kiều là vợ của ai. Như thế có thể nói thuật này ác cũng ác đến cùng, kỳ diệu cũng kỳ diệu đến cực điểm.

Thiết kế kích nhân thuật đòi hỏi đối mặt với điểm mạnh nhất của nhu cầu đối phương. Các nhà văn gọi đó là “đâm vào tim”, nếu không thì không thể nảy ra tiếng kêu. Như một vở kịch hay có thể làm cho nhiều người khóc ra nước mắt và cũng cười ra nước mắt. Đó chính là tác giả đã nắm bắt được nhu cầu tâm lý chung của khán giả, từ đó mà biên soạn, hư cấu thì mới thu được hiệu quả.

Vì vậy trong quyền mưu, nhu cầu mãnh liệt của đối phương luôn luôn là điểm chính để sử dụng kích nhân thuật. Chỉ cần nắm bắt được nó, khéo léo vận dụng thì sẽ đạt được hiệu quả phi thường.

### **▲ Kế giúp phục chức của Bằng Hoan**

Mạnh Thường Quân vì phạm phải những điều cấm kỵ của Tề vương mà bị bãi miễn chức Thừa tướng.

Sự thất thế về chính trị khiến cho những khách nuôi trong nhà của Mạnh Thường Quân lục tục bỏ đi để tìm chủ khác.

Nghe nói khi đó trong số hơn 3000 khách chỉ có một mình Bằng Hoan ở lại.

Danh tiếng của Bằng Hoan trong số hơn 3000 khách không cao. Thậm chí ông đã từng mấy lần đòi Mạnh Thường Quân cải thiện cuộc sống. Mọi người đều cho rằng ông là người mặt dày vô liêm sỉ.

Đúng lúc mọi người đều mặt dày vô liêm sỉ phản bội lại Mạnh Thường Quân thì Bằng Hoan lại nói với Mạnh Thường Quân: “Tôi nhất định sẽ giúp ngài khôi phục lại chức Thừa tướng. Xin ngài hãy cho tôi mượn xe của ngài và sắm cho tôi một ít lễ vật”.

Mạnh Thường Quân luôn luôn tin mọi người, vì vậy đã đáp ứng yêu cầu của ông ta.

Bằng Hoan dùng xe Mạnh Thường Quân sang nước Tần, cầu xin bá kiến Tần vương.

Gặp được Tần vương, Bằng Hoan nói: “Mạnh Thường Quân chính là bậc tướng đã làm cho nước Tề nổi tiếng trong thiên hạ. Nhưng ngày nay Tề vương lại nghe theo lời của Trọng Thương mà bãi miễn Mạnh Thường Quân. Vì vậy ông ta rất căm giận Tề vương. Bây giờ chính là thời cơ tốt nhất để Đại vương đón Mạnh Thường Quân về Tần. Một khi Mạnh Thường Quân thuộc về nước Tần thì mọi tin tức tình báo của Tề quốc sẽ nằm trong tay Đại vương. Lúc đó Đại vương muốn lấy đất Tề khi nào mà chẳng được”.

Tần vương nghe xong rất vui mừng, lập tức chuẩn bị vàng bạc, phái sứ giả đi đón Mạnh Thường Quân.

Bằng Hoan lại trở về nước Tề trước sứ giả nước Tần một bước, lập tức xin gặp Tề vương.

Ông nói với Tề vương: “Tôi vừa nghe nói Tần vương phái sứ giả sang đón Mạnh Thường Quân, chuẩn bị để cho Mạnh Thường Quân làm Thừa tướng nước Tần. Nếu quả như thế thì sự việc sẽ rất nghiêm trọng. Ngài nên lập tức khôi phục tướng chức cho Mạnh Thường Quân, đồng thời tăng thêm đất đai lãnh địa để lưu Mạnh Thường Quân lại”.

Tề vương cho người điều tra, được biết Tần quốc chính xác đã phái sứ giả đi. Do đó Tề vương lập tức tuyên bố Mạnh Thường Quân vẫn là Thừa tướng, đồng thời thưởng thêm lãnh địa cho ông.

Sứ giả nước Tần sau khi nghe tin liền phải rút lui về nước.

### ***Phân tích kế giúp phục chức***

Mục đích của Bằng Hoan: giúp Mạnh Thường Quân khôi phục tướng chức.

Đối mặt với hiện trạng nhu cầu tâm lý của Tề vương và Tần vương: Tề vương và Tần vương đều muốn được Mạnh Thường Quân để có ích cho mình.

Sách lược thực thi kích phát tâm lý cạnh tranh nhân tài của hai bên.

Nguyên lý sách lược: Bằng Hoan đã dùng kế kích nhân thuật để kích thích sự cạnh tranh của hai vua, lấy đó làm biện pháp nâng cao giá trị của Mạnh Thường Quân.

Kế của Bằng Hoan đối mặt với nhu cầu thành tích của Tề vương và Tần vương, đã khéo léo lấy tiêu điểm sự cạnh tranh đặt lên Mạnh Thường Quân, biến sự tranh giành của hai nước thành sự tranh giành nhân tài,

Cách làm cụ thể là: đầu tiên gặp Tần vương nói rõ sự quan trọng của Mạnh Thường Quân đối với nước Tề và nước Tần. Nếu nước Tần có được Mạnh Thường Quân thì các tin tức tình báo của nước Tề sẽ rơi vào tay Tần vương. Nước Tần luôn mong muốn thôn tính nước Tề, chắc chắn sẽ không bỏ lỡ cơ hội này. Do đó Tần vương rất nhanh đồng ý phái sứ giả đi đón Mạnh Thường Quân.

Nếu để Mạnh Thường Quân sang nước Tần, điều đó sẽ vô cùng bất lợi cho Tề. Vì vậy Bằng Hoan đã lập tức quay về trước khi sứ giả kịp sang nước Tề, đem tin xấu này báo với Tề vương và nói rõ điều này vô cùng nguy hiểm, chỉ có khôi phục tướng chức cho Mạnh Thường Quân đồng thời trọng dụng ông hơn nữa mới có thể giữ Mạnh Thường Quân lại được.

Toàn bộ mưu kế thực chất là đã dùng hai lần kích nhân thuật. Lần thứ nhất là kích thích nhu cầu thành tích của Tần vương, lần thứ hai là dùng “hỏa của Tần vương để kích thích “kim” của Tề vương. Trước hô sau ứng, cùng làm nhân quả cho nhân nên đã đạt được hiệu quả rất tốt.

### ▲ Kế đốt thuyền của Mạnh Minh

Thời Xuân Thu, nước Tần và nước Tấn là hai thế lực lớn nhất, thường giao chiến, thôn tính lẫn nhau, số lần bại trận của nước Tần nhiều hơn nước Tấn.

Tần Mục công không cam tâm thủ bại, đã cùng các bậc đại thần như Mạnh Minh Thị, Tây Khất Thuật, v.v. cùng nỗ lực khiến cho nước Tần được ổn định đại trị.

Do đó Tần vương đã thống lĩnh đại quân áp sát nước Tấn, chuẩn bị báo thù rửa nhục.

Tần Mục công đích thân đốc quân, thế không đánh bại nước Tấn quyết không trở về. Quân Tần rầm rộ vượt sông Hoàng Hà.

Vừa qua sông, Mạnh Minh đã ra lệnh đốt hết toàn bộ chiến thuyền.

Tần Mục công không hiểu ý liền hỏi: “Đốt hết thuyền không phải là

chúng ta đã tự tuyệt đường về hay sao?”.

Mạnh Minh nói: “Kính tâu Đại vương! Phép dùng binh là phải lấy sĩ khí mà chiến thắng. Quân ta nhiều lần bị quân Tần đánh bại, cho nên sĩ khí vốn rất thấp. Nay ta đốt hết thuyền là để báo cho quân sĩ biết không còn đường về, Đó là cách để chấn hưng sĩ khí. Điều này trong binh pháp gọi là “đặt vào chỗ chết rồi sau đó mới sống”. Huống hồ chúng ta giao tranh với quân Tần, nếu chiến thắng thì còn lo gì đến vượt sông. Còn nếu thua trận thì ta xem cái chết như về, còn cần thuyền mà làm gì nữa?”.

Kết quả người Tần sau khi nghe nói thì rụng rời hồn vía, không dám chống cự lại quân Tần.

### ***Phân tích kế đốt thuyền***

Mục đích của Mạnh Minh: nhất định phải đánh bại quân Tần để báo thù rửa nhục, nếu không thì thề không sống quay về.

Đối mặt với hiện trạng nhu cầu tâm lý của binh sĩ: trước kia quân Tần đã mấy lần bại trận, nên sĩ khí rất thấp.

Sách lược thực thi: đốt cháy thuyền, để báo cho quân sĩ biết đường về đã tuyệt, đánh thắng thì sống, đánh thua thì chết.

Nguyên lý sách lược: quân Tần mấy lần đã bị quân Tần đánh bại, chịu nỗi nhục rất lớn, nhuệ khí của binh sĩ rất thấp. Đó là biểu hiện nhu cầu tôn trọng bị tổn thất nghiêm trọng.

Mạnh Minh hạ lệnh đốt thuyền qua sông đã khiến cho tướng sĩ ba quân quên sống chết, quyết tâm đánh thắng. Thủ tiêu “kim” thì “mộc” sẽ có điều kiện phát triển, “hoả” mới có thể từ “mộc” mà sinh ra.

Ở đây đốt thuyền là phương thức kích nhân thuật, mục đích chủ yếu là để nâng cao sĩ khí, cổ vũ tinh thần chiến đấu. Nguyên lý kích nhân thuật của Mạnh Minh là ví dụ điển hình khích lệ mặt chính diện.

Hạ lệnh đốt thuyền là đã đặt sự uy hiếp tính mệnh của Tướng quân và Tần vương ngang hàng với tính mệnh của binh sĩ, chứng tỏ cùng đồng lòng sinh tử. Điều đó chắc chắn sẽ là sự cổ vũ rất lớn đối với binh sĩ. Tướng soái và Tần vương còn không sợ chết, huống hồ là binh sĩ? Vì vậy đốt thuyền

chính là sự động viên trước khi giao chiến. Đó là lúc tiếng pháo chiến thắng đã bắt đầu điểm.

### ▲ Kế kích tướng của Không Minh

Trong cuộc giao chiến để giành giật Hán Trung, Không Minh đã mấy lần phản kích lão tướng Hoàng Trung, khiến cho vị lão tướng gần 70 tuổi này nhiều lần lập công xuất sắc

Kế kích tướng lần thứ nhất là lúc đánh nhau ở cửa ải Hà Manh cùng đại tướng Ngụy Trương Cáp. Tướng giữ thành của quân Thục chống cự không nổi sự tiến công dũng mãnh của Trương Cáp nên liên tục cấp báo về Thành Đô. Trong “Tam quốc diễn nghĩa” viết rằng: “Huyền Đức nghe tin liền mời quân sư đến thương nghị”. Không Minh tụ tập các tướng trước tiên đường nói rằng: “Nay tình hình cửa ải Hà Manh rất khẩn cấp, phải gọi Trương Dực Đức về mới có thể đánh lui Trương Cáp”.

Pháp Chính nói: “Trương Dực Đức đang đồn binh ở Ngõa Khẩu, trấn thủ Trung Lăng, đó cũng là nơi hiểm yếu, không nên rút về. Nên chọn một người trong các chư tướng ở đây để đi phá Trương Cáp”.

Không Minh lại cười nói: “Trương Cáp là danh tướng của Ngụy, không phải tay vừa. Trừ Dực Đức ra không ai có thể địch nổi”.

Bỗng nhiên có một người lớn tiếng nói: “Quân sư, sao lại khinh người như vậy. Ta tuy bất tài nhưng cũng nguyện lấy thủ cấp của Trương Cáp đem về dâng nộp”.

Mọi người nhìn ra thì đó là lão tướng Hoàng Trung.

Không Minh nói: “Hán Thảng tuy dũng mãnh nhưng tuổi đã cao, e rằng không phải là đối thủ của Trương Cáp”.

Hoàng Trung nghe thế tóc bạc liền dựng lên mà nói: “Ta tuy già nhưng hai tay còn giương nổi cung tam thạch, sức lực còn mang nổi ngàn cân, nếu không chiến thắng được Trương Cáp thì không phải là bậc trượng phu!”.

Không Minh lại nói: “Tướng quân nay đã gần 70, sao lại nói chưa già?”.

Hoàng Trung bước ra giữa sân cầm lấy đại đao múa như bay, lấy cung

trên giá giường gãy liền hai cái.

Khổng Minh nói: “Nếu Tướng quán muốn đi thì ai sẽ là phó tướng?”.

Hoàng Trung nói: “Lão tướng Nghiêm Nhan có thể đi cùng tôi. Nhưng trước hết hãy chấp nhận tôi đi đã”.

Huyền Đức vô cùng mừng rỡ, lập tức lệnh Nghiêm Nhan cùng Hoàng Trung lên đường giao chiến với Trương Cáp,

Hoàng Trung bị Gia Cát Lượng khích, quả nhiên ý chí chiến đấu tăng lên gấp bội, cùng với Nghiêm Nhan đá đánh bại quân Tào. Liền một lúc cướp được Hán Trung và núi Thiên Thang là nơi quan trọng trong chiến lược lương thảo của Tào Tháo.

Lần phản khích thứ hai đối với Hoàng Trung là lúc vị lão tướng này muốn thừa thắng tiến lên đánh núi Định Quân.

Tướng giữ núi Định Quân là Hạ Hầu Uyên. Hạ Hầu Uyên từ thời trẻ đã cùng Tào Tháo nam chinh bắc chiến, thao lược tinh thông, cho nên Khổng Minh kiến nghị triệu Quan Vũ từ Kinh Châu trở về, lấy đó để kích Hoàng Trung.

Kết quả Hoàng Trung không chịu được nổi sự phản khích của Khổng Minh, tuyên bố đánh núi Định Quân không cần dùng phó tướng, chỉ cần một mình và xin ba nghìn binh mã của bản bộ mà thôi.

Khổng Minh quyết không đồng ý, cuối cùng Hoàng Trung đành đồng ý để cho Pháp Chính làm giám quân đi trước Hoàng Trung. Kết quả Hoàng Trung nghe theo kế của Pháp Chính, đánh bại Hạ Hầu Uyên, cướp được núi Định Quân.

### ***Phân tích kế khích tướng***

Mục đích của Khổng Minh: kích động ý chí chiến đấu của lão tướng Hoàng Trung, khiến cho Hoàng Trung ra sức đánh địch.

Đối mặt với hiện trạng nhu cầu tâm lý của Hoàng Trung: tuổi đã cao nhưng rất tha thiết lập công.

Sách lược thực thi: chọn biện pháp phản khích, ca ngợi sự dũng mãnh

của Trương Cáp và Hạ Hầu Uyên, cho rằng chỉ có Trương Phi, Quan Vũ mới là đối thủ, nhằm kích thích ý chí của Hoàng Trung.

Nguyên lý sách lược: mỗi vị tướng đều có lòng tự tôn danh dự đặc biệt và chủ nghĩa anh hùng của mình rất cao.

Napoléon nói: “Người lính không muốn làm nguyên soái là người lính không tốt”. Đó chính là sự khẳng định như câu tôn trọng và nhu cầu thành tích của người quân nhân.

Khi đã kích động được tình cảm mãnh liệt này của con người thì bản thân họ sẽ địch nổi hàng trăm người. Vì vậy người chỉ huy ngoài nhiệm vụ chỉ huy ra, còn có một nhiệm vụ quan trọng khác, đó là khích lệ ý chí chiến đấu của tướng sĩ.

Gia Cát Lượng hai lần khích Hoàng Trung đều dùng biện pháp phản khích. Có lúc hiệu quả do phản khích mạnh hơn khích chính diện.

Hoàng Trung vốn là người không chịu nhận mình già, khát vọng lập công vẫn như hồi trẻ. Dùng phép khích chính diện cũng có hiệu quả, nhưng không mạnh bằng phản khích. Phép khích chính diện có lúc còn có thể khiến cho tướng sĩ sản sinh tâm lý kiêu ngạo, còn phép phản khích thì không gây ra tâm lý này. Nó đầu tiên lấy kim khắc mộc, khiến cho mộc bị chặt đứt. Trước hết nói anh không làm được, nhằm làm cho lời nói đó phát sinh xung đột trực tiếp với ý muốn của anh. Từ đó mà kích phát anh chứng minh nhiệt tình của mình. Đó chính là kỹ xảo có hiệu quả của phép phản khích.

### **▲ Kế say rượu của Trương Phi**

Trương Phi suốt đời có duyên nợ với rượu, không giải ra được. Có rượu là uống, uống mãi đến say, say thì sinh cãi cộ.

Đó là nhược điểm của những người nghiện rượu. Trương Phi cũng mắc nhược điểm đó.

Ông từ những năm đầu đi theo Lưu Bị đánh khắp thiên hạ đã từng có lúc vì rượu mà làm hỏng việc. Vì say rượu mà bị Lã Bố cướp mất thành Từ Châu, về sau trong cuộc giao tranh với Đông Ngô để báo thù cho Quan Công cũng vì say rượu, chửi mắng thủ hạ mà kết quả bị sát hại.

Song là người có tính cách đặc biệt, Trương Phi cũng có lúc nhờ uống

rượu mà đã từng thắng lợi. Trong cuộc giao chiến với Trương Cáp ở Ba Tây, ông đã từng chiến thắng nhờ rượu.

Hồi đó Trương Phi sau khi giao chiến thắng lợi, thừa thắng truy kích giặc mãi đến chân núi Nham Cừ. Trương Cáp lợi dụng địa thế hiểm trở, cố thủ trên núi liền hơn 50 ngày không ra đánh.

Trương Phi không có kế gì phá nổi, vì vậy đành hạ trại dưới chân núi. Ngày ngày uống rượu, uống đến say túy lúy, ngồi dưới chân núi mà chờ mắng Trương Cáp, hy vọng khích Trương Cáp ra đánh. Trương Cáp nhẫn nhục chịu đựng làm như không nghe thấy. Lưu Bị sau khi biết được thì vô cùng hoảng sợ, bèn vội mời Khổng Minh đến hỏi ý kiến. Gia Cát Lượng nghe thấy bèn cười, lại còn sai Ngụy Diên dùng ba xe chở rượu tốt đến cho Trương Phi, trên xe còn cắm lá cờ đề chữ “Rượu ngon dùng trong quân”. Trương Phi nhận được mỹ tửu, càng uống thoải mái. Bày rượu ra trước trại, “trông giống cờ mở mà uống”. Trương Cáp hàng ngày từ trên đỉnh núi quan sát xuống, thấy thế liền cho rằng thời cơ đã đến, bèn hạ lệnh đêm tối sẽ xuống cướp trại. Không ngờ khi xông vào trại thì chỉ nhìn thấy tên đại hán đang ngồi uống rượu chỉ là người nộm. Lúc đó đại binh Trương Phi tràn ra đánh cho quân Trương Cáp tã tơi đại bại. Liền một lúc cướp cả Nham Cừ, Mông Đầu, Thang Thạch.

### ***Phân tích kế say rượu***

Mục đích của Trương Phi: Lừa Trương Cáp ra khỏi trại để giao chiến, nhân đó cướp trại.

Đối mặt với hiện trạng nhu cầu tâm lý của Trương Cáp: vừa mới thất bại nên không dám hành động khinh suất, mù quáng, lấy thủ làm công.

Sách lược thực thi: dùng nhược điểm say rượu của mình để lừa Trương Cáp ra khỏi trại.

Nguyên lý sách lược: Vì Trương Cáp lấy thủ làm công, luôn tìm cho sơ hở của Trương Phi để phản kích. Vì vậy ban đầu Trương Cáp không mắc lừa. Nhưng ngày ngày từ trên núi nhìn xuống, thấy Trương Phi cứ uống rượu tràn mà không đánh thành, do đó Trương Cáp mới quyết định phản kích, không ngờ bị trúng kế mai phục.

Qua đó ta thấy rõ: kích nhân thuật không những có thể dùng cho quân mình mà còn dùng cả cho quân địch. Khi dùng cho quân địch, mục đích là



kích thích thần kinh của đối phương, khiến cho nó mất lý tính, hành động liều mạng, đặc biệt khi ta muốn tốc chiến, địch muốn đánh lâu, dùng thuật này có thể dẫn dụ đối phương mắc lừa, dẫn đến tác chiến trong hoàn cảnh bất lợi, từ đó mà thất thủ.

### ▲ Kế khích đánh của Tôn Khoái

Thực Trác là viên dũng tướng của nước Tề. Khi Loan Dũng nước Tần làm chính biến, Tề Trang công đã phái Thực Trác đi giúp Loan Dũng. Sau khi chính biến thất bại, Thực Trác đã đầu sang Vệ Hiến công.

Vệ Hiến công bèn phái Thực Trác đi thảo phạt bọn chính biến Tôn Lâm Phụ.

Tôn Lâm Phụ phái Tôn Khoái và Ung Mục ra ứng chiến. Nhưng hai người này đều biết bản lĩnh của Thực Trác nên không dám lĩnh mệnh. Tôn Lâm Phụ vô cùng bức tức, chỉ vào mặt hai người mà mắng: “Người ta thường nói: “Ác quỷ còn có một tí gan, huống hồ các ngươi là con người. Một mình Thực Trác đã làm cho các ngươi hoảng sợ đến thế, nếu là binh mã của Vệ Hiến Công đến đây chắc các ngươi còn sợ phát chết! Hãy cố lên mau đi đánh địch, nếu không chiến thắng, thì đừng hòng trở về đây nhìn mặt ta!”.

Lời chửi mắng này ngược lại làm cho Tôn Khoái nảy ra một kế dẫn dụ địch. Tôn Khoái và Ung Mục quyết định dùng phục binh để đánh bại Thực Trác.

Họ đào một cái hố ở cạnh một sơn trang nhỏ. Sau khi nguy trang, Tôn Khoái phục binh trên núi, còn Ung Mục đi nhử địch.

Ung Mục mang đội quân hơn 100 người giả vờ làm quân tiên tiêu trinh sát. Vừa gặp quân của Thực Trác, Ung Mục vội vàng rút lui. Thực Trác thấy địch ít thì dẫn quân xông lên. Đuổi đến trước sơn trang nhỏ, Thực Trác liền ngừng lại không đuổi nữa vì sợ có quân mai phục.

Lúc đó Tôn Khoái từ trên đỉnh núi hét lớn: “Thực Trác, mày là đồ bỏ đi của nước Tề. Loan gia cũng chê không muốn dùng, nay chạy đến nước Vệ của ta xin ăn, thật là không biết nhục!”

Thực Trác tức không chịu nổi. Biết người chửi ấy là con trai của Lâm Phụ nên càng cố hô to: “Bắt lấy tên Tôn Khoái con Tôn Lâm Phụ!”. Thực Trác thấy núi không cao lắm, dốc vừa phải nên hạ lệnh đẩy xe lên. Xe vừa

đến giữa dốc thì rơi vào hố. Tôn Khoái lệnh cho phục binh tập trung bắn tên xuống. Thực Trác đã chết trong loạn tên.

### ***Phân tích kế khích đánh***

Câu chuyện này đã dùng đến hai lần khích nhân thuật.

Lần thứ nhất là Tôn Lâm Phụ khích Tôn Khoái và Ung Mục. Lần thứ hai là con trai của Tôn Lâm Phụ khích Thực Trác.

Mục đích của Tôn Lâm Phụ: kích phát hai tướng Tôn Khoái và Ung Mục đi đánh giặc.

Đối mặt với hiện trạng nhu cầu tâm lý của Tôn Khoái và Ung Mục: hai người đều sợ sự dũng mãnh của Thực Trác, tức là nhu cầu thành tích rất thấp kém.

Sách lược thực thi: trách mắng hai người nhu nhược để kích phát ý chí chiến đấu của họ.

Mục đích của Tôn Khoái: dẫn dụ Thực Trác xông lên để rơi vào hố bẫy.

Đối mặt với hiện trạng nhu cầu tâm lý của Thực Trác: Thực Trác lo có phục binh, cho nên ngừng xe lại không dám đuổi theo.

Sách lược thực thi: mắng chửi làm nhục Thực Trác để kích hỏa khí căm tức của kẻ địch, khiến cho nó mắc bẫy.

Nguyên lý sách lược: hai bước khích nhân thuật này đều chọn dùng phương pháp phản khích.

Tôn Lâm Phụ lấy hỏa khắc kim, còn Tôn Khoái thì dùng mộc thắng kim. Mục đích là khiến cho người bị khích hành động theo âm mưu đã định của người khích.

Khích nhân thuật là chiến thuật về tâm lý, hình thức vận dụng muôn màu muôn vẻ. Vừa có thể khích người của mình, cũng có thể khích kẻ địch. Đối với bộ hạ của mình thì phê bình nhược điểm của họ, qua đó có thể kích phát dũng khí họ lên. Phê bình cái ngu của họ để kích phát mưu trí của họ. Đối với kẻ địch thì khích cho nó căm tức, khiến nó không tự kìm chế được

dẫn đến hành động một cách khinh suất, mù quáng, trúng bẫy của mình, hoặc khích cho nó vui mừng để khiến cho nó mê muội, buông lỏng, nhờ đó mà thắng nó.

Khích nhân thuật khi nào cũng lợi dụng và phát huy lòng tự tôn, tự ái, lòng háo danh, háo thắng và những nhân tố tình cảm khác tiềm ẩn trong nội tâm của con người.

Tác phẩm “Đông chu liệt Quốc” sau khi kể xong câu chuyện trên đã đưa ra một bài thơ, đại ý như sau:

*Thần dùng tướng quân thực cảm đáng?  
Vô danh Tôn Khoái dị bên mang.  
Chi nhân nhất khích thành kì tích,  
Thùy tín nam nhi đương tự cường!*

Tạm dịch:

*“Thực Trác tương quân ai dám dương?  
Vô danh Tôn Khoái dám chặn đường!  
May nhờ Tôn Phu buông lời kích  
Một trận làm nên, thật xứng danh*

Cho nên các nhà lý luận quân sự xưa nay đều cảnh giới các tướng soái không nên hành động một cách vội vàng, thiếu cân nhắc. Tôn Tử lấy “vì nóng nảy mà giận dữ, vì động mà nhảy, vì bị xúc phạm mà thô bạo” làm ba trong “năm mối nguy” đối với bậc tướng soái. Điều đó chứng tỏ một trong những điều cần tu dưỡng của các tướng là phải luôn luôn giữ được đầu óc bình tĩnh để tránh được tức khí khi hành động. Như thế mới bảo đảm chỉ huy không hành động sai lầm.

### ▲ Kế cung kính con cóc của Câu Tiễn

Câu Tiễn trải qua hơn 10 năm cố gắng, cuối cùng bắt đầu thực hiện kế hoạch rửa nhục của ông. Ông dẫn đại quân sang thảo phạt nước Ngô.

Đại quân vừa ra đến ngoại ô, trên đường đi Câu Tiễn gặp một con cóc xanh, mắt mà rất to, bụng căng phồng lên giống như đang đang phát tức.

Câu Tiễn nhìn thấy, bỗng nhiên ông vịn thanh đỡ trước xe, đứng lên bày tỏ sự cung kính.

Thủ hạ không ai hiểu, bèn hỏi đó là duyên cớ gì. Câu Tiễn nói: “Ta

nhìn thấy một con cóc xanh mắt mở to, bụng phình, dáng như đang phát tức, giống như một binh sĩ biểu thị khát vọng chiến đấu. Vì vậy ta vô cùng kính phục nó”.

Sự việc này lan truyền khắp trong quân. Họ nói với nhau: “Đại vương cung kính một con cóc xanh dáng như đang khát vọng chiến đấu đến thế, lẽ nào chúng ta mấy năm liền được Đại vương nuôi nấng và dạy dỗ lại không bằng một con cóc?”.

Do đó tướng sĩ cổ vũ lẫn nhau, quyết tâm dũng cảm chiến đấu để báo đáp quốc vương.

Về sau trên chiến trường, Tướng sĩ quân Việt quả nhiên dũng cảm khác thường, dám xả thân nên cuối cùng đã tiêu diệt được quân Ngô.

### ***Phân tích kể cung kính con cóc***

Mục đích của Câu Tiễn: kích phát các tướng sĩ dũng cảm diệt giặc, tiêu diệt quân Ngô nhanh chóng.

Đối mặt với hiện trạng nhu cầu tâm lý của tướng sĩ: tướng sĩ quân Việt sắp xông ra trận, vì vậy trạng thái tâm lý vô cùng phức tạp.

Sách lược thực thi: đem một con cóc xanh có dáng như phát tức để so sánh với một dũng sĩ đang khát vọng chiến đấu mà cung kính, nhằm biểu thị khát vọng chiến đấu và lòng tôn kính của vua đối với các chiến sĩ sắp lập công vì nước. Lấy sự tôn kính đó để khích lệ ý chí chiến đấu của binh sĩ.

Câu Tiễn không trực tiếp dùng lời để nói mình hy vọng các tướng sĩ anh dũng chiến đấu trên chiến trường, mà lại chọn hình tượng một con cóc đang phùng mang để tượng trưng cho một dũng sĩ đang khát vọng chiến đấu mà cung kính nó.

Sự tôn kính đối với một con cóc, ý chính diện là muốn chứng tỏ vua tôn kính các dũng sĩ, ngoài ra còn hàm ý phản diện là: nếu các binh sĩ không hăng hái chiến đấu thì họ không bằng một con cóc.

Hàm ý sau có ý nghĩa lớn nhiều so với hàm ý trước, vì nó kích thích lòng tự tôn của binh sĩ, khiến cho ý chí chiến đấu của họ tăng lên.

Sự phản kích thích của khích nhân thuật có lúc là trực tiếp phê bình, chỉ

trích, nhưng cũng có lúc là một loại kỹ xảo có hàm ý ám thị, phản đối một cách gián tiếp. Khi thực hiện kế này cần phải nhớ rõ điểm đó, nếu không sẽ gặp phải kết quả ngược lại.

### **▲ Kế tạo uy của Cung Tha**

Thời Chiến quốc có một loại người gọi là “Thuyết khách”.

Ngày nay có thể coi họ vừa là cố vấn chính trị vừa là chính khách. Họ đi khắp các nước, đề xuất mưu kế để bản thân mình được hưởng ân huệ về chính trị.

Hồi đó có một thuyết khách tên gọi là Chu Táo đến nước Tề, hy vọng tìm được một chức vị nhất định. Ông ta tìm đến một người bạn tên gọi là Cung Tha để nhờ Cung Tha tiến cử mình với vua.

“Nghe nói anh rất được Tề vương tín nhiệm, vậy anh giúp tiến cử tôi với vua có được không?”. Ông ta nói với Cung Tha như thế.

“Điều này có thể được”. Tiếp theo Cung Tha hỏi bạn mình: “Anh định làm gì cho Tề vương?”.

“Tôi muốn làm sứ giả đặc biệt của Tề vương sang nước Ngụy. Nếu được Tề vương ủng hộ, tôi sẽ làm cho nước Ngụy thân với nước Tề”.

Cung Tha lắc đầu không đồng ý với ý kiến của bạn.

“Anh làm như thế không được”. Vừa rồi anh nói: “Nếu được Tề vương ủng hộ”, điều đó chứng tỏ anh đã thừa nhận ở nước Ngụy anh không có vị thế gì. Với tư cách là vua, chắc chắn Tề vương sẽ không dùng một người như thế

Chu Táo cảm thấy bạn nói có lý, bèn thỉnh cầu bạn đề xuất chủ ý.

Tiếp theo Cung Tha nói với bạn những lời nói tâm đắc: “Anh phải nói với Tề vương một cách đầy tự tin rằng. “Ngài đối với nước Ngụy còn cần những điểm gì và có hy vọng ở họ điều gì không? Tôi sẽ ra sức làm cho nước Ngụy thỏa mãn đầy đủ tâm nguyện của ngài”. Tề vương nghe xong thì sẽ cho rằng: anh là người có ảnh hưởng rất lớn ở nước Ngụy. Như vậy Tề vương mới hậu đãi và ủng hộ anh. Khi anh đã giành được điều kiện và bối cảnh như thế, sang nước Ngụy thì quân vương nước Ngụy mới cho rằng anh

là một người nổi tiếng ở nước Tề và sẽ không coi thường anh. Tóm lại là anh có thể dùng một câu nói để vừa thuyết phục được Tề vương, vừa chinh phục được cả Ngụy vương”.

### ***Phân tích kế tạo uy***

Mục đích của Chu Táo: muốn được Tề vương ủng hộ để làm sứ giả sang Ngụy vương.

Đối mặt với nhu cầu tâm lý của Tề vương: Tề vương muốn trọng dụng người có lợi cho mình.

Sách lược thực thi: tự mình tạo dựng nên một loại uy tín để kích phát Tề vương và Ngụy vương tin cậy mình.

Nguyên lý sách lược: con người ai cũng có tâm lý “ưa cao ghét thấp, dương quý âm hèn”. Loại tâm lý này có lúc đưa lại những hậu quả không tốt. “Cái lợi trước mắt” chính là ví dụ điển hình về hậu quả đó.

Cho dù như vậy mỗi người chúng ta ít nhiều đều mắc nhược điểm bị “cái lợi trước mắt” thu hút. Vì vậy ta có thể lợi dụng điểm này để thao túng đối phương và chứng tỏ mình.

Sự kiến nghị của Cung Tha với Chu Táo chính là lợi dụng loại tâm lý này của Tề vương và Ngụy vương, nên nói về mặt du thuyết thì Chu Táo còn non nớt thậm chí khá ngây thơ. Còn Cung Tha rõ ràng cao minh hơn rất nhiều. Phương pháp Cung Tha chọn dùng là “khiến cho Tề vương và Ngụy vương thừa nhận anh là người dùng được”. Còn phương pháp của Chu Táo là “Phải được Tề vương và Ngụy vương ủng hộ”. Đó rõ ràng là hai hàm nghĩa ở những tầng thứ cao thấp khác nhau.

Cách làm của Chu Táo là đưa quyền chủ động giao cho Tề vương, còn cách làm của Cung Tha là nắm lấy quyền chủ động trong tay mình.

Quyền chủ động trước khi hai người gặp nhau vừa chưa thuộc anh vừa chưa thuộc tôi. Vấn đề là ở chỗ ai sẽ nắm được quyền chủ động đó trước.

Cách Cung Tha dùng là khích nhân thuật. Khi vừa gặp nhau đã khiến cho Tề vương nghĩ rằng anh là người rất thần thông. Trước hết anh ta hỏi Tề vương có những yêu cầu và hy vọng gì đối với Ngụy vương, sau đó mới nói đến tôi sẽ làm hết sức mình để Ngụy vương thỏa mãn ngài. Như vậy sẽ làm

cho Tề vương hứng thú anh, kích phát, được lòng tôn trọng của vua đối với anh.

Tiếp theo, câu nói Cung Tha dùng mà đã từng đối được sự hậu đãi của Tề vương đó lại biến anh trở thành một nhân vật có quyền thế đối với Ngụy vương.

Khi hỏi Tề vương có yêu cầu gì đối với Ngụy vương, thực chất là nói Tề vương đối với Ngụy vương còn có những chỗ nào chưa thỏa mãn, hoặc là chưa yên tâm. Chỉ ra chỗ còn thiếu của nhu cầu an toàn của đối phương, sau đó nói rằng mình có thể đáp ứng được điều ấy, khiến cho đối phương nhận thức được mình và tôn trọng mình. Sự ảo diệu trong đó là ở chỗ Tề vương và Ngụy vương đều muốn dùng những người có ích cho mình.

Đối với những thanh niên mới vào đời, điểm này vô cùng quan trọng. Không phải để cho cấp trên biết mình là người tài hoa mà phải làm cho cấp trên biết mình là người có ích cho họ.

### **▲ Kế cắt con khát của Tào Tháo**

Cuối thời Đông Hán, Trương Tú cát cứ ở Nam Dương luôn đánh nhau với Tào Tháo. Năm 195 sau Công nguyên, Tào Tháo dẫn đại quân tiến đánh Trương Tú. Trên đường đến Uyển Thành, các binh sĩ liên tục ba ngày không được uống đủ nước. Miệng khát khô bỏng, có người đã tỏ ra oán hận.

Tào Tháo cảm thấy tinh thần của quân sĩ giảm sút rõ rệt, sợ như thế sẽ ảnh hưởng đến kết quả chiến đấu. Vì vậy Tào Tháo nghĩ ra một kế để động viên binh sĩ.

Tào Tháo ngồi trên lưng ngựa đột nhiên chỉ về phía trước mà nói: “Trước đây ta đã đi qua chỗ này, nhớ rằng hồi đó phía trước có một rừng mơ. Ta phải đi nhanh lên, đến đó vừa có thể tìm được nước, mà mơ cũng có thể giúp giải khát”.

Quân sĩ nghe nói thế bỗng nhiên tinh thần hồ hởi hẳn lên, trong miệng không ngừng ứa ra nước bọt làm giảm cơn khát và hăng hái tiến lên phía trước.

Cuối cùng họ đã tìm thấy nguồn nước.

### ***Phân tích kế cắt con khát***

Mục đích của Tào Tháo: điều chỉnh tinh thần thấp kém của binh sĩ để đề phòng sự nhiễu loạn ngoài ý muốn, ảnh hưởng chiến đấu.

Đối mặt với hiện trạng nhu cầu tâm lý của binh sĩ: binh sĩ liên tục mấy ngày thiếu nước uống, miệng khát nên dễ sinh ra oán hờn.

Sách lược thực thi: dùng rừng mơ để đưa lại sự an ủi về tâm lý cho binh sĩ, kích thích họ để tìm được nguồn nước mà cố gắng đi lên phía trước.

Nguyên lý sách lược: đối mặt với hiện trạng nhu cầu tâm lý của binh sĩ chưa được thỏa mãn, Tào Tháo chỉ có hai cách: một là giải quyết ngay vấn đề nguồn nước để binh sĩ được uống nước giải thoát cơn khát, sau đó tiếp tục hành quân; hai là đưa lại cho binh sĩ một sự an ủi về tâm lý để họ hi vọng mà đi tiếp.

Phương pháp thứ nhất rõ ràng là không thể giải quyết ngay, vì vậy Tào Tháo phải chọn phương án thứ hai.

Ông nói với binh sĩ: phía trước mặt có một rừng mơ. Những người đã từng ăn mơ đều biết: mơ rất chua, giòn, cắn một miếng thì nước ra đầy miệng, đến nỗi về sau khi nghe nói đến mơ đều không tránh khỏi ứa nước ra trong miệng.

Tào Tháo đã khéo léo lợi dụng tác dụng sinh nước bọt này của mơ để kích thích miệng của chiến sĩ ứa ra nước bọt, tạm thời làm giảm cơn khát đang cháy bỏng.

Ngoài ra trong mưu kế này còn lợi dụng hiệu quả tâm lý hi vọng.

Cái gọi là hi vọng là sự nhận thức có tính dự đoán về kết quả hành động, nó là sức mạnh tinh thần thúc giục người ta vươn lên thực hiện một mục tiêu nào đó.

Các nhà tâm lý học phát hiện: sự liên quan giữa mục tiêu và hi vọng càng chặt chẽ bao nhiêu thì tính khả năng thực hiện mục tiêu đó càng lớn cho nên tác dụng gây ra cũng rất to.

Lợi dụng tâm lý hi vọng là một loại mưu kế có hiệu quả của phương pháp kích thích chính diện. Trong xử lý mối quan hệ giữa con người, đồng thời cũng có hiệu quả rất đặc biệt.



### ▲ Kế sau lưng là sông nước của Hàn Tín

Năm 204 trước Công nguyên, Hàn Tín dẫn Hán quân sang đánh Triệu vương Hát. Triệu vương Hát và nguyên soái Trần Dư tập trung quân ở Tỉnh Hình Khẩu, chuẩn bị mở trận đánh lớn với Hàn Tín. Lần quyết chiến này là một trong những trận then chốt để Lưu Bang thống nhất Trung Quốc.

Khi đó quân Hán chỉ có hơn một vạn người, hơn nữa phần nhiều là tân binh mới trưng tập lại, không có kinh nghiệm tác chiến. Thế mà kẻ địch của họ lại đông hai mươi vạn.

Quân Hán vô cùng lo sợ.

Nhưng Hàn Tín lại tràn đầy tin tưởng cho quân sĩ vượt sông đón đánh giặc.

Vượt qua sông, Hàn Tín ngầm phái phục binh đi để chuẩn bị cướp trại giặc, số còn lại thì mệnh lệnh cho bố trí trận địa sau lưng là sông nước.

Nhiều bộ hạ đều cho rằng cách bày trận như thế không hợp với quân sự thường thức, nhưng không có ai dám chống lại quân lệnh.

Quân Triệu nhìn thấy quân Hán bày trận, đều cười Hàn Tín là kẻ không có năng lực, căn bản không hiểu binh pháp. Do đó tướng quân Triệu chỉ huy đại quân xông ra đánh.

Hán quân thậm chí chưa đánh đã rút cò xuống chạy về phía sông.

Khi quân Hán rút đến bờ sông, Hàn Tín liền hô lớn: “Chúng ta đã rơi vào tuyệt địa, ai tiến lên thì sống, ai rút lui thì chết”.

Sĩ khí của quân Hán bỗng nhiên hăng lên, với khát vọng muốn sống họ quay trở lại xông vào quân Triệu chiến đấu vô cùng dũng mãnh.

Quân Triệu kháng cự không nổi sự phản công của quân Hán, nên đành hạ lệnh rút lui. Khi rút về doanh trại của mình thì vô cùng kinh ngạc và hoang mang. Nguyên là Hàn Tín đã lệnh cho đội phục binh nhân lúc trại quân Triệu bỏ không, đã thay cò quân Hán lên. Quân Triệu thấy thế cho rằng đã thất bại và bỏ chạy lung tung không chỉ huy nổi nữa.

Quân Hán thừa thắng siết chặt gọng kìm, giết chết nguyên soái Trần

Dur, bắt sống Triệu vương Hát.

Sau khi thắng lợi, có người hỏi Hàn Tín: “Đó là trận pháp gì vậy?”.

Hàn Tín nói: “Trong Tôn Tử nói: rơi vào tuyệt địa thì sau đó sống, nằm vào vong địa thì sau đó còn. Đó thực chất là nói về trận pháp này, chẳng qua các vị chưa chú ý mà thôi. Lần chiến dịch này, quân ta vì là tân binh nên chưa được huấn luyện đầy đủ, có thể nói là đội quân ô hợp. Nếu đặt vào tình thế có thể sống thì khi đánh nhau sẽ bỏ chạy tán loạn. Đúng là vì mặt vào tử địa, cho nên mọi người phải cố gắng chiến đấu, lấy ít thắng nhiều”.

### ***Phân tích kế bày trận sau lưng là nước***

Mục đích của Hàn Tín: muốn dùng binh vừa thiếu vừa ít lại có thể đánh bại được quân Triệu đông hơn nhiều.

Đối mặt với hiện trạng như cầu tâm lý của quân Hán: chưa trải qua huấn luyện, ý chí chiến đấu yếu, hiện trạng tâm lý tham sống sợ chết nhiều, chứng tỏ khát vọng muốn sống của quân Hán rất cao.

Sách lược thực thi: bày trận sau lưng là nước tự tuyệt đường về để kích phát lòng ham sống của binh sĩ. Ý nghĩa của nó thống nhất với nguyên lý “rơi vào tuyệt địa thì sau đó sống”.

Tương tá và quân lính trên chiến trường ai cũng luôn quan tâm đến sự sống còn. Sợ chết là bản năng của con người. Nếu biết biến bản năng sợ chết này thành lòng ham muốn sống thì kết quả sẽ rất to lớn.

Hàn Tín trong trận quyết chiến này đã thực hiện thành công tư tưởng này. Ông đã đặt những người tân binh chưa được huấn luyện tốt của quán Hán vào trận địa sau lưng là sông nước. Đó là cách làm binh pháp không cho phép. Mục đích là làm cho quân Hán không có đường rút lui để kích phát lòng dũng cảm chiến đấu chống lại quân địch của họ, thắng thì sống, thua là chết.

Trong mưu kế này đã ứng dụng nguyên lý nhu cầu ngũ hành, âm dương chuyển hoá.

Thay đổi tính chất, trong nhu cầu biến dương thành âm, biến âm thành dương, tức là biến nhân tố tiêu cực thành nhân tố tích cực, biến nhân tố tích cực thành nhân tố tiêu cực. Đó là một loại mưu kế của kích nhân thuật.

## • NÉM GẠCH DẪN NGỌC<sup>1</sup>:

### MÔ THỨC THAM KHẢO

#### □ NHU CẦU NGŨ HÀNH SINH LÝ

Ta đặt câu hỏi: nhu cầu tâm lý của con người với tư cách là hiện tượng tâm lý, có hay không có mối quan hệ với hiện tượng sinh lý của con người?

Từ lý luận mà xét ta có thể nhận được câu trả lời là có. Song ta không thể dễ dàng, mau chóng, ngắn gọn để giải thích rõ được mối quan hệ đó.

Ở nước ngoài có những nhà khoa học đang tiến hành nghiên cứu có tính tổng hợp về vấn đề này. Việc xây dựng ngành tâm lý học của y học chứng tỏ trình độ nghiên cứu mà họ đã đạt được.

Sau khi các nhà y học phương Tây thừa nhận hiệu quả thần kỳ và kiến giải độc đáo của Trung Y thì họ đồng thời cũng phát hiện y học Trung Quốc chứa đựng tư tưởng tâm lý học rất sâu sắc và phong phú.

Các học giả Trung Quốc cũng ngày càng coi trọng những tri thức quý báu này của ông cha để lại. Sự hình thành ngành khoa học: “Tâm lý học Y học” là một đặc điểm mới trong sự phát triển Trung y học.

Một học giả Nhật Bản nói: đặc điểm căn bản nhất của Trung Y học là quan điểm “tâm thân nhất nguyên luận”. Con người được xem là một chỉnh thể, một vật thể sống, có tư tưởng tình cảm. Trong quan niệm “chính thể” nếu rút bỏ mất “hình, thần nhất thể” thì quan niệm đó không còn “linh hồn” nữa.

Trong “biện chứng luận trị”, “vì con người cụ thể mà định đoạt, nếu coi nhẹ các vấn đề về tâm lý như: đặc điểm tâm thần của cá thể đó, tình trạng

---

1 Vứt gạch ra, đưa ngọc trở về. Thi nhân Thường Kiến đời nhà Đường nghe nói Triệu Hồ sẽ đến Tô Châu thì đoán rằng : nhất định ông ta sẽ tới chơi chùa Linh Diêm, nên viết trước lên tường chùa hai câu thơ, để Triệu Hồ sau khi nhìn thấy sẽ đề tiếp hai câu nữa cho thành bài thơ. Về sau hai câu của Thường Kiến không hay bằng hai câu của Triệu Hồ . Vì vậy mà nói cách làm đó của Thường Kiến là”Ném gạch dẫn ngọc”. Về sau dùng ẩn dụ này để nói : đầu tiên nói lên ý kiến hay văn chương thô thiển của mình để dẫn dụ ý hay hoặc văn hay của người khác đến, biểu thị sự khiêm tốn.

tính tình của người bệnh, sự đau khổ hay vui vẻ của người bệnh trước hoàn cảnh, môi trường, v.v... thì sẽ mắc sai lầm nghiêm trọng. Điều đó chứng tỏ Trung Y học rất coi trọng hiện tượng tâm lý. Có thể nói một trong những thuộc tính cơ bản của Trung y học là coi trọng hiện tượng tâm lý.

Y học Trung Quốc chú trọng đến “dưỡng tâm điều thần”, “kéo dài tuổi thọ”. Trong trị liệu thì “hình” và “thần” đều coi trọng, trị bệnh tổng thể, điều lý tổng hợp, tổng kết ra những tri thức về phương diện tâm lý y học rất phong phú. Song cho đến nay, những tri thức này trong hệ thống Trung Y, cho dù đã có nhiều người tiên hành tổng kết khá rộng rãi và phong phú, nhưng lý luận tâm lý học cao cấp của Trung y vẫn còn chưa đạt đến độ nhuần nhuyễn, thuần thục.

Ở đây chúng ta cũng chỉ bàn về phương diện mối quan hệ giữa tâm lý và hiện tượng sinh lý với tính chất, là để tham khảo.

### **▲ Nhu cầu ngũ hành tạng phủ**

Y học Trung Hoa ứng dụng học thuyết ngũ hành tức là ứng dụng phương pháp phân loại thuộc tính ngũ hành của các sự vật và quy luật biến hoá sinh khắc để giải thích cụ thể các hiện tượng bệnh lý sinh lý của nhân thể, đồng thời để chỉ đạo thực tiễn lâm sàng.

Nhân thể ứng dụng học thuyết ngũ hành, trước hết là ứng dụng sự phân loại ngũ hành đối với các tạng phủ. Ví dụ, can có tác dụng sinh phát, mộc cũng có đặc trưng sinh phát, cho nên nói “can thuộc mộc”; tâm dương có tác dụng ôn nhiệt, hỏa cũng có đặc trưng ôn nhiệt, cho nên “tâm thuộc hỏa”; tì là nguồn gốc của sự sinh hoá, thổ có đặc tính sinh hoá cho vạn vật, cho nên “tì thuộc thổ”; phế có tác dụng tức sát, kim có đặc trưng thanh tức, thu liễm, cho nên “phế thuộc kim”. Thận âm có tác dụng tư dưỡng toàn thân, thủy có đặc tính tư nhuận vạn vật, cho nên “thận thuộc thủy”. Tương tự, vì can và đờm là biểu (bề mặt) lý (bên trong) với nhau, cho nên “đờm cùng thuộc mộc”; tâm và tiêu trường là biểu lý, nên “tiêu trường thuộc hỏa”; tì và vị biểu lý, cho nên “vị cũng thuộc thổ”; phế và đại tràng biểu lý, cho nên “đại tràng cũng thuộc kim”; thận và bàng quang biểu lý, nên “bàng quang cũng thuộc thủy”.

Khi ta đem năm loại nhu cầu của con người quy nạp về ngũ hành và lấy ngũ hành để giải thích nhu cầu thì chúng ta đã ý thức được mối quan hệ giữa nhu cầu và tạng phủ. Năm 1987 khi thành lập Trung tâm hàm thụ về phương pháp học tập của tỉnh Cát Lâm, chúng tôi đã viết giáo trình đầu tiên về “Nhu

cầu ngũ hành”, đồng thời dự kiến xây dựng phương pháp khắc phục các trở ngại tâm lý trong học tập. Chúng tôi đã tiến hành điều tra với tất cả học viên. Nội dung điều tra theo mẫu biểu dưới đây:

Họ tên	Nam/Nữ	Tuổi	Dân tộc			
Ngày sinh	Dương lịch Âm lịch	Giờ Ngày Tháng Năm				
Tự lựa chọn kể quả rồi đánh dấu x vào bảng sau:						
Anh/chị cho rằng tính cách của mình thuộc hành nào	Mộc	Hoả	Thổ	Kim	Thủy	
Nhu cầu nào anh/chị cảm thấy ít thỏa mãn nhất	Tôn trọng	Thành tích	Sinh lý	An toàn	Giao tiếp	
Tính tình hàng ngày thường biểu hiện	Phẫn nộ	Vui mừng	Lo âu	Đau buồn	Hoảng sợ	
Sức lực của anh/chị vượng nhất vào mùa nào	Xuân	Hạ	Giữa hạ	Thu	Đông	

Khẩu vị thích gì	Chua	Đắng	Ngọt	Cay	Mặn
Thích màu gì	Xanh	Đỏ	Vàng	Trắng	Đen
Có bệnh với tạng gì	Gan	Tâm	Lá lách	Phổi	Thận
Có bệnh ở bộ phận nào	Mắt	Ruột non	Dạ dày	Ruột già	Bàng quang
Biểu hiện thường ngày	Hồ to	Cười		Khóc	Rên
Trong ngày cảm thấy ít thoải mái nhất vào lúc	Sáng sớm	Buổi trưa	Chiều	Chiều tối	Nửa đêm

Tình hình phản hồi các bản điều tra, vì nhiều nguyên nhân nên không thu được đầy đủ. Nhưng qua mấy trăm bảng kết quả điều tra, cũng đủ giúp chúng ta rút ra được một số kết luận.

Về sau trong quá trình học tập chúng tôi lại tìm được một số ví dụ để chứng minh cho kết quả điều tra đó. Ví dụ có một bác sĩ tên là Ausser đã chứng minh nhu cầu thành tích có quan hệ đến các bệnh về “tâm tạng” (bệnh về tim). Ông phát hiện những người có bệnh đau tim phần lớn là những người hiếu thắng và tính tình bùng bột.

Có hai bác sĩ người Mỹ còn đem những người có tính hiếu thắng: mạnh, chỉ biết buôn bán kiếm tiền với bất cứ giá nào, ngay đến ăn cơm và nghỉ ngơi cũng thường bỏ quên, liệt vào loại người này và gọi đó là “người loại A”. Dem những người tính tình trầm tĩnh, thản nhiên, không đua tranh, hiếu thắng xếp vào loại người khác gọi là “người loại B”. Họ tiến hành quan sát một cách hệ thống 3500 nam giới trong thời gian 2 năm 8 tháng, kết quả trong số được quan sát này có 257 người phát sinh bệnh co thắt động mạch vành, chiếm hơn 70% nhóm “người loại A”.

Ngoài ra kết quả điều tra của chúng tôi cũng chứng tỏ những người có nhu cầu tôn trọng quá mạnh thì can (gan) của họ thường không tốt; những người quy luật sinh hoạt bị nhiều loạn phần nhiều là những người nhu cầu sinh lý không được thỏa mãn đầy đủ. Ví dụ như lái xe, thanh niên độc thân hoặc những người thường xuyên đi công tác.

Tác phẩm cơ bản nhất của Trung y học - “Nội kinh”, sau khi nêu ra “Thuyết tạng tượng” cũng đã xác định được phương pháp lý luận của Trung y. Phương pháp này chính là “lấy tượng để quan sát”. Căn cứ các hình tượng của tự nhiên như sự vận động của thiên khí và các ngôi sao để liên tưởng đến nhân thể; lấy địa tượng, các tuyến nước, mùa xuân sinh nở, mùa đông thu tàng của vạn vật, tất cả đó đều là “biểu” để suy ra “lý”, tức lấy bên ngoài suy ra bên trong, thông qua hiện tượng bên ngoài để nhận biết hiện tượng tâm lý.

Về sau mặt này được Chư Tử ứng dụng rộng rãi trong thực tiễn y học. Ví dụ, Tôn Tư Mạc là đại gia Trung Y nổi tiếng đời Đường, trong hệ thống biện chứng luận trị của các tạng phủ do ông hoàn thành, đối với bệnh chức năng của tim đã được bàn đến như sau: “Tâm chủ về thần. Thần là tinh gốc của ngũ tạng, là đế vương giám lệnh của bốn phương. Cho nên bất kỳ vật nào cũng có thần tâm. Tâm tăng thần. Tâm khí hư thì người hay đau buồn, tâm khí thực thì hay cười nói Tâm được bàn đến ở đây phản ánh một sự vật khách quan, khi nó quá mức thì dễ tạo thành tâm bệnh. Người tính tình hay đau khổ hoặc cười nói thất thường thì đó là những căn cứ biện chứng để xác định tâm bệnh hư hay thực.

Trương Nguyên Tố đời nhà Tống đã sáng lập ra học phái về bệnh của tâm tạng, cũng gọi là “học phái dịch thủy”. Ông đã nghiên cứu bệnh chức năng của ngũ tạng và rất chú trọng đến tâm lý. Lấy thực, hư của tạng phủ làm đề cương, căn cứ vào các hiện tượng tâm thần như sự cảm biết, tính tình, mộng寐, trạng thái tinh thần, v.v... để trình bày vấn đề một cách có hệ

thống.

Phương pháp “lấy hiện tượng để quan sát” đối với phương pháp “Bàn về mối quan hệ giữa nhu cầu ngũ hành liên quan với hiện tượng sinh lý” của chúng ta có một ý nghĩa rất to lớn. Nhất là những nghiên cứu và phát hiện độc đáo của các vị tiên bối, ví dụ: “Lý luận bệnh tâm lý chức năng của ngũ tạng” của Trương Nguyên Tổ là một bằng chứng rất có ích đối với chúng ta.

Trương Nguyên Tổ cho rằng: người can hư luôn cảm thấy đầu đau, tai ù, ngực hông căng tức như có người đè lên, không ưa người khác nói nhiều. Điều đó rất giống với biểu hiện của những người nhu cầu tôn trọng không được thỏa mãn. Ta thường nghe câu: “Tức bầm gan!”, “Anh nói mà tôi thấy đau đầu!”. Đó phần nhiều là những lời nói tỏ vẻ bức tức khi lòng tự tôn bị tổn thương. Ngược lại những người đau gan thường cảm thấy ngực hông đau ngâm. Những người dễ vui, dễ giận là những biểu hiện giống với người mà nhu cầu tôn trọng được thỏa mãn quá nhiều. Những người như thế thường có cảm giác mơ hồ, bồng bềnh, cũng giống như người được nâng lên thật cao. Loại người này rất điển hình trong số những người cuộc sống quá đầy đủ.

Những người tâm hư, vùng ngực, vùng bụng, vùng thắt lưng thường hay thấy đau, tính tình hay lo sợ, kinh hoảng, lo lắng không vui. Những người này tính tình thất thường, hay cáu gắt, bồn chồn. Những hiện tượng này biểu hiện nhu cầu thành tích không được thỏa mãn. Người nhu cầu thành tích không được thỏa mãn thường hay hồi hộp lo lắng, sợ việc đang làm bỗng nhiên bị thất bại hoặc bị đổ vỡ. Họ thường biểu hiện không bình tĩnh, thiếu lòng tự tin cần thiết. Còn những người mà nhu cầu thành tích được thỏa mãn quá nhiều thì thường hay cười nói liên miên, đi đến đâu cười đến đó, thể hiện không chín chắn, không lão luyện, thường hay làm những việc thất thường, thích nói ba hoa. Giống như những người “tâm thực” mà Trương Nguyên Tổ đã miêu tả: “người sốt xương đau, cười nói liên miên, ăn nói ba hoa,,, “

Tì thuộc thổ, hợp với nhu cầu sinh lý. Biểu hiện bất cập là: ngực đầy hơi, đoản khí; biểu hiện thái quá là: bụng đầy, dạ dày đau, tứ chi nặng nề, tâm phiền, ăn nói hoảng loạn, trèo lên cao mà hát, cởi áo mà đi. Những biểu hiện này rất giống với hành động của những người tâm thần.

Người phế hư có biểu hiện: bả vai đau lạnh, hông căng chướng, lo lắng, bức bối. Khi một người mà nhu cầu an toàn không được thỏa mãn thì hay cáu gắt, buồn phiền, hay chửi mắng người khác vô cớ. Người “phế thực” thì:



ngực đầy, lưng đau, thở khó khăn, người nóng, mắt hoa. Ví dụ khi anh vừa thoát khỏi tay của một tên tướng cướp thì tỉnh tỉnh, tâm trạng của anh lúc đó sẽ giống như một người “phế thực” vừa nói ở trên. Trên màn ảnh, truyền hình chúng ta cũng thường thấy những hình ảnh như thế. Đó là những ví dụ đã được cường điệu. Hoặc khi đi qua đường suýt bị ô tô đâm thì nhất định lúc đó ta hoảng hốt, thở dốc, người ngáy sột.

Thận có mối quan hệ với nhu cầu giao tiếp. Trương Nguyên Tổ cho rằng: người thận hư luôn cảm thấy: “Bụng dưới đầy, hai tai ù, tim hồi hộp”. Điều đó giống như người nhu cầu giao tiếp không được thỏa mãn, thường lo lắng không biết người khác nhìn mình ra sao, mình có hợp với họ không. Còn đối với người nhu cầu giao tiếp được thỏa mãn quá mức thì không biết phải xử lý mối quan hệ giao tiếp ra sao, thường vì quen biết nhiều mà nhàm chán không tiếp đãi nhiệt tình ai. Trương Nguyên Tổ cho rằng người “thận thực” thường cảm thấy lưng đau, đau dưới rốn, sống lưng và tâm phiền, ý loạn.

Qua sự phân tích trên đây, mặc dù chưa thật hệ thống và chặt chẽ nhưng cũng làm cho ta thấy được:

Các nhà y học Trung Quốc là những nhà khoa học từ rất lâu đã nghiên cứu mối quan hệ giữa hiện tượng tâm lý và hiện tượng sinh lý.

2) Giữa nhu cầu ngũ hành và ngũ tạng chắc chắn có một mối quan hệ mật thiết. Mối quan hệ này là có thể cảm thấy được.

Dưới đây chúng ta theo hệ thống lý luận ngũ hành của các nhà tiên triết Trung Quốc, thử bàn về mối quan hệ hiện tượng sinh lý với các nhu cầu của ngũ hành như âm thanh, màu sắc...

### **▲ Nhu cầu ngũ hành với âm thanh, màu sắc, mạch, khí, lao**

Các tiên triết Trung Quốc cổ đã sáng lập ra học thuyết ngũ hành, phạm vi ứng dụng rất rộng. Nó trở thành phương pháp luận của người Trung Quốc cổ nghiên cứu thế giới. Có thể nói đó là một mô thức vũ trụ do người Trung Quốc cổ sáng tạo nên. Chúng ta từ phương diện Trung y học có thể tìm thấy đầy đủ các chứng cứ trong đó.

Trung y nghiên cứu con người như là một tiểu vũ trụ. Lý luận dùng để nghiên cứu tất nhiên là học thuyết ngũ hành. “Nội kinh” không những dùng ngũ hành để chỉ đạo và quy nạp năm tạng phủ của con người mà còn căn cứ

vào thuộc tính của ngũ hành để tiến hành quy nạp: âm, sắc, mạch, khí, lao nhằm nói rõ tác dụng của mỗi cái là khác nhau.

Chúng ta không thể nói rõ nhận thức này có bao nhiêu thành phần hợp với khoa học, càng khó nói rõ nó có mối liên hệ với nhu cầu ngũ hành khẳng định ra sao. Song nó có thể đem lại cho ta một số gợi ý. Trước khi chưa tìm được một lời giải có tính lý luận rõ ràng thì cảm tính cũng đã giúp chúng ta rất nhiều.

Lấy âm thanh mà nói, một người đang tức giận, thì nhất định sẽ gấp gáp, khí của các phủ bốc lên, từ xưa đã thường nói “tức phát hùng lên”, tiếng nói phát ra cao gắt, nặng nề. Người mà lòng tự tôn quá mức và hay tức khí, người ta thường gọi đó là người “tính chua”. Những người này thường chú ý lật vặt, chỗ nào cũng máy móc, cho nên phần nhiều họ là kẻ không có sức mạnh, vì tất cả sức lực đã dồn vào mưu kế, lo toan lật vặt nên làm cho gân cốt bị tổn thương.

Lại ví dụ như người nhu cầu thành tích quá mạnh thì hay cười, hơn nữa tiếng cười hùng hồn, vang xa. Nhưng những người này vì quá vận dụng tâm cơ cho liên mạch có thể bị tổn hại, mà mạch là đường thông của khí, do đó có thể đây là nguồn gốc những người này dễ bị mắc bệnh.

Nhân thể là một chỉnh thể hữu cơ, động đến một bộ phận thì sẽ liên, quan đến toàn thân. Chỉ cần chúng ta nghiên cứu công phu chắc còn có thể tìm thấy những mối liên hệ sâu sắc hơn thế nữa.

Dưới đây ta thống kê thành một bảng thể hiện các mối quan hệ giữa nhu cầu ngũ hành với âm sắc, mạch khí, v.v... trên cơ sở đó để tìm ra mối liên hệ giữa chúng.

<b>Ngũ hành</b>	<b>Mộc</b>	<b>Hoả</b>	<b>Thổ</b>	<b>Kim</b>	<b>Thủy</b>
<b>Nhu cầu</b>	<b>Tôn trọng</b>	<b>Thành tích</b>	<b>Sinh lý</b>	<b>An toàn</b>	<b>Giao tiếp</b>
<b>Tính tình</b>	Nói to  Nóng vội	Cười vang	Hay hát và chậm chạp	Hay khóc, thôi thúc	Than thở
<b>Âm thanh</b>	<b>Gấp gáp</b>				
<b>Mạch</b>	<b>Giác Huyền,</b>	<b>Vi Trầm, rời</b>	<b>Cung Huyền,</b>	<b>Thương Nổi,</b>	<b>Vũ Trầm,</b>

<b>tượng</b> <b>Khí</b>	<b>chìm</b> <b>Kha</b>	<b>rạc</b> <b>Suy</b>	<b>yếu</b> <b>Xi</b>	<b>nhanh</b> <b>Xuy</b>	<b>chậm</b> <b>Hạ</b>
	<b>khí thốc lên</b>	<b>khí hoãn</b>	<b>khí kết</b>	<b>khí giảm</b>	<b>khí hạ xuống</b>
<b>Vị</b>	<b>Chua</b>	<b>Đắng</b>	<b>Ngọt</b>	<b>Cay</b>	<b>Mặn</b>
<b>Mệt nhọc vì</b>	<b>Muru tính</b>	<b>Tính toán thời cơ</b>	<b>Suy nghĩ miên man</b>	<b>Lo lắng vì công việc</b>	<b>Trù trù chậm chạp</b>
<b>Màu sắc</b>	<b>Xanh</b>	<b>Đỏ</b>	<b>Vàng</b>	<b>Trắng</b>	<b>Đen</b>
<b>Hình dạng</b>	<b>Thẳng</b>	<b>Nhọn, sắc</b>	<b>Vuông</b>	<b>Tròn</b>	<b>Cong</b>
<b>Thái độ</b>	<b>Lễ độ</b>	<b>Thẳng thắn</b>	<b>Lo lắng</b>	<b>Vâng lời</b>	<b>Tin theo</b>
<b>Thần hồn</b>	<b>Hồn</b>	<b>Thần</b>	<b>Ý chí</b>		<b>Trạng thái tinh thần</b>

### ▲ Nhu cầu ngũ hành và tính tình

Tính tình là trạng thái tâm lý hưng phấn sinh ra khi con người tiến hành một hoạt động nào đó. Các tiên triết Trung Quốc có cho rằng: tính tình là biểu hiện của công năng sinh lý. Theo lý luận phân loại ngũ hành tại phủ, người ta đem so sánh trạng thái tính tình với nam loại ngũ hành. Nguyên tắc và phương pháp của sự phân loại này bắt đầu ở “Nội kinh”. Cụ thể phân thành: chí (tính tình đặc trưng) của gan mộc là nộ (bực tức), chí của tâm là lo âu, V.V.. Điều đó chứng tỏ khi chí của tạng phủ nào đó quá mạnh, lâu ngày không được điều chỉnh thì tạng phủ đó có thể sẽ trị bệnh. Đó là các tiên triết Trung Quốc cách đây 2000 năm đã phát hiện ra mối quan hệ giữa tính tình và bệnh tật.

Vương Bỉnh đời Đường có viết cuốn sách “Tổ vấn thích nghĩa”, đã giải thích rõ những điều trong “Nội kinh” có liên quan với ngũ chí tính tình đặc trưng của năm tạng). Có thể nói một cách tổng quát rằng sự biểu hiện bên ngoài của tính tình là sự thể hiện của nội tâm bên trong. Điều đó chứng tỏ nguyên nhân tạo thành bệnh tật là do một tạng nào đó sau khi bị tổn thương thì dễ bị cảm nhiễm bởi những yếu tố bên ngoài.

Trước hết ta hãy xem Vương Bỉnh đã định nghĩa ngũ chí như sau: ông

cho rằng: “hỉ là sự vui vẻ, tức hòa bình; “nộ” là sự phản đối những cái không nhất trí với mình; “lo âu” là sự lo lắng tư lự; “hoảng sợ” là sự lo sợ và chán ghét.

Theo định nghĩa của Vương Bạng chúng ta có thể thấy được nhu cầu của con người có quan hệ tinh vi và huyền diệu với tính tình. Ví dụ sự thỏa mãn nhu cầu thành tích luôn luôn đem lại cho người ta một cảm giác hạnh phúc tươi vui. Nội tâm này hoàn toàn khác với người vừa mới thoát khỏi hiểm nguy sống sót. Sự đòi hỏi về nhu cầu thành tích thực chất cũng là sự khát khao, muốn nếm mùi ngọt ngào của thành đạt.

Khi nhu cầu tôn trọng không được đáp ứng, tính tình biểu hiện thành sự phản nộ, ngăn cấm người khác đi ngược lại với mình, muốn người khác phục tùng mình. Khi nhu cầu này không được thỏa mãn thì sự phản nộ sẽ phát sinh. Vương Bạng giải thích rằng sự phản nộ của con người là để uy hiếp người khác. Trong cuộc sống thường ngày, con người phản nộ phần nhiều là vì người khác đã làm tổn thương lòng tự trọng của anh ta.

Sự lo lắng về nhu cầu sinh lý biểu hiện thành sự suy tư. Suy tư tức là lo xa. Nhu cầu sinh lý là nhu cầu đầu tiên của con người, cũng là nhu cầu căn bản nhất. So với các nhu cầu khác thì nhu cầu sinh lý là thấp nhất, cơ bản nhất. Trong một xã hội ổn định, sự thỏa mãn nhu cầu sinh lý thường biểu hiện không rõ nét. Nhưng đó lại là tâm lý người ta “muốn được”. Loại tâm lý này nằm sâu trong tầng tâm lý của con người. Ví dụ: thấy người khác đi ô tô, tự mình cũng muốn có ô tô. Tất cả mọi người đều có tâm lý “muốn được” này. Trên cơ sở đó lòng ham muốn về sự nghiệp, giao tiếp sẽ được nảy sinh.

Mối quan hệ giữa sự lo lắng và tâm lý giao tiếp cũng rất chặt chẽ. Sở dĩ người ta muốn giao tiếp là vì người ta sợ cô độc. Sự lo lắng là một trong những tình cảm nguyên thủy nhất của con người, nó sản sinh ra từ sự lo sợ trước môi trường chung quanh. Thời nguyên thủy người ta phải sống thành bầy chính là vì thế. Con người không dám sống đơn độc trong môi trường rừng rậm, và đầy rẫy sự uy hiếp xung quanh. Vì vậy họ phải quần tụ với nhau thành tập thể và giao lưu lẫn nhau, giúp đỡ nhau, quan tâm nhau. Cho nên nói lo sợ là nguyên nhân chủ yếu sản sinh ra nhu cầu giao tiếp.

Các tiên triết Trung Quốc cho rằng: ngũ chí của con người dưới sự chi đạo của nguyên lý ngũ hành, có quan hệ tương sinh, tương khắc với nhau. Tức là: lo sợ thắng vui mừng, đau buồn thắng phản nộ, vui mừng thắng ưu phiền, phản nộ thắng suy tư, suy tư thắng lo sợ. Điều đó chứng tỏ giữa các

tính nết có tác dụng điều tiết không chế lẫn nhau.

Trong quá trình điều chỉnh để đạt tới mục đích “nhân hoà” phải chú ý đầy đủ và ứng dụng nguyên lý sinh khắc giữa các tính tình, nắm vững nhu cầu tâm lý của con người. Khéo vận dụng thì sẽ đạt được hiệu quả kỳ diệu. “Bi thương có thể trị được phần nộ, dùng lời lẽ thống thiết để cảm hoá; vui mừng có thể trị được buồn phiền, dùng lời lẽ vui vẻ để dịu sự đau thương; lo sợ có thể trị được vui mừng, lấy nỗi bất hạnh, tai hoạ để giảm thấp sự vui mừng; phần nộ có thể trị được suy tư, dùng sự hăm dọa, làm nhục để đánh tan sự lo âu; suy tư có thể trị được lo sợ. Đó là nguyên lý tương khắc về tính tình trong y học Trung Quốc. Nó sản sinh ra từ trong đời sống và cũng để phục vụ cuộc sống.

Cuốn “Nho lâm ngoại sử”, một trước tác kinh điển nổi tiếng của Trung Quốc viết về câu chuyện của Phạm Tiến thi đỗ. Ngài họ Phạm này mấy lần thi hỏng, về sau thi đỗ, vì vui mừng quá mức mà tâm hỏa công vào tâm, thành bệnh điên. Để cứu vãn, có người đã đưa ra ý kiến dùng sự uy hiếp để phục hồi, kết quả đã biến bi cảnh thành sự vui mừng, cứu được cuộc đời cho Phạm Tiến. Phương pháp uy hiếp dùng ở đây là dùng thận thủy khắc tâm hỏa.

Lại ví như Gia Cát Lượng khích Chu Du tức là vận dụng nguyên lý tương sinh, Nhờ đó mà khiến cho nhu cầu tôn trọng của Chu Du bị đả kích, ban đầu khi mới thiết kế mưu kế thì sợ bị lộ, khi mưu kế đã bại lộ thì bèn biến thành phần nộ. Đó là sự thể hiện “lo sợ” có thể biến thành “phần nộ”.

Sách “Nam thực tân chí” có ghi chép câu chuyện như sau: võ sư Đào Lý nổi tiếng khắp thiên hạ, được mệnh danh là Thiết Kim Cương. Một hôm ở nhà đang dạy môn đồ, bỗng nhiên bò ra đất không đi được. Học sinh nghĩ là thầy bị trúng phong, chạy đi mời thầy thuốc. Thầy thuốc đến xem, nói: “Đây không phải là bệnh trúng phong”. Nói xong thầy thuốc to tiếng mắng: “Đồ nhãi nhép, thế mà dám tự xưng là Thiết Kim Cương, mau lại đây đấu với ta”. Vừa nói xong thì võ sư bật đứng dậy, chạy đến chỗ thầy thuốc. Thầy thuốc cười lớn nói: “Bệnh của anh đã khỏi!”.

Vị võ sư được mệnh danh là Thiết Kim Cương này sở dĩ bò ra đất không đi được là vì quá lo lắng về một vết thương nhỏ sợ thành tật. Theo lý luận nhu cầu ngũ hành tức là nhu cầu sinh lý “thô” quá thịnh. Thầy thuốc vừa đến cửa đã khẳng định đây không phải là bệnh trúng phong mà là bệnh tâm quá lo lắng. Cho nên lợi dụng thanh danh Thiết Kim Cương để kích nộ

anh ta. Võ sư vì bảo vệ danh dự và lòng tôn trọng của mình nên đã cố gắng đứng dậy quyết đấu. Tức là dùng nhu cầu tôn trọng “mộc” để khắc nhu cầu sinh lý “thỏ”, từ đó mà lấy sự phần nộ thắng sự suy tư, kết quả là không thuốc mà khỏi.

Qua đó có thể thấy sự vận dụng sinh khắc của ngũ chí luôn luôn gắn chặt với nhu cầu tâm lý.

## □ NHU CẦU NGŨ HÀNH VỚI THỜI THÁI

Thời thái vốn là từ thuộc phạm trù ngữ pháp, dùng nó để chỉ một động tác đã phát sinh vào thời gian nào đó. Nói chung người ta chia thời thái ra thành ba thì: thì hiện tại, thì quá khứ và thì tương lai. Ở đây ý nghĩa của thời thái mà ta sử dụng là trạng thái của một hoạt động tại một thời điểm nào đó. Hoạt động tâm lý tuy là hoạt động vô hình, nhưng bản thân nó có thể chia thành vài giai đoạn. Mỗi giai đoạn có đặc thù riêng, ta gọi đó là thời thái.

Các tiên triết Trung Quốc cổ luôn gắn chặt với quan niệm thời gian để nhận thức vạn sự, vạn vật. Trong phần “Thiên thời” ta đã bàn về vấn đề này. Ở đây điều mà ta muốn thảo luận là mối quan hệ giữa hoạt động tâm lý với thời gian, cũng có thể, xem là một phần thuộc phần “Thiên thời”. Vì trong phần Thiên thời ta chưa đề cập đến lý luận nhu cầu ngũ hành, nên đành phải thảo luận ở đây.

Người xưa nghiên cứu ngũ hành thường chú trọng đến hai góc độ. Góc độ bên trong chú trọng đến trạng thái phát triển của bản thân mỗi hành trong ngũ hành; góc độ bên ngoài chú trọng đến trạng thái phát triển của mỗi hành trong một đơn vị thời gian đặc biệt.

Ở đây ta cũng sẽ bàn trên hai góc độ đó.

### ▲ Vượng, tướng, hưu, tù, tử với nhu cầu ngũ hành

Vượng, tướng, hưu, tù, tử đó là những khái niệm đặc biệt mà các tiên triết Trung Quốc cổ đặt ra cho ngũ hành.

Vượng tức là vượng, ý là để vượng, chỉ sự thịnh vượng, nó cùng nghĩa với chữ “đỉnh cao” mà thường ngày ta hay dùng.

Tướng là tể tướng, vì so với đế vượng còn kém một cấp nên gọi là vượng vừa, tương đương với nghĩa “tốt” ta nói thường ngày.

Hưu tức là nghỉ ngơi, nghỉ hưu, biểu thị thể lực bắt đầu suy giảm.

Tù là bị cầm tù, luôn luôn bị hạn chế, không được như ý.

Tử là tử vong, không có lực tái sinh.

Các tiên triết Trung Quốc cổ thông qua vượng, tướng, hưu, tù, tử đem

phân chia quá trình phát triển của mỗi hành trong ngũ hành thành năm trạng thái. Sự phân chia này phản ánh nhận thức biện chứng đối với quá trình phát triển của sự vật, không xem sự vật một cách tĩnh tại.

Dưới đây chúng ta khái quát vắn tắt năm loại trạng thái và quan hệ của mỗi hành đối với các hành khác.

Mộc vượng Hỏa tướng Thủy hưu Kim tù Thổ tử

Hỏa vượng Thổ tướng Mộc hưu Thủy tù Kim tử

Kim vượng Thủy tướng Thổ hưu Hỏa tù Mộc tử

Thủy vượng Mộc tướng Kim hưu Thổ tù Hỏa tử

Thổ vượng Kim tướng Hỏa hưu Mộc tù Thủy tử

Từ sự khái quát trên ta có thể phát hiện quy luật như sau: khi một hành nào đó ở trạng thái vượng thì hành mà nó sinh ra ở trạng thái vượng vừa, hành sinh ra nó ở trạng thái hưu, hành khắc nó ở trạng thái tù, hành bị nó khắc ở trạng thái tử.

Lấy mộc làm ví dụ, khi mộc vượng, hỏa được mộc sinh ra ở trạng thái vượng vừa, thủy sinh mộc ở trạng thái hưu, kim khắc mộc ở trạng thái tù, thổ bị mộc khắc ở trạng thái tử. Nguyên nhân là vì khi mộc vượng thì con do nó sinh ra cũng nhờ mẹ vượng mà được vượng, nhưng không vượng bằng mẹ nên gọi là vượng vừa. Còn mẹ của mộc là thủy, vì con đã vượng nên nhiệm vụ của mẹ đã hoàn thành, nên mẹ được hưu, nghỉ ngơi. Vì mộc vượng, kim khắc phạt khó, do đó kim tù. Còn thổ bị mộc khắc tức thổ gặp tai ương, do đó thổ tử.

Năm loại trạng thái này của ngũ hành đã đem lại sự gợi ý rất lớn đối với nhận thức nhu cầu tâm lý của ta. Ta biết rằng nhu cầu tâm lý với tư cách là một hoạt động tâm lý cũng sẽ có những trạng thái phát triển khác nhau. Bây giờ ta giả thiết nó có năm loại trạng thái: vượng, tướng, hưu, tù, tử, ta có thể phát hiện một quy luật khác.

Khi nhu cầu tôn trọng mãnh liệt thì nhu cầu thành tích cũng sẽ tương đối mạnh, còn nhu cầu giao tiếp tỏ ra mà nhạt, nhu cầu an toàn và nhu cầu sinh lý đều ở mức thấp nhất. Ta có thể qua câu chuyện Yếu Ly đâm Khánh Kị để chứng minh điểm này. Yếu Ly là tay hảo hán cừ khôi trong vùng. Anh



ta luôn muốn trở thành một hiệp sĩ lừng danh. Sau khi nhận lời thỉnh cầu của Hạp Lư, anh ta nghĩ rằng đây là thời cơ để mình có thể nổi tiếng. Sau lần thứ nhất giết Khánh Kị bị bại lộ, anh ta đã tự chặt đứt một cánh tay và giết chết vợ con của mình để làm cho Khánh Kị hết nghi ngờ và về sau còn tín nhiệm sử dụng. Việc chặt đứt cánh tay và giết vợ con chứng tỏ nhu cầu tôn trọng và nhu cầu thành tích của Yếu Ly rất vượng, dẫn đến nhu cầu an toàn và nhu cầu sinh lý suy nhược. Hay nói cách khác để thực hiện hai nhu cầu trước, Yếu Ly đã vứt bỏ hai nhu cầu sau làm giá phải trả. Lúc đó nhu cầu giao tiếp đã trở nên rất quan trọng, vì vậy nếu không bị tổn hại thì không thể thực hiện nhu cầu giao tiếp được. Chúng ta còn có thể dùng ví dụ Từ Hi buông rèm chấp chính để nói rõ trạng thái của các nhu cầu khác khi nhu cầu thành tích rất thịnh. Từ Hi sau khi thắng thế, rất muốn thực hiện lý tưởng trở thành Nữ hoàng. Bà ta muốn phượng ở trên, rồng ở dưới. Sau khi Hàm Phong chết, bà cho rằng cơ hội đã đến, liền phát động cuộc chính biến cung đình, giết chết phái phản đối trong triều. Lúc đó ngoài đã tâm đang bốc lên hùng hực thì Từ Hi không hề nghĩ đến người khác sẽ nói gì về mình, cũng không cần thông qua thủ đoạn giao tiếp để bàn bạc với phái phản đối, càng không hề nghĩ đến nếu thất bại sẽ bị phân thân làm trăm mảnh ra sao. Bà chỉ biết dùng trí tuệ và lòng ác độc của mình để phát động một cuộc tàn sát, khiến cho bà trở thành Lão Phật bà đứng trên hàng vạn người. Chúng ta dùng lý luận ngũ hành vượng tướng để miêu tả như cầu tâm lý của Từ Hi Thái hậu như sau:

Hỏa vượng: thực hiện dã tâm thao túng triều đình. Dã tâm đó sau khi Hàm Phong chết đã trở thành vô cùng thịnh vượng chưa từng có.

Thổ tướng: thỏa mãn giành được sự độc tôn của mình.

Mộc hưu: bà không có lòng thương ai, cũng thấy không cần thiết mình phải quy thuộc vào tập đoàn nào. Bà muốn người khác quy thuộc mình, chỉ yêu bản thân mình. Cho nên bà không có nhu cầu giao tiếp.

Kim tử: bà không có lòng thương, cũng không quản đến sau khi thất bại sẽ ra sao, hay nói cách khác bà không sợ chết. Cho dù chết bà cũng nguyện không vứt bỏ cơ hội này để thực hiện dã tâm.

Hai ví dụ trên chứng tỏ những hiện tượng đã bị người đời bỏ qua: đó là trong một thời gian nào đó, nhu cầu ngũ hành của con người sẽ cấu thành những kết cấu khác nhau. Căn cứ cường độ của nhu cầu tâm lý, ta phân biệt thành:

Mạnh —> mạnh vừa —> bình thường —> yếu —> cực yếu

Năm loại trạng thái của nhu cầu ngũ hành nhắc nhở chúng ta những mức độ thích ứng đối với hoàn cảnh,

Nhu cầu là sản vật của con người thích ứng với sự tồn tại và tiến hoá. Nhu cầu trong bậc thang sinh mệnh đóng vai trò hạt nhân. Sự cân bằng của nhu cầu là tiêu chí biểu thị mức độ thành thực và trình độ sức khoẻ của một người. Bệnh tật và không thành thực đều do sự mất cân bằng quá đáng tạo thành.

Các tiên triết Trung Quốc cổ rất coi trọng sự tu dưỡng, tức là muốn đạt được trạng thái cân bằng trong nội tâm, khiến cho nhu cầu và tính tình của mình luôn giữ ở trạng thái thích đáng để đạt được tâm và thân khoẻ mạnh. Khi một nhu cầu nào đó ở trạng thái quá mức có thể dùng nhu cầu tương ứng để điều chỉnh, khiến cho nó trở lại bình thường. Bên trong điều chỉnh cho nội tâm cân bằng, bên ngoài hài hòa với tự nhiên và xã hội để trong sự cân bằng động luôn luôn đạt được mạnh khoẻ và trường thọ.

### ▲ Tứ thời với nhu cầu ngũ hành

Trên đây chúng ta đã từ góc độ bên trong để bàn về năm trạng thái phát triển của bản thân ngũ hành. Bây giờ ta từ góc độ bên ngoài tức là từ tứ thời để bàn về năm trạng thái phát triển của ngũ hành.

Nhận thức của các tiên triết Trung Quốc cổ đối với ngũ hành luôn luôn gắn chặt với bốn mùa. Đó cũng là thể hiện tư tưởng tương ứng với thiên thời. Thời gian là toạ độ ngang của sự phát triển của vạn sự, vạn vật, còn không gian là toạ độ dọc.

Bảng dưới đây biểu diễn trạng thái phát triển theo toạ độ thời gian của ngũ hành.

Ngũ hành	Mộc	Hoả	Thổ	Kim	Thủy
Tứ thời					
Xuân	Vượng	Tướng	Tử	Tù	Hưu
Hạ	Hưu	Vượng	Tướng	Tử	Tù

Thu	Tử	Tù	Hưu	Vượng	Tướng
Đông	Tướng	Tử	Tù	Hưu	Vượng
Cuối mỗi quý	Tù	Hưu	Vượng	Tướng	Tử

Ngũ hành trong trạng thái phát triển của tứ thời là kết tinh sự nhận thức đối với tự nhiên của các tiên triết cổ. Ví dụ mộc vượng vào mùa xuân vì khi mùa xuân đến khí hậu chuyển ấm, cỏ cây phục hồi, bắt đầu sinh trưởng nở rộ. Mùa hạ mộc cực thịnh và cuối mùa bắt đầu suy, đến mùa thu gió thổi là rụng, cây cối bắt đầu thu tàng, do đó mộc bắt đầu rơi vào tử địa. Mùa đông tuyết và nước nhập vào đất lạnh để nuôi mầm sống mới. Cho nên năm sau mộc trở lại trạng thái vượng trở lại.

Cổ nhân thông qua biểu tượng của ngũ hành để khái quát trạng thái tứ thời và lấy những trạng thái này để tượng trưng cho mệnh vận và sức khỏe của con người. Khi phát triển điều đó lên, liệu chúng ta có thể lấy nó để tượng trưng cho nhu cầu tâm lý trong một năm của con người không?

Nếu câu trả lời là có thể được thì những điều nên và điều kiêng kỵ tứ thời của ngũ hành dưới đây sẽ giúp đỡ chúng ta rất nhiều.

Những điều nên và kiêng kỵ của mộc tứ thời

Mộc của mùa xuân còn có dư hàn, được hỏa làm cho ấm áp, không có bệnh tật, lại được thủy làm nhuận nên có sự đẹp đẽ, thoải mái. Song thủy nhiều thì mộc ẩm ướt, thủy thiếu thì mộc khô gầy, cho nên đòi hỏi thủy hỏa đều vừa đủ mới tốt. Nếu thổ nhiều thì mộc bị tổn thương, thổ mỏng thì có thể được. Nếu gặp kim nặng mà còn gặp hỏa thì mộc không bị tổn thương gì. Mộc mạnh mà gặp kim thì mới phát.

Mộc của mùa hạ thì rộ, cành, lá đều khô ráo, từ cong biến thành thẳng. Mừng gặp được thủy thịnh để tưới nhuận, kỵ gặp viêm hỏa đốt cháy. Nên gặp thổ mỏng, không nên thổ dày. Thổ dày là thực. Kiêng gặp kim nhiều, vì

kim nhiều thì mộc bị chế áp. Kim ít là được.

Mộc mùa thu hình thể dần dần điều linh, xơ xác. Đầu mùa thu hỏa khí đang nhiều, nếu gặp thủy thổ để tư dưỡng thì tốt, giữa mùa thu cây đã kết quả, gặp được kim để thu liễm thì tốt. Sau sương giáng không nên thủy thịnh, thủy thịnh thì mộc bị trôi nổi. Trước hàn lộ nên hỏa thịnh, hỏa thịnh thì mộc chắc, chất gỗ đẹp. Thổ nhiều thì mộc khó phát triển.

Mộc mùa đông mầm đang nằm trong đất, vì vậy cần có thổ nhiều để bồi dưỡng, sợ nhất là thủy nhiều. Vào mùa đông kim nhiều thì cũng không làm cho mộc tổn thương, hỏa nhiều sưởi ấm là tốt. Đến cuối mùa đông là lúc chuẩn bị nảy mầm, nếu mộc bệnh thì không tốt, vì vậy kiêng gặp tử tuyệt mà nên gặp sinh vượng.

#### Những điều nên và kiêng kỵ của hỏa tứ thời

Hỏa mùa xuân, mẹ vượng con tướng, thế lực đều mạnh nhờ có mộc sinh phù, không nên quá vượng vì vượng quá thì hỏa mạnh. Nên có thủy kí tể nhưng không nên quá nhiều, vì thủy nhiều thì hỏa bị diệt. Thổ nhiều thì hỏa mờ. Hỏa thịnh thì hỏa lại càng bốc lên, lúc đó nếu gặp kim có thể phát triển tốt.

Hỏa mùa hạ thế lực mạnh nhất. Nếu gặp thủy chế ngự thì đỡ bị tự thiêu. Gặp mộc trợ giúp thế tất sẽ chết yểu. Nếu gặp kim thì phát đạt, gặp thổ cũng tốt. Song kim và thổ mà không có thủy thì kim sẽ bị đốt khô, thổ bị đốt cháy. Nếu hỏa thịnh thái quá thì dễ gặp nguy cơ.

Hỏa của mùa thu đã bắt đầu yếu, nếu được mộc sinh thì sẽ được hồi phục. Nếu gặp thủy khắc dễ bị dập tắt. Thổ nhiều sẽ làm cho hỏa tối, kim nhiều sẽ cướp mất lực của hỏa. Hỏa gặp hỏa thì sẽ sáng thêm, có lợi.

Hỏa mùa đông là ở tuyệt địa. Nếu hỏa gặp hỏa thì tốt, gặp thủy khắc thì tai ương. Được thổ chế ngự là tốt. Nếu gặp kim thì khó phát tài, không có kim thì dễ gặp trắc trở.

#### Những điều nên và kiêng kỵ của thổ tứ thời

Thổ mùa xuân thế cô độc. Nên gặp hỏa sinh phù, kỵ gặp mộc khắc chế. Thổ gặp thổ là tốt, kỵ gặp thủy làm cho trôi dạt, thổ gặp kim chế mộc là tốt, nhưng kim nhiều lại cướp mất khí thổ.

Thổ mùa hạ tính rất táo, vì vậy nếu được thủy thịnh tư nhuận thì tốt. Nếu gặp vượng hỏa đốt cháy thì nguy hại. Mộc trợ hỏa mạnh sẽ đốt cháy thổ. Nếu gặp kim sinh thủy đầy đủ thì tài lộc dồi dào, nhưng kim quá nhiều thì dễ làm hại thổ.

Thổ mùa thu con vượng mẹ suy. Kim nhiều thì cướp mất khí của thổ, mộc thịnh thì thổ tốt.

Thổ mùa đông thì bề mặt lạnh, bên trong ấm. Gặp thủy vượng thì tài nhiều, gặp kim nhiều là phú quý. Gặp hỏa thịnh thì vinh quang, gặp mộc nhiều cũng tốt. Nếu thổ gặp thổ càng tốt, làm cho thân thể khỏe mạnh, trường thọ.

Những điều nên và kiêng kỵ của kim tứ thời

Kim mùa xuân hàn khí chưa hết, nếu gặp hỏa thì tốt. Thủy thịnh thì kim hàn cho nên có thủy cũng vô dụng. Mộc thịnh thì kim gãy. Kim gặp kim để trợ giúp là tốt.

Kim mùa hạ khí hàn chưa hết, vì vậy gặp hỏa thì tốt. Gặp kim phù trợ cũng tốt, gặp mộc thì không tốt. Thổ dày thì chôn vùi kim, thổ mỏng mới tốt.

Mùa thu là mùa kim nắm lệnh. Gặp hỏa để rèn thì kim sẽ thành chung đỉnh (chuông, vạc) có ích. Gặp thủy thì càng tốt, gặp mộc thì kim thể hiện được sức mạnh. Kim gặp kim càng cứng, nhưng cứng quá cũng dễ gãy.

Kim mùa đông hình hàn tính lạnh. Mộc nhiều thì kim bị khắc, thủy nhiều thì kim bị chìm. Thổ nhiều chế thủy cho nên kim không bị hàn lạnh.

Những điều nên và kiêng kỵ của thủy tứ thời

Thủy mùa xuân ướt đầm dề, nếu gặp thổ chế ngự thì thủy không gây hại. Nếu thủy gặp thủy thì sợ vỡ đê. Gặp kim thì thủy được sinh phù nhưng không nên kim mạnh quá. Nên gặp hỏa để thủy hỏa đầy đủ, nhưng cũng không nên hỏa vượng.

Gặp mộc thì tốt.

Thủy mùa hạ ngoài thực trong hư, nên gặp thủy thì tốt. Nếu được kim sinh phù cũng tốt. Kỵ gặp hỏa vượng. Mộc thịnh thì làm hao tổn khí của

thủy, thổ thịnh cũng khắc chế thủy.

Thủy mùa thu mẹ vượng con tướng, được kim trợ giúp thì thủy trong, gặp thổ vượng thì thủy đục. Gặp hỏa và kim thì may mắn về của cải, nhưng hỏa và kim không nên thái quá. Mộc nhiều thì tốt, trung hòa là quý. Thủy nhiều thì sợ có nạn đầy tràn. Thổ nhiều là tượng thanh bình.

Thủy mùa đông là thủy nắm quyền. Gặp hỏa để trừ hàn là tốt, gặp thổ thì thủy bị thu lại. Gặp kim thì ý nghĩa không lớn. Mộc thịnh thì tốt. Khi thủy yếu quá gặp được kim sinh trợ thì thủy sẽ mạnh lên.